

**HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

---



**LỊCH SỬ**  
**PHONG TRÀO NÔNG DÂN**  
**VÀ HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**(GIAI ĐOẠN 1930 - 2015)**

**Thái Nguyên – 2018**

**Chỉ đạo nội dung**  
**BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**BAN CHỈ ĐẠO**

*(Quyết định số 522-QĐ/HNĐT ngày 06/11/2017 của  
Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên)*

1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Trưởng ban.
2. Ông Dương Văn Tuyên, Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Phó Trưởng ban Thường trực.
3. Ông Ma Doãn Hùng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Phó Trưởng ban.
4. Ông Trần Văn Nguyên, Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Phó Trưởng ban.
5. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Trưởng Ban Tuyên huấn Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Ủy viên.
6. Ông Nguyễn Minh Hưng, Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Ủy viên.
7. Ông Triệu Thanh Bình - Trưởng Ban Tổ chức Kiểm tra Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Ủy viên.
8. Bà Vũ Thị Kim Oanh - Chánh Văn phòng Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Ủy viên.
9. Ông Lê Đàm Ngọc - Phó ban Điều hành quỹ HTND Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên - Ủy viên.

**TỔ BIÊN SOẠN**

*(Quyết định số 567-QĐ/HNĐT ngày 21/12/2017 của Ban chấp hành Hội Nông dân  
tỉnh Thái Nguyên)*

1. Tiến sĩ Ngô Thị Lan Anh – Tổ trưởng Tổ biên soạn; Chủ biên
2. Tiến sĩ Triệu Đức Hạnh – Tổ viên
3. Thạc sĩ Nguyễn Thị Mão – Tổ viên

## LỜI GIỚI THIỆU

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc ta, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nói chung và giai cấp nông dân nói riêng đã có những đóng góp to lớn và quan trọng vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước.

Với truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động, đoàn kết anh dũng trong đấu tranh chống áp bức bóc lột và xâm lược của ngoại bang, giai cấp nông dân Thái Nguyên đã không ngừng trưởng thành, lớn mạnh.

Hội nghị tháng 10 – 1930, Đảng ta đã ra nghị quyết thành lập Tổng Nông hội Đông Dương dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng. Tuy nhiên, ở Thái Nguyên đến cuối năm 1930 các tổ chức của nông dân như Nông hội đỏ, Hội Nông dân phần đế chưa xuất hiện. Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng được thành lập ở các xã La Bằng (Đại Từ), Phú Thượng (Võ Nai)... và sự ảnh hưởng phong trào đấu tranh của nông dân các vùng lân cận, những cuộc đấu tranh của nông dân tỉnh Thái Nguyên diễn ra phong phú, linh hoạt, từ đấu tranh đòi những quyền lợi kinh tế cụ thể đến đấu tranh đòi cải thiện dân sinh, dân chủ, tự do.

Tháng 5/1941, Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về đoàn kết toàn dân tộc, xác định: *Nông hội từ nay gọi là Việt Nam Nông dân cứu quốc hội (Hội Nông dân cứu quốc) với tôn chỉ mục đích là liên hiệp hết thảy các hạng nông dân yêu nước để bênh vực quyền lợi hằng ngày cho nông dân và cùng với các đoàn thể khác chuẩn bị đánh Pháp, đuổi Nhật giành độc lập cho nước Việt Nam.* Tuy nhiên, đến tháng 10/1948, Hội mới có tổ chức thống nhất từ tỉnh xuống cơ sở. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và Hội Nông dân cứu quốc, giai cấp nông dân Thái Nguyên đã có những đóng góp to lớn về công sức, trí tuệ và cả xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập, thống nhất nước nhà.

Để giai cấp nông dân trong cả nước có một tổ chức thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, ngày 27/9/1979 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 78 – CT/TW về việc tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam (hiện nay là Hội Nông dân Việt Nam). Theo đó, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái được thành lập và tiến hành tổ chức thành công Hội nghị đại biểu Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái (nay là Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên) lần đầu tiên (ngày 27 – 28/5/1980). Đến tháng

5/1984 Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất được tổ chức. Cho đến nay, Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên đã trải qua tám kỳ đại hội; khẳng định được vị trí, vai trò to lớn của Hội trong việc lãnh đạo giai cấp nông dân Thái Nguyên phát huy tinh thần sáng tạo, tự lực, tự cường, từng bước thay đổi nếp làm ăn cũ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, áp dụng cải tiến khoa học - kĩ thuật, “xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chân chính”, góp phần xây dựng tỉnh Thái Nguyên ngày càng giàu đẹp.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Tỉnh ủy Thái Nguyên, Hội Nông dân tỉnh tổ chức nghiên cứu, biên soạn *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên (1930 – 2015)* để tái hiện lại bức tranh lịch sử phong phú, sinh động của phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Qua đó, góp phần tôn vinh và ghi nhận phong trào yêu nước, cách mạng của nông dân tỉnh, các thế hệ cán bộ của Hội đã không quản gian khổ phát triển phong trào Hội lớn mạnh.

*Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên (1930 – 2015)* giúp người đọc rút ra những điều bổ ích trong lĩnh vực xây dựng phong trào nông dân, tổ chức Hội. Những bài học kinh nghiệm có ý nghĩa gợi mở phương hướng nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động của Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên trong những giai đoạn tiếp theo.

Quá trình biên soạn cuốn lịch sử, chúng tôi nhận được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh, sự đóng góp của các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên là lãnh đạo Hội Nông dân tỉnh qua các thời kì, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và một số ngành có liên quan đến phong trào nông dân và tổ chức Hội, đã cung cấp nhiều tư liệu quý báu, giúp chúng tôi hoàn thành cuốn lịch sử này.

Mặc dù, đã có nhiều cố gắng trong sưu tầm tài liệu, biên soạn, biên tập, song chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi những thiếu sót. Ban Biên soạn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn lịch sử được hoàn chỉnh, đầy đủ khi có dịp tái bản.

*Thái Nguyên, tháng 9 năm 2019*

**BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

## MỞ ĐẦU

# THÁI NGUYÊN: QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

### I. Khái quát về tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, có diện tích tự nhiên là 3.562,82km<sup>2</sup>; nằm trong tọa độ địa lí từ 21<sup>0</sup>19' đến 22<sup>0</sup>03' vĩ Bắc và 105<sup>0</sup>29' đến 106<sup>0</sup>15' kinh Đông. Phía bắc tỉnh Thái Nguyên giáp tỉnh Bắc Kạn; phía đông bắc giáp tỉnh Lạng Sơn; phía đông nam giáp tỉnh Bắc Giang; phía nam giáp Thủ đô Hà Nội; phía tây giáp tỉnh Tuyên Quang, phía tây nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc. Tỉnh Thái Nguyên gồm có 9 đơn vị hành chính trực thuộc (thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên, các huyện: Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Bình), với 180 xã, phường, thị trấn (32 phường, 9 thị trấn, 139 xã), trong đó có 122 xã, thị trấn thuộc khu vực miền núi, vùng cao <sup>(1)</sup>.

Thái Nguyên có vị trí rất thuận lợi về giao thông, cách sân bay quốc tế nội bài 50km, cách biên giới Trung Quốc 200km, cách trung tâm Hà Nội 75km và cảng Hải Phòng 200km. Thái Nguyên còn là điểm nút giao lưu thông qua hệ thống đường bộ, đường sắt, đường sông hình rẽ quạt kết nối với các tỉnh thành, đường quốc lộ 3 nối Hà Nội đi Bắc Kạn; Cao Bằng và cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc; quốc lộ 1B Lạng Sơn; quốc lộ 37 Bắc Ninh, Bắc Giang. Hệ thống đường sông Đa Phúc - Hải Phòng; đường sắt Thái Nguyên – Hà Nội - Lạng Sơn.

Với vị trí này, Thái Nguyên trở thành miền đất nối giữa vùng rừng núi Việt Bắc với đồng bằng châu thổ sông Hồng, là cửa ngõ bảo vệ Kinh đô Thăng Long, Đông Đô xưa và Thủ đô Hà Nội ngày nay.

Trải qua các thời kì lịch sử, tỉnh Thái Nguyên có nhiều tên gọi và địa giới hành chính khác nhau.

Theo sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, thời các vua Hùng, nước ta được chia làm 15 bộ, Thái Nguyên thuộc về bộ Vũ Định. Thời nhà Hán đô hộ, đất Thái Nguyên thuộc huyện Long Biên, sau là huyện Tây Vu thuộc quận Giao Chỉ.

Dưới triều Đinh, Tiền Lê, Thái Nguyên là một châu. Đầu năm 1226, nhà Trần đổi châu thành lộ, vùng đất Thái Nguyên thuộc Như Nguyệt Giang lộ. Năm 1397, năm Quang Thái thứ 10, nhà Trần đổi châu Thái Nguyên thành trấn Thái Nguyên. Theo

---

<sup>(1)</sup> Theo Quyết định số 42/UB-QĐ, ngày 23/5/1997 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc và miền núi – Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

sách *Hoàng Minh thực lục*, đến năm 1407, dưới thời thuộc Minh, trấn Thái Nguyên đổi thành châu Thái Nguyên. Năm Vĩnh Lạc thứ 6 (1408), đổi thành phủ Thái Nguyên, gồm 11 huyện: Phú Lương, Tư Nông, Vũ Lễ, Đông Hi, Vĩnh Thông, Tuyên Hóa, Lộng Thạch, Đại Từ, Yên Định, Cẩm Hóa, Thái Nguyên. Năm 1426, phủ Thái Nguyên đổi thành Thái Nguyên Thừa Chính ty gồm 3 phủ: Thái Nguyên, Phú Bình, Thông Hóa<sup>(2)</sup>.

Đến triều đại nhà Lê Sơ, năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Lê Thái Tổ chia nước ta thành 5 đạo, phủ Thái Nguyên thuộc Bắc Đạo. Vào năm Quang Thuận thứ 7 (1466) thời Lê Thánh Tông định lại bản đồ, chia nước ta thành 12 đạo thừa tuyên, Thái Nguyên được đặt là thừa tuyên Thái Nguyên, gồm 3 phủ: Phú Bình, Thông Hóa, Cao Bằng. Năm Hồng Đức thứ 4 (1473), thừa tuyên Ninh Sóc đổi lại thành thừa tuyên xứ Thái Nguyên. Trong thời Lê Trung Hưng (1533 – 1788), Thái Nguyên đổi thành trấn. Năm 1677, triều đình Lê – Trịnh tiêu diệt nhà Mạc tại Cao Bằng, đặt Cao Bằng thành một phủ riêng. Thừa tuyên xứ Thái Nguyên lúc này chỉ còn hai phủ là Phú Bình và Thông Hóa, bao gồm phần đất tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn và một phần tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay<sup>(3)</sup>.

Dưới thời Nguyễn Gia Long, Thái Nguyên thuộc tổng trấn Bắc Thành. Vào năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đất nước được chia đặt tỉnh hạt, trấn Thái Nguyên trở thành tỉnh Thái Nguyên. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), nhà Nguyễn tách châu Định Hóa và ba huyện Văn Lãng, Đại Từ, Phú Lương khỏi phủ Phú Bình để đặt thêm phủ Tông Hóa. Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, vào gần cuối thế kỷ XIX (1886 – 1888), tỉnh Thái Nguyên gồm 3 phủ: Phú Bình, Tông Hóa và Thông Hóa.

Dưới thời Pháp thuộc, từ năm 1890, để dễ bề cai trị và đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân ta, thực dân Pháp đã tiến hành nhiều cuộc chia tách tỉnh. Năm 1890, chúng cắt huyện Bình Xuyên khỏi tỉnh Thái Nguyên sang đạo Vĩnh Yên và thực thi chế độ quân quản. Năm 1891, chúng cắt phần phía đông huyện Võ Nhai để thành lập châu Vũ Lễ (nay là huyện Bắc Sơn của tỉnh Lạng Sơn). Thực dân Pháp lấy phủ Tông Hóa, phủ Phú Bình và một số địa hạt thuộc Lục Nam, Bắc Ninh để thành lập Tiểu quân khu Thái Nguyên. Cũng trong năm 1891, thực dân Pháp tách châu Bạch Thông khỏi tỉnh Thái Nguyên nhập với Lạng Sơn để thành lập tiểu quân khu Lạng Sơn. Từ

---

<sup>(2)</sup> *Từ điển Thái Nguyên*, Nxb Văn học, tr. 798, Hà Nội 2016.

<sup>(3)</sup> *Từ điển Thái Nguyên*, Nxb Văn học, tr. 801, Hà Nội 2016.

tháng 9/1891 đến tháng 9/1892, tinh dân sự Thái Nguyên không tồn tại. Các phủ, huyện, châu của tỉnh được đặt dưới sự cai trị của chính quyền quân sự<sup>(4)</sup>.

Tháng 10/1892, thực dân Pháp lập lại tinh dân sự Thái Nguyên gồm 3 phủ: Phú Bình, Tông Hóa, Thông Hóa. Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn, bao gồm toàn bộ phủ Thông Hóa của tỉnh Thái Nguyên với 4 châu (sau đổi làm huyện) là Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã. Năm 1913 có thêm châu Chợ Đồn<sup>(5)</sup>. Năm 1922, huyện Văn Lãng sáp nhập với huyện Đại Từ thành huyện Đại Từ.

Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên cùng với các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn trở thành trung tâm căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc – Thủ đô kháng chiến của cả nước. Xuất phát từ yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quyết định số 103 hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái gồm: 14 đơn vị hành chính cấp huyện với số dân là 531.690 người.

Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10 đã ra Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, từ ngày 1/1/1997 Bắc Thái được tách thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Tỉnh Thái Nguyên khi tách ra có 1 thành phố (Thái Nguyên), 1 thị xã (Sông Công) và 7 huyện: Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phú Lương, Đại Từ, Định Hóa. Dân số toàn tỉnh thời điểm này có 1.049.000 người. Tính đến năm 2016, dân số tỉnh Thái Nguyên là 1.227.400 người, trong đó nam có 602.700 người và nữ là 624.700 người. Tổng dân số đô thị là 421.100 người (34,31%) và tổng dân cư nông thôn là 806.300 người (65,69%).

Địa hình Thái Nguyên chia làm ba vùng. Vùng núi phía Tây và Tây Bắc tỉnh gồm các huyện Đại Từ, Định Hóa, các xã phía Tây huyện Phú Lương, Tây Bắc huyện Đồng Hỷ. Vùng này chủ yếu là đồi núi thấp chạy theo hướng tây bắc – đông nam, thấp dần từ bắc xuống nam. Xen kẽ giữa các đồi núi là những cánh đồng nhỏ hẹp trải dài theo các thung lũng. Vùng núi phía Đông gồm các xã phía Đông Bắc huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai, địa hình phức tạp, hiểm trở với những dãy núi đá vôi đồ sộ, được chia cắt bởi các sông, suối nhỏ, tạo thành những thung lũng, cánh đồng hẹp và dài. Vùng trung du gồm các xã phía Nam huyện Phú Lương, Tây Nam huyện Đồng Hỷ, thành

---

<sup>(4)</sup> *Từ điển Thái Nguyên*, Nxb Văn học, tr. 801, Hà Nội 2016

<sup>(5)</sup> Chính quyền thực dân Pháp đã điều chỉnh một số vùng đất các châu Bạch Thông, Chợ Rã và châu Định Hóa (Thái Nguyên) để thành lập châu Chợ Đồn.

phố Thái Nguyên, các huyện Phở Yên, Phú Bình. Địa hình ở đây gồm những dải đồi hình bát úp, xen kẽ những cánh đồng tương đối rộng <sup>(6)</sup>.

Với địa hình phong phú và đa dạng, từ vùng đồng bằng đến các vùng đồi núi thấp xen kẽ, đã tạo thuận lợi cho tỉnh Thái Nguyên phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng các công trình công nghiệp.

Lượng mưa trung bình năm ở Thái Nguyên đạt khoảng 1.600 – 1.900 mm. Tuy nhiên, khí hậu nhiệt đới cũng tạo nên sự khắc nghiệt như bão, lũ, hạn hán, sâu bệnh, ngập úng... có ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển cây trồng, gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp của nhân dân trong tỉnh.

Yếu tố địa hình của Thái Nguyên cũng là một trong những nhân tố tạo nên sự phân hóa khí hậu Thái Nguyên thành ba vùng khá rõ nét: phía tây nóng và mưa nhiều; phía đông lạnh và mưa ít; phía nam thấp khí hậu có tính chất trung gian chuyển tiếp giữa phía đông và phía tây, giữa các tỉnh miền núi Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 22 - 23<sup>0</sup>C. Các vùng đồi núi cao khoảng 600 m, nền nhiệt giảm xuống 20<sup>0</sup>C và từ 900 – 1.000 m trở lên, nhiệt độ trung bình năm chỉ còn 18<sup>0</sup>C trở xuống. Mùa đông nhiệt độ thấp lại có sự dao động mạnh mẽ, vì thế đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở vùng thấp như thành phố Thái Nguyên, Phú Bình, Phở Yên.

Thái Nguyên là tỉnh có nhiều sông, suối. Lớn nhất là sông Cầu và sông Công. Sông Cầu bắt nguồn từ huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn. Đoạn trên địa phận tỉnh Thái Nguyên sông Cầu chảy theo hướng bắc - nam qua các huyện Phú Lương, Võ Nhai, thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Bình và Phở Yên, tạo nên trục đối xứng cả về lãnh thổ và địa hình, hướng dốc; lưu lượng dòng chảy trung bình khoảng 135m<sup>3</sup>/giây.

Sông Công bắt nguồn từ các dãy núi phía tây nam huyện Định Hoá, chảy theo hướng bắc - nam, qua huyện Đại Từ, thành phố Thái Nguyên, xuống huyện Phở Yên, hợp lưu với sông Cầu tại xã Thuận Thành (huyện Phở Yên) rồi chảy sang tỉnh Bắc Giang. Trên sông Công có hồ Núi Cốc, là hồ nhân tạo lớn nhất tỉnh. Hồ có diện tích 2.500ha, trong đó diện tích mặt nước là 769ha, độ sâu trung bình 23m, với dung tích 175 triệu mét khối nước, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước tưới tiêu cho

---

<sup>(6)</sup> Lịch sử ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên (1954 – 2010), Tr.7-8, Năm 2011.



vùng hữu ngạn sông Cầu thuộc thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công (hiện nay là Thành phố Sông Công) và huyện Phổ Yên <sup>(7)</sup>.

Các sông, suối Thái Nguyên hằng năm cũng cung cấp cho đồng ruộng ven sông một khối lượng phù sa lớn làm cho đất đai thêm phì nhiêu, màu mỡ, giữ được độ ẩm quanh năm, thuận lợi cho việc người dân gieo trồng các cây lương thực, hoa màu.

Do đặc điểm địa hình tự nhiên, Thái Nguyên vừa miền núi, vừa trung du, nên tiềm năng đất đai rất đa dạng bao gồm: đất nông nghiệp, đất công nghiệp, đất rừng và tài nguyên khoáng sản. Tổng quỹ đất 356.282ha, đất đã sử dụng là 246.513ha (chiếm 69,22% diện tích đất tự nhiên) và đất chưa sử dụng là 109.669ha (chiếm 30,78% diện tích tự nhiên). Trong đất chưa sử dụng có 1.714ha đất có khả năng sản xuất nông nghiệp và 41.250ha đất có khả năng sản xuất lâm nghiệp.

Đất đai ở Thái Nguyên được chia làm 3 loại chính (đất núi, đất đồi và đất ruộng): trong đó, đất núi chiếm diện tích lớn nhất (48,4%), độ cao trên 200m, tạo điều kiện cho phát triển lâm nghiệp, trồng rừng, cây đặc sản...; đất đồi chiếm 31,4%, độ cao từ 150 – 200m, phù hợp với cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm và đất ruộng chiếm 12,4%. Đất ruộng là đất canh tác chủ yếu hiện nay của tỉnh. Đất ruộng có nguồn gốc từ đất Feralit, đất đá vôi hoặc đất phù sa của các sông Cầu, sông Công, sông Chợ Chu... Đất ruộng lúa có đặc điểm chung là tầng canh tác dày 20 – 30cm, dưới tầng canh tác là tầng đế cày gồm những hạt sét mịn, có tác dụng hạn chế nước thấm sâu. Hiện nay, với kỹ thuật canh tác mới, cùng với hệ thống thủy lợi hợp lý, phân bón thân thiện với môi trường nên loại đất này ngày càng phì nhiêu tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp <sup>(8)</sup>.

Nằm trong vùng sinh khoáng Đông Bắc Việt Nam, thuộc vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương, Thái Nguyên còn có nguồn tài nguyên khoáng sản rất phong phú, hiện có khoảng 34 loại hình khoáng sản phân bố tập trung ở các vùng lớn như: Đại Từ, thành phố Thái Nguyên, Trại Cau (Đông Hỷ), Thần Sa (Võ Nhai)... <sup>(9)</sup>.

Thái Nguyên cũng có rất nhiều mỏ khoáng sản: mỏ vàng ở Võ Nhai; sắt ở Phổ Yên, Đông Hỷ, Phú Lương; than gỗ ở Đông Hỷ; bạc, đồng, chì, vàng ở huyện Định Hóa... các nguồn khoáng sản của tỉnh đã và đang được khai thác cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp luyện kim, luyện kim màu và cho xuất khẩu.

---

<sup>(7)</sup> Báo cáo tổng kết thi công công trình Hồ Núi Cốc, Bộ Thủy Lợi, UBND tỉnh Bắc Thái tháng 9/1985.

<sup>(8)</sup> *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.

<sup>(9)</sup> *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.

Thái Nguyên có khoảng 153.300ha đất lâm nghiệp. Rừng ở Thái Nguyên chủ yếu là rừng trung bình, rừng nghèo kiệt với các loại gỗ thuộc nhóm 5 - 8, đường kính nhỏ, các loại vầu, nứa và lâm sản, dược liệu<sup>(10)</sup>.

Thái Nguyên còn được biết đến là vùng chè nổi tiếng. Chè được xem là cây xóa đói, giảm nghèo và làm giàu của nông dân Thái Nguyên. Tính đến hết năm 2014, tổng diện tích chè toàn tỉnh là hơn 20.700ha, trong đó diện tích chè cho sản phẩm là 17.618ha với năng suất bình quân đạt 109,4 tạ/ha; diện tích chè trồng mới và trồng lại trên 1.700ha<sup>(11)</sup>. Với các vùng chè nổi tiếng như: Chè Tân Cương, chè La Bằng, chè Trại Cài... hàng năm, tỉnh tổ chức trồng mới và trồng lại bình quân 1000 ha/năm bằng các giống chè mới có năng suất, chất lượng cao. Để đảm bảo chất lượng chè nguyên liệu, tỉnh Thái Nguyên đã có chính sách hỗ trợ nông dân đầu tư thâm canh trong đó có áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP).

Từ năm 2009, mô hình đầu tiên sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP đã được thực hiện ở xã Hòa Bình (Đông Hỷ), sau đó tiếp tục được triển khai tại nhiều địa phương. Hiện nay, toàn tỉnh có 15 mô hình chè VietGAP ở các huyện Đại Từ, Đông Hỷ, Định Hóa, Võ Nhai, Phổ Yên, Phú Lương và thành phố Thái Nguyên, với tổng diện tích khoảng 200ha. Đây cũng là một trong những lợi thế để thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

Thái Nguyên còn được biết đến là một trong những trung tâm giáo dục – đào tạo lớn của cả nước với 9 trường đại học, 23 trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, 52 cơ sở dạy nghề nghề, đã và đang góp phần quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng và cung cấp lực lượng trí thức, cán bộ khoa học – kĩ thuật, công nhân lành nghề cho tỉnh và các tỉnh phía Bắc.

Với vị trí quan trọng về địa chính trị, địa kinh tế, qua các thời kì xây dựng và phát triển, Thái Nguyên đã trở thành một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của vùng Việt Bắc. Với địa hình chủ yếu là đồi, núi, điều kiện tự nhiên đa dạng, phong phú đã mang lại những thuận lợi cho nông dân Thái Nguyên thực hiện canh tác nông, lâm nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội.

---

<sup>(10)</sup> *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2009.

<sup>(11)</sup> Số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thái Nguyên về diện tích trồng chè trên toàn tỉnh Thái Nguyên năm 2014.

## II. Con người và truyền thống

Từ thời Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (thế kỷ II trước Công nguyên), cư dân Thái Nguyên chủ yếu là người Việt cổ từ các bộ lạc đồng bằng di cư lên, đa phần sống bằng nghề nông, chủ yếu làm nương rẫy, trồng lúa.

Theo sách *Đồng Khánh địa dư chí*, tỉnh Thái Nguyên cho đến đời Đồng Khánh, các huyện Động Hỉ, Tư Nông, Phổ Yên, Bình Xuyên, Phú Lương, Đại Từ, ở vùng hạ du người Kinh, người Thổ (Tày), người Mán ở xen nhau. Người Kinh khá nhiều, rải rác có người biết chữ. Còn nghề nghiệp thì làm ruộng, hoặc vào rừng đốn gỗ, hoặc thả lưới bắt cá, hoặc săn bắn thú rừng<sup>(12)</sup>. Theo cách ghi chép của sách *Đồng Khánh địa dư chí* cho thấy, sự phân bố dân cư của tỉnh Thái Nguyên có sự đan xen của nhiều dân tộc chủ yếu là người Kinh, người Thổ (Tày) và người Mán. Nghề chính của người dân Thái Nguyên chủ yếu là sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước và làm nương rẫy.

Trong quá trình lao động sản xuất và chế ngự thiên nhiên, các dân tộc Thái Nguyên luôn thể hiện đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo. Từ xa xưa, người dân Thái Nguyên đã biết khai phá đất đai thành nương rẫy, đồng ruộng; biết chế tạo ra các công cụ lao động như dao, cuốc, liềm, lưỡi hái, rìu... để phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ vào các di chỉ khảo cổ ở xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, các nhà khảo cổ học đã tìm được dấu tích của con người sống cách đây khoảng 40.000 năm với hàng vạn công cụ đá thô sơ như rìu tay, nạo đá, mảnh tước, công cụ chặt hình nùm cuội, công cụ chặt rìu, công cụ chặt hai lưỡi, công cụ hình sừng bò...

Ngoài kĩ thuật làm ruộng nước như biết làm cọn đưa nước từ dưới sông suối lên các cánh đồng; biết be bờ, đắp đập, đào mương, phai dẫn nước vào ruộng phục vụ gieo trồng; nhân dân các dân tộc Thái Nguyên còn có kinh nghiệm trong việc chọn đất, chọn rừng để phát nương, làm rẫy, trồng tía cây, bắp theo mùa vụ phù hợp và đạt hiệu quả. Việc trồng cây, xen canh, lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi đem lại giá trị kinh tế cao cũng được nhân dân Thái Nguyên tiến hành và duy trì từ thời xa xưa.

Với trên 70% dân số Thái Nguyên sống ở khu vực nông thôn (trước năm 1980)<sup>(13)</sup>, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, họ không chỉ tạo ra những giá trị về vật chất và tinh thần to lớn mà còn có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Thái Nguyên trong quá khứ cũng như hiện tại.

---

<sup>(12)</sup> *Đồng Khánh Địa Dư Chí*, tỉnh Thái Nguyên (1886 – 1888).

<sup>(13)</sup> Số liệu thống kê 1976 – 1982 tỉnh Bắc Thái, Chi cục Thống kê Bắc Thái, xuất bản năm 1983.

Nông dân Việt Nam nói chung và nông dân Thái Nguyên nói riêng rất giàu truyền thống yêu nước. Kể từ khi thực dân Pháp đặt chân xâm lược Thái Nguyên (1884), nông dân trong tỉnh đã nhiều lần đứng lên hoặc là khởi nghĩa chống quân xâm lược hoặc là nổi dậy chống lại chế độ phong kiến thối nát. Tiêu biểu cho truyền thống đó là hàng ngàn nông dân các huyện Phú Lương, Định Hóa,... từ năm 1888 đến năm 1890 đã trực tiếp cầm vũ khí ủng hộ, nuôi dưỡng nghĩa quân chống Pháp do Phùng Bá Chí, Mã Sinh Long chỉ huy.

Hưởng ứng phong trào chống Pháp, khi nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo từ Bắc Giang, tràn sang Thái Nguyên, nông dân các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Võ Nhai đã hăng hái tiếp lương thực, thực phẩm cung cấp sức người, sức của cho nghĩa quân. Trong những tháng đầu năm 1896 trên địa bàn các huyện Phổ Yên, Phú Bình đã diễn ra nhiều trận đánh ác liệt giữa nghĩa quân Yên Thế và giặc Pháp.

Cuối năm 1892, ông Cai Bát đã cùng binh lính đồn Hùng Sơn (Đại Từ) làm binh biến, kêu gọi nông dân, binh sĩ cùng ông đứng lên đánh Pháp. Tiếng súng kháng Pháp của nghĩa quân đã lan ra ba tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên trong bốn năm.

Đầu năm 1896, dưới sự lãnh đạo của Đề Đình nhân dân các huyện Đại Từ đã ủng hộ, giúp đỡ và tham gia cùng nghĩa quân Yên Thế, nông dân nhiều nơi trong huyện Phú Bình tự xây dựng xóm làng thành đồn, thành lũy, thành chiến địa tiêu diệt địch.

Sau khi dập tắt các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta, thực dân Pháp đã ráo riết xây dựng bộ máy đàn áp, cai trị. Vào cuối năm 1904 đầu năm 1905, tỉnh Thái Nguyên bị chia thành 7 huyện, 1 châu, 51 tổng và 199 làng. Cho đến đầu những năm 20 của thế kỷ XX, tỉnh Thái Nguyên được chia thành: 2 phủ, 3 huyện, 3 châu và 51 tổng, gồm 227 làng, bản. Năm 1922, Châu Văn Lãng bị sáp nhập vào huyện Đại Từ. Vì vậy, cho tới trước Cách mạng Tháng Tám, Thái Nguyên gồm 2 phủ, 3 huyện và 2 châu.

Theo tinh thần Hiệp ước 1884, bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Thái Nguyên được thiết lập bao gồm hai ngạch: các viên chức Pháp và quan lại người Việt<sup>(14)</sup> với mục đích để tiến hành khai thác thuộc địa, bóc lột nhân dân, vơ vét tài nguyên, khoáng sản. Bên cạnh bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy đàn áp với một lực lượng quân sự lớn được bố trí ở 37 đồn binh rải rác khắp tỉnh. Dưới ách thống trị của

---

<sup>(14)</sup> Trong hơn 60 năm (1884 – 1945), đã có 34 viên tướng, tá và quan chức dân sự lần lượt đứng đầu bộ máy cai trị của Pháp ở Thái Nguyên.

thực dân, phong kiến, đời sống của nhân dân trong tỉnh điêu đứng, khổ cực. Nhiều ruộng đất của nông dân bị cướp để lập đồn điền trồng lúa, cà phê, chè...

Chính sự áp bức, bóc lột nặng nề, nên những năm đầu thế kỷ XX, phong trào đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp ở Thái Nguyên vẫn được duy trì với sự tham gia của hàng ngàn nông dân trong tỉnh.

Đỉnh cao của phong trào đấu tranh chống Pháp ở Thái Nguyên thời gian này là cuộc khởi nghĩa của binh lính do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo nổ ra vào đêm 30 rạng ngày 31/8/1917. Cuộc khởi nghĩa đã thu hút được các tầng lớp nhân dân Thái Nguyên tham gia vào cuộc đấu tranh vũ trang quyết liệt chống lại chính quyền thực dân Pháp xâm lược. Các cứ liệu lịch sử cho thấy, có 312 người là nông dân trực tiếp tham gia vào đội ngũ nghĩa quân của cuộc khởi nghĩa.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp đã huy động lực lượng lớn binh sĩ để công kích vào tỉnh lỵ Thái Nguyên, đàn áp khởi nghĩa Thái Nguyên. Mặc dù đã chiến đấu rất anh dũng, song lực lượng của địch đông hơn nên nghĩa quân bị thương vong nhiều, Lương Ngọc Quyến hy sinh. Đến tháng 3/1918, toán quân cuối cùng tham gia khởi nghĩa nhiều người đã bị bắt.

Tuy thất bại, nhưng khởi nghĩa Thái Nguyên đã khẳng định tinh thần yêu nước, bất khuất của nhân dân Thái Nguyên, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp ở nước ta. Cuộc khởi nghĩa còn có sự đóng góp sức lực của những người nông dân, mặc dù họ buộc phải mặc áo lính của chính quyền thực dân; song, trừ một số cam tâm làm tay sai, còn không ít người vẫn mang trong mình truyền thống yêu nước, thương người, tình làng, nghĩa xóm của người nông dân Việt Nam, nên khi được thức tỉnh giác ngộ, có cơ hội, họ sẵn sàng đi theo cách mạng <sup>(15)</sup>.

Khởi nghĩa đã cổ vũ cho nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tiếp tục vững bước trên con đường đấu tranh chống quân xâm lược, giải phóng nhân dân khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân.

Là một tỉnh có nhiều rừng núi, mặc dù nông nghiệp là hoạt động kinh tế chủ yếu của dân cư Thái Nguyên nhưng dưới thời thực dân, nông nghiệp không phát triển. Trước Cách mạng Tháng Tám, ngoài bộ phận cũ là dân bản địa đã có mặt từ xa xưa sinh

---

<sup>(15)</sup> Trong số lính khố xanh phản chiến có người sau theo cách mạng, chẳng hạn như Chu Văn Yên (cai Yên, Quyền Yên) sinh năm 1891, tại xóm Cao Chùa, xã Yên Mỹ (Đại Từ), người tham gia đánh chiếm kho bạc, bị bắt, kết án trung thân đầy đi Côn Đảo, được trả tự do năm 1934, ông tham gia Cách mạng Tháng Tám 1945, vào Đảng CSĐD 1948, dẫn trong *Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại*, Thái Nguyên, NXB năm 1997, tr.291.

sống, làm ăn, có một bộ phận là dân phu được tuyển lên làm công trong các vùng mỏ hoặc các đồn điền của bọn chủ người Pháp và người Việt ở Thái Nguyên. Một bộ phận là đồng bào các tỉnh khác trong nhiều thế kỉ di cư tự nhiên đến sinh sống<sup>(16)</sup>.

Cho đến đầu thập kỉ 90 của thế kỉ XIX, thực dân Pháp đã căn bản hoàn thành việc bình định Thái Nguyên, mặc dù bộ máy thống trị các cấp chưa được thiết lập xong, nhưng thực dân Pháp đã tăng cường khai thác, cướp bóc các nguồn tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Năm 1887, gần 300ha ruộng đất của nông dân Phú Bình đã bị tên thực dân Bođam (Boisdam) cướp đoạt để lập đồn điền. Quá trình cướp đất, lập đồn điền diễn ra gay gắt vào những năm 90 của thế kỉ XIX và tiếp tục kéo dài cho tới khi Chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ (1939). Tính đến tháng 7/1898, anh em nhà điền chủ Ghiôm (Guillaume) đã cướp 7.596ha ruộng đất của nhân dân hai huyện Phú Bình, Phổ Yên (đọc hai bên Quốc lộ số 3) để lập đồn điền trồng lúa, cà phê, chè và trâu. Cùng thời gian này, tên thực dân Rây nô (Reynaud) cũng đã cướp 3.634ha ruộng đất của nhân dân các xã phía Tây huyện Phổ Yên để lập đồn điền trồng lúa, chè, cà phê, sả và chăn nuôi. Theo số liệu điều tra năm 1909, tại Thái Nguyên, riêng 14 tên điền chủ người Âu đã chiếm 36.500ha ruộng đất, chủ yếu để trồng lúa và cà phê<sup>(17)</sup>.

Tính đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Pháp đã lập ở Thái Nguyên 14 đồn điền lớn, 1 phần trồng các cây công nghiệp, phần lớn là trồng lúa. Tổng số diện tích đồn điền của Pháp ở Thái Nguyên lên tới 38.500ha. Gồm có các đồn điền như: Đồn điền KépLe diện tích là 1.650ha; đồn điền Becna Hiếu diện tích 1.200ha; đồn điền Commang diện tích là 209ha; đồn điền Jaillon diện tích là 3.694ha; đồn điền Đơcômay (Decomailles) diện tích 8.370ha. Tại đây, Pháp đã thu lợi nhuận từ việc bóc lột khai thác đồn điền theo cách phát canh thu tô cổ truyền của Việt Nam.

Cùng với cướp đoạt ruộng đất làm đồn điền, nạn sưu cao, thuế nặng của chủ nghĩa thực dân đặt ra cho người nông dân, khiến họ phải bán đi nguồn đất đai ít ỏi của mình để trang trải các chi phí. Điều này cũng dẫn đến quá trình bán cùng hóa của người nông dân ở Thái Nguyên.

Dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và phong kiến, nông dân Thái Nguyên đã bị dồn vào bước đường cùng, đó chính là nguyên nhân khiến họ tích cực

---

<sup>(16)</sup> Từ năm 1930 đến tháng 6/1938 có 9.327 người thuộc 15 tỉnh (Lạng Sơn, Thái Bình, Nam Định, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Đông, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Giang, Sơn Tây, Phúc Yên, Hải Dương, Hà Nội, Phú Thọ, Cao Bằng) di cư đến Thái Nguyên – Tài liệu thống kê của Pháp, Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

<sup>(17)</sup> *Lịch sử ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên (1954 – 2010)*, Tr.20 – 21, Năm 2011.

tham gia vào phong trào yêu nước, đặc biệt từ khi họ được giác ngộ và tổ chức lại dưới ngọn cờ tiên phong của giai cấp công nhân, sự lãnh đạo của Đảng để bước vào trận tuyến chống đế quốc phong kiến, giành độc lập tự do và quyền lợi ruộng đất, quyền lợi của những người lao động.

**CHƯƠNG I**  
**PHONG TRÀO NÔNG DÂN THÁI NGUYÊN**  
**VÀ NHỮNG TỔ CHỨC HỘI ĐẦU TIÊN**  
**(1930 -1945)**

**I. Trong những năm trước khi có tổ chức Đảng trên địa bàn (1930 – 1936)**

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (ngày 3/2/1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc), Đảng đã đưa cán bộ về các vùng nông thôn và nhà máy, xí nghiệp nhằm xây dựng chi bộ đảng, thành lập và phát triển các tổ chức quần chúng như nông hội, hội phụ nữ, hội cứu tế đỏ... làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh của nhân dân.

Tuy nhiên so với các địa phương khác, tình hình Thái Nguyên có nhiều khó khăn hơn. Sau khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, thực dân Pháp đã tăng cường bộ máy đàn áp và khống chế nhân dân trong toàn tỉnh. Mật thám Pháp giăng khắp nơi, nhất là các khu mỏ, đồn điền hoạt động ráo riết, chúng dò la, phát hiện và bắt bớ người lạ, ngăn chặn các hiện tượng chống đối khiến cho việc tuyên truyền, giác ngộ quần chúng của các tổ chức Đảng và đảng viên ở các tỉnh lân cận vào Thái Nguyên trong những năm 1929 – 1933 gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại. Vì vậy, trong suốt quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 – 1930) và nửa đầu những năm 30 của thế kỉ XX, Thái Nguyên vẫn chưa xây dựng được cơ sở cách mạng, cơ sở Đảng. Cuộc sống của các tầng lớp nhân dân mà chủ yếu là nông dân tiếp tục diễn ra trong cảnh đói rét, lầm than. Thuế khoá, phu phen, tạp dịch vẫn đè nặng lên mỗi kiếp người, mỗi gia đình.

Trước làn sóng đấu tranh của nông dân và quần chúng cách mạng trong cả nước, ở Thái Nguyên thực dân Pháp đã tiến hành trấn áp, bắt bớ một số nông dân mà chúng nghi là người cầm đầu. Tuy nhiên, hành động đó của chúng không thể uy hiếp và dập tắt phong trào đấu tranh của nông dân và các lực lượng cách mạng ở Thái Nguyên.

Ngày 14/10/1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã thông qua *Luận cương chính trị*. Luận cương khẳng định vai trò quan trọng của giai cấp nông dân trong cuộc cách mạng của Việt Nam do Đảng Cộng sản của giai cấp công nhân lãnh đạo: “Dân cày là hạng người chiếm đại đa số ở Đông Dương (hơn 90%), họ là một lực



lượng mạnh cho cách mạng tư sản dân quyền”<sup>(18)</sup>. Luận cương cũng chỉ rõ: “Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp có đứng đầu và cùng với quần chúng dân cày mà tranh đấu để bình vực quyền lợi hàng ngày cho dân cày và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để thì mới có thể giành quyền lãnh đạo dân cày được”<sup>(19)</sup>.

Hội nghị ra Nghị quyết về *Tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng*, trong đó nêu rõ nhiệm vụ: “Phải chinh đốn nông hội lại cho có hệ thống theo điều lệ mới và dự bị việc tổ chức Đông Dương Tổng Nông hội. Phải có tổ chức hội tự vệ của nông dân”<sup>(20)</sup>.

Hội nghị đã thông qua *Điều lệ Tổng Nông hội Đông Dương* gồm 8 điều, trong đó nêu rõ mục đích nhằm “thống nhất hết thảy Tổng Nông hội Đông Dương để tranh đấu bình vực quyền lợi hàng ngày của nông dân và thực hiện cách mạng thổ địa”.

Về tổ chức, Điều lệ nêu rõ: các nông hội phải lấy làng làm cơ sở, một làng là một nông hội. Hội nghị còn thông qua Điều lệ nông hội làng. Mục đích của nông hội làng là đoàn kết hết thảy bản và trung nông trong làng, liên hiệp với nông dân và công nhân các nơi trong nước đấu tranh chống áp bức, bóc lột, bình vực quyền lợi của nông dân và thực hiện cách mạng ruộng đất.

Nghị quyết về việc thành lập Tổng Nông hội Đông Dương tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 10/1930, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử giai cấp nông dân Việt Nam.

Mặc dù về danh nghĩa, Hội Nông dân Việt Nam chưa được thành lập theo một tổ chức thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, song các tổ chức nông hội ở các cấp liên tục được thành lập dưới hình thức Nông hội đỏ. Ở Thái Nguyên thời điểm này, Hội Nông dân (Nông hội đỏ) chưa được thành lập, song nông dân toàn tỉnh vẫn là lực lượng đông đảo, nòng cốt cách mạng tích cực tham gia và hưởng ứng các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai (3/1931) về việc cần đẩy mạnh việc tổ chức nông hội làng, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, nông dân Thái Nguyên đã đoàn kết với nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia vào các

---

<sup>(18)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, t.2, tr.97, Hà Nội 1998.

<sup>(19)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, t.2, tr.97.

<sup>(20)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, t.2, tr.115.

phong trào đấu tranh như chống thu thuế nặng, địa tô, bắt lính, chống cái lương lừa dối, chống chiến tranh...

Trong bối cảnh lịch sử ấy, đồng chí Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm quê ở Hà Nam để tránh địch khủng bố đã tạm lánh lên vùng Định Hóa (Thái Nguyên) tiếp tục hoạt động, tìm cách bắt liên lạc với cơ sở Đảng. Với tinh thần của người chiến sĩ cộng sản, các đồng chí vừa làm thuê kiếm sống, vừa đi sâu giác ngộ quần chúng trong đó có một bộ phận là những người nông dân ở Định Hóa. Chỉ trong hai năm (1931 – 1932) nhiều cơ sở trung kiên đã được gây dựng ở xã Bộc Nhiêu (Định Hóa).

Tuy nhiên, do thực dân Pháp tăng cường bộ máy đàn áp và khống chế gắt gao, khiến cho việc tuyên truyền, giác ngộ quần chúng của các tổ chức Đảng và đảng viên các tỉnh lân cận vào Thái Nguyên trong những năm từ 1929 – 1935 gặp nhiều khó khăn. Vì thế, nửa đầu những năm 30 của thế kỉ XX, Thái Nguyên vẫn chưa xây dựng được cơ sở Đảng, các tổ chức như Nông hội đỏ, Hội Nông dân phản đế cũng chưa xuất hiện. Đời sống của người nông dân vẫn trong tình cảnh bần hàn, lầm than.

## **II. Trong những năm đòi các quyền dân sinh, dân chủ (1936 – 1939)**

Hội nghị Trung ương tháng 7/1936 họp tại Thượng Hải do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì. Hội nghị đánh giá cao về vai trò của nông dân và mối liên hệ chặt chẽ giữa nông dân và công nhân. Hội nghị chủ trương triệt để lợi dụng những khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tuyên truyền, tổ chức quần chúng, đồng thời củng cố và phát triển tổ chức bí mật của Đảng và Mặt trận Dân chủ, đẩy mạnh các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân, trong đó có các phong trào đấu tranh của nông dân.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất, Chi bộ hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Long Châu đã quyết định đưa một số đảng viên, cán bộ về nước hoạt động, trong đó có cử đồng chí Đặng Tùng về gây dựng và phát triển cơ sở đảng và phong trào cách mạng ở Thái Nguyên. Đồng chí Đặng Tùng đã bí mật tìm về La Bằng (huyện Đại Từ) đến nhà Đường Nhất Quý và nhận được sự giúp đỡ của anh em họ Đường. Đồng chí bắt đầu gây dựng cơ sở cách mạng ở đây bằng việc giác ngộ anh em họ Đường, qua đó vận động và tổ chức những người trong làng có mối quan hệ tình cảm sâu sắc với gia đình họ Đường vào Hội tương tế, hoạt động một cách công khai nhằm giúp đỡ lẫn nhau về trồng cây, gặt hái, việc hiếu, việc hỷ... Cùng nhau tập hợp nghe đọc báo công khai của Đảng và Mặt trận Dân chủ xuất bản, từng bước nâng cao nhận thức, giác ngộ cách mạng cho hội viên.

Hội tương tế là một tổ chức mang tính chất xã hội do Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập để tập hợp quần chúng, hoạt động công khai, hình thức tổ chức đơn giản, gọn nhẹ, mục đích thiết thân với mọi người đặc biệt là nông dân nên dễ dàng thu hút được đông đảo nông dân tham gia. Hội tương tế ở La Bằng lúc đầu gồm có Đường Văn Hôn (Đường Nhất Quý) làm tổ trưởng, Lý Tắc Phú, Hoàng Văn Nghiệp, Nông Triều Đông, Nông Văn Ái, Lý Kim, Lý Thu, Nông Văn Đệ... Ảnh hưởng của Hội tương tế ngày càng lan rộng trong tỉnh và thu hút thêm nhiều hội viên tham gia.

Cuối năm 1936, các đồng chí Đường Nhất Quý, Đường Văn Ngân, Nông Văn Ái, Hoàng Văn Nghiệp được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Cơ sở đảng đầu tiên ra đời ở vùng rừng núi hẻo lánh, gồm những đảng viên nông dân là một bước ngoặt quan trọng của phong trào nông dân tỉnh Thái Nguyên trong thời kì vận động dân chủ (1936 – 1939).

Sau khi được kết nạp, các đảng viên ở La Bằng đã đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, thu hút nhiều nông dân của địa phương tham gia vào Hội tương tế; giáo dục và tổ chức họ thành lực lượng nòng cốt trong phong trào cách mạng ở nơi đây.

Đầu năm 1937, đồng chí Đặng Tùng đã được đồng chí Đường Văn Quý đưa sang Phú Thượng (Võ Nhai) để tiếp tục xây dựng và phát triển cơ sở đảng tại địa phương này. Sau một thời gian ngắn, ba thanh niên xã Phú Thượng là Chu Văn Tấn, Nông Văn Cần và Lục Văn Đủ được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, đây là cơ sở đảng thứ 2 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gồm những đảng viên nông dân <sup>(21)</sup>.

Việc xuất hiện những đảng viên nông dân đầu tiên là người dân tộc ít người ở Thái Nguyên, là một trong những điểm nổi bật của nông dân Thái Nguyên tham gia cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước so với nông dân các tỉnh thành khác trong cả nước. Những người tiếp thu chủ nghĩa yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đầu tiên ở Thái Nguyên không phải là công nhân, trí thức mà là nông dân, là người dân tộc ít người như các đồng chí Đường Nhất Quý (La Bằng, Đại Từ), Lục Văn Đủ, Nông Văn Cần (Võ Nhai)... Tinh thần yêu nước, cách mạng của họ đã lan rộng sang các tầng lớp khác trong toàn tỉnh.

---

<sup>(21)</sup> *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập I (1936 – 1965)*, tr. 63 – 65, Năm 2003.

Các đảng viên ở Võ Nhai tích cực tuyên truyền, tập hợp nông dân là những thanh niên, phụ nữ với đủ các thành phần dân tộc trên địa bàn huyện tham gia vào Hội tương tế, Hội truyền bá chữ quốc ngữ, mở các lớp học chữ quốc ngữ cho dân...

Ở vùng nông thôn phía Tây và Tây Bắc Thái Nguyên, đến đầu năm 1937, hai đảng viên là đồng chí Vũ Hưng và Nguyễn Đình Chiêm (huyện Định Hóa) đã tập hợp được một số nông dân tham gia vào các hội tương tế.

Ở khu vực phía Nam, thông qua mối quan hệ họ hàng và bạn bè, cơ sở cách mạng từ tỉnh Bắc Giang đã phát triển sang những người nông dân ở huyện Phú Bình, Phổ Yên, mà hạt nhân đầu tiên là Nguyễn Văn Nội, Ngô Hải Long.

Từ việc bắt mối, xây dựng cơ sở trong vùng nông thôn, cán bộ cách mạng từng bước đưa nông dân Thái Nguyên tham gia các phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Dưới sự lãnh đạo của các cơ sở đảng, nhiều phong trào đấu tranh của nông dân diễn ra rất phong phú, linh hoạt như: kiểm soát và quyết định thu chi trong xã, bầu cử Lí trưởng (ở các huyện Phổ Yên, Phú Bình), chống bắt phu làm đường ngày mùa, phải trả phụ cấp cho dân đúng quy định, không được đánh đập dân phu (ở các huyện Võ Nhai, Định Hóa)....

Hàng trăm tá điền và nông dân các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Định Hóa đã đứng lên chống phụ thu, lạm bổ, bãi thị phản đối chính sách thuế khóa vô lí của chính quyền thực dân, phong kiến. Nổi bật là cuộc đấu tranh của nông dân các dân tộc xã Tràng Xá (huyện Võ Nhai) do các đảng viên lãnh đạo chống lại bọn kì hào tăng thuế, lấy tiền bỏ túi. Trước những bằng chứng không thể chối cãi, họ phải nhượng bộ bán trâu bò, thóc lúa để nộp phạt và trả tiền cho nhân dân.

Từ thắng lợi của các phong trào đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ các đồng chí đảng viên đã động viên nông dân trong tỉnh tích cực tham gia vào các tổ chức Hội tương tế, ái hữu nhằm tập hợp, xây dựng lực lượng cách mạng, phát triển nhiều nhóm mua và đọc báo công khai của Đảng như báo “Tin tức”, “Đời nay”... nhờ đó đường lối của Đảng nhanh chóng truyền bá thâm nhập sâu rộng trong đời sống nhân dân trong tỉnh.

Hội tương tế đã phát huy được vai trò của mình trong việc tổ chức các hoạt động của nông dân tiến hành cuộc vận động dân chủ như ở xã Tràng Xá, Phú Thượng (Võ Nhai); chức sắc các làng đã mời người đứng đầu Hội tương tế đứng ra hòa giải

các vụ tranh chấp của bà con trong làng, xã; chúng cũng bớt đi sự hống hách, ức hiếp đối với nông dân, không hối thúc nộp tô thuế gặt gao như trước đây.

Phong trào đấu tranh của nông dân Thái Nguyên mà trước hết là nông dân các dân tộc thiểu số ở vùng núi xa xôi như Tràn Xá (Võ Nhai)... Thời kỳ vận động dân chủ 1936 – 1939, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản diễn ra mạnh mẽ, thu hút được nhiều người tham gia với nhiều hình thức đấu tranh khác nhau như: viết đơn kiện với hàng trăm chữ kí, đưa yêu sách, đấu tranh đòi giảm thuế, địa tô, chống bắt đi phu ngày mùa... Thông qua các phong trào đấu tranh, nông dân trong tỉnh ngày càng biểu lộ được ý thức tự giác đi theo đường lối, chủ trương giải phóng dân tộc của Đảng và tích cực tham gia vào các phong trào đấu tranh của nhân dân trong tỉnh giai đoạn 1939 – 1945.

### **III. Trong những năm chuẩn bị lực lượng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi (1939 – 1945)**

Ngày 1/9/1939, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Ngày 3/9/1939, Pháp tuyên chiến với Đức. Bước vào cuộc chiến này, thực dân Pháp đã tiến hành khủng bố Đảng Cộng sản ở chính quốc và các nước thuộc địa, phụ thuộc. Ở Đông Dương, chúng thẳng tay đàn áp các phong trào cách mạng. Các tổ chức ái hữu, tương tế, nghiệp đoàn bị giải tán; giấy tờ và các tài sản của những tổ chức này bị tịch thu. Nhiều cuộc khám xét, bắt bớ diễn ra. Nhà tù, trại giam tập trung được chúng mở rộng và xây mới để giam cầm cán bộ cách mạng và những người yêu nước.

Trước tình hình đó, ngày 29/9/1939 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã gửi Thông báo cho các cấp bộ đảng, chỉ thị cho cán bộ, đảng viên hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 đã giải quyết vấn đề chuyển hướng chiến lược cách mạng phù hợp với tình hình mới trong và ngoài nước. Trên cơ sở xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, Hội nghị đã quyết định thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương; chuyển các hoạt động trọng tâm công tác về nông thôn, dựa vào nông thôn để tiến hành công tác, phát triển mạnh mẽ lực lượng cách mạng cả nông thôn và thành thị.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương, các cơ sở cách mạng trên địa bàn Thái Nguyên đã kịp thời chuyển hướng sang hoạt động bí mật. Vùng nông thôn và

nông dân Thái Nguyên là địa bàn tiếp tục nuôi dưỡng, bảo vệ và bổ sung lực lượng cho cách mạng.

Tháng 6/1940, Pháp đầu hàng Đức. Đến tháng 9/1940, phát xít Nhật xâm lược Đông Dương. Thực dân Pháp ở Đông Dương đầu hàng và dâng Đông Dương cho Nhật. Khi Nhật đánh Lạng Sơn, các tù chính trị và thường phạm đã phá nhà tù chạy ra ngoài, trong đó có 3 đảng viên cộng sản ở Bắc Sơn là đồng chí Hoàng Đình Ruệ, đồng chí Đường Văn Thúc và đồng chí Nông Văn Cún (Thái Long) ở Đảng bộ Võ Nhai.

Ngày 27/9/1940, các đồng chí Hoàng Đình Ruệ, Đường Văn Thúc và Thái Long từ Lạng Sơn đã về đến Bắc Sơn; nhận thấy đây là thời cơ thuận lợi để tổ chức khởi nghĩa, ba đồng chí đã họp bàn với Chi bộ Đảng Bắc Sơn phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sau cuộc họp, đồng chí Thái Long đã về ngay Võ Nhai để vận động nhân dân mà đông đảo là nông dân tham gia ủng hộ phong trào khởi nghĩa Bắc Sơn. Tối 27/9/1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa rất nhiều gia đình nông dân trong huyện đã ủng hộ lương thực, thực phẩm để cung cấp cho nghĩa quân.

Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra giữa tình hình trong nước và thế giới có nhiều khó khăn nên bị kẻ thù đàn áp đẫm máu. Tuy nhiên, tiếng súng Bắc Sơn đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh cách mạng trong cả nước đặc biệt là phong trào cách mạng ở Thái Nguyên.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (họp từ ngày 10 – 19/5/1941) tại Pác Bó – Cao Bằng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị tiếp tục tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian, chia lại ruộng đất công, giảm địa tô rồi sau này tiến tới thực hiện đầy đủ chính sách người cày có ruộng. Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các đảng phái chính trị và tôn giáo yêu nước, thông qua các Hội Cứu quốc như Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ, Phụ lão, Nhi đồng... và coi việc chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân trong giai đoạn hiện tại.

Ngày 19/5/1941 Mặt trận Việt Minh được thành lập. Ngày 25/10/1941, Mặt trận Việt Minh công bố Tuyên ngôn, Chương trình và Điều lệ.

Mặt trận Việt Minh chủ trương: “Nông dân ai cũng có ruộng đất để cày cấy, giảm địa tô, cứu tế nông dân trong những năm mất mùa”<sup>(22)</sup>. Trong 44 điểm công bố cứu nước của Mặt trận Việt Minh, có 2 điểm: 1 – Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập. 2 – Làm cho nhân dân Việt Nam được sung sướng, tự do đã đáp ứng được lòng mong ước nhiều đời của hàng triệu nhân dân Việt Nam mà trong đó có hơn 90% là nông dân.

Trung ương Đảng xác định: “*Nông hội từ nay gọi là Việt Nam Nông dân cứu quốc hội, thu nạp hết thảy nông dân đến cả hạng phú nông, địa chủ muốn tranh đấu đui Pháp – Nhật*”<sup>(23)</sup>.

Hội nghị quyết định đẩy mạnh việc củng cố phát triển hai trung tâm cách mạng là Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai. Đồng chí Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng được cử về làm Chỉ huy trưởng Căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai và Đội du kích Bắc Sơn.

Giữa năm 1941, giặc Pháp huy động một lực lượng lớn gồm 4000 quân bao vây căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai, dồn 3000 dân của huyện Võ Nhai vào các trại tập trung kiểu phát xít, giết hại nhiều người dân, tàn phá nhà cửa, ruộng vườn, trâu bò, thóc lúa của nông dân trong huyện. Chúng còn mở nhiều cuộc bao vây càn quét lớn vào khu căn cứ, nhiều cán bộ, đảng viên, quần chúng trung kiên đã bị chúng bắt bớ vào các trại tập trung. Nhân dân các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá (Võ Nhai) nghệt thở trong tình trạng giới nghiêm và không khí khủng bố căng thẳng.

Ngày 8/8/1941, tiểu đội thứ nhất rút khỏi Khuổi Nọi, lên vùng biên giới Việt – Trung an toàn. Ngày 10/8/1941, tiểu đội thứ hai rời khỏi Khuổi Nọi; đến ngày 22/8/1941 tới làng Khau Pàn (xã Bằng Đức, châu Ngân Sơn) thì lọt vào ổ phục kích của địch. Đồng chí Phùng Chí Kiên hi sinh, đồng chí Lương Văn Tri bị địch bắt, đem về giam giữ tại nhà tù Cao Bằng.

Bất chấp sự càn quét của kẻ thù, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ngày 15/9/1941, tại rừng Khuôn Mánh, xã Tràng Xá (Võ Nhai), những người nông dân áo vải huyện Võ Nhai đã tập hợp dưới ngọn cờ cứu nước, lập nên Trung đội Cứu quốc quân II. Tại lễ thành lập Trung đội Cứu quốc quân II, thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Quốc Việt đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho đơn vị là phải tích cực đấu tranh chống địch khủng bố, trừ gian, tiêu diệt

---

<sup>(22)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, tr.152, Nxb Chính trị Quốc gia.

<sup>(23)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, tr.125, Nxb Chính trị Quốc gia.

bọn phản động đầu sỏ, bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng thời duy trì “tiếng súng Bắc Sơn” để cổ vũ phong trào cách mạng của cả nước và thiết thực ủng hộ công cuộc chống phát xít của nhân dân thế giới mà Liên Xô là trụ cột. Sự ra đời của Trung đội Cứu quốc quân II đánh dấu sự giác ngộ vượt bậc của những người nông dân Thái Nguyên; đồng thời, cổ vũ mạnh mẽ cho tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên.

Để phân hóa và phá vỡ cơ sở của địch, Cứu quốc quân lập danh sách những tên phản động để hoạt động trừ gian diệt phản, làm cho nhiều tên tay sai địch phải chùn bước hoảng sợ, làm giầy cam đoan hứa lập công chuộc tội. Hình thức đấu tranh chính trị của quần chúng tuy còn đơn giản nhưng đã đạt được kết quả nhất định. Trong phong trào đấu tranh của quần chúng, Cứu quốc quân đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố các đoàn thể Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh.

Trước những hoạt động có hiệu quả của Cứu quốc quân, các hình thức đấu tranh của quần chúng từ đầu năm 1942, thực dân Pháp và tay sai đã tiến hành một cuộc khủng bố mới lập thêm đồn bốt, tăng cường vây càn, đốt phá nhà dân, đe dọa giết hại người thân của các chiến sĩ Cứu quốc quân.

Cuối tháng 2/1942, thực dân Pháp sử dụng một lực lượng lớn lính lê dương càn quét vào sâu căn cứ. Chúng ra sức phong tỏa kinh tế, đẩy mạnh việc xuyên tạc, đàn áp quần chúng trong các trại tập trung... Trước sự đàn áp khốc liệt của quân thù, ngày 10/3/1942 một tiểu đội Cứu quốc quân tiến qua vùng Cây Thị (huyện Đồng Hỷ), rồi vòng sang Bắc Giang để đánh lạc hướng theo dõi của địch. Tiếp đó, ngày 14/3/1942 hơn 40 cán bộ, chiến sĩ bí mật rời khỏi căn cứ, rút lên vùng biên giới Việt - Trung an toàn.

Mặc dù bị địch kìm kẹp, khống chế gặt gao, nông dân tỉnh Thái Nguyên nói chung, nông dân Võ Nhai nói riêng vẫn hướng về cách mạng, hết lòng cuu mang, che chở, đùm bọc cán bộ cách mạng. Trải qua 8 tháng đấu tranh chống địch khủng bố (7/1941 - 2/1942), phong trào cách mạng ở huyện Võ Nhai tiếp tục được củng cố, cơ sở quần chúng thêm vững mạnh, các tổ chức Cứu quốc phát triển ngày càng sâu rộng, tập hợp đông đảo nông dân tham gia. Các đội tự vệ tiếp tục được bổ sung nhiều đội viên trung kiên từ các hội Cứu quốc.



Trong lúc phong trào cách mạng ở huyện Võ Nhai tạm thời lắng xuống do chiến dịch đàn áp điên cuồng của kẻ thù, phong trào cách mạng của nông dân các huyện Phổ Yên, Phú Bình lại dâng lên.

Tại huyện Phú Bình, năm 1939, một số tổ chức quần chúng của Đảng đã được xây dựng ở Kha Sơn Hạ, sau đó nhanh chóng lan ra các xã Kha Sơn Thượng, Mai Sơn... Đầu năm 1942, Xứ ủy Bắc Kỳ tổ chức Hội nghị phổ biến Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương tại Kha Sơn Hạ. Sau Hội nghị này, phong trào cách mạng ở huyện Phú Bình phát triển mạnh. Các tổ chức phân đế ở địa phương chuyển thành các đội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh.

Cùng với đó, bùng nổ các phong trào chống sưu, chống thuế của nông dân huyện Phú Bình, dưới sự hướng dẫn của các đội cứu quốc, nông dân trong huyện đấu tranh chống tên Tri phủ Vi Văn Kỳ thu thuế lạm bô.

Đến cuối năm 1942 tại Kha Sơn Hạ đơn vị tự vệ đầu tiên của Phú Bình được thành lập với sự tham gia của hơn 10 thanh niên trung kiên. Các xã Kha Sơn Thượng, Mai Sơn cũng lần lượt thành lập các đội tự vệ.

Tại huyện Phổ Yên, cuối năm 1937, tổng Tiên Thù đã lập được Hội tương tế với hàng chục hội viên. Những năm 1938 - 1939, Hội tương tế phát triển mạnh ở các xã phía Đông Nam của huyện Phổ Yên. Bên cạnh các Hội tương tế còn xuất hiện các Hội đọc sách báo hoạt động sôi nổi... cuối năm 1939, địch tăng cường khủng bố đàn áp phong trào cách mạng. Nhiều hội viên trung kiên bị bắt, phong trào ở Phổ Yên tạm lắng.

Năm 1940, lực lượng tự vệ đầu tiên được thành lập tại Tiên Thù (Phổ Yên). Dưới sự chỉ đạo của cán bộ cách mạng, nông dân huyện Phổ Yên tổ chức treo cờ đỏ, búa liềm ở đồi Thông Hạc; tổ chức rải truyền đơn đọc quốc lộ 3 kêu gọi nhân dân đấu tranh chống ách thống trị thực dân, phong kiến.

Tháng 3/1943, địch khủng bố phong trào cách mạng tại Phổ Yên. Một số cán bộ và quần chúng trung kiên đã bị bắt. Phần lớn cơ sở cách mạng bị vỡ. Một số quần chúng dao động. Khoảng cuối năm 1943, Trung ương và Xứ ủy đã cử nhiều cán bộ trong đội công tác An toàn khu về Phổ Yên hoạt động, các phong trào dần được khôi phục và phát triển lại ở Phổ Yên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng quần chúng có tổ chức liên tiếp tiến hành các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi, kinh tế, đặc biệt là phong trào đấu tranh của nông dân trong huyện phản đối Lí trưởng Phù Lôi bán muối gian lận; cuộc đấu tranh đòi chủ đồn điền Chã phải cho tá điền khát tô.

Tại Phú Lương, hội viên Cứu quốc nhiều làng xóm tổ chức cho nông dân đấu tranh không nộp thuế thân, không đi lính cho Nhật – Pháp. Dân tá canh ở đồn điền Na đấu tranh không nộp tô cho chủ.

Tại Đại Từ, Cứu quốc quân lấy núi Hồng làm căn cứ để tuyên truyền, mở rộng ra các cơ sở thôn, bản trong vùng. Bằng phương pháp “ba cùng”, chủ yếu là các công việc cày bừa, cấy, hái, vào rừng chặt tre, nứa, gỗ về dựng nhà... Cứu quốc quân đã gây được cảm tình trong nông dân tạo điều kiện để gây dựng và phát triển cơ sở cách mạng trong các thôn, bản, làng xã.

Dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Bắc Kỳ, nông dân các xã trong 2 huyện Phổ Yên, Phú Bình đấu tranh không chấp nhận việc tăng tô ruộng, tô trâu của các chủ đồn điền. Nông dân Phổ Yên đấu tranh chống nộp tô bằng việc khát tô, phản đối việc chủ đồn điền bắt nộp tô bằng tiền thay thóc, tố cáo bọn Chánh tổng, Lí trưởng ăn chặn của dân. Phản đối chủ trương trồng thầu dầu của Nhật, nông dân Cải Đan làm hỏng hạt giống trước khi đem trồng...

Đầu năm 1943, Trung ương Đảng quyết định chọn một số nơi có cơ sở vững chắc, tiện liên lạc để xây dựng thành các khu vực an toàn được gọi là An toàn khu (ATK). Các huyện Phú Bình, Phổ Yên (Thái Nguyên) và Hiệp Hòa (Bắc Giang) là nơi có phong trào cách mạng phát triển khá vững mạnh nên được Trung ương chọn là ATK II, lãnh đạo ATK II do đồng chí Ngô Thế Sơn, Xứ ủy viên, Xứ ủy Bắc Kỳ làm Bí thư. Các tổ chức cơ sở Đảng của Phú Bình, Phổ Yên đều do Ban Cán sự ATK II trực tiếp lãnh đạo. Nhiều gia đình hội viên nông dân ở đây đã trở thành nơi tin cậy để Trung ương và Xứ ủy Bắc Kỳ tổ chức những hội nghị quan trọng.

Như vậy, cho tới năm 1943, hai vùng đất của Thái Nguyên gồm Võ Nhai và Phú Bình – Phổ Yên trở thành căn cứ cách mạng không chỉ của Thái Nguyên mà còn của cả nước. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển phong trào nông dân ở Thái Nguyên.

Sang năm 1944, để cho các tầng lớp nhân dân trong đó có nông dân hiểu rõ được xu hướng phát triển của cách mạng, sự mâu thuẫn không thể điều hòa được giữa thực dân Pháp và phát xít Nhật, tích cực chuẩn bị các điều kiện để giành chính quyền khi thời cơ đến, Tổng bộ Việt Minh đã cho in, rải truyền đơn trong thôn xóm kêu gọi nhân dân: sẵn sàng đứng dậy đánh đuổi Nhật – Pháp, giành lấy cơm no, tự do, độc lập.

Ở Thái Nguyên các đoàn thể Cứu quốc như Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc đặc biệt là Nông dân Cứu quốc ở các xã, huyện đã vận động nông dân ở địa

phương mình tích cực tăng gia sản xuất, tích trữ lương thực để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt cho mỗi gia đình và sẵn sàng cung cấp cho lực lượng khởi nghĩa. Bên cạnh đó, Nông dân Cứu quốc còn có nhiệm vụ tiếp tục củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang trong nhân dân. Nhiều đội du kích, tự vệ đã được thành lập ở các khu vực nông thôn vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Các đội vũ trang này vừa tham gia huấn luyện, vừa tích cực lao động sản xuất, bảo vệ thôn xóm, bản, làng, bảo vệ các đồng chí cách mạng an toàn.

Từ giữa năm 1944, địch tăng cường khủng bố phong trào cách mạng. Ở Thái Nguyên, chúng liên tục tổ chức các đợt khủng bố lớn, nhiều thành viên của Nông dân Cứu quốc cũng bị sát hại và bắt bớ như ở Chợ Chu (Định Hóa), La Hiên, Đình Cả, Tràng Xá (Võ Nhai)... Mặc dù vậy, các hội viên Nông dân Cứu quốc vẫn tích cực tham gia vào các đội tự vệ chiến đấu, cứu quốc quân chiến đấu chống quân Pháp và tay sai ở Định Hóa, Võ Nhai...

Tại Phổ Yên dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Cán sự ATK II, phong trào cách mạng phát triển mạnh. Quần chúng nhân dân tham gia vào các tổ chức Cứu quốc ngày càng đông. Phong trào nông dân chống tô cao, phản đối việc nộp tô bằng tiền từng bước được phát triển lên mức cao hơn với việc đấu tranh tố cáo bọn cường hào, lý dịch ở địa phương ăn chặn tiền thuế của dân.

Do phải chống đỡ với sự lùng sục, càn quét khốc liệt của thực dân Pháp và hạn hán kéo dài nên nhiều diện tích gieo trồng bị bỏ hoang. Sâu bệnh phá hoại, làm cho sản lượng lúa chiêm, lúa mùa bị thất thu. Nạn đói xảy ra khắp nơi trong tỉnh. Nông thôn Thái Nguyên rơi vào tình cảnh tiêu điều, xơ xác.

Song với tinh thần vượt gian khổ, giữ vững phong trào Nông dân Cứu quốc ở những nơi địch đưa quân đến khủng bố, nông dân ở các thôn xóm Thái Nguyên đã cùng với các đoàn thể cứu quốc, che giấu, nuôi dưỡng cán bộ, đồng thời vạch trần tội ác của đế quốc thực dân. Bên cạnh đó, nông dân còn hăng hái tham gia vào các đội tự vệ chiến đấu, đẩy mạnh hoạt động diệt ác, hộ lương làm cho những tên tay sai không dám dẫn đường, chỉ điểm cho quan thầy lùng sục, truy bắt lực lượng cách mạng. Những nơi có Cứu quốc quân làm nòng cốt như Định Hóa, Võ Nhai, nông dân và tự vệ chặn đánh bọn lính đi khủng bố, tiêu diệt được nhiều tên địch.

Đêm 9/3/1945, phát xít Nhật nổ súng làm cuộc đảo chính hất cẳng thực dân Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ngay khi tiếng súng đảo chính của Nhật vừa bùng nổ, Hội nghị mở rộng Ban Thường vụ Trung ương Đảng cũng được tổ chức tại Từ Sơn

(Bắc Ninh) và ra bản Chi thị “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” ngày 12/3/1945 .

Thực hiện chủ trương phá kho thóc Nhật cứu đói cho nhân dân, ngày 13/3/1945, nhân dân các dân tộc Võ Nhai cùng với nông dân, tự vệ và Cứu quốc quân đánh chiếm kho thóc Đình Cả thu được khoảng 30 tấn phân phát cho người nghèo và đồng thời chuyển một phần về căn cứ làm dự trữ để chiến đấu lâu dài.

Ngày 14/3/1945, nhân dân Kha Sơn (Phú Bình) mà trong đó lực lượng đông đảo là nông dân nổi dậy bắt bọn cường hào, lí trưởng, thu bằng triệu, tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng.

Ngày 15/3/1945, Tổng bộ Việt Minh đã phát đi bản “*Hịch kháng Nhật cứu nước*”, kêu gọi đồng bào biểu tình thị uy, bãi công, bãi khóa, đánh úp các đồn lẻ, đánh chặn các đội quân tuần tiễu của Nhật.

Cao trào kháng Nhật cứu nước bùng lên mạnh mẽ, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên dấy lên phong trào khởi nghĩa từng phần giành chính quyền về tay nhân dân.

Đêm 25/3/1945, Cứu quốc quân, tự vệ và nhân dân các dân tộc Định Hóa đánh đồn Chợ Chu, giải phóng huyện lỵ, xóa bỏ bộ máy chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 29/3/1945, đơn vị Cứu quốc quân do đồng chí Chu Văn Tấn chỉ huy cùng với tự vệ và hàng trăm nông dân, nhân dân các xã phía Bắc kéo về bao vây huyện lỵ Đại Từ. Ngày 31/3/1945, tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại huyện lỵ, trước sự chứng kiến của đông đảo nông dân và các tầng lớp nhân ở các xã, Cứu quốc quân đã tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, kêu gọi nông dân trong huyện góp công sức để xây dựng chính quyền cách mạng. Cùng thời gian đó ở các xã thuộc các châu huyện trong tỉnh, nông dân nổi dậy đập tan chính quyền tay sai, thành lập chính quyền cách mạng.

Trước ý chí kiên cường, thà chết không chịu làm nô lệ của những người nông dân cầm vũ khí, phát xít Nhật đã buộc phải từ bỏ âm mưu đánh phá khu giải phóng, co vào cố thủ trong các thị xã, thị trấn.

Ngày 4/6/1945, Khu Giải phóng được thành lập bao gồm các tỉnh Cao – Bắc – Lạng – Hà – Tuyên – Thái và một số vùng lân cận thuộc tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

Tính đến giữa tháng 7/1945, cả một vùng nông thôn rộng lớn của tỉnh Thái Nguyên đã được giải phóng. Hầu hết các huyện (trừ huyện Phổ Yên, Phú Bình), đều

đã có Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời. Chính quyền cách mạng đã đảm nhiệm việc điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội, thực hiện 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh: Bãi bỏ thuế thân, chia lại ruộng đất công, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Bên cạnh đó, chính quyền cũng vận động những nhà giàu giảm tô, giảm tức, hoãn nợ cho dân cày nghèo; tổ chức cứu tế đối với gia đình thiếu đói, thanh toán nạn mù chữ, xây dựng đời sống mới trong các thôn xóm...

Từ ngày có Khu Giải phóng, Nông dân Cứu quốc cùng các đoàn thể khác như Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc vận động mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh bước đầu thực hiện quyền dân chủ, bầu cử Ủy ban Nhân dân Cách mạng, thực hiện việc giám sát mọi hoạt động của chính quyền. Nông dân hăng hái đẩy mạnh sản xuất, học văn hóa, đời sống mới khởi sắc.

Nông dân Cứu quốc ở các xã, huyện trong tỉnh Thái Nguyên những ngày này cùng đồng bào các dân tộc Khu Giải phóng khẩn trương thực hiện mọi công việc chuẩn bị cho một cuộc cách mạng lớn sắp nổ ra trong cả nước.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, của Tổng bộ Việt Minh và Ủy ban Khởi nghĩa, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể Cứu quốc, mà lực lượng đông đảo là Hội Nông dân Cứu quốc, từ trung tuần tháng 8/1945, nhân dân Thái Nguyên sục sôi khí thế cách mạng. Các hội viên Nông dân Cứu quốc đem hết tâm sức để ủng hộ quân giải phóng như gạo, trâu, bò, lợn, gà... nhiều người xung phong vào Quân Giải phóng, xông ra mặt trận đánh đuổi quân thù.

Nông dân Cứu quốc xã Dân chủ và xã Đồng Bẩm thuộc huyện Đồng Hỷ đã vận động hàng trăm nông dân tá điền thuộc đồn điền Nguyễn Thị Năm, sớm ngày 19/8/1945, có lực lượng Tự vệ, Cứu quốc bảo vệ đã vượt qua trại lính Nhật gác ở cầu Gia Bẩy kéo vào thị xã Thái Nguyên tuần hành thị uy. Đoàn biểu tình đi đến đâu, bà con dân phố kéo ra nhập vào làn người làm cho đoàn càng thêm đông, khí thế áp đảo quân thù.

Ngày 20/8/1945, tá điền ở Gia Sàng, Đồng Quang cùng tự vệ chiến đấu Phú Bình nổi dậy đánh chiếm đồn điền Gia Sàng, đồn điền Képle sau đó kéo vào thị xã Thái Nguyên, cùng quân giải phóng và nhân dân thị xã tấn công quân Nhật tại các vị trí chiếm đóng của chúng để giành chính quyền.

Chiều 20/8/1945, tại sân vận động thị xã Thái Nguyên đã diễn ra một cuộc mít tinh lớn của đông đảo tầng lớp nhân dân thị xã Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ,

chứng kiến một sự kiện trọng đại, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Ban Khởi nghĩa toàn quốc đã tuyên bố xóa bỏ chính quyền phát xít Nhật, thành lập Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Thái Nguyên do đồng chí Lê Trung Đình làm Chủ tịch.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền ở Thái Nguyên là thành quả cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, hy sinh và oanh liệt của mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Song, cần nhấn mạnh rằng, trong suốt thời kì vận động Cách mạng Tháng Tám (1939 – 1945) đã diễn ra chủ yếu là ở địa bàn nông thôn và lực lượng chủ yếu là nông dân. Những cuộc đấu tranh trực tiếp đương đầu với kẻ thù tàn bạo, dày dạn kinh nghiệm đàn áp cách mạng và phải trải qua thử thách nặng nề, chịu nhiều tổn thất nhất chính là nông dân các huyện Võ Nhai, Định Hóa, Phổ Yên, Phú Bình... điều đó khẳng định nông dân các dân tộc Thái Nguyên đã tiếp thu sâu sắc đường lối cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Trung ương Đảng, của Mặt trận Việt Minh, kết tạo thành khối sức mạnh vững chắc trong liên minh công nông, mà hạt nhân của họ là Nông dân cứu quốc.

## CHƯƠNG II

### HỘI NÔNG DÂN VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

#### **I. Tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng; chuẩn bị kháng chiến (1945 – 1947)**

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, chính quyền dân chủ nhân dân được thiết lập trong cả nước. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã đưa giai cấp nông dân Việt Nam từ thân phận nô lệ của chế độ thực dân phong kiến vươn lên địa vị làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Cùng với các giai cấp khác trong xã hội, giai cấp nông dân Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Sau ngày độc lập, giai cấp nông dân Thái Nguyên cũng như giai cấp nông dân cả nước đứng trước những thử thách, khó khăn rất lớn. Cùng với hậu quả của những năm chiến tranh và chính sách cai trị, vơ vét, bóc lột thậm tệ của thực dân Pháp – phát xít Nhật đã làm cho đời sống nông dân các dân tộc trong tỉnh càng thêm cơ cực. Chính quyền cách mạng của tỉnh mới thành lập nên còn lúng túng trong quản lý điều hành các mặt công tác. Nền kinh tế kiệt quệ, nông nghiệp lạc hậu. Nông thôn xơ xác, tiêu điều.

Nạn đói khủng khiếp do Nhật – Pháp gây nên hồi cuối năm 1944 đầu năm 1945 chưa được khắc phục thì nguy cơ một nạn đói mới lại xuất hiện trên địa bàn tỉnh. Thêm vào đó, trận lụt lớn xảy ra trong tháng 8/1945 và tiếp theo là hạn hán kéo dài đã dẫn đến tình trạng đồng ruộng phải bỏ hoang, nông dân mất mùa. Trong khi đó, thương nghiệp ngừng trệ, hàng hóa trên thị trường khan hiếm. Ngân khố tỉnh chỉ có 20.000 đồng Đông Dương, giá cả tăng vọt, khiến đời sống nông dân trong tỉnh càng thêm khó khăn.

Về mặt xã hội, các di hại của nền văn hóa nô dịch rất nặng nề. Hơn 90% dân số trong tỉnh không biết chữ; các tệ nạn xã hội cũ cùng với các phong tục, tập quán lạc hậu chưa được giải quyết.

Cùng với những khó khăn chồng chất về kinh tế, xã hội và đời sống, nông dân Thái Nguyên còn đứng trước những khó khăn về chính trị, quân sự. Đó là nguy cơ bị chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài nô dịch.

Trong hoàn cảnh nhiều khó khăn, phức tạp, các cấp ủy đảng và chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đều thấm nhuần ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện “sáu nhiệm vụ cấp bách cần làm ngay” do Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời (3/9/1945). Đó là: *phát động ngay chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói; mở phong trào xóa nạn mù chữ; tổ chức sớm cuộc tổng tuyển cử theo chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân; phát động phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ các thói hư tật xấu do chế độ thực dân để lại; bỏ ba thứ thuế gồm: thuế thân, thuế chợ, thuế đò, và tuyệt đối cấm hút thuốc phiện; tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết.*

Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện phong trào lạc quyền, thành lập Ban Cứu đói, Ban cứu tế ở các huyện xã để chống đói. Các đoàn thể Cứu quốc như Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc đã thành lập các đoàn vận động quyền góp lương thực để cứu đói. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem số gạo đó để cứu đói*”, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã thực hiện “*ngày đồng tâm*” nhịn ăn để dành gạo cứu đói. Tỉnh cũng vận động mỗi gia đình có một “*Hũ gạo tiết kiệm*”, mỗi xã có một Ban Cứu tế. Thị xã Thái Nguyên có trại tế bần gồm nhiều lán trại, làm nơi trú chân cho những người gặp đói từ các nơi phiêu bạt đến. Chỉ trong 3 tháng cuối năm 1945, cả tỉnh đã quyên góp được gần 50 tấn gạo cứu đói cho những người đói khát, tha hương. Trong đó, sự hỗ trợ, đóng góp, ủng hộ tích cực của nông dân trong toàn tỉnh.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa*”, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các cấp chính quyền, các đoàn thể quần chúng mà nòng cốt là Nông dân Cứu quốc đã tích cực vận động nông dân các xã, huyện trong tỉnh đẩy mạnh tăng gia sản xuất; khai hoang, phục hóa thực hiện khẩu hiệu “*Không một tác đất bỏ hoang*”, “*Tác đất tất vàng*”. Chỉ trong một thời gian ngắn hơn 1.000 mẫu ruộng hoang đã được nông dân Thái Nguyên khai phá đưa vào canh tác. Cùng với việc tịch thu thóc ở đồn điền của thực dân Pháp như đồn điền Gia Sàng, Képle..., một phần chia cho dân cày nghèo, phần còn lại giao cho Ban Dân sinh kinh tế tỉnh quản lý sản xuất. Ngoài ra, tỉnh còn dành một phần ngân sách cho nông dân vay để mua trâu bò, nông cụ.

Để tăng gia sản xuất tích cực chống đói, ngoài việc cấy lúa, nông dân còn trồng thêm hoa màu ngắn ngày như sắn, ngô, khoai, rau, đậu. Những đèo đất bên đường, ven



sông hồ, bìa rừng cũng được nông dân tận dụng trồng cây màu ngắn ngày và các loại rau. Kết quả vụ chiêm năm 1946, lúa và hoa màu bội thu. Riêng khoai, sắn, lương thực tăng 2 lần so với năm trước. Nhờ đó, nạn đói bị đẩy lùi, đời sống nông dân trong tỉnh ổn định.

Để khắc phục khó khăn về tài chính, Chính phủ phát động và xây dựng “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng” (từ 17 - 24/9/1945). Hưởng ứng cuộc vận động của Chính phủ, Nông dân Cứu quốc đã vận động kêu gọi nông dân Thái Nguyên tích cực tham gia quyên góp, ủng hộ. Nông dân và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã ủng hộ 5kg vàng, bạc, hàng vạn đồng tiền mặt và hàng trăm kilôgam đồng, hơn 100 con trâu, bò, gần 1.000 tấm vải... góp vào công quỹ kháng chiến, giảm bớt khó khăn cho Nhà nước. Nhiều gia đình nông dân và nhân dân trong tỉnh đã đem những tài sản của mình như hoa tai, những bộ đồ tam sự, ngũ sự bằng đồng, được gìn giữ từ đời này sang đời khác để ủng hộ Chính phủ giúp khắc phục sự eo hẹp nền tài chính của tỉnh nói riêng, đất nước nói chung.

Giai đoạn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở cuộc vận động “*Xây dựng đời sống mới*” nhằm giáo dục tinh thần yêu nước, yêu lao động, yêu chính nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời và sự vận động của các đoàn thể Cứu quốc như Phụ nữ Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, nông dân Thái Nguyên đã nhiệt tình hưởng ứng cuộc vận động. Nhiều địa phương trong toàn tỉnh đã bài trừ các hủ tục trong ma chay, cưới hỏi, phòng chống các tệ nạn xã hội. Phong trào này đã làm thay đổi diện mạo các vùng nông thôn ở Thái Nguyên thành những làng bản, thôn xóm có đời sống sinh hoạt cộng đồng lành mạnh.

Trên mặt trận “diệt giặc đói”, Nông dân Cứu quốc đã động viên nông dân Thái Nguyên tích cực tham gia vào phong trào chống nạn mù chữ và tham gia các lớp bình dân học vụ. Để chỉ đạo vận động hướng dẫn phong trào, từ tỉnh đến xã đã có Ban Bình dân học vụ. Chỉ trong vòng 4 tháng (từ 10/1945 đến 2/1946) tỉnh Thái Nguyên đã có hơn 5.000 người thoát nạn mù chữ. Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Những người đã biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ*”, khắp các thôn xóm, bản làng đều lập phong trào học chữ, học văn hóa được đẩy lên sôi động. Nhiều cán bộ của các đoàn thể Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc biết chữ xung phong làm chiến sĩ diệt giặc đói. Nhiều cán bộ có năng lực học vấn được tỉnh cử xuống các xóm, bản làng xa xôi để vận động nông dân tham gia phong

trào xóa mù chữ và thông qua đó tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách mới ở nông thôn, bồi dưỡng cán bộ nòng cốt cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

Qua đó, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, thuốc phiện, mê tín dị đoan... cũng đã từng bước giảm bớt nhất là ở những nơi đời sống nông dân khó khăn. Bên cạnh đó, ở một số địa phương trong tỉnh còn thành lập các đội văn nghệ, trang bị nhạc cụ dân tộc để tổ chức các đêm liên hoan văn nghệ, dạy các bài hát ca ngợi Bác Hồ cho thiếu nhi, ca ngợi cách mạng cho thanh niên... Điều này đã góp phần giúp cho đời sống tinh thần của nông dân trong tỉnh được cải thiện, đó là kết quả tốt đẹp của cuộc vận động xây dựng đời sống mới.

Trong hoàn cảnh vừa phải lo đối phó với giặc ngoài, thù trong, vừa phải lo giải quyết khó khăn về kinh tế, văn hóa, xã hội, chăm lo cho đời sống nhân dân, vấn đề xây dựng Đảng trở thành một yêu cầu bức thiết đối với tỉnh Thái Nguyên.

Giữa tháng 9/1945, Hội Nghị cán bộ toàn tỉnh được tổ chức tại xóm Trường Xô (xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương) công bố quyết định của Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, gồm 8 đồng chí, do đồng chí Ngô Nghị Quý làm Bí thư. Đồng chí Nguyễn Bá Cương, ủy viên phụ trách Nông hội. Hội nghị đã bàn công tác xây dựng Đảng, đoàn thể, chính quyền các cấp và biện pháp thực hiện sau nhiệm vụ cấp bách do Chính phủ đề ra.

Tính đến tháng 10/1945, Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên chưa được thành lập, chưa có tổ chức thống nhất từ tỉnh đến cơ sở<sup>(24)</sup>. Để chỉ đạo công tác Nông hội tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Thái Nguyên đã phân công đồng chí Nguyễn Bá Cương phụ trách, sau đó chuyển sang cho đồng chí Nguyễn Bá Thăng<sup>(25)</sup>. Mặc dù, tổ chức của Hội Nông dân tỉnh chưa được thành lập, song phong trào nông dân và các hoạt động của nông dân tỉnh Thái Nguyên vẫn diễn ra tích cực thông qua hoạt động của Nông dân Cứu quốc.

---

<sup>(24)</sup> Hội Nông dân cứu quốc các cấp được thành lập trên phạm vi cả nước từ năm 1941. Tổ chức Hội Nông dân từ khi ra đời mới có ở các cấp làng, xã; cấp huyện, tỉnh và cao hơn vẫn chưa có tổ chức. Đến khi có chương trình Mặt trận Việt Minh mới hình thành và có hoạt động của tổ chức Hội Nông dân cứu quốc ở các cấp tỉnh trở xuống – *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 2016, tr.129.

<sup>(25)</sup> Sau Hội nghị Trường Xô, cấp trên đã điều động phân công đồng chí Nguyễn Bá Cương, ủy viên Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, phụ trách Nông hội về huyện, phụ trách huyện Võ Nai.

Ngày 23/12/1945, nông dân và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên phấn khởi đi bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa<sup>(26)</sup>. Thái Nguyên vinh dự có 3 đại biểu được bầu vào Quốc hội: Ông Lê Trung Đình, ông Đặng Đức Thái, ông Nguyễn Trung Thành.

Sau bầu cử Quốc hội, tháng 2/1946, nông dân và nhân dân Thái Nguyên tham gia bầu cử Hội đồng Nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Thắng lợi của cuộc bầu cử đã tạo cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh niềm tin tưởng vào chính quyền, vào chế độ mới.

Sau bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban Hành chính các cấp được thành lập thay thế Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời. Đồng chí Lê Trung Đình được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Hành Chính tỉnh. Các cơ quan, đoàn thể quần chúng trong đó có Nông dân Cứu quốc (gọi tắt là Nông hội) tiếp tục được kiện toàn, vận động nông dân các dân tộc trong tỉnh tích cực tăng gia sản xuất, đẩy mạnh các phong trào bình dân học vụ, bỏ tục văn hóa, phòng chống dịch bệnh cho người và gia súc...

Đầu năm 1946, sau khi Bộ Canh Nông thành lập theo Sắc lệnh ngày 14/11/1945, Ban Canh nông tỉnh Thái Nguyên cũng được thành lập gồm Ty Khuyến nông, Ty Túc mễ, Ty Thú ngư. Ty Khuyến nông do đồng chí Nguyễn Đình Thăng (phụ trách công tác Nông hội tỉnh) trực tiếp làm Trưởng ty. Ở cấp huyện, các phòng chuyên môn cũng được thành lập kết hợp với Nông dân Cứu quốc để động viên nông dân tăng gia sản xuất, đạt năng suất cao.

Trong hơn một năm đầu giành độc lập, Thái Nguyên đã có được một hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh xuống cơ sở mặc dù số lượng đảng viên chưa nhiều, nhưng chính quyền các đoàn thể, trong đó có Nông dân Cứu quốc được củng cố, xây dựng, phát triển.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, hướng về miền Nam ruột thịt, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có hàng trăm thanh niên nam, nữ ở các vùng nông thôn tình nguyện đến các “Phòng Nam Bộ” ghi tên để vào Nam chiến đấu, chống đế quốc Pháp xâm lược.

Từ đầu năm 1946, để có lực lượng bảo vệ chính quyền cách mạng và chuẩn bị kháng chiến, lực lượng tự vệ chiến đấu và du kích tập trung ở các huyện, xã với phần lớn là nông dân được bổ sung về số lượng, củng cố về tổ chức, trở thành lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ của tỉnh. Đến

---

<sup>(26)</sup> Theo chủ trương của Trung ương Đảng, cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào ngày 25/12/1945. Để có thêm thời gian chuẩn bị, Trung ương quyết định lùi cuộc Tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946. Song, một số địa phương, trong đó có Thái Nguyên không nhận được lệnh hoãn, nên vẫn tổ chức bầu cử theo thời gian định trước.

tháng 5/1946 tất cả các xã trong tỉnh đều có tự vệ và du kích chiến đấu, riêng các huyện phía Nam của tỉnh đã có 300 du kích. Tháng 6/1946, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên, trong đó có lực lượng nòng cốt là nông dân tình nguyện góp người, góp của, xây dựng Trung đoàn độc lập 22 Thái Nguyên – Phúc Yên.

Trên mặt trận trị an, được sự giúp đỡ của nông dân và nhân dân trong tỉnh lực lượng vũ trang của tỉnh đã dẹp tan bọn phi ở Minh Lập (huyện Đồng Hỷ) do anh em Hoàng Bính Trai, Hoàng Bính Ki cầm đầu; trừng trị bọn lưu manh giả danh Việt Minh để cướp của, nhũng nhieu nhân dân ở Đồng Bẩm (huyện Đồng Hỷ), ở Kè Đá Gân (huyện Phú Bình); đưa đi cải tạo 132 phần tử nguy hiểm, khám phá nơi cất vũ khí của bọn tay sai thân Pháp ở Đồng Quảng (huyện Định Hóa), thu 114 khẩu súng và 2.000 viên đạn các loại. Nhờ đó, đã đem lại sự ổn định cho nhân dân ở các địa phương này.

Trong lúc nhân dân đang dốc sức xây dựng chế độ mới thì thực dân Pháp đã ngang nhiên xóa bỏ Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), trắng trợn xâm phạm chủ quyền của nước ta.

Tháng 11/1946, Trung ương quyết định thành lập Đội công tác đặc biệt do đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách, lên Việt Bắc chọn địa điểm xây dựng Khu an toàn (ATK) làm nơi ở và làm việc của các cơ quan Trung ương. Qua nghiên cứu khảo sát thực tế, Đội công tác đã lựa chọn địa phận huyện Định Hóa, Phú Lương (Thái Nguyên), Chợ Đồn (Bắc Kạn), Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang), trong đó trung tâm là Định Hóa, Chợ Đồn, Sơn Dương, Yên Sơn làm nơi xây dựng ATK.

Ngay sau đó, chấp hành Chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã thành lập các đội công tác cử cán bộ về các huyện cùng với các đội công tác của Trung ương và cán bộ huyện xuống các xã củng cố hệ thống chính trị, làm trong sạch địa bàn; vận động nông dân đẩy mạnh sản xuất, giáo dục hướng dẫn nông dân giữ gìn bí mật, phòng gian. Tại huyện Định Hóa, tỉnh đã tăng cường nhiều cán bộ xuống chỉ đạo xây dựng các xã Trung Lương, Định Biên, Diềm Mặc, Bảo Linh vững mạnh về mọi mặt.

Nhận rõ vinh dự và trách nhiệm mà Đảng và Chính phủ giao phó, ngay từ những ngày đầu khi toàn quốc kháng chiến chưa bùng nổ, Nông dân Cứu quốc cùng với nông dân và nhân dân các dân tộc Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ, Võ Nhai... dành hàng vạn ngày công, ủng hộ hàng chục vạn cây tre, nứa, mai, gỗ, hàng triệu tàu lá cọ để dựng lán trại làm nơi ở và làm việc cho các cơ quan đầu não kháng chiến; xây dựng

nhà kho để chứa hàng hóa, nhu yếu phẩm thiết yếu; xây dựng nhà máy, xưởng công binh để sản xuất, chế tạo vũ khí, quân trang, văn phòng phẩm phục vụ cho kháng chiến.

Tính đến cuối năm 1946, hàng vạn tấn máy móc, thiết bị, vải, muối... đã được vận chuyển lên Thái Nguyên. Nhiều xí nghiệp công nghiệp quốc phòng và kinh tế đã ổn định sản xuất tại Thái Nguyên.

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã xây dựng địa phương mình thành hậu phương vững chắc của căn cứ địa kháng chiến trên các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, đặc biệt là hệ thống bảo vệ ATK của Trung ương rất vững chắc trong lòng dân, không kẻ thù nào phá vỡ nổi.

Vào cuối tháng 12/1946 và tháng đầu năm 1947, thực hiện chủ trương “tản cư để kháng chiến”, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp đón 5.587 đồng bào từ các tỉnh miền xuôi tản cư đến<sup>(27)</sup>. Với truyền thống đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, nông dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã chia sẻ cho đồng bào tản cư từ bát gạo, củ sắn, bắp ngô đến cày cuốc, ruộng đồng giúp bà con ổn định đời sống.

Cùng với việc “tản cư để kháng chiến”, thực hiện Chủ chương của Đảng, “phá hoại để kháng chiến”, nhằm “triệt để làm cho địch đói, khát, què, điếc, mù, câm, tiêu hao, mệt mỏi, chán nản”, công tác tiêu thổ kháng chiến được coi trọng. Dưới sự chỉ đạo của Ban Phá hoại tỉnh, hàng ngàn ngôi nhà được phá hoại. Mặt đường quốc lộ 3 từ thị xã Thái Nguyên đến cầu Đa Phúc được xẻ thành những hố lớn, các cầu, cống bị đánh sập nhằm cản bước tấn công của địch.

Do tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ quan trọng đột xuất trong những tháng cuối năm 1946 và đầu năm 1947, nên việc chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của tỉnh không được sát sao. Thêm vào đó là hai trận lụt tháng 7 và tháng 8/1947 đã gây hại cho các huyện Đông Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên nên sản lượng lương thực của tỉnh năm 1947 đạt năng suất thấp. Đời sống nông dân lâm vào khó khăn. Vào thời kì giáp hạt, tình hình thiếu đói trong nông dân vẫn xảy ra ở các huyện, xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Bên cạnh đó, nạn dịch bệnh sốt rét cũng đã gây hại nặng nề đến sức khỏe của nhiều người dân ở các vùng nông thôn, miền núi trong tỉnh.

Trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến, Đảng bộ Thái Nguyên rất quan tâm tới xây dựng và củng cố các đoàn thể quần chúng trong đó có Nông dân Cứu quốc. Tuy nhiên, đến đầu năm 1947, công tác Nông hội của tỉnh Thái Nguyên chưa

---

<sup>(27)</sup> Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên gửi Khu ủy Khu I, ngày 21/9/1947, về công tác tản cư.

kiện toàn được, thiếu về cán bộ, chủ yếu vẫn là cán bộ kiêm nhiệm, nên Hội Nông dân tỉnh chưa thành lập được tổ chức của mình..

## **II. Vận động hội viên tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương và ATK Trung ương (1947 – 1950)**

Sau khi làm chủ các thành phố, thị xã và phần lớn đồng bằng Bắc Bộ, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Hà Nội quyết định tập trung lực lượng lớn để tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc. Trong 2 ngày (mùng 7 và 8/10/1947), quân Pháp đã nhảy dù đánh, chiếm thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới huyện lỵ Chợ Đồn, mở đầu cho cuộc tấn công có quy mô lên Việt Bắc Thu Đông 1947. Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến – Hành chính tỉnh Thái Nguyên đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban Chỉ huy Tỉnh đội dân quân tập trung củng cố xây dựng được 8 trung đội du kích tập trung thoát ly sản xuất, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, mỗi trung đội biên chế 35 cán bộ chiến sĩ. Nông dân trên toàn địa bàn tỉnh là lực lượng đông đảo tham gia vào các trung đội du kích này.

Sau khi được củng cố kiện toàn, đủ quân số và vũ khí, trung đội du kích tập trung trực thuộc Ban chỉ huy Tỉnh đội đã cơ động lên xã Yên Ninh (huyện Phú Lương) phối hợp với quân chủ lực và dân quân, du kích huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn) quấy rối và đánh địch ở thị trấn Chợ Mới, chặn đánh các cuộc hành quân càn quét của địch từ Chợ Mới sang các xóm làng của huyện Phú Lương.

Từ giữa tháng 11/1947, các cơ quan đầu não kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo cấp cao nhất của Đảng, Chính phủ, Mặt trận... chuyển từ xã Tràng Xá thuộc An toàn khu Võ Nhai, sang xã Phú Đình thuộc An toàn khu Định Hóa (Thái Nguyên). Trong thời gian ở đây, các đồng chí lãnh đạo cách mạng đã được nông dân và các dân tộc Thái Nguyên giúp đỡ, chở che, tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng như cung cấp: gạo, muối, thực phẩm, các thiết phẩm chủ yếu...

Trong cuộc chiến đấu chống cuộc hành quân Xanhtuya của địch lên Việt Bắc, quân và dân Thái Nguyên mà trong đó có đóng góp rất lớn của nông dân Thái Nguyên đã phối hợp với bộ đội chủ lực đánh hàng trăm trận, tiêu diệt 490 tên và làm bị thương trên 100 tên bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến.

Trước sức phản công quyết liệt của quân và dân ta địch đã bị tổn thất nặng nề, Bộ Chỉ huy quân Pháp vội cho quân kết thúc cuộc hành quân. Ngày 21/12/1947 những

tên lính Pháp cuối cùng rút khỏi địa phận Thái Nguyên. Ngày 22/12/1947 tại thị xã, quân và dân Thái Nguyên tổ chức mít tinh mừng chiến thắng.

Chiến thắng Việt Bắc Thu – Đông 1947 đã đem lại cho nông dân và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên niềm vui, niềm tự hào, sự tin tưởng, tiếp tục đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến.

Mặc dù, thắng lợi nhưng nông dân và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên cũng không tránh khỏi những tổn thất do cuộc tấn công, càn quét của địch Thu Đông 1947 gây ra. Cụ thể, toàn tỉnh có 160 người bị giết 267 người bị bắt, 8.359 ngôi nhà bị đốt phá; 1.813 con trâu bò và 2.822 con gà vịt bị giết hại và hơn 141 tấn thóc bị thiêu hủy. Ngoài ra, từ đầu năm 1947, địch còn cho máy bay đánh phá 134 trận, ném 193 quả bom, bắn hàng trăm loạt đạn liên thanh xuống địa bàn 8 huyện, thị, của tỉnh làm chết 178 người, bị thương 143 người, cháy và hư hỏng 150 nóc nhà, gần 9 tấn thóc gạo, chết 67 con trâu, bò, ngựa và lợn<sup>(28)</sup>.

Những tổn thất này đã gây ra cho nhân dân Thái Nguyên, đặc biệt đối với vùng nông thôn còn nhiều khó khăn về sản xuất và đời sống, đòi hỏi cấp ủy đảng chính quyền các cấp trong tỉnh phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết, khắc phục. Ngày 15/1/1948, Tỉnh ủy đã chỉ đạo thành lập Ban Cứu tế các cấp từ tỉnh xuống huyện, xã làm nhiệm vụ điều tra, thống kê tình hình thiệt hại của nhân dân những nơi bị quân Pháp càn quét để làm cơ sở cho tỉnh trợ cấp.

Trong thời kì tiến công lên Thái Nguyên, quân Pháp đã làm thiệt hại của nông dân trong tỉnh tới 1.942 con trâu, bò, ngựa. Nông dân thiếu trâu, bò cày kéo để sản xuất. Để giải quyết khó khăn này, 4 tháng đầu năm 1948, tỉnh Thái Nguyên trích quỹ 4 vạn đồng mua hơn 200 con trâu, bò giúp đồng bào các huyện Phở Yên, Đại Từ, Phú Bình, Võ Nhai, Phú Lương, Định Hóa làm sức kéo.

Do công tác cứu tế chậm nên nhiều nơi trong tỉnh nông dân thiếu giống, vốn, sức kéo để sản xuất, vì thế diện tích cấy lúa năm 1948 chỉ khoảng 5400 mẫu bằng 1/3 diện tích cấy lúa chiêm năm 1947.

Công tác của Nông dân Cứu quốc từ tỉnh đến các xã hầu như không còn hoạt động sau Thu Đông 1947. Đầu năm 1948, để chuẩn bị cho Hội nghị toàn quốc của

---

<sup>(28)</sup> Biên bản họp Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên 28/2/1948. Hồ sơ 4, cặp 14 lưu chữ Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Thái Nguyên.

Đảng lần II, Ban Thường vụ tỉnh đã họp thảo luận những vấn đề quan trọng của tỉnh, trong đó có việc củng cố Hội Nông dân Cứu quốc (Nông hội tỉnh).

Theo “Báo cáo và đề án” của Hội nghị Cán bộ miền Bắc Đông Dương ngày 1/4/1948 của Tỉnh ủy: “*Các tiểu ban Nông vận, Thiếu số... chưa được tổ chức ra được vì chúng tôi rất thiếu người, hiện đang cố gắng để đi tới thành lập các tiểu ban đó*”.

Hưởng ứng “*Lời kêu gọi thi đua ái quốc*” ngày 11/6/1948 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh, cùng với hoạt động tích cực của Ban Tuyên huấn, Ban Thi đua các cấp trong tỉnh, phong trào thi đua yêu nước được thực hiện sôi nổi. Để phong trào hoạt động của nông dân tỉnh được hiệu quả, Hội Nông dân cứu quốc (Nông hội) đã được kiện toàn tổ chức ở cấp tỉnh. Đồng chí Nguyễn Đình Thăng (trưởng Ty Khuyến Nông) tiếp tục phụ trách công tác Nông hội tỉnh. Ban chấp hành Nông hội tỉnh gồm 2 đồng chí.

Sau khi được kiện toàn, Nông hội tỉnh đã phát động những nội dung thi đua cụ thể, thiết thực cho các hội viên Nông hội như: thi cấy, tổ đội công... Nhiều phong trào hoạt động của nông dân toàn tỉnh đã được thực hiện như: khai hoang, phục hóa theo tinh thần “không để đất bị hoang”; hũ gạo tiết kiệm... Các phương pháp kỹ thuật trong trồng, cấy như cấy sâu, bừa kỹ, tăng cường phân bón, làm cỏ, đắp bờ giữ nước đã được Nông hội, nông dân các thôn, xóm, bản quan tâm thực hiện.

Nhờ đó, diện tích canh tác của toàn tỉnh được mở rộng, sản lượng lương thực tăng lên rõ rệt. Năm 1948, toàn tỉnh cấy được 44.319 mẫu. Tổng sản lượng lương thực năm 1948 đạt 40.127 tấn thóc (tăng 13.235 tấn so với năm 1947), 191 tấn ngô, 920 tấn sắn, gần 1.500 tấn khoai, gần 600 tấn đỗ, lạc, vừng.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng công tác hoạt động của Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh (Nông hội tỉnh) từ khi được kiện toàn về bộ máy tổ chức (6/1948) chưa thật sự phát huy được vai trò của mình. Do chỗ, Ban Chấp hành Hội khi thành lập mới có 2 đồng chí, chưa có kinh nghiệm trong tổ chức, đồng chí phụ trách chính của Hội lại chỉ là kiêm nhiệm. Đến tháng 12/1948, Ban Chấp hành mới bổ sung thêm 2 đồng chí nâng số lượng lên làm 4 đồng chí, trực tiếp chỉ đạo và tổ chức các hoạt động phong trào nông dân tỉnh.

Tháng 12/1948, Hội đã tổ chức được Hội nghị Nông dân toàn tỉnh để kiểm điểm công tác trong 6 tháng kể từ khi Hội được kiện toàn.



Hội nghị đã đánh giá cao việc thành lập và kiện toàn tổ chức Nông hội từ cấp tỉnh đến cơ sở, đóng vai trò chỉ đạo phát triển phong trào nông dân của tỉnh. Hội cũng đã chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức Nông hội cấp huyện, xã. Vận động nông dân gia nhập Hội. Tính đến cuối năm 1948, toàn tỉnh đã có gần 2000 hội viên tham gia vào Nông hội. Tuy nhiên, do còn thiếu về cán bộ hội, năng lực nhiều cán bộ còn hạn chế, chưa có kế hoạch trong công tác chỉ đạo của Hội, vì thế từ khi Nông hội tỉnh được thành lập đến cuối năm 1948, trong 6 tháng hoạt động chưa phát huy được sức mạnh của Hội, phong trào nông dân tỉnh vẫn do các tổ chức đoàn thể khác phụ trách.

Trong “*Báo cáo tổng kết về công tác Dân Vận toàn tỉnh năm 1948*” đánh giá về công tác của Hội Nông dân tỉnh: “*Từ đầu năm cho đến tháng 10/1948, Ban Chấp hành Nông dân tỉnh chỉ có 2 đồng chí, năng lực kém. Không làm được gì đáng kể. Hai đồng chí chia nhau đi các huyện giúp đỡ phong trào nông dân, rồi dự hết Hội nghị này đến hội nghị khác, một đồng chí lại ốm gần 2 tháng không làm được gì. Ngoài việc hàng tháng họp với các huyện, các đồng chí đi kiểm tra và gửi người đi huấn luyện nông dân Khu. Công tác không có kế hoạch, ít người phụ trách có năng lực, nên phong trào nông dân toàn tỉnh trong những tháng này im lìm. Đầu tháng 11 đồng chí Hỷ bí thư huyện ủy được điều động về phụ trách Nông dân tỉnh. Nông dân khu lại cho thêm một đồng chí, Ban Chấp hành Nông dân tỉnh có 4 người. Các đồng chí bắt đầu ngay việc kiểm tra nông thôn, phân nhau đi các Huyện. Tháng 12/1948, tổ chức được một cuộc Hội nghị nông dân toàn tỉnh để kiểm tra công tác trong 6 tháng. Có thêm cán bộ nên Ban Chấp hành hoạt động phong trào nông dân đã thấy nổi lên”.*

Sau khi có thêm cán bộ tham gia vào Ban Chấp hành Nông dân tỉnh, chỉ đạo của Hội trở nên tích cực và hiệu quả, sát sao với phong trào nông dân của tỉnh để thúc đẩy phong trào phát triển.

Bước sang năm 1949, sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban kháng chiến Hành chính cùng các đoàn thể cấp xã trong toàn tỉnh được kiện toàn. Thực hiện cuộc vận động *chấn chỉnh cấp xã* do Liên khu Việt Bắc phát động theo tinh thần chỉ thị của Trung ương, với khẩu hiệu *Chuyển trọng tâm công tác xuống xã*, tỉnh Thái Nguyên đã thành lập nhiều đội công tác xuống các huyện củng cố cấp xã. Trong các đội công tác về vận động tại xã, cán bộ Hội Nông Cứu quốc tỉnh cũng tham gia giúp đỡ nông dân trong thành lập các tổ đổi công sản xuất ở các thôn xóm. Nông dân có điều kiện hỗ trợ lẫn nhau về nhân lực, sức kéo, đảm bảo sản xuất kịp mùa vụ.

Trước tình trạng một số đồn điền, trại áp sản xuất không hiệu quả, thậm chí bỏ hoang, tháng 2/1949, thực hiện sắc lệnh tạm cấp ruộng đất của Việt gian và thông tư chia ruộng đất của thực dân Pháp cho nông dân nghèo, hàng chục mẫu ruộng đã được chia cho dân cày nghèo.

Ngày 30/6/1949, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh mở Hội nghị “Tăng gia sản xuất” với sự tham gia của đại biểu Ban Canh nông, đại biểu của Nông hội tỉnh, huyện, đại biểu các chủ điền, tá điền trong tỉnh. Hội nghị đã đánh giá trong 6 tháng đầu năm 1949: do thành lập được 20 tập đoàn đôi công nên toàn tỉnh cơ bản giải quyết được tình trạng khan hiếm nhân công sản xuất nông nghiệp. Ban Canh nông tiếp tục trích quỹ tín dụng cho nông dân vay 640.940 đồng để mua trâu, bò cày kéo, làm thủy lợi và phát triển chăn nuôi.

Thực hiện Sắc lệnh số 75/SL ngày 1/7/1949 của Chính phủ, Nghị định số 171/VNI và Thông tư số 33/VNII ngày 11/8/1949 của Liên bộ Nội vụ - Tư pháp – Canh nông – Tài chính về việc tạm cấp ruộng đất thu được của các đồn điền Pháp và đồn điền vắng chủ chia cho dân nghèo, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh chỉ đạo các ngành chuyên môn tiến hành đo đạc lại diện tích thu được trong các đồn điền. Đến tháng 4/1950, tỉnh Thái Nguyên đã tạm cấp 9.929 mẫu ruộng trong 8 đồn điền cho 16.695 nông dân không có ruộng hoặc có ít ruộng cấy. Thực hiện chủ trương giảm tô của Chính phủ, hầu hết các điền chủ trong tỉnh đều giảm tô 25%.

Ngày 6/8/1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 02 – NQ/TW về việc thành lập Ban Nông vận Trung ương<sup>(29)</sup> để thống nhất nông dân trong toàn quốc. Trụ sở đầu tiên của Ban Nông vận Trung ương (năm 1949) đóng tại Bản Lá (Ròng Khoa), xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Ban Nông vận và Hội Nông dân cứu quốc Việt Nam đã ở Ròng Khoa suốt từ 1949 – 1952. Các đồng chí trong Ban thường xuyên thay nhau đi cơ sở nắm tình hình của các liên khu, tỉnh, chỉ đạo, vận động phong trào thi đua yêu nước. Nông dân tuyên truyền đóng thuế nông nghiệp... chính sách giảm tô, giảm thuế tiến tới chuẩn bị cải cách ruộng đất. Nhờ đó mà phong trào nông dân và công tác Nông hội của tỉnh Thái Nguyên có điều kiện phát triển. Hội đã có nhiều thức vận động để nông dân trong toàn

---

<sup>(29)</sup> Ngày 16/8/1949 Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 02 – NQ/TW về việc thành lập Ban Nông vận Trung ương gồm 6 đồng chí: Hồ Viết Thắng (Tức Hồ Sĩ Kháng), Trần Văn Thịnh, Nguyễn Hữu Thái, Phạm Xuân Di, Trương Việt Hùng, Trần Đào. Đồng chí Hồ Viết Thắng làm trưởng ban. Các đồng chí Nông vận Trung ương kiêm Đảng đoàn Nông dân Cứu quốc. Trụ sở đầu tiên của Ban Nông vận Trung ương (1949) đóng tại Bản lá (Ròng Khoa), xã Diêm Mặc, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; sau đó chuyển sang thôn Tân Lập, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

tích cực tham gia vào Nông hội. Số hội viên tham gia vào Nông hội ngày càng tăng. Hội cũng vận động hội viên, nông dân tích cực tham gia kháng chiến, đẩy mạnh phong trào sản xuất, thực hiện đầy đủ các chính sách ruộng đất của Đảng.

Ngày 14/9/1949, Hội đồng Kinh tế tỉnh được thành lập làm nhiệm vụ phối hợp hoạt động của các cơ quan chính quyền, đoàn thể và cơ quan chuyên môn trong tỉnh nhằm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mà trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Thực hiện Sắc lệnh tháng 10/1949 của Chính phủ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh tổ chức sáp nhập các ty Túc mễ, Khuyến nông, Tầm tang, Thú ngư (thuộc Ban Canh nông) thành Ty Nông chính, do đồng chí Lê Huỳnh (Trưởng ty Khuyến nông từ tháng 2/1949) làm Trưởng ty, phụ trách công tác Nông hội tỉnh.

Nhờ có các biện pháp tích cực, phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp, nông thôn Thái Nguyên trong hoàn cảnh kháng chiến và sự hướng dẫn, giúp đỡ của cán bộ Nông hội, Nông chính đối với nông dân trong việc chăm sóc lúa và hoa màu nên sản lượng lương thực, thực phẩm của Thái Nguyên năm 1949 tiếp tục đạt cao, tăng 11.090 tấn thóc và 488 tấn hoa màu so với năm 1948. Đời sống của nông dân và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên từng bước được cải thiện.

Không chỉ tích cực tăng gia sản xuất, nông dân Thái Nguyên còn tích cực tham gia xây dựng căn cứ địa, đóng góp cho kháng chiến. Các huyện Phổ Yên, Phú Lương, Đồng Hỷ đã có sáng kiến tổ chức “chợ kháng chiến” thu mua lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cung cấp cho căn cứ địa. Chỉ riêng 1949, các “chợ kháng chiến” đã mua được 550 tấn lương thực, 70 tấn muối, đáp ứng được một phần nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho trung tâm căn cứ địa và bộ đội.

Hưởng ứng phong trào đóng góp xây dựng “*Quỹ kháng chiến*” do Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh phát động, năm 1949, nhân dân toàn tỉnh đã đóng góp được hơn 720.850 đồng. Nhân dân xã Dân Chủ (huyện Đồng Hỷ) bán 12 tấn gạo giá rẻ cho bộ đội, được Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen ngợi. Nông dân huyện Đại Từ đã ủng hộ bộ đội địa phương được hơn 13 tấn thóc và 131.068 đồng. Nhằm giảm bớt sự đóng góp của nhân dân và thực hiện chủ trương “vừa đánh giặc vừa sản xuất” của Đảng, Đảng bộ tỉnh đã vận động nông dân dành 200 mẫu ruộng cho bộ đội địa phương và dân quân, du kích sản xuất, hàng năm thu hoạch được hàng trăm tấn thóc.

Để bảo đảm vững chắc trung tâm căn cứ địa – thủ đô kháng chiến của cả nước, sau Thu - Đông 1947, nông dân Thái Nguyên đã tham gia tích cực vào nhiệm vụ xây

dựng củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương. Cuối năm 1948, số lượng nông dân tham gia dân quân, du kích toàn tỉnh lên tới 20.012 cán bộ, chiến sĩ, trong đó có 4514 du kích xã, 315 du kích tập trung huyện và tỉnh.

Hưởng ứng phong trào “*Hũ gạo kháng chiến*”, cán bộ Nông hội đã vận động nông dân và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh ủng hộ bộ đội địa phương tính đến 12/1949 là 154.524kg thóc, 161.575 đồng tiền mặt, 116 áo trấn thủ, 352 bộ quần áo, 24 mẫu ruộng cho bộ đội địa phương để “vừa đánh giặc vừa sản xuất”.

Hưởng ứng phong trào “*Bán gạo khao quân*” do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động năm 1950, nông dân Thái Nguyên đã bán cho Chính phủ 3.175 tấn thóc, gạo. Nông dân huyện Phú Bình đóng góp 3.250kg thóc và 438.885 đồng tiền mặt ủng hộ bộ đội địa phương. Thực hiện khẩu hiệu “Vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu”, năm 1950 lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích của tỉnh đã cấy trên 200 mẫu ruộng thu hoạch được hàng trăm tấn thóc giảm bớt sự đóng góp của dân và từng bước cải thiện đời sống cán bộ, chiến sĩ.

Sang năm 1950, cùng với cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đẩy mạnh thi đua “Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công” theo tinh thần Chỉ thị Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 (21/1 – 3/2/1950) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa I). Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính, Ty Nông Chính tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư phát triển nông nghiệp, tập trung vào sản xuất lương thực, thực phẩm. Dưới sự giúp đỡ của cán bộ Nông hội, Nông chính, nông dân các huyện trên địa bàn Thái Nguyên đã tích cực sửa chữa hoặc đắp mới hàng chục ngàn mét nương, nạo vét, tu bổ đưa nước vào đồng ruộng. Nông dân Thái Nguyên còn tích cực tham gia thi đua gieo cấy và chăm sóc cây trồng với khẩu hiệu “Toàn dân canh tác”, tham gia “Tuần lễ làm cỏ phân bón”, “Tuần lễ tăng năng suất lúa mùa”...

Nhờ đó, năm 1950 nhân dân Thái Nguyên đã đóng cho kháng chiến 3.175 tấn thóc công lương, thóc điền thổ, 5.190.108 đồng tiền mặt và tiếp nhận từ Bắc Giang 3.000 tấn thóc cho nhân dân xay, giã để gửi ra mặt trận phục vụ Chiến dịch Biên giới Thu – Đông 1950<sup>(30)</sup>.

Tháng 6/1950 tại ATK Định Hóa, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, quyết định mở Chiến dịch Biên giới. Tỉnh ủy Thái Nguyên ra chỉ thị chống địch càn quét bảo

---

<sup>(30)</sup> *Lịch sử ngành Nông nghiệp và phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên*, Tr.81, Năm 2011.

vệ địa phương, bảo vệ mùa màng, các huyện Phú Bình, Phở Yên, Đông Hỷ, Đại Từ đều thành lập Ban Chỉ huy tác chiến các cấp huyện, xã làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy xây dựng làng chiến đấu, phá hoại giao thông, ngăn cản bước tiến của địch, huy động lương thực, thực phẩm để phục vụ chiến đấu. Nông dân và nhân dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái phục vụ Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950, sẵn sàng đánh giặc bảo vệ quê hương.

Để đảm bảo giao thông vận tải thông suốt phục vụ Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950 nhiều nông dân tỉnh Thái Nguyên đã tham gia vào đợt dân công đầu tiên để vận tải lương thực, thực phẩm, vũ khí phục vụ Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950.

Tháng 8/1950, tỉnh Thái Nguyên lại huy động tiếp 277 dân công đi phục vụ Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950. Tính từ tháng 1/1950 đến hết Chiến dịch Biên giới tháng 10/1950, tỉnh Thái Nguyên đã huy động 63.442 lượt người trong độ tuổi từ 16 đến 55 đi dân công, trong số đó hầu hết là nông dân.

Trong gần nửa tháng chiến đấu chống lại cuộc hành quân “Phoque” của quân đội Pháp, quân và dân tỉnh Thái Nguyên cùng với bộ đội chủ lực đã đánh trên 60 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 872 tên địch, bắn rơi 1 máy bay, bắn hỏng nặng 3 cano, thu 160 súng các loại. Ngày 11/10/1950, quân Pháp buộc phải rút khỏi Thái Nguyên về Hà Nội. Chiều ngày 12/10/1950 tỉnh Thái Nguyên hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược.

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nông dân Thái Nguyên là nguồn nhân lực chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, góp phần tăng cường lực lượng bộ đội chủ lực. Trong năm 1949, toàn tỉnh Thái Nguyên huy động 2.367 thanh niên ưu tú trong các thôn, xóm, bản lên đường nhập ngũ xây dựng bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực, là những đóng góp quan trọng vào chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947 và chiến dịch Biên giới Thu – Đông 1950.

### **III. Vận động hội viên tham gia xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1950 – 1954)**

Sau thắng lợi Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950, Thái Nguyên đẩy mạnh việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về khuyến khích và phát triển sản xuất nông nghiệp. Quỹ tín dụng của tỉnh đầu tư cho nông dân vay 10.400.907 đồng để mua nông cụ sản xuất và trâu, bò cày kéo cung cấp cho các huyện 45.327kg giống lúa và ngô ngắn ngày, đổi trực tiếp cho nông dân 11.000kg giống lúa chiêm sớm.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV (4/1951) đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 11 ủy viên chính thức, đồng chí Nguyễn Thế Đạt ủy viên, phụ trách Nông hội.

Với sự quan tâm và chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh mà trực tiếp là đồng chí Nguyễn Thế Đạt, phong trào nông dân và công tác của Nông hội tỉnh đã có nhiều khởi sắc. Hội đã vận động nông dân tích cực tăng gia sản xuất, tham gia kháng chiến. Hướng dẫn để hội viên và nông dân tỉnh thực hiện chính sách ruộng đất, công tác thuế nông nghiệp.

Thi hành chính sách thuế nông nghiệp do Chính phủ ban hành ngày 1/5/1951, ngày 4/8/1951, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ra Nghị quyết chỉ rõ lãnh đạo thi hành Chỉ thị về thuế nông nghiệp là công tác trọng tâm hiện nay của các cấp ủy đảng trong tỉnh. Hội nghị Ban Thường vụ quyết nghị:

1. Tất cả các cán bộ quân, dân, chính, đảng đều phải học tập và tuyên truyền chính sách thuế nông nghiệp cho nhân dân.

2. Phát động chiến dịch thuế nông nghiệp.

3. Thành lập Ban Chỉ huy thuế nông nghiệp gồm các đồng chí: Hoàng Cừ (Bí thư Tỉnh ủy), Lê Vũ (Tỉnh đội trưởng), Nguyễn Thế Đạt (phụ trách Nông hội), Trần Lê Nhân (phụ trách kinh tế - tài chính) do đồng chí Trần Lê Nhân làm Trưởng ban.

4. Đối với 2 cấp huyện và xã, huyện ủy và chi ủy xã trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy chiến dịch thuế nông nghiệp ở huyện và xã mình. Cán bộ các ngành, các cấp ở tỉnh và huyện đều phải xuống huyện và xã làm công tác thuế nông nghiệp, trừ những người thật cần thiết mới ở lại cơ quan

Ngày 5/10/1951 toàn tỉnh đã cơ bản lập xong sổ thuế nông nghiệp ở xã. Cuối năm 1951, toàn tỉnh thu được 12.000 tấn thóc thuế, kịp thời đáp ứng nhu cầu cho kháng chiến.

Tháng 12/1951 huyện Định Hóa đã tổ chức được 419 tổ đôi công (gồm 2.635 hộ gia đình với 4.966 lao động), làm được 78 kho thóc ở các thôn; huy động được 1.050 dân công làm đường, vận chuyển lương thực; phụ nữ may ủng hộ bộ đội 865 áo, 90 chăn, 169 áo trấn thủ.

*Về công tác Nông hội*, sang đến 1951, thực hiện Nghị quyết của Liên khu Việt Bắc, tất cả hội viên của Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc là nông dân đều tham gia Hội Nông dân Cứu quốc. Đồng chí Nguyễn Thế Đạt – Tỉnh ủy viên được Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh phân công giữ chức vụ Bí thư Nông hội tỉnh,

trực tiếp phụ trách công tác Nông hội. Nhờ đó, các hoạt động của Nông hội được thực hiện có kế hoạch và hiệu quả hơn đối với phong trào nông dân tỉnh.

Báo cáo số 007-BC/TN, ngày 2/2/1952 “*Tổng kết tình hình mọi mặt năm 1951 của tỉnh ủy Thái Nguyên*”, Công tác Nông vận đã đánh giá về hoạt động của Nông hội tỉnh: “*Công tác nông vận đã được chú trọng nhưng còn khuyết điểm: Công tác nông vận trong năm 1951 đã biết nhằm vào việc vận động nhân dân thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, các cán bộ nông vận đều tham gia vào công tác lãnh đạo thực hiện chính sách ruộng đất và thuế nông nghiệp.*

*Về công tác tổ chức: đã được cấp ủy chú trọng đồng chí cấp ủy viên và cán bộ có năng lực phụ trách, do đó phong trào nông dân đã tiến bộ như đã có kế hoạch chấn chỉnh các tổ, giáo dục hội viên, đặc biệt việc bầu chiến sĩ nông nghiệp toàn tỉnh vừa qua đã có kết quả lớn, đã gây được cho chiến sĩ và cán bộ tinh thần phấn khởi, tổng kết được kinh nghiệm của các chiến sĩ.*

*Tuy đã được chú trọng của các cấp nhưng công tác vận động nông dân còn nhiều nhược điểm và khuyết điểm sau đây: Cán bộ chưa thấm nhuần chính sách nông thôn của Đảng nên việc lãnh đạo thực hiện tuy có nhằm đúng trọng tâm hướng các tổ chức quần chúng nên có tình trạng tuyên truyền thanh niên, phụ nữ vào Hội nhưng kết nạp chậm hoặc kết nạp rồi thì thiếu sinh hoạt. Chưa kết hợp được công tác xây dựng Hội với công tác thuế nông nghiệp”.*

Vì thế, để công tác Nông hội hoạt động có hiệu quả hơn, các cán bộ của Hội đã tích cực tham gia sinh hoạt với hội viên ở cấp cơ sở; hướng dẫn hội viên, nông dân thực hiện các chỉ thị, nghị quyết cấp trên, đặc biệt trong công tác thực hiện thuế nông nghiệp cho đúng với tinh thần, chủ trương của Đảng.

Từ năm 1952 trở đi, hoạt động của Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên dần đi vào nề nếp. Tỉnh Hội đã phát động thi đua xây dựng Hội vững mạnh theo 6 nội dung:

- Một là, sinh hoạt đều.
- Hai là, các hội viên và tổ trưởng thực hiện tốt chỉ thị, nghị quyết của cấp trên.
- Ba là, các hội viên thực hiện giúp đỡ nhau.
- Bốn là, các hội viên gương mẫu tăng gia sản xuất.
- Năm là, thực hiện cải thiện dân sinh, vệ sinh nhà cửa.
- Sáu là, gương mẫu giảm bớt chi tiêu trong đám ma, đám cưới.

Theo sáng kiến của Hội Nông dân Cứu quốc, năm 1952 tỉnh đã tổ chức Tuần lễ liên minh Công – Nông – Binh. Đây là cuộc vận động chính trị trong công nhân, nông dân và quân đội tại tỉnh Thái Nguyên xây dựng và củng cố tình quân – dân, thúc đẩy cuộc kháng chiến.

Đánh giá về công tác tổ chức phong trào thi đua của Hội Nông dân Cứu quốc Thái Nguyên năm 1952, tại Báo cáo số 54-BC/TN, ngày 26/12/1952 về “Sự lãnh đạo phong trào thi đua của Tỉnh ủy Thái Nguyên”: “*Ngoài việc phối hợp với Công đoàn, tỉnh còn giới thiệu các chiến sĩ Thuy, Quac, Ba, Kha đi báo cáo kết quả Đại hội ở các Hội nghị, có gửi kinh nghiệm của các chiến sĩ cho Huyện, còn Huyện không gửi cho xã. Nói chung việc giới thiệu các chiến sĩ nông nghiệp trong tỉnh cũng ít, chỉ mời các chiến sĩ đến dự các Hội nghị có tính chất long trọng, chưa có kế hoạch phổ biến các giao ước thi đua của các chiến sĩ trong nông dân. Việc học tập huấn thị của Hồ Chủ tịch và các bài của đồng chí Trường Chinh trong Nông hội mới có một số ít cán bộ xem qua còn một số lớn chưa học tập (cả huyện và xã) nên chưa rõ lợi ích chính trị của Đại hội thi đua toàn quốc”.*

Hoạt động của Nông hội đối với công tác lãnh đạo phong trào thi đua còn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác thi đua. Vì thế, chưa khơi dậy được ở hội viên và nông dân trong tỉnh tính tích cực, chủ động tham gia thi đua, chưa thấy được ý nghĩa và sự ảnh hưởng từ các gương điển hình tiên tiến đến hội viên, nông dân tỉnh.

Tính đến ngày 31/3/1953, Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh Thái Nguyên có 46.242 hội viên, chiếm 30% dân số. Có 71 Ban Chấp hành Nông hội, mỗi Ban Chấp hành có từ 3 đến 5 người. Đa số trong 71 Ban Chấp hành Nông hội, Bí thư là chi ủy viên<sup>(31)</sup>. Bấy đồng chí Bí thư Nông hội huyện đều là Huyện ủy viên. Toàn tỉnh lúc này có 23 cán bộ hoạt động Nông hội chuyên nghiệp<sup>(32)</sup>.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

*“Ruộng rẫy là chiến trường*

*Cuốc cày là vũ khí*

*Nhà nông là chiến sĩ*

*Hậu phương thi đua với tiền phương”.*

---

<sup>(31)</sup> Lúc đó do ghép hai, ba xã làm một liên xã, nên số đơn vị xã ít. Đảng bộ xã lúc đó là chi bộ.

<sup>(32)</sup> Thực tế đầu năm 1953, số cán bộ chuyên nghiệp của Nông hội Thái Nguyên có trên 50 đồng chí, đến tháng 3 năm đó, nhiều cán bộ Nông hội được cử đi học tập chuẩn bị phát động quần chúng, nên chỉ còn 23 cán bộ - Tư liệu Phòng lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.



Hội Nông dân Cứu quốc Thái Nguyên đã vận động hội viên đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Ngoài kế hoạch sản xuất gia đình, Hội còn vận động hội viên trồng hoa màu, cấy lúa vụ chiêm, bỏ tập quán chỉ cấy 1 vụ. Chăn nuôi đẩy mạnh, tính riêng huyện Định Hóa, cuối năm 1950 toàn huyện đã có đàn trâu, bò 6.650 con, dê và ngựa gần 2.000 con, lợn 7.000 con, gà vịt 4.400 con.

Thực hiện cuộc vận động xây dựng nông thôn mới trong kháng chiến, Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh cũng đã vận động hội viên tích cực tham gia góp phần làm biến đổi nhiều lĩnh vực ở nông thôn về đời sống vật chất, tinh thần, tình cảm. Toàn tỉnh đã xây dựng được hơn 100 tổ đổi công. Cán bộ Nông hội còn về các địa phương hướng dẫn giúp đỡ nông dân thi đua chăm sóc lúa và hoa màu, các kỹ thuật chăn nuôi, phòng bệnh dịch cho vật nuôi, cây trồng. Nông dân trong tỉnh tin tưởng và tích cực tham gia vào Nông hội.

Là tỉnh nằm trong vùng tự do, lại là ATK trong căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, Thái Nguyên vinh dự được Trung ương Đảng chọn làm nơi thí điểm thực hiện chính sách ruộng đất. Giữa năm 1953, Trung ương chọn các xã Hùng Sơn (Đại Từ), Đức Liên, Nhã Lộng (Phú Bình), Đồng Bẩm, Dân Chủ, Phúc Xuân (Đồng Hỷ), thực hiện thí điểm triệt để giảm tô.

Qua hơn 3 tháng thực hiện thí điểm triệt để giảm tô ở 6 xã, hơn 1.819 mẫu ruộng, đất đã được giảm tô, 4.070 hộ gia đình nông dân đã được thoái tô với số thóc gần 406 tấn; 944 hộ gia đình nông dân, với 3.645 khẩu đã được chia ruộng đất. Các tổ chức chính quyền, đoàn thể được củng cố lại, nông dân phấn khởi gia nhập Nông hội.

Từ ngày 25/8 đến 20/10/1953 dưới sự lãnh đạo của Đoàn ủy II, Liên khu ủy Việt Bắc trực tiếp chỉ đạo tỉnh Thái Nguyên tiến hành giảm tô ở 33 xã thuộc bốn huyện, Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương. Cùng các đoàn thể, Hội Nông dân Cứu quốc từ cấp tỉnh đến cơ sở, tích cực động viên hội viên, nông dân tham gia tham gia vào giảm tô. Kết quả ở 33 xã này các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang được chấn chỉnh.

Từ ngày 20/12/1953 đến 25/1/1954, tỉnh Thái Nguyên thực hiện giảm tô ở 32 xã. Đây là đợt giảm tô tiến hành đồng thời với đợt thí điểm cải cách ruộng đất do Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ. Hội Nông dân Cứu quốc đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, giáo dục, vận động giúp hội viên, nông hiểu và biết cách thực hiện công tác giảm tô theo quy định. Sau 3 tháng tiến hành ở 6

xã thuộc huyện Đại Từ đã có 2.610 mẫu ruộng, 352 con trâu, bò, 1.062 nông cụ sản xuất, 33 ngôi nhà và 2,479kg thóc của địa chủ bị tịch thu đem chia cho nông dân không có ruộng hoặc ít ruộng; giai cấp địa chủ ở các xã này bị đánh đổ hoàn toàn.

Đến ngày 20/3/1954 đợt thí điểm cải cách ruộng đất ở 6 xã thuộc huyện Đại Từ đã kết thúc. Trong đợt thí điểm này, cán bộ các đội cải cách ruộng đất đã mắc phải sai lầm (có cán bộ vừa là đội trưởng đội cải cách, vừa là bí thư Nông hội) do quần chúng đấu tố tràn lan, thậm chí có cán bộ còn dựa vào những phần tử xấu lợi dụng tố sai, lại thiếu điều tra xác minh dẫn đến quy nhằm địa chủ, trừng trị oan một số quần chúng và đảng viên tốt. Các sai lầm và thiếu sót trên không được uốn nắn, sửa chữa kịp thời nên các cuộc cải cách ruộng đất tiếp theo ở Thái Nguyên lại mắc phải với mức độ nặng hơn.

Ngày 25/4/1954, tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành cải cách đợt I ở 47 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên. Đảng bộ Thái Nguyên cử 200 cán bộ tham gia cải cách đợt I, trong đó cán bộ Nông hội là những lực lượng đi đầu trong công tác hướng dẫn, giúp đỡ, tuyên truyền, vận động và cùng với hội viên, nông dân các xã thực hiện các biện pháp để thực hiện cải cách ruộng đất. Kết quả hơn 24.000 mẫu ruộng, hơn 24.000 con trâu bò, 798 ngôi nhà và trên 139 tấn thóc của địa chủ đã được tịch thu, trưng thu, trưng mua, chia cho 868 hộ nông dân nghèo; các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, quần chúng đã được chấn chỉnh, uy thế chính trị và quyền làm chủ nông thôn của nông dân được củng cố.

Với những biện pháp trên, ngành Nông nghiệp của tỉnh đã phục hồi, ruộng đất bỏ hoang được canh tác, người nông dân phấn khởi, nền kinh tế từng bước được phục hồi và phát triển. Vai trò của Hội Nông dân Cứu quốc được khẳng định và thu hút được nhiều hội viên tham gia.

Đời sống kinh tế của nông dân trong tỉnh từng bước được ổn định và cải thiện, đã góp phần thúc đẩy các hoạt động công tác giáo dục, y tế phát triển. Bộ máy làm công tác giáo dục ở tỉnh được kiện toàn. Công tác đào tạo cán bộ được chú ý. Ty Giáo dục phổ thông mở các lớp đào tạo giáo viên cấp 1, kịp thời đáp ứng nhu cầu dạy học cho con em nông dân các dân tộc trong tỉnh. Ty Bỏ túc văn hóa cũng mở nhiều lớp bồi dưỡng văn hóa, nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ làm công tác bỏ túc văn hóa cơ sở.

Về công tác y tế, y tế nông thôn cũng bắt đầu được xây dựng từ những năm đầu kháng chiến. Từ cuối năm 1950, hệ thống y tế từ tỉnh xuống các huyện đã tương đối

hoàn chỉnh. Đến năm 1952, mỗi xã trong tỉnh có một y tế (sơ cấp), mỗi thôn có một cán bộ phát thuốc cho dân.

Sau chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, quân đội ta liên tiếp mở các chiến dịch tiến công và phản công, do đó nhu cầu đảm bảo giao thông, vận chuyển lương thực thực phẩm, vũ khí cho các chiến trường ngày càng lớn. Giữa tháng 11/1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, đã huy động dân công sửa chữa cầu, đường trên hai tuyến Quốc Lộ 1b và Tỉnh lộ 13a là 2 tuyến giao thông huyết mạch. Các huyện thành lập Ban Chỉ huy công trường, các xã thành lập Ban Huy động dân công.

Cùng với Ban Huy động dân công, Hội Nông dân Cứu quốc đã vận động hội viên, nông dân nhiệt tình tham gia dân công sửa chữa cầu đường. Cùng với nhân dân trong tỉnh, nông dân đã hăng hái lên các công trường đóng góp 900.000 công đào đắp 123.903m<sup>3</sup> đất, khai thác 22.634m<sup>3</sup> đá; 29.595 công khai thác 1.534m<sup>3</sup> gỗ làm cầu; đóng mới và sửa chữa 29 phà hoàn thành việc khôi phục các tuyến đường Bờ Đậu - Chợ Mới, Bờ Đậu - Đèo Khế, Bờ Đậu - Thị xã Thái Nguyên - Bắc Giang, Km 31 - Quán Vuông - Khuôn Ngàn - Dốc Dinh - Suối Nóng - Dốc Điệp, Linh Nham - Giang Tiên.

Để đảm bảo giao thông vận tải phục vụ Chiến dịch Tây Bắc và Chiến dịch Điện Biên Phủ, đầu năm 1954, Tỉnh ủy quyết định tập trung cán bộ xuống giúp các huyện huy động dân công san lấp hố bom, sửa chữa cầu, đường trên các tuyến Quốc lộ 1b và Tỉnh lộ 13a. Đã có 19.700 nông dân Thái Nguyên tiếp tục đi dân công làm nhiệm vụ bảo vệ, sửa chữa những đoạn đường xung yếu trên các tuyến giao thông khi bị máy bay địch bắn phá, đảm bảo giao thông thông suốt. Gần 10.000 nông dân bắt chấp mưa gió, bom đạn kẻ thù để lên đường làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí ra mặt trận góp phần cùng nhân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Thái Nguyên có gần 325.000 người - chủ yếu là nông dân tham gia dân quân, du kích và tự vệ chiến đấu; 17.843 người tòng quân giết giặc có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương. Trong chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng (7/5/1954) nhân dân Thái Nguyên - chủ yếu là nông dân đã có những đóng góp quan trọng góp phần buộc thực dân Pháp phải kí hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (21/7/1954).

### **CHƯƠNG III**

## **HỘI NÔNG DÂN VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH**

## **TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ, CỨU NƯỚC**

### **(1954 – 1975)**

#### **I. Vận động hội viên tham gia khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 – 1965)**

Sau ngày Hiệp Định Giơ-ne-vơ được kí kết, miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành chỗ dựa vững chắc cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Tổng diện tích canh tác toàn tỉnh thời gian này là 52.201ha; trong đó diện tích gieo cấy lúa là 43.673ha, diện tích cây hoa màu lương thực là 4.765ha, diện tích cây trồng thực phẩm 2.778ha, diện tích cây trồng công nghiệp là 895ha. Dân số toàn tỉnh là 23 vạn người, đa số sinh sống ở vùng nông thôn và chủ yếu làm nghề nông.

Trong khi đó, nền kinh tế Thái Nguyên chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu mang tính tự cấp tự túc. Vết thương chiến tranh còn nặng nề, giao thông, cầu cống, kho hàng, nhà cửa bị tàn phá nghiêm trọng; nhiều trâu bò bị giết, ruộng đất nhiều nơi bị hoang hóa. Trình độ sản xuất thấp, đời sống của nông dân cũng như nhân dân toàn tỉnh gặp nhiều khó khăn do chiến tranh và thiên tai để lại. Cuối năm 1954 nạn đói xuất hiện ở một số huyện. Đến đầu năm 1955, nạn đói lan rộng chủ yếu ở 35 xã thuộc các huyện Phú Bình, Phở Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ.

Trong điều kiện đất nước đã hòa bình, yêu cầu người cày có ruộng trở nên cấp bách. Vì thế, việc tiếp tục hoàn thiện cải cách ruộng đất cũng là 1 nhiệm vụ cấp bách của tỉnh Thái Nguyên nói riêng, của miền Bắc nói chung.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, từ ngày 22/10/1954, đợt 2 cải cách ruộng đất được thực hiện ở 22 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phở Yên, đã quy 339 địa chủ, 355 phú nông; đồng thời đã trưng thu, trưng mua 3.181 mẫu ruộng, 1.093 trâu bò, 250 tấn lương thực cùng nhiều công cụ chia cho 7.000 gia đình nghèo.

Đồng thời với việc tiến hành cải cách ruộng đất đợt 2, nông dân ở 73 xã miền núi thuộc các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Định Hóa đã thực hiện cải cách dân chủ đòi địa chủ giảm tô, giảm tức thẳng lợi. Qua giảm tô, và 3 đợt cải cách ruộng đất của Thái

Nguyên, các Đội đã quy 1.177 gia đình thành phần địa chủ, trong đó có 264 địa chủ, cường hào gian ác; 1.082 gia đình thành phần phú nông; 377 người bị bắt giam, 29.700 mẫu ruộng, 3.864 trâu bò, 514 tấn thóc và hàng ngàn nông cụ, dụng cụ sinh hoạt bị tịch thu, trưng thu, trưng mua chia cho 22.000 gia đình nông dân nghèo.

Đến ngày 25/1/1955, cuộc cải cách ruộng đất ở Thái Nguyên kết thúc, các gia đình thuộc thành phần bản cổ nông và dân nghèo không có ruộng đều được chia ruộng đất, đã biến ước mơ của người nông dân “Người cày có ruộng” trở thành hiện thực, sức sản xuất của người nông dân ở nông thôn được giải phóng, tạo ra sự phát triển mới trong nông nghiệp của tỉnh Thái Nguyên.

Bên cạnh những thắng lợi nói trên, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình giảm tô và cải cách ruộng đất cũng mắc phải những sai lầm. Nguyên nhân chủ yếu là do không nắm chắc đặc điểm, tình hình nên đã rập khuôn máy móc những biện pháp phương pháp, chỉ tiêu chung của Trung ương về giảm tô và cải cách ruộng đất, đã dẫn đến tình trạng quy chụp, đầu tố tràn lan, quy sai thành phần cho nhiều gia đình.

Sai lầm của cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức đã ảnh hưởng không nhỏ đến tinh thần, tư tưởng của nông dân, đến “sự đoàn kết nội bộ Nông hội và nông dân”<sup>(33)</sup>. Trong phát động giảm tô và cải cách ruộng đất, Hội Nông dân Cứu quốc (gọi tắt là Nông hội) phải là tổ chức nòng cốt, là lực lượng cơ bản, là chỗ dựa vững chắc để tập hợp và đoàn kết đông đảo lực lượng nông dân dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, sự chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền và đội giảm tô, cải cách ruộng đất, đấu tranh đánh đổ giai cấp địa chủ. Nhưng, ngay từ đầu, khi đội công tác xuống đến xã, Nông hội không là chỗ dựa mà còn bị nghi ngờ là tay chân của địch, bị đả kích. Trong quá trình phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức hình thành một tổ chức Nông hội mới. Do đó, khi Đảng phát hiện ra sai lầm thì tổ chức Nông hội ở hầu hết các xã trong tỉnh phân rã, tê liệt. Kéo theo nó là hàng loạt tổ đội công – kết quả của nhiều năm vận động xây dựng nông thôn của Hội cũng tan vỡ theo. Từ năm 1953 đến 1956, huyện Võ Nhai có 450 tổ đội công, đến đầu năm 1957 còn 33 tổ; xã Hùng Sơn (huyện Đại Từ) từ 51 tổ đội công nay còn 3 tổ. Phong trào đội công sút kém.

---

<sup>(33)</sup> Nhận xét trong dự thảo “Báo cáo chinh đồn tổ chức trong phát động giảm tô và cải cách ruộng đất của tỉnh Thái Nguyên”.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương (khóa II) họp tháng 9/1956 về việc “kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức”, từ tháng 12/1956, các Đội sửa sai do tỉnh và các huyện tổ chức đã trực tiếp xuống các xã lãnh đạo, chỉ đạo công tác sửa sai.

Trong kháng chiến chống Pháp, Thái Nguyên là vùng tự do nên đã có nhiều điều kiện thuận lợi để thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ đối với nông dân trong tỉnh. Qua các đợt tạm cấp ruộng đất đồn điền của Pháp, đồn điền vắng chủ cho nông dân, đến trước cải cách ruộng đất, diện tích ruộng đất của địa chủ Thái Nguyên đã bị thu hẹp, chỉ còn khoảng 1/3 so với trước Cách mạng Tháng Tám, trong đó là tự canh, diện tích phát canh, thu tô không nhiều.

Sau Cách mạng Tháng Tám, một số địa chủ chạy vào vùng địch, ruộng đất của họ đã bị tịch thu, một số địa chủ phá sản trở thành nông dân lao động, những đối tượng đủ tiêu chuẩn để quy thành thành phần địa chủ ở Thái Nguyên đến trước cải cách ruộng đất còn lại không nhiều. Nhưng do máy móc, giáo điều, các Đội cải cách cố tìm cho đủ chỉ tiêu 5% số hộ là địa chủ của mỗi xã, mỗi huyện, nên trong 75 xã cải cách ruộng đất đã có tới 1.477 gia đình bị quy là thành phần địa chủ, đến khi sửa sai phát hiện đã quy sai tới 835 gia đình. Trong số 564 người bị quy là địa chủ, cường hào, gian ác, có 377 người bị bắt giam, đã có 75 người bị chết trong nhà tù và trong số 25 người bị quy là có tội ác bị kết án tử hình chỉ có 52% là đúng.

Trong khi tiến hành cuộc vận động giảm tô và cải cách ruộng đất, tỉnh còn kết hợp chỉnh đốn tổ chức ở nông thôn mà chủ yếu là chỉnh đốn tổ chức Đảng. Xuất phát từ những nhận thức sai lệch: chi bộ Đảng ở nông thôn đã bị địa chủ, phú nông và bọn phản động lũng đoạn, trong các chi bộ còn nhiều người thuộc thành phần giai cấp bóc lột hoặc có liên quan đến thành phần bóc lột nên dẫn đến tình trạng chi bộ ở nông thôn yếu kém, phải cải biến thành phần chi bộ sao cho đảng viên trong các chi bộ này phải chủ yếu là nhân dân lao động.

Các Đội cải cách đã đưa 1.074 đảng viên, trong đó có hàng trăm cán bộ các cấp ủy Đảng (trên tổng số 3.448 đảng viên ở 75 xã cải cách ruộng đất) bị quy là thành phần bóc lột hoặc có liên quan đến giai cấp bóc lột đem ra phê bình, kiểm điểm, thậm chí nhiều người bị truy bức, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng, trong đó có 712 người bị oan chiếm 60,6%.

Thực hiện Nghị quyết và Chỉ thị của Trung ương về công tác sửa sai toàn tỉnh đã hạ thành phần cho 833 gia đình bị quy là địa chủ, gần 1.000 gia đình bị quy là phú nông, phục hồi Đảng tịch cho 500/712 đảng viên bị xử lý.

Ủy ban Hành chính và Ban Chấp hành Nông hội các xã vừa vận động cán bộ học viên học tập, phát hiện các trường hợp quy sai để sửa, vừa đồng thời vận động nông dân đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế, dần khôi phục lại các tổ đổi công. Vị trí, vai trò của Nông hội cũng từng bước được tăng lên, hội viên tin tưởng tham gia hoạt động trong Nông hội.

Cuối năm 1954, để củng cố khôi phục lại tổ chức của Nông hội, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục phân công đồng chí Nguyễn Thế Đạt – Tỉnh ủy viên, Bí thư Ban Chấp hành Nông hội tỉnh trực tiếp theo dõi, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phụ trách công tác Nông hội tỉnh. Ban Chấp hành Nông hội tỉnh được bổ sung thêm hai cán bộ. Nâng số cán bộ trong Ban Chấp hành từ 3 lên 5 người. Ban Chấp hành các huyện cũng được củng cố, kiện toàn, mỗi huyện có từ 3 – 5 ủy viên do đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư huyện ủy trực tiếp kiêm nhiệm làm Bí thư.

Để giải quyết những khó khăn về lương thực và chống đói, từ cuối năm 1954, Đảng bộ đã lãnh đạo chính quyền các cấp trong tỉnh phát động phong trào thi đua phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, cứu đói với các nội dung: khai hoang mở rộng diện tích, sửa chữa các công trình thủy lợi lớn nhỏ, nạo vét kênh mương, làm thêm cọn nước, trong đó nhiệm vụ phục hồi hoạt động của hệ thống thủy lợi sông máng được coi là công việc quan trọng. Hội Nông dân Cứu quốc cùng với các tổ chức đoàn thể của tỉnh đã thực hiện nhiều hình thức động viên, khuyến khích để hội viên, nông dân tích cực tham gia phong trào thi đua do Đảng bộ tỉnh phát động.

Từ ngày mùng 1 đến ngày 3/2/1955, Ủy ban Hành chính tỉnh phối hợp với Ban Chấp hành Nông hội tỉnh tổ chức Hội Nghị cán bộ gồm gần 200 đại biểu Nông hội, chính quyền các huyện, thị xã, đại biểu các ban, ngành chuyên môn của tỉnh để thảo luận, quán triệt về “Lời kêu gọi” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phát động phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm năm 1955; học tập các chính sách của Đảng và Chính phủ ở các vùng cải cách ruộng đất trên cả nước.

Nông dân các địa phương của tỉnh cũng được động viên tăng cường gieo trồng các loại cây lương thực ngắn ngày như ngô, khoai, sắn, đậu,... Mặc dù, bị hạn hán, sâu bệnh; song sản lượng lương thực của toàn tỉnh năm 1955 vẫn đạt được là 96.854 tấn,

trong đó lúa năng suất mỗi héc-ta bình quân đạt 12,84 tạ; sản lượng lúa cả năm là 54.753 tấn, trong đó sản lượng lúa vụ mùa đạt 44.676 tấn.

Cùng với các chính sách tiết kiệm, tỉnh khuyến cáo nông dân không dùng lương thực để nấu rượu, làm quà bánh, tiết kiệm lương thực để chăn nuôi. Công tác hỗ trợ lương thực kịp thời những nơi khó khăn, mất mùa nên nạn đói trong tỉnh được ngăn chặn, đẩy lùi.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, ngày 2/1/1956, Ủy ban Hành chính tỉnh ban hành Chỉ thị số 12/KTTC phát động cuộc *Đại vận động sản xuất* (chủ yếu sản xuất nông nghiệp), trên phạm vi toàn tỉnh, bắt đầu từ ngày 6/1/1956.

Cuộc *Đại vận động sản xuất* diễn ra trong điều kiện khó khăn, hạn hán kéo dài, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh giao cho Ty Nông lâm<sup>(34)</sup> làm nhiệm vụ thường trực chỉ đạo các huyện chống hạn. Cán bộ Nông hội đã cùng với cán bộ của Ty Nông lâm xuống chỉ đạo, hướng dẫn nông dân các huyện Đồng Hỷ, Phở Yên gieo cấy lúa Nam ninh, đưa diện tích gieo cấy lúa Nam ninh trong toàn tỉnh tăng từ 100 mẫu (năm 1954) lên 2.323 mẫu (năm 1955) và 6.180 mẫu (năm 1956). Đến ngày 10/3/1956, nông dân toàn tỉnh đã cấy được 23.365 mẫu lúa chiêm (vượt 109 mẫu so với kế hoạch).

Cùng với việc gieo cấy, chăm bón lúa chiêm, cán bộ Ty Nông lâm và Nông hội cũng hướng dẫn, động viên để nông dân trong tỉnh trồng thêm cây hoa màu, lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp. Đến ngày 18/3/1956, toàn tỉnh đã trồng được 5186,5 mẫu khoai lang, 3.887 mẫu ngô, 1967,3 mẫu khoai sọ, 1425,8 mẫu đỗ, 907,4 mẫu rau xanh, 630 mẫu sắn, 446,7 mẫu mía, 82,8 mẫu vừng, 206,3 mẫu lạc, 17 mẫu thầu dầu, 1,8 mẫu bông.

Tháng 7/1956, Ủy ban Hành chính tỉnh phát động phong trào: *Tuần lễ thi đua kiểm tra đồng ruộng, tìm bắt sâu và đẩy mạnh sản xuất, chăm bón lúa vụ mùa* trong toàn tỉnh. Từ ngày 28/7/1956, Ban Chấp hành Nông hội tỉnh cùng với Ty Nông lâm đã cử cán bộ xuống các huyện và trực tiếp kiểm tra một số xã, chỉ đạo thực hiện phong trào. Thực hiện *Tuần lễ thi đua*, nhân dân các xã Đồng Tiến (nay là xã Huống Thượng), Túc Duyên, Tân Cương đã kiểm tra 231,7 mẫu lúa sớm, bắt được 68kg sâu bệnh hại lúa.

---

<sup>(34)</sup> Đầu năm 1955, Ty Canh nông đổi thành Ty Nông lâm.



Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh và Ban Chấp hành Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh, nông dân Thái Nguyên đã tiến hành khai hoang, phục hóa, thâm canh tăng vụ mở rộng diện tích cấy lúa năm 1957 lên 50.073ha, tăng gần 4000ha so với năm 1955.

Năng suất lúa năm 1957 tăng 2,4 tạ/ha so với năm 1955, tổng sản lượng lúa đạt toàn tỉnh 71.170 tấn. Cùng với 20.000 tấn hoa màu các loại, Thái Nguyên không chỉ đảm bảo lương thực cho nhu cầu của nhân dân, mà còn đóng góp cho Nhà nước mỗi năm từ 10.000 đến 13.000 tấn. Tỉnh cũng động viên nông dân phát triển các loại cây công nghiệp như: bông, lạc, vừng, mía, chè, nhưng sản lượng đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương.

Về chăn nuôi, do được quan tâm chăm sóc tốt, nhất là chuồng trại và thức ăn, đến cuối năm 1956, tổng đàn trâu toàn tỉnh có 42.017 con, đàn bò 7.351 con, đàn lợn 233.543 con. Đàn trâu, bò không chỉ đáp ứng đủ sức kéo và thực phẩm địa phương mà còn cung cấp cho một số tỉnh khác.

Cùng với việc phát triển kinh tế, sự nghiệp văn hóa giáo dục của tỉnh cũng đã có những bước tiến vượt bậc. Số lượng nông dân tham gia các lớp dự bị bình dân và các lớp bổ túc văn hóa ngày càng nhiều ở các địa phương trên toàn tỉnh Thái Nguyên.

Trong công tác thông tin truyền thông tại các xã mới được thành lập, tổ thông tin đã làm công tác tuyên truyền tại chỗ, vận động nông dân học tập các gương người tốt việc tốt, phê phán mê tín dị đoan, ma to, cưới lớn ở địa phương.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nông dân trong tỉnh cũng được quan tâm. Đầu năm 1957 toàn tỉnh mới có 37 cán bộ y tế với 40 giường bệnh của 2 trạm xá và 25 giường bệnh của 7 cơ sở y tế huyện. Hằng năm điều trị cho khoảng 1.000 dân.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ đảng, chính quyền, công tác tổ chức Nông hội tỉnh Thái Nguyên về cơ bản đã được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở, trực tiếp chỉ đạo nông dân toàn tỉnh tham gia khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy nền nông nghiệp tỉnh phát triển đạt nhiều thành tựu quan trọng. Năm 1957, sản lượng lúa đạt 71.170 tấn, ngô đạt 889 tấn, khoai đạt 9.954 tấn, sắn đạt 10.784 tấn, đỗ các loại đạt 1.089 tấn, bông đạt 17.973 tấn, lạc đạt 188 tấn, mía đạt 12.410 tấn, thuốc lá đạt 29.758 tấn, chè đạt 45 tấn, đàn trâu đạt 49.849 con, đàn bò đạt 10.207 con, đàn lợn đạt 50.236 con<sup>(35)</sup>.

---

<sup>(35)</sup> *Lịch sử ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên*, Tr.122, Năm 2011.

Sau 4 năm khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa – xã hội (1954 – 1957), từ năm 1958, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1958 – 1960). Nhiệm vụ trọng tâm thời kì này là cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp.

Đầu năm 1958, Nông hội tỉnh được đổi thành Ban Công tác nông thôn, gồm có 12 cán bộ, đồng chí Nguyễn Thế Đạt – Tỉnh ủy viên, làm Trưởng ban. Ban có nhiệm vụ, chức năng làm tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố hợp tác xã nông nghiệp.

Quyết tâm thực hiện đường lối phát triển nông thôn của Đảng, kiên quyết đưa nông dân vào làm ăn tập thể, Tỉnh ủy đã lãnh đạo các cấp bộ Đảng, Chính quyền thành lập các đoàn cán bộ xuống giúp cơ sở củng cố xây dựng, phát triển tổ đổi công và hợp tác xã.

Đúng vào thời điểm khó khăn, ngày 2/3/1958 các dân tộc Thái Nguyên được đón Hồ Chủ tịch đến thăm, làm việc nói chuyện với đông đảo cán bộ, xã viên 4 hợp tác xã thuộc 2 xã Hùng Sơn, Tiên Hội (Đại Từ) cùng một số cán bộ huyện, tỉnh và khu, Hồ Chủ tịch căn dặn động viên mọi người phải hăng hái tham gia tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, tích cực tăng gia sản xuất, xây dựng quê hương, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc.

Thực hiện lời dạy của Bác phong trào đổi công lao động sản xuất ở Thái Nguyên nhanh chóng được phục hồi và phát triển. Năm 1958, toàn tỉnh có 4.237 tổ đổi công, tăng 300 tổ so với năm 1957. Phong trào hợp tác hóa có bước phát triển, đến năm 1958 toàn tỉnh đã xây dựng được 28 hợp tác xã với tổng số 492 hộ góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp tỉnh không ngừng phát triển

Đặc biệt, sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, cuối năm 1959, toàn tỉnh đã xây dựng được 577 hợp tác xã nông nghiệp với 20.145 hộ nông dân tham gia, bằng 48,46% tổng số hộ nông dân toàn tỉnh.

Năm 1960, ở Thái Nguyên hàng loạt các xí nghiệp quốc doanh địa phương thuộc các ngành khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác chế biến lâm sản, thực phẩm, cơ khí... đi vào hoạt động.

Nhờ có tổ đổi công và phong trào hợp tác xã phát triển mạnh mà sản xuất nông nghiệp ở Thái Nguyên trong kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) đã có kết quả tốt, đem lại cho nông dân tinh sự thay đổi về đời sống vật chất và tinh thần.

Cùng với các phong trào khai hoang, phục hóa, thâm canh tăng vụ đến năm 1960 diện tích gieo cấy lương thực toàn tỉnh đạt 8.100ha, tăng hơn so với năm 1957. Đảng bộ cũng coi trọng và khuyến khích nông dân trong tỉnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật gieo, cấy, thâm canh để tăng năng suất lúa và cây trồng, trong đó 2 khâu nước và phân được chú trọng hơn.

Đến năm 1960, toàn tỉnh thu hút được 1.616 thợ thủ công, 1.714 tiểu thương đi vào con đường làm ăn tập thể. Thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa, 100% số hộ tư sản và tiểu tư sản tự nguyện tham gia sản xuất kinh doanh dưới hình thức công tư hợp doanh trong đó có công tư hợp doanh ô tô vận tải, công tư hợp doanh in, công tư hợp doanh bánh kẹo... Đến năm 1960, toàn tỉnh thu hút được 1.616 thợ thủ công, 1.714 tiểu thương đi vào con đường làm ăn tập thể. Thực hiện chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa, 100% số hộ tư sản và tiểu tư sản tự nguyện tham gia sản xuất kinh doanh dưới hình thức công tư hợp doanh trong đó có công tư hợp doanh ô tô vận tải, công tư hợp doanh in, công tư hợp doanh bánh kẹo...

Trong 6 năm xây dựng và phát triển kinh tế (1955 - 1960), toàn tỉnh đã xây dựng được 11 công trình thủy nông (gồm 8 đập, 2 hồ chứa nước và 1 trạm bơm), sửa chữa và làm mới hàng trăm km kênh, mương nội đồng. Năng suất lúa 1960 đạt 1774 kg/ha tăng hơn so với năm 1957. Tổng sản lượng lương thực năm 1960 đạt 116.900 tấn. Trong 3 năm, nông dân Thái Nguyên đã đóng góp cho nhà nước 45.445 tấn lương thực.

Diện tích cây công nghiệp toàn tỉnh đến năm 1960 là 2.018ha. Do chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, nên năng suất, sản lượng cây công nghiệp tăng, giảm thất thường.

Về chăn nuôi gia súc phát triển không đều trên toàn tỉnh. Tổng đàn lợn năm 1960 có 112.300 con, đàn trâu là 9880 con, đàn bò là 9600 con.

Nghề chăn, thả cá ở Thái Nguyên đã có từ lâu, trong 3 năm (1958 - 1960), toàn tỉnh đã có diện tích gần 1.000ha ao, hồ, ruộng được sử dụng nuôi cá. Tuy nhiên, do thiếu giống, thiếu kỹ thuật chăn nuôi và chưa có thói quen đầu tư thức ăn cho cá, nên tổng sản lượng cá thịt mỗi năm chỉ đạt từ 700 tấn đến 900 tấn.

Ngày 8/5/1960, cử tri toàn tỉnh tham gia bầu cử Đại biểu quốc hội khóa II. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ ở địa bàn nông thôn được củng cố kiện toàn.

Đầu năm 1960, Ban Công tác nông thôn của tỉnh cũng được kiện toàn gồm 8 đồng chí. Ở các huyện, Ban Công tác nông thôn cũng được củng cố, bổ sung đủ cán bộ phụ trách. Ở cấp xã và cơ sở, lực lượng làm công tác nông vận được tăng cường, hoạt động nông vận sôi nổi đạt kết quả tốt (đầu năm 1958), mặc dù tổ chức Nông hội không còn, song giai cấp nông dân trong tỉnh vẫn một lòng tin tưởng vào Đảng của Chính phủ, hăng hái tham gia tổ đổi công, hợp tác xã, tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế xây dựng nông thôn mới.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương từ năm 1955 đến 1960 tăng gần 5 lần. Tuy nhiên, do điểm xuất phát thấp, nên tổng giá trị hàng hóa không lớn, sản phẩm chủ yếu vẫn là các mặt hàng: than, nông cụ, phân bón, vật liệu xây dựng...

Đi đôi với việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp, năm 1960, Đảng bộ và các cấp chính quyền vận động thành lập hợp tác xã mua bán. Đây là hình thức tập hợp vốn của các xã viên, mở cửa hàng chung để thực hiện phân phối và hình thức cạnh tranh. Phong trào hợp tác xã gắn liền với chủ trương cải tạo kinh tế tập thể được đẩy mạnh trong toàn tỉnh.

Về sự nghiệp văn hóa xã hội, trong 3 năm ở Thái Nguyên đã có thêm 28.000 người được thanh toán mù chữ, 30.000 lượt người theo học bổ túc văn hóa; 122 cán bộ huyện, 621 cán bộ xã được đào tạo bồi dưỡng trong các lớp bổ túc văn hóa công nông. Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa tinh thần cũng được chú trọng, phát triển nhằm mang lại đời sống văn hóa mới cho nhân dân trong tỉnh.

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ I, Thái Nguyên đã phát động chiến dịch sản xuất đông - xuân 1960 - 1961 với khẩu hiệu "*phát cao cờ hồng, quyết thắng đông xuân, tiến quân toàn diện*" nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp toàn diện mạnh mẽ và vững chắc, làm cơ sở cho công cuộc phát triển công nghiệp.

Hưởng ứng chiến dịch vận động sản xuất đông - xuân 1960 - 1961 do tỉnh phát động, cán bộ, công nhân, viên chức Ban Công tác nông thôn và các Ty Nông nghiệp, Thủy lợi, Lâm nghiệp nỗ lực phấn đấu chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi vụ sản xuất đông - xuân 1960 - 1961. Ban Công tác nông thôn tiếp tục đẩy mạnh củng cố và xây dựng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp coi đó là những yếu tố thúc đẩy sản xuất phát triển. Cuối năm 1961, toàn tỉnh đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp bậc thấp với 87,3% số hộ nông

dân tham gia; trong đó, số hợp tác xã nông nghiệp bậc cao chiếm 7,95% số nông hộ. Toàn tỉnh có 15 hợp tác xã toàn xã, với quy mô từ 150 đến 408 hộ xã viên.

Nông dân cũng như nhân dân toàn tỉnh ở các cấp, các ngành liên tiếp phát động các phong trào “Thi đua mười giỏi”, “Thi đua mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp đồng bào miền Nam ruột thịt”, trong đó nổi bật nhất là phong trào nông dân “Thi đua làm thủy lợi”. Kết quả toàn tỉnh có hàng trăm đội thủy lợi xuất hiện, trong đó có hơn 70% lực lượng là đoàn viên thanh niên. Qua phong trào này hàng chục công trình thủy nông được xây dựng như: các hồ Tân Hòa, Tân Kim (Phú Bình), đập Bến Động (Phổ Yên), đập Hoàng Nông, đập Rừng Chùa (Đại Từ), đập Nà Kháo (Võ Nai)... hàng chục kilômet mương máng cũng được tu sửa để dẫn nước vào đồng ruộng, nhờ đó hàng chục ngàn ha ruộng được tưới tiêu.

Cùng với việc khai hoang phục hóa, từ năm 1960 - 1965 diện tích cây lương thực toàn tỉnh năm 1960 là 74.000ha đến năm 1965 là 91.400ha đã tăng thêm 17.000ha, diện tích trồng lúa năm 1960 là 65.900, tăng lên 75.100ha năm 1965. Các phong trào thi đua làm phân xanh, làm bèo hoa dâu, làm ruộng thí nghiệm áp dụng các biện pháp kỹ thuật, cải tiến nông cụ cũng được chỉ đạo sâu sát. Vì vậy, năng suất cây trồng tăng, tổng sản lượng lương thực đã tăng từ 131.100 tấn năm 1960 tăng lên 160.900 tấn năm 1965 <sup>(36)</sup>.

Ngành chăn nuôi của tỉnh phát triển nhanh. Từ năm 1960 đến năm 1965 đàn trâu đã tăng từ 98.800 con lên 114.300 con. Đàn bò giảm từ 9.600 con năm 1960 xuống 9.400 con năm 1965. Đàn lợn tăng từ 112.300 con năm 1960 lên 151.700 con năm 1965 (không kể lợn sữa) <sup>(37)</sup>.

Sản xuất nông nghiệp tỉnh phát triển đã đóng góp cho sản lượng của Nhà nước mỗi năm một tăng. Năm 1965 toàn tỉnh huy động dân đóng góp 19.800 tấn lương thực (thóc 19.117 tấn), tăng 6.500 tấn so với năm 1961.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp tỉnh đã chú trọng củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, coi đó là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy sản xuất phát triển. Năm 1961, cuộc vận động hợp tác hóa trong tỉnh thu được kết quả tốt, có 87,3% số hộ nông dân toàn tỉnh tham gia vào 813 hợp tác xã, điển hình như hợp tác xã Thành Công (Đại từ), Hồng Kỳ (Phú Bình).

---

<sup>(36)</sup> Viện Quy hoạch & thiết kế - Bộ Nông nghiệp & CNTP, *Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956 – 1990)*, tr.118, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1991.

<sup>(37)</sup> Viện Quy hoạch & thiết kế - Bộ Nông nghiệp & CNTP, *Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956 – 1990)*, tr.456, 477, 498, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1991.

Tuy nhiên, do hạn chế của cơ chế hợp tác xã nông nghiệp theo kiểu “làm chung”, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã thấp, thu nhập hộ gia đình nông dân cá thể, xã viên không thiết tha với hợp tác xã, muốn trở lại con đường làm ăn riêng lẻ. Đến năm 1963 toàn tỉnh có 48 hợp tác xã tan vỡ, tỉ lệ nông dân vào hợp tác xã giảm xuống còn 70,3%. Trong tình hình hợp tác xã tồn tại chỉ là hình thức.

Căn cứ Nghị quyết số 96 ngày 14/3/1964 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tổ chức Ban Nông nghiệp các cấp và căn cứ vào yêu cầu cần thiết tăng cường công tác lãnh đạo nông nghiệp của Đảng bộ tỉnh, ngày 17/8/1964, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 29-NQ/TN giải thể Ban Công tác canh nông, thành lập Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy. Đồng chí Nguyễn Đình Chất (Tỉnh ủy viên, nguyên trưởng Ban Công tác nông thôn) làm Trưởng ban, đồng chí Trương Bá Thăng (nguyên phó Ban Công tác nông thôn) làm Phó ban. Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy là ban chuyên môn, có nhiệm vụ giúp Tỉnh ủy nghiên cứu vận dụng những đường lối, chính sách và phương hướng phát triển nông nghiệp của Trung ương và địa phương.

Trước những chuyển biến lớn lao của tình hình cách mạng trên cả nước, nông dân Thái Nguyên đã ra sức cải tạo phần đất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt trong thời kỳ thực hiện kế hoạch năm 5 lần thứ nhất. Đời sống vật chất và tinh thần của nông dân nói riêng, của nhân dân các dân tộc trong tỉnh nói chung được nâng lên rõ rệt. Vị trí, vai trò của nông dân trong tỉnh được khẳng định, được nâng lên một tầm cao mới so với thời kỳ trước đây. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, giai cấp nông dân tỉnh Thái Nguyên đã chuẩn bị sẵn sàng cả về vật chất và tinh thần để bước vào thời kỳ cách mạng mới vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa tiếp tục đấu tranh bảo vệ quê hương, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

## **II. Giữ vững sản xuất, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ; tích cực chi viện chiến trường miền Nam (1965 – 1975)**

Thực hiện Nghị quyết Số 111-NQ/TW, ngày 10/4/1965 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết Số 103/NQ-TVQH, 21/4/1965, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái.

Từ ngày 4 đến ngày 6/6/1965, Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ tỉnh Bắc Thái họp thông qua báo cáo bàn giao phong trào của hai Ban Chấp hành Đảng bộ hai tỉnh. Hội nghị phân công đồng chí Doanh Hằng – Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban

Hành chính tỉnh, phụ trách khối Nông – Lâm nghiệp; đồng chí Lý Ngọc Tuân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, làm Trưởng ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Đức Thọ - Tỉnh ủy viên, nguyên Trưởng ty Nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên làm Trưởng Ty Nông nghiệp.

Căn cứ vào vị trí, đặc điểm của tỉnh và tình hình của Đảng bộ, quán triệt nhiệm vụ trước mắt của quân và dân miền Bắc do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (tháng 3/1965) đề ra: tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong tỏa bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh địch trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội...

Hội nghị ra nghị quyết về công tác tổ chức và công tác xây dựng Đảng trong thời gian trước mắt gồm một số nội dung chủ yếu trong đó yêu cầu tích cực đảng viên mới, đưa số đảng viên ở nông thôn đạt tỉ lệ 4,8% so với dân số; ở cơ quan, công trường, nhà máy, xí nghiệp đạt 27,4% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức. Chú ý phát triển đảng viên ở các xóm không có đảng viên, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số mà tỉ lệ đảng viên so với dân số còn thấp; đảm bảo 70% số đảng viên mới là lực lượng trẻ, 20% là nữ.

Từ ngày 21 đến ngày 25/6/1965, tại hội trường Khu Tự trị Việt Bắc, Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Thái khóa I họp kì thứ I với sự có mặt của 113/128 đại biểu.

Trước tình hình giặc Mĩ tăng cường cho máy bay hoạt động trinh sát, chuẩn bị đánh phá vào địa bàn tỉnh, ngày 8/7/1965 Ủy ban Hành chính tỉnh đã ra Chỉ thị về các biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân, chia địa bàn Thái Nguyên thành 2 vùng: Vùng ở trạng thái bị uy hiếp (có thể bị địch đánh phá) gồm thành phố Thái Nguyên các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ và các thị trấn ở các huyện. Vùng trong trạng thái phòng thủ là các huyện còn lại.

Trước tình hình cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ diễn ra ngày càng ác liệt, các cấp bộ đảng, chính quyền, các ban, ngành khối Nông nghiệp trong tỉnh đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, xã viên các hợp tác xã kiên trì bám đồng ruộng. Trên mặt nông nghiệp, trong các hợp tác xã đã xuất hiện nhiều cán bộ, xã viên anh dũng, kiên cường, sẵn sàng chấp nhận hi sinh để giữ vững và phát triển sản xuất.

Ở các gia đình và nơi công cộng, đường giao thông đều có hầm hố, giao thông hào phòng tránh bom đạn địch và phục vụ chiến đấu. Các địa bàn nông thôn, nông dân tập thể xác định được trách nhiệm chuẩn bị mọi điều kiện sẵn sàng đón tiếp các cơ quan, xí nghiệp, trường học và bà con thành phố sơ tán đến.

Tỉnh Thái Nguyên xác định nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa bàn nông thôn và sản xuất nông nghiệp là một trong hai nhiệm vụ trung tâm, do đó nông dân và địa bàn nông thôn có vai trò đặc biệt quan trọng.

Giữa năm 1965, nhiều hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh cơ bản hoàn thành vòng I, một số hợp tác xã bắt đầu thực hiện vòng II cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật.

Trong những năm 1966 - 1968 các hợp tác xã nông nghiệp đều tích cực thực hiện vòng II cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, củng cố mọi mặt hợp tác xã nông nghiệp, đưa hợp tác xã nông nghiệp lên bậc cao, đưa các hợp tác xã tiến lên quy mô toàn xã. Các hợp tác xã nông nghiệp chú trọng xây dựng định mức khoán và thực hiện chế độ “ba khoán”: *khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản lượng*.

Do thực hiện tốt cuộc vận động, trước yêu cầu to lớn của cách mạng nông dân toàn tỉnh hằng hái thi đua phấn đấu đạt mục tiêu 4 tấn thóc/1ha gieo trồng trong 2 vụ lúa/1 năm, phong trào tăng năng suất cây trồng mang tính quần chúng sâu rộng, tạo khí thế mới ở các hợp tác xã nông nghiệp. Giá trị ngày công ở nhiều hợp tác xã tăng lên. Các hợp tác xã có phương án mở rộng ngành nghề sản xuất, chăn nuôi, lập tổ khai thác gỗ, trồng rau màu... một số nông hộ cũng tiếp tục xin vào hợp tác xã.

Giữa tháng 10/1965, đế quốc Mỹ mở chiến dịch đánh phá ác liệt các tuyến giao thông phía bắc và đông bắc Thủ đô Hà Nội. Ngày 17/10/1965, đế quốc Mỹ đã huy động 29 máy bay phản lực ném bom bắn phá khu vực Cầu Gia Bẫy, xóm Xuân Quang, xã Gia Sàng. Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ tập trung đánh phá địa bàn Thái Nguyên ác liệt.

Trong hoàn cảnh ấy, tỉnh Thái Nguyên vừa đẩy mạnh xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, các ban ngành trong khối Nông – Lâm nghiệp vừa chỉ đạo công tác chuyên môn, vừa làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, sẵn sàng đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ.

Năm 1967 so với năm 1966, trên địa bàn Thái Nguyên số máy bay Mỹ vào hoạt động trinh sát, đánh phá tăng 4,6 lần, số trận đánh phá tăng gấp đôi. Vượt lên bom đạn



ác liệt, quân và dân Thái Nguyên vẫn tiếp tục làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu góp phần cùng với các lực lượng phòng không của bộ, quân khu và bộ đội Trung Quốc bắn rơi 11 máy bay Mĩ. Nông dân là lực lượng đông đảo tích cực tham gia kháng chiến, vừa hăng hái trên mặt trận sản xuất để cung cấp lương thực, thực phẩm cho bộ đội.

Trên mặt trận đảm bảo giao thông vận tải quân và dân Thái Nguyên đã làm mới 153km đường ở tất cả các trọng điểm giao thông trên quốc lộ 3 và quốc lộ 1b, đảm bảo giao thông vận tải vẫn kịp thời thông suốt. Hệ thống giao thông nông thôn Thái Nguyên cũng được củng cố mở rộng.

Đến năm 1967, Thái Nguyên đã có 4.895km đường giao thông nông thôn và 2/3 số xã trên địa bàn đã có đường ô tô về tận trung tâm xã. Từ Thái Nguyên hàng hóa lương thực được các phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ xuôi về Hà Nội, rồi tỏa đi chi viện cho các chiến trường, mang đến cho đồng bào và chiến sĩ miền Nam ruột thịt sức mạnh vật chất và tinh thần của hậu phương miền Bắc, của những người nông dân Thái Nguyên không quản gian khổ để lao động, sản xuất.

Trong gần 3 năm chiến tranh ác liệt (1965 - 1967), tỉnh Thái Nguyên đã huy động được 11.587 người con ưu tú của mình vào bộ đội trong đó đã có gần 10.000 người vượt Trường Sơn tiến vào miền Nam đánh Mĩ. Trong số đó, phần lớn họ đều xuất thân từ nông dân. Điều đó, cho thấy vai trò to lớn của nông dân trong kháng chiến cứu nước.

Các mặt trận xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa xã hội đều đã được quân và dân Thái Nguyên kịp thời chuyển hướng phù hợp với hoàn cảnh thời chiến. Năm 1968 so với năm 1965, tỉ lệ số hộ nông dân trong các hợp tác xã tăng lên từ 85,7% lên 93,52%; tổng sản lượng lương thực tăng từ 120.003 tấn lên 125.677 tấn; trâu bò tăng từ 71.362 con lên 79.350 con; lợn tăng từ 103.917 con lên 120.541 con.

Trên cơ sở sản xuất nông nghiệp được giữ vững và phát triển cả về rộng trồng và chăn nuôi, các cấp đảng chính quyền và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, thực hiện khẩu hiệu *Thóc không thiếu một cân...* chi viện cho tiền tuyến, góp phần cùng với quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ, buộc chúng phải ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (ngày 31/3/1968),

đồng thời phải chấp nhận đàm phán với đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị hai bên ở Pari.

Sau ngày đế quốc Mỹ tạm ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, quân và dân Thái Nguyên thực hiện cuộc động viên chính trị “*Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*” theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, vụ mùa năm 1968 tuy có thuận lợi do địch tạm ngừng đánh phá nhưng lại gặp khó khăn gay gắt do trận lũ lụt tháng 8 năm 1968 gây úng ngập hơn 6.000ha; trong đó, có tới 2.949,4ha lúa bị hỏng hoàn toàn.

Trước tình hình đó, cán bộ phòng ban các cơ quan dân, chính, đảng trực tiếp xuống cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo khôi phục và phát triển sản xuất việc đưa các loại giống lúa mới có năng suất cao vào gieo trồng được coi trọng. So với diện tích gieo cấy lúa, diện tích cấy giống lúa mới có năng suất cao ở huyện Đại Từ đạt 64%, Thành phố Thái Nguyên đạt 50,4%, các huyện Định Hóa và Phú Lương đều đạt trên 40%.

Để đưa sản xuất nông nghiệp của tỉnh phát triển mạnh mẽ và vững chắc, từ cuối năm 1967, Ty Nông nghiệp đã xây dựng kế hoạch sản xuất nông nghiệp 3 năm (1968 – 1970), mục tiêu phấn đấu mỗi năm đạt 5 tấn thóc và 2 con lợn trên 1 hécta gieo trồng, nhằm giải quyết tốt nhu cầu lương thực, ổn định đời sống nhân dân, phục vụ chiến đấu. Căn cứ vào kế hoạch này, Ty đã chỉ đạo xây dựng các xã, hợp tác xã trọng điểm về sản xuất nông nghiệp, chủ yếu sản xuất lúa, màu; chăn nuôi trâu, bò cày kéo, chăn nuôi lợn thực phẩm và lợn nái sinh sản, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo phát triển nông nghiệp tỉnh.

Năm 1968, Ty Nông nghiệp đã chỉ đạo thành công việc làm ruộng tăng sản ở các hợp tác xã Khánh Hòa và Đá Liền (Hà Thượng – Đại Từ). Tại đây, Ty đã chỉ đạo hai xã chọn chân ruộng có sản lượng trung bình giao cho cán bộ và xã viên áp dụng các biện pháp kỹ thuật để làm ruộng tăng sản.

Ty Nông nghiệp còn phối hợp với Đoàn Thanh niên phát động đoàn viên, thanh niên thi đua làm ruộng tăng sản, xây dựng các *Cánh đồng 5 tấn, 10 tấn thắng Mỹ*. Năm 1969, trong toàn tỉnh, Đoàn Thanh niên đã xây dựng được 623 Cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ với diện tích 2.825,5ha.

Năm 1968 so với năm 1965, năng suất lúa cả năm ở huyện Võ Nhai tăng 14,98%, Thành phố Thái Nguyên tăng 36%, huyện Phú Lương tăng 8,96%, huyện Phổ Yên tăng 1,87%, huyện Phú Bình tăng 8.58%, huyện Định Hóa tăng 7.59%, huyện Đại

Từ tăng 14,08%, huyện Đông Hỷ tăng 1,21%. Nhờ sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân trong tỉnh từng bước được cải thiện.

Các năm 1969, 1970 sản xuất lương thực, thực phẩm của Thái Nguyên đều tăng cả về năng suất và sản lượng. Năm 1970, Thái Nguyên có 21 xã, hợp tác xã đạt năng suất từ 5 tấn thóc trở lên/1ha ruộng cấy lúa 2 vụ.

Năm 1970, Thái Nguyên có sản lượng ngô, lúa đạt 110.220 tấn, đàn trâu và bò đạt 90.325 con, đàn lợn đạt 130.916 con.

Sản xuất lâm nghiệp của Thái Nguyên cũng có những bước tiến bộ, số lao động tăng từ 1,18% (năm 1968) lên 6% (năm 1970).

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất (21/5 – 3/6/1970), các ban, ngành khối Nông nghiệp Thái Nguyên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức động viên nhân dân thực hiện các cuộc vận động Lao động sản xuất, phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn do Trung ương phát động. Tại huyện Định Hóa, trong vụ đông – xuân 1970 – 1971, nhân dân đã đưa các giống lúa mới và gieo cấy trên 70% diện tích. Tại huyện Đại Từ, các xã Hùng Sơn, Tân Thái, Bình Thuận mạnh dạn đưa giống lúa mới năng suất cao vào gieo trồng trên 100% diện tích.

Ngày 19/7/1971, Ủy Ban Hành chính tỉnh ra Quyết định số 588/TCCQ thành lập Ủy ban Nông nghiệp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Ty Nông nghiệp, Ban Quản lý ruộng đất, Ban Chỉ đạo định canh – định cư, Phòng Nông trường, Phòng Quản lý Thủy nông thuộc Ty Thủy lợi.

Ngày 16/8/1971, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 139/NQ-BT về việc thành lập Ủy ban Nông nghiệp và ngày 20/9/1971, Ủy ban Hành chính tỉnh ra Quyết định phân công và cử cán bộ giữ các chức vụ Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Nông nghiệp tỉnh. Theo đó, đồng chí Doanh Hằng được cử làm Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh. Tiếp sau đó ngày 12/1/1972, Ủy ban Hành chính tỉnh ra Quyết định số 33/TCCQ thành lập Ủy ban Nông nghiệp các huyện, thành phố.

Đề kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, ngày 5/4/1972, Ủy ban Hành chính tỉnh ra Quyết định số 168-QĐ/TC bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Đình Chất giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh.

Tỉnh ủy cũng phát động nông dân trên mặt trận nông nghiệp, tinh thần “*Tất cả cho sản xuất, tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược*”; “*Mỗi người làm việc bằng hai*”

vì *đồng bào miền Nam ruột thịt*” trở thành hành động cụ thể của mỗi xã viên, mỗi gia đình nông dân. Các phong trào “*Ba sẵn sàng, ba đảm đang*” phát triển rộng khắp ở các thôn xã, thanh niên ở nông thôn nhận xây dựng cánh đồng 5 tấn lương thực/1ha.

Năm 1972 toàn tỉnh nộp nghĩa vụ lương thực vượt 10,27%. Diện tích trồng ngô, khoai, sắn mở rộng mỗi năm trồng được từ 1,2 đến 1,5 triệu gốc sắn góp phần thiết thực phục vụ đời sống nhân dân và phát triển chăn nuôi trong tỉnh.

Thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, nông dân toàn tỉnh vùng tay cày, chắc tay súng, quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược. Ở các hợp tác xã nông nghiệp, tất cả các xã viên trong độ tuổi đều tham gia vào lực lượng dân quân, du kích. Nhiều nơi các lão nông vẫn tham gia lực lượng lão dân quân. Hàng chục vạn xã viên trẻ, khỏe mạnh tham gia vào lực lượng dân quân du kích, ở các xã các tổ thông tin báo động, trực chiến máy bay, cứu thương cứu hỏa, công binh, đào bới hầm... Dân quân du kích là lực lượng chủ lực trong đào hầm, phòng tránh bom đạn, bảo vệ tính mạng tài sản cho nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, nông dân Thái Nguyên đã đoàn kết một lòng bắt tay thực hiện củng cố hợp tác xã nông nghiệp, khôi phục phát triển kinh tế văn hóa xã hội trên địa bàn nông thôn, dốc sức chi viện cho tiền tuyến, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Tỉnh ủy xác định coi sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và xác định nhiệm vụ tập trung của tỉnh là: đẩy mạnh sản xuất cây lương thực, chăn nuôi, phát triển mạnh cây chè và nghề rừng.

Năm 1973 các hợp tác xã đã mạnh dạn đưa các giống lúa mới, có năng suất cao vào gieo cấy, lượng phân bón tăng 46% so với năm 1972, công tác thủy lợi được coi trọng, năng xuất bình quân đạt 3.709 kg thóc/1ha.

Tháng 8/1973, Ủy ban Nông nghiệp tỉnh tham mưu cho Ủy Ban Hành chính tỉnh ban hành Kế hoạch sản xuất nông nghiệp 3 năm (1973 – 1975) chỉ rõ nhiệm vụ: tập trung cao độ lực lượng cho sản xuất nông nghiệp, nhằm tạo cho sự chuyển biến về phong cách làm ăn mới theo hướng đưa sản xuất nông nghiệp đi lên sản xuất lớn, thay đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi. Ủy ban Hành chính đã chia tỉnh thành 2 vùng sản xuất nông nghiệp lớn. Vùng 1 có diện tích canh tác lớn, có khả năng tăng vụ và khai hoang mở rộng diện tích, phát triển nông nghiệp toàn diện, phục vụ trực tiếp cho Khu Công nghiệp trong vùng. Các huyện thành phố ở Thái Nguyên chia thành 2 tiểu vùng: Tiểu vùng 1 gồm Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên. Nhiệm vụ sản xuất chủ yếu của vùng này là: trồng lúa, rau, lạc và trồng

các cây vật liệu xây dựng, chất đốt. Tiểu vùng 2 gồm: huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Võ Nhai. Nhiệm vụ sản xuất chủ yếu của vùng 2 là trồng lúa, chè, các cây làm vật liệu xây dựng.

Để thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp 3 năm (1973 – 1975), Ủy ban Nông nghiệp tỉnh phối hợp với Ủy ban Nông nghiệp các huyện, thành tổ chức nghiên cứu về chất đất, khí hậu để xây dựng, phổ biến, đôn đốc, kiểm tra các huyện, thành phố thực hiện có đúng quy trình sản xuất lúa, cây hoa màu và chăn nuôi lợn.

Sau thời gian thực hiện, diện tích trồng cây lương thực toàn tỉnh đạt 90.916 ha, vượt 4,3% kế hoạch. Trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đã có 67% diện tích ruộng canh tác của các hợp tác xã được gieo, cấy các giống lúa mới có năng suất cao; lượng phân bón tăng 46% so với năm 1972.

Cuối năm 1973 đầu năm 1974, Thái Nguyên tập trung củng cố khôi phục được 22 hợp tác xã thành lập thêm 5 hợp tác xã mới. Địa bàn Thái Nguyên có 798 hợp tác xã, thu hút 78,3% số hộ nông dân tham gia. Phong trào hợp tác xã được khôi phục, củng cố và phát triển đã có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp. Năng suất lúa bình quân tăng từ 2017kg/ha (năm 1973) lên 2116kg/ha (1974). Năm 1974, hai huyện Định Hóa, Đại Từ và hàng chục hợp tác xã nông nghiệp ở địa phương khác trên địa bàn Thái Nguyên đạt năng suất mỗi héc-ta ruộng cấy lúa 2 vụ từ 5 tấn thóc trở lên, ngoài cây lúa Thái Nguyên còn đẩy mạnh sản xuất các cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp.

Năm 1974 đầu năm 1975, Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc học tập và triển khai thực hiện “Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp”. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh, Ủy ban Nông nghiệp tỉnh đề cử cán bộ phối hợp với Ban Nông nghiệp tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố triển khai học tập và thực hiện “Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp”, tuyên truyền, vận động nông dân thực hiện Nghị quyết 33 của Tỉnh ủy về củng cố, khôi phục phong trào hợp tác xã. Mặt trận và đoàn thể Đại Từ đã vận động được 1.000 hộ nông dân trở lại làm ăn trong các hợp tác xã, động viên hội viên yên tâm làm ăn trong hợp tác xã và thực hiện xóa được “xã trắng” (Xã không có người tham gia hợp tác xã).

Những kết quả đạt được trên mặt trận sản xuất nông nghiệp và thắng lợi của việc củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong năm 1974 đã tạo điều kiện thuận lợi căn bản cho nền sản xuất nông nghiệp và nông thôn của tỉnh phát triển cao hơn ở những năm sau.

Bước sang năm 1975 dưới sự lãnh đạo chỉ đạo chặt chẽ của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các hợp tác xã nông nghiệp trong toàn tỉnh tiếp tục hoàn chỉnh việc bố trí lại cơ cấu sản xuất, xây dựng và hoàn thiện các cơ sở sản xuất kỹ thuật theo hướng thâm canh, chuyên canh để đưa nền sản xuất nông nghiệp của tỉnh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã hoàn thành tốt việc huy động lương thực, thực phẩm cho Nhà nước bên cạnh nhiệm vụ tập trung đầu tư cho sản xuất, xã viên các hợp tác xã nông nghiệp ở địa phương còn có nhiều đóng góp trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế ở nông thôn, tạo diện mạo mới cả về hình thức, nội dung nông thôn của tỉnh.

Từ đầu năm 1975, yêu cầu dồn sức chi viện chiến trường miền Nam trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Với tinh thần miền Nam gọi, miền Bắc trả lời và Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người, nhân dân Thái Nguyên mà trong đó lực lượng chủ yếu là nông dân đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ động viên tuyển quân, huy động 4.103 người vào bộ đội, kịp thời chi viện cho chiến trường miền Nam đánh Mỹ, góp phần cùng với quân và dân làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Những đóng góp to lớn mà nông dân và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên xứng đáng với lòng tin của Đảng, của đồng bào cả nước và là động lực quan trọng để cùng nhân dân cả nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng.

**CHƯƠNG IV**  
**HỘI NÔNG DÂN VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH**  
**TRONG THỜI KÌ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**  
**(GIAI ĐOẠN 1975 – 1986)**

**I. Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, chi viện các tỉnh biên giới chiến đấu bảo vệ vẹn toàn lãnh thổ của Tổ quốc (1975 – 1980)**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta kết thúc thắng lợi vẻ vang, thống nhất đất nước, Nam – Bắc sum vầy một nhà. Cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội với hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cùng với nhân dân cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân Thái Nguyên cũng tập trung vào khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Sản xuất nông nghiệp được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả. Diện tích cây lúa cả năm 1975 đạt 65.310ha, tăng 3.200ha so với năm 1970. Do tập trung đẩy mạnh thâm canh, đưa giống mới vào sản xuất nên năng suất lúa cả năm 1975 đạt 44 tạ/ha. Sản lượng lúa năm 1975 đạt 132.583 tấn, tăng 24.815 tấn so với năm 1970. Sản xuất lương thực phát triển đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Năm 1975, tổng đàn lợn trên địa bàn tỉnh có 167.300 con, tăng 52.000 con so với năm 1970.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, phong trào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong toàn tỉnh đã có những biến đổi căn bản. Đến năm 1975, toàn tỉnh có 71,1% số hộ nông dân lao động đi vào con đường làm ăn tập thể. Quy mô hợp tác xã ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất kĩ thuật được tăng cường, đội ngũ cán bộ nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở ngày càng trưởng thành trong quản lý kinh tế và khoa học kĩ thuật. Nhờ đó, kết quả sản xuất ngày càng cao. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng kinh tế chuyên canh (rau, chè) và bước đầu phát triển mạnh nghề rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Tuy vậy, sản xuất nông nghiệp Thái Nguyên phát triển vẫn còn chậm không đồng đều, cơ bản vẫn độc canh cây lúa, mang nặng tính chất tự túc, tự cấp của nền sản xuất nhỏ. Việc bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chưa hợp lí dẫn đến lãng phí đất

đai, năng suất không ổn định. Sản phẩm hàng hóa làm ra ít nên chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân về lương thực, thực phẩm và cũng không đủ nguyên, vật liệu cung cấp cho các ngành tiểu, thủ công nghiệp.

Mặc dù, tổ chức hợp tác xã nông nghiệp được các cấp bộ đảng, chính quyền trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, củng cố nhưng vẫn bộc lộ những mặt hạn chế, yếu kém: như công tác quản lý bị buông lỏng, tình trạng tham ô lãng phí, nợ nần, lấn chiếm ruộng đất tập thể, phân phối không công bằng còn diễn ra khá phổ biến. Những yếu kém, tiêu cực này cùng với sự phát triển ngày càng nhanh của kinh tế cá thể đã từng bước lấn áp kinh tế tập thể, có nguy cơ làm phá vỡ quan hệ sản xuất tập thể ở nông thôn. Hợp tác xã nông nghiệp ở Thái Nguyên nhìn chung vẫn trong thế phát triển khó khăn.

Tình hình sản xuất và công tác quản lý như trên đã biến các Đội sản xuất như một hợp tác xã nhỏ và Ban Quản trị hợp tác xã như một cơ quan quản lý hành chính. Giai đoạn này, tình hình cung cấp lương thực cả nước nói chung và trong tỉnh nói riêng hết sức khó khăn, do dân số tăng nhanh, sản xuất nông nghiệp phát triển chậm, nguồn nhập khẩu lương thực của Nhà nước giảm sút do một số nước cắt giảm viện trợ cho ta khi chiến tranh kết thúc.

Trong khi đó, việc quản lý và sử dụng lương thực lại thiếu chặt chẽ gây ra những thất thoát lớn cho ngành Nông nghiệp. Đối với Thái Nguyên phần lương thực do Nhà nước cung cấp cho các đối tượng theo sổ gạo chiếm trên 60% nên càng khó khăn hơn.

Quán triệt các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ về đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm lương thực, thực phẩm, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh ban hành Chỉ thị số 18-CT/BT ngày 8/3/1976 về: *Đẩy mạnh sản xuất, thực hành triệt để tiết kiệm, tăng cường quản lý chặt chẽ việc cung cấp và sử dụng lương thực, thực phẩm Nhà nước.*

Chỉ thị yêu cầu, các huyện, thành bằng mọi biện pháp phải đẩy mạnh việc sản xuất, thâm canh lúa và hoa màu vụ đông - xuân 1975 - 1976, chuẩn bị điều kiện tốt nhất cho sản xuất vụ mùa năm 1976; đồng thời đẩy mạnh sản xuất rau, màu ngắn ngày để chống đói trong kì giáp hạt và làm tốt nghĩa vụ lương thực với Nhà nước.

Thực hiện Chỉ thị này, các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đơn vị quân đội tận dụng triệt để diện tích đất của đơn vị mình và các khu lân cận để sản xuất



rau, màu đảm bảo trong năm 1976 bình quân. Chỉ thị cũng yêu cầu Ủy ban Kế hoạch tỉnh cùng các ngành hữu quan rà soát lại số người sử dụng lương thực do Nhà nước cung cấp, để đảm bảo việc cung cấp đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, mang lại hiệu quả thiết thực, chỉ đạo việc bảo quản tốt lương thực, kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí, hư hao, thất thoát, tham ô lương thực của Nhà nước và tập thể.

Ngày 8/6/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 46 – NQ/BT, về “*việc mở cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý, nông, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*”. Đây là cuộc vận động lớn trong toàn tỉnh, nhằm từng bước đưa nền sản xuất nông - lâm nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện cuộc vận động nói trên cũng là thực hiện kế hoạch Nhà nước. Năm 1976, thực hiện việc củng cố, khôi phục, cải tiến công tác quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu cấp bách của xã hội.

Sản lượng lương thực quy ra thóc cả năm của tỉnh chỉ đạt 132.181 tấn (1976), trong đó sản lượng lúa đạt 115.360 tấn, giảm 17.023 tấn so với năm 1975. Kết quả thu hoạch thấp, phần lương thực Nhà nước cung cấp cho tỉnh cũng giảm sút và không kịp thời. Vì thế, tình trạng đói giáp hạt đã xảy ra ở một số nơi trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển cũng chậm so với yêu cầu của sản xuất và đời sống, nhất là nhiệm vụ phục vụ cho nông nghiệp.

Trước những yêu cầu, nhiệm vụ, tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã họp Hội nghị lần thứ 24 và ra Nghị quyết về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết chỉ rõ: *hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.*

Sau ngày giải phóng miền Nam, hệ thống cơ quan Nhà nước vẫn chưa được thống nhất. Do vậy, để tiến hành thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 2, ngày 25/4/1976, đông đảo hội viên nông dân cùng với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh nô nức đi bầu cử Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp. Với tâm thế của người

chiến thắng và ý thức trách nhiệm cao trước những vấn đề trọng đại của đất nước, nông dân trên địa bàn tỉnh đã tích cực tham gia đi bầu cử.

Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử và kì họp thứ 1 Quốc hội đã động viên toàn Đảng, toàn dân hăng hái đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp.

Nhằm tăng cường lực lượng sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, đưa tổng sản lượng nông nghiệp, lâm nghiệp ngày càng tăng, đời sống vật chất văn hóa của nông dân và công nhân ngày càng được cải thiện, ngày 5/4/1976, Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết số 61-NQ/CP về cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Ngày 7/7/1976, Ban Bí thư ra Thông Tri số 335-TT/TW về việc mở rộng quy mô hợp tác xã nông nghiệp tùy theo điều kiện đất đai, kinh tế và xã hội nhằm có lợi cho sản xuất và đời sống xã viên

Thực hiện các chủ chương, Chính sách mới của Trung ương Đảng, nông dân Thái Nguyên vừa gia sức thi đua lao động sản xuất, vừa hăng hái tham gia phong trào làm thủy lợi, hợp tác hóa nông nghiệp.

Từ ngày 1/9/1976, hàng vạn lượt nông dân của tỉnh tích cực tham gia góp sức tiếp tục làm kênh mương Hồ Núi Cốc – một công trình đại thủy nông trọng điểm của tỉnh trong kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980). Công trình thủy lợi Hồ Núi Cốc hoàn thành, sẽ cung cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, Gò Đầm và nước tưới cho 12 nghìn ha lúa 2 vụ thuộc các huyện Đồng Hỷ, Phở Yên, Phú Bình, cho phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi, góp phần chống lũ lụt, tạo điều kiện để thúc đẩy nền nông nghiệp Thái Nguyên phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, Hồ Núi Cốc còn cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đời sống nhân dân, tạo nên một vùng sinh thái có phong cảnh đẹp, khí hậu trong lành, có khả năng phát triển du lịch.

Ngoài hệ thống kênh mương Núi Cốc, tỉnh còn đầu tư cho các công trình của ngành Nông nghiệp là 11,4 triệu đồng, cho lâm nghiệp là 7,8 triệu đồng, cho giao thông là 10,9 triệu đồng.

Các trại lợn giống ở Đắc Sơn (Phở Yên), Tân Kim (Phú Bình), trại trâu ở Tân Cương (Đồng Hỷ) được xây dựng. Bên cạnh đó, một số nông lâm trường, vùng kinh tế

mới, vùng chè, vùng rau được mở rộng. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh và bà con nông dân còn tự đầu tư công lao động sửa chữa và làm mới hàng trăm km đường giao thông nông thôn, 350 công trình thủy lợi vừa và nhỏ đã được đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất và sinh hoạt cộng đồng.

Kết quả đầu tư đã tạo điều kiện cho nông, lâm nghiệp của tỉnh phát triển mở rộng diện tích cây lương thực, đẩy mạnh thâm canh cây trồng, tạo vùng cây tập trung và chuyên canh (chủ yếu là cây chè) cho xuất khẩu; cây thực phẩm phục vụ đời sống nhân dân, cán bộ công nhân viên khu công nghiệp, thành phố, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 386/QĐ – HĐBT ngày 30/9/1976 của Hội đồng Bộ trưởng về việc đổi Ủy ban Nông nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành Ty Nông nghiệp tỉnh, thành phố; ngày 8/12/1976, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 824/QĐ - UB đổi tên Ủy ban Nông nghiệp tỉnh thành Ty Nông nghiệp tỉnh. Đồng chí Nguyễn Đình Chất (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp tỉnh) được Tỉnh ủy phân công kiêm chức Trưởng ban Nông nghiệp. Đồng chí Huỳnh Hữu Ích (Tỉnh ủy viên, nguyên Bí thư Huyện ủy Đông Hỷ) được Tỉnh ủy phân công giữ chức Trưởng Ty Nông nghiệp; các đồng chí Nguyễn Đình Đảng và Ma Đình Cư giữ chức Phó ty Nông nghiệp.

Tháng 12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ cả nước thống nhất. Đại hội đã quyết định và đề ra nhiệm vụ cơ bản phát triển nông nghiệp 5 năm tiếp theo là tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp tạo ra bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp nhằm giải quyết vững chắc nhu cầu của cả nước về lương thực, thực phẩm và có lương thực dự trữ, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu; đưa chăn nuôi lên làm một ngành sản xuất chính, cân đối với trồng trọt.

Dưới ánh sáng của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã nhận thức rõ được vị trí, vai trò của sản xuất nông lâm nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Ty Nông nghiệp hướng dẫn, tổ chức nông dân đầu tư lao động, tiền vốn, vật tư, nhằm thúc đẩy phát triển mạnh nông – lâm nghiệp. Bên cạnh đó, các ban ngành cùng với Đảng bộ chính quyền các cấp cùng cố, cải tiến công tác quản lý hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, đẩy mạnh sản xuất mở

rộng quy mô hợp tác xã, xây dựng các hợp tác xã có quy mô nhỏ, tăng nhanh các sản phẩm lương thực, thực phẩm và nguyên liệu đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của xã hội.

Với sự nỗ lực phấn đấu tham gia tích cực của đông đảo hội viên nông dân, đến cuối năm 1976, tỉ lệ hộ nông dân toàn tỉnh tham gia hợp tác xã chiếm 83,7% số hợp tác xã khá và tiên tiến đạt 32%.

Qua các đợt củng cố và tổ chức lại sản xuất về cơ bản trong 3 năm, phong trào hợp tác xã phát triển ổn định. Đến năm 1980 toàn tỉnh có 88.329 hộ nông dân vào làm ăn tập thể với gần 500 hợp tác xã bậc cao. Một số hợp tác xã phát triển khá toàn diện, nổi bật như hợp tác xã Hùng Sơn (Đại Từ), các hợp tác xã Quang Vinh (Thành phố Thái Nguyên), Hà Thượng (Đại Từ), Nam Hà (Phú Bình), Xuân Phú (Phú Lương), Phúc Chu (Định Hóa) là những đơn vị sản xuất phát triển tốt từng mặt.

Phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai cũng có sự chuyển biến tích cực, từ 9 hợp tác xã (năm 1976) phát triển lên 29 hợp tác xã (năm 1979), với 39% số hộ nông dân trong huyện tham gia. Trong các hợp tác xã tiên tiến và khá, công tác quản lý có nhiều tiến bộ, sản xuất phát triển nhanh và tương đối vững chắc, hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, có tích lũy, đời sống xã viên ổn định, các công trình phúc lợi được mở rộng.

Cùng với kết quả về lương thực, một số vùng cây tập trung về chuyên canh được củng cố và phát triển, nổi bật là vùng chè ở các huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đông Hỷ trong 3 năm 1977 - 1979 diện tích chè tăng 2.000ha đưa tổng diện tích chè lên 4.900ha; sản lượng tăng 2.159 tấn.

Một trong những yếu tố tạo được các vùng chè tập trung là do có thêm nhân lực của đồng bào các tỉnh miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Các đội chuyên canh chè Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương sản xuất đạt kết quả cao, góp phần tăng sản lượng chè xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân. Đến năm 1980, tổng diện tích chè của tỉnh tăng lên 4.665ha, sản lượng đạt 5.262 tấn.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng phát triển khá ổn định trong nhân dân. Trong 5 năm (1976 - 1980), đàn trâu, bò từ 71.931 con tăng lên 73.593 con; đàn lợn thuộc khu vực nhân dân từ 166.369 con tăng lên 167.012 con. Một số hợp tác xã và nông trường quốc doanh áp dụng phương pháp chăn nuôi lợn tăng trọng đạt kết quả bước đầu.

Trong 3 năm (1977 - 1979), công nghiệp địa phương đã cung cấp cho nông nghiệp gần 300.000 nông cụ các loại, sản xuất và cung cấp ra thị trường gần 3.000 xe

cải tiến và nhiều vật liệu xây dựng, cung cấp cho thương nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng trị giá khoảng 20 triệu đồng mỗi năm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Qua củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đã đạt được một số thành tích đáng kể như: đã xác định được phương hướng sản xuất đúng theo phân vùng quy hoạch của huyện, xây dựng phương án kinh tế dài hạn theo kế hoạch 5 năm lần thứ hai, tổ chức lao động thành các đội, tổ chuyên ngành, chuyên khâu theo hướng phân công, hiệp tác, bảo đảm bước đầu cho sự chỉ đạo của quản trị và chủ nhiệm có hiệu lực trên cơ sở định mức lao động, định mức vật tư; đã ghi và báo công điểm cho từng lao động, ăn chia phân phối chung toàn hợp tác xã. Triệu tập Đại hội xã viên một năm từ hai đến bốn lần để nghe báo cáo của quản trị và bàn bạc công việc chung. Đồng thời, tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật theo quy mô mới của hợp tác xã.

Những kết quả này cho thấy tính ưu việt của các hộ làm ăn tập thể; quản lý kinh tế - kĩ thuật của các hợp tác xã ngày một dần đi vào nền nếp theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa và nâng lên được một bước tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cho toàn thể cán bộ và xã viên.

Song, vẫn còn những hợp tác xã về mặt quản lý kinh tế như quản lý sản xuất, lao động, tài vụ, lưu thông, phân phối, tổ chức đời sống có những nhược điểm như: Phương hướng sản xuất chưa thể hiện thật rõ, kế hoạch sản xuất chưa thật cụ thể, cơ sở vật chất – kĩ thuật rất ít, chưa bảo đảm cho sản xuất phát triển; lao động chưa được phân bố theo ngành, theo khâu công việc một cách hợp lý, định mức lao động các loại công việc chưa đủ, chưa thật sát; tài chính, tài sản chưa rành mạch, còn dễ hư hao, lãng phí nhiều mặt, có nơi khá nghiêm trọng, ăn chia phân phối chưa công bằng... Dẫn đến nhiều nơi xã viên có cảm tưởng mình như người làm thuê cho hợp tác xã, chỉ có nhiệm vụ lao động cho hợp tác xã, còn hợp tác xã cho cái gì thì được hưởng cái ấy. Như vậy, rõ ràng, quyền làm chủ của xã viên không được tôn trọng và bị vi phạm nghiêm trọng ở nhiều hợp tác xã. Vì thế mà nội bộ xã viên thiếu đoàn kết, thiếu phấn khởi, ảnh hưởng đến sự tích cực lao động của tập thể, kém tin tưởng vào cán bộ cơ sở.

Thực hiện Chỉ thị số 209 – CT/TW của Ban Bí thư ngày 18/9/1974 về tổ chức Đại hội đại biểu Nông dân tập thể các cấp, từ năm 1975, Hội Nông dân tập thể các tỉnh miền Bắc lần lượt tiến hành đại hội, tổng kết quá trình hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Nông dân toàn quốc. Để phát huy vai trò

của tổ chức Hội Nông dân trong sự nghiệp cách mạng và tiến tới Đại hội đại biểu Nông dân toàn quốc, tháng 7/1977, Ban Bí thư Trung ương thành lập Ban Trù bị Đại hội đại biểu liên hiệp Nông dân tập thể Trung ương là một bộ phận trực thuộc Ban Nông nghiệp Trung ương. Ngày 25/6/1979, Ban Trù bị Đại hội được tách ra, trở thành một cơ quan riêng thuộc hệ thống các đoàn thể quần chúng và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư.

Nhằm bảo đảm quyền làm chủ tập thể xã viên trên mọi mặt trong lĩnh vực kinh tế, Thường trực Ban Trù bị Đại hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh đã được thành lập và ban hành Kế hoạch số 34 – KH/NDTT ngày 14/9/1979 về thực hiện công tác “5 công khai trong hợp tác xã nông nghiệp”. “5 công khai” gồm:

*Một là*, công khai công điểm 10 hoặc 15 ngày một lần;

*Hai là*, công khai việc mua bán phân bón các gia đình xã viên và phần mua của Nhà nước từng vụ hay từng quý;

*Ba là*, công khai nợ nần của các xã viên đối với hợp tác xã và hợp tác xã nợ xã viên, nợ Nhà nước, nợ các nơi khác. Công khai việc cho vay hoặc bán thóc trợ giúp cho từng xã viên trong mỗi vụ;

*Bốn là*, công khai việc thu chi, xuất khẩu hàng quý của từng đội sản xuất và chung của cả hợp tác xã;

*Năm là*, công khai số lượng, chất lượng các kho của hợp tác xã trong mỗi vụ hoặc trong quý và cả năm; công khai phân phối giá trị và hiện vật từng vụ, cả năm theo hộ hoặc theo lao động.

Nhìn lại một cách tổng quát tình hình kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn (1976 - 1980) vẫn hết sức khó khăn, dù đã đạt được một số thành tựu nhất định trong các lĩnh vực sản xuất công, nông, lâm nghiệp. Trong các hợp tác xã tình hình sản xuất vẫn được giữ vững. Sản lượng, giá trị sản phẩm một số vật nuôi, cây trồng từng bước tăng lên. Đời sống của xã viên ổn định, phúc lợi tập thể có phần được mở rộng. Công tác hợp tác hóa và xây dựng hợp tác xã tiếp tục được chú trọng. Hội Nông dân tập thể từ huyện đến cơ sở tuyên truyền, động viên nông dân tập thể các dân tộc trong tỉnh tích cực tham gia và thực hiện phong trào hợp tác hóa.

Số hộ nông dân tham gia hợp tác xã tăng từ 86,5% năm 1978 lên 90,2% năm 1979 trong tổng số 561 hợp tác xã của tỉnh <sup>(38)</sup>. Phong trào hợp tác xã cơ bản ổn định, thông qua cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, hợp tác xã mua bán, tín dụng cũng được củng cố một bước.

Tuy nhiên, trong sản xuất nông nghiệp vẫn còn nhiều yếu kém, khuyết điểm. Các mục tiêu lớn về sản xuất, thu mua, xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra đều không đạt được. Tổng sản phẩm tăng chậm (1,7%). Cây màu lương thực chưa được coi trọng từ khâu sản xuất chế biến đến lưu thông phân phối, trong khi đó dân số tăng nhanh càng làm cho những khó khăn về lương thực thêm gay gắt. Giải quyết về lương thực luôn là mối quan tâm hàng đầu của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong thời gian này.

Quá trình củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất thường chú trọng mở rộng quy mô hợp tác xã theo địa giới hành chính, nhưng nội dung tổ chức lại sản xuất là xác định phương hướng, phân công lao động chưa được xây dựng và thực hiện tốt, nên sự chuyển biến của phong trào và hiệu quả sản xuất trên địa bàn tỉnh không cao. Cho dù tỉnh, huyện đã tập trung nhiều tiền của, trí tuệ của đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp để chỉ đạo thí điểm 20 xã tổ chức lại sản xuất, song kết quả đạt được vẫn hết sức hạn chế. Các bước đi cụ thể của một quá trình sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa vẫn chưa rõ ràng trên địa bàn tỉnh.

Thực tiễn sản xuất cho thấy, trong các hợp tác xã nông nghiệp, hiện tượng “rong công phóng điểm” diễn ra phổ biến. Phương hướng sản xuất chưa thể hiện thật rõ, kế hoạch sản xuất chưa cụ thể, cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn, không đảm bảo cho sản xuất phát triển; phân bổ lao động chưa gắn với từng ngành, từng khâu, từng việc; định mức lao động các loại công việc chưa đủ chưa sát, quản lý hành chính tài sản không minh bạch, còn để hữu hao tài sản lãng phí.

Trong khi đó, công tác quản lý phân phối sản phẩm chưa dân chủ, công khai, tạo nên những sơ hở, là một trong những nguyên nhân gây nên các hiện tượng tiêu cực trong các hợp tác xã, gây bất bình cho xã viên và làm cho phong trào hợp tác hóa thường xuyên không ổn định. Phong trào thực hiện công tác “5 công khai” trong hợp tác xã nông nghiệp chưa đạt được yêu cầu đề ra.

---

<sup>(38)</sup> Viện Quy hoạch & thiết kế - Bộ Nông nghiệp & CNTP, *Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956 – 1990)*, tr.35, tr.61, Nxb Thống kê, Hà Nội 1991.

Do mở rộng quy mô hợp tác xã, đưa các hợp tác xã lên bậc cao quá độ, sản xuất quá lớn trong khi trình độ cán bộ yếu kém, không thay đổi cách thức tổ chức và quản lý sản xuất cũng như phương thức phân phối, cơ sở vật chất bị hư hỏng, mất mát, làm kìm hãm sự phát triển của sản xuất. Thu nhập từ kinh tế tập thể rất thấp nên đời sống của xã viên gặp nhiều khó khăn. Người nông dân vốn giàu lòng yêu nước và cần cù lao động, một lòng đi theo Đảng, nhưng trước thực trạng nông nghiệp trì trệ, họ bỏ đồng ruộng, không tha thiết với hợp tác xã.

Thực tế này, không chỉ xảy ra ở Bắc Thái mà là tình trạng chung trong cả nước. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp trong điều kiện xây dựng hòa bình ngày càng bộc lộ những hạn chế và kìm hãm sức sản xuất trên mặt trận nông nghiệp. Các hợp tác xã nông nghiệp xuống cấp, kể cả những hợp tác xã mà trước đó được coi là điển hình. Tình trạng thất thoát, mất mát, làm hư hao tiền vốn, tài sản cố định trong các hợp tác xã trở thành hiện tượng phổ biến. Ruộng đất nông nghiệp bị bỏ hoang ngày càng nhiều. Tình hình sản xuất lương thực giảm sút làm cho cả nước lâm vào tình trạng thiếu lương thực trầm trọng.

Mô hình quản lý phát triển kinh tế trong các hợp tác xã đến giai đoạn này thực sự không còn phù hợp nhưng do chưa nhận thức được nên trong quá trình củng cố hợp tác xã tổ chức lại sản xuất không điều chỉnh cho phù hợp mà ngược lại còn nặng nề, hướng về mở rộng quy mô hợp tác xã theo địa giới hành chính, dồn sức củng cố, xây dựng các hợp tác xã, thậm chí còn đẩy mạnh việc xây dựng các hợp tác xã lên quy mô toàn xã hội, trong khi nội dung chủ yếu của tổ chức lại sản xuất là xác định phương hướng, phân công lao động chưa được xây dựng và thực hiện tốt.

Công tác lãnh đạo chỉ đạo sản xuất, phân phối sản phẩm ở nhiều hợp tác xã nhỏ còn nhiều khó khăn, vướng mắc, chưa được tháo gỡ nên sự chuyển biến của phong trào và hiệu quả sản xuất mang lại không cao. Các xã được chọn làm thí điểm tổ chức lại sản xuất mặc dù được tỉnh, huyện tập trung vốn đầu tư nhưng kết quả vẫn rất hạn chế. Vì vậy, cuối năm 1979 có tới 2/3 trong số hợp tác xã quy mô toàn xã làm ăn không có hiệu quả. Trong số 45 hợp tác xã tiến hành tổ chức lại sản xuất sau 2 năm chỉ có 19 hợp tác xã chuyển biến, 26 hợp tác xã còn lại vẫn ở trong tình trạng yếu kém.

Mặc dù, Hội Nông dân tập thể tỉnh chưa tiến hành được đại hội. Hội Liên hiệp nông dân tập thể tỉnh chưa thành lập. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Ban Trù bị Đại hội đại biểu Nông dân tập thể tỉnh vừa làm nhiệm vụ chuẩn bị cho Đại Hội



Nông dân tập thể, vừa hướng dẫn thường trực Hội đồng Nông dân tập thể các huyện, thành hoạt động. Dù có hạn chế, song sự lãnh đạo của Ban Trù bị đã đem lại một số kết quả, tổ chức nông dân tập thể các huyện đã có cán bộ chuyên trách hoạt động. Được sự quan tâm của cấp ủy và các ban, ngành ở huyện; hơn nữa, nông dân tập thể các huyện đã phối hợp với Ủy ban (Ban Nông nghiệp) huyện chỉ đạo hợp tác xã Đại hội xã viên, kiện toàn bộ máy quản lý của hợp tác xã, vận động xã viên tham gia đi bộ đội, làm công sự, chiến đấu ủng hộ đồng bào Cao Bằng sơ tán, khôi phục sản xuất và ổn định đời sống. Vận động nông dân tập thể các hợp tác xã, đăng kí thi đua với hợp tác xã Vũ Thắng (Thái Bình), Định Công (Thanh Hóa), Hùng Sơn (Đại Từ), thực hiện chiến dịch “vụ mùa đại thắng”. Nhìn chung, hoạt động của nông dân tập thể các cấp đã có chuyển biến tích cực, đáng chú ý là việc vận động nông dân thực hiện 5 công khai đã tạo lòng tin cho xã viên, phấn khởi sản xuất như Hùng Sơn (Đại Từ), Lương Phú (Phú Bình), Tích Lương (Đồng Hỷ).

## **II. Vận động hội viên đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống (1981 – 1986)**

### ***1. Thành lập Ban trù bị Đại hội đại biểu Nông dân tập thể***

Ngày 27/6/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định tách Ban Trù bị Đại hội đại biểu Nông dân tập thể Trung ương thành một cơ quan riêng (trước đó nằm trong Ban Nông nghiệp Trung ương) thuộc hệ thống các đoàn thể quần chúng và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư. Đồng chí Võ Thúc Đồng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương tiếp tục kiêm Trưởng ban Trù bị Đại hội.

Tiếp đó, Bộ Chính trị quyết định thành lập tổ chức thống nhất của giai cấp nông dân trong cả nước, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở, lấy tên là *Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam* nhằm động viên nông dân trong cả nước thực hiện ba cuộc cách mạng ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Trên thực tế, vào đầu những năm 60, khi phong trào hợp tác hóa nông nghiệp đã thành cao trào và hợp tác xã nông nghiệp không còn thuần túy là đơn vị kinh tế mà còn được coi như một tổ chức chính trị, xã hội. Hơn thế, có nơi, có lúc đã coi hợp tác xã nông nghiệp như một đơn vị hành chính. Hợp tác xã chỉ huy, phụ trách không chỉ sản xuất mà cả mọi hoạt động sinh hoạt khác của xã viên hợp tác xã. Từ đó, đưa đến việc xem nhẹ trên nhiều mặt của một trong hai nhân tố cơ bản của nông nghiệp đó là người nông dân – người lao động sáng tạo trên đồng ruộng. Vì thế, từ năm 1960, Nông

hội - một tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp nông dân đã bị giải thể. Thay vào đó là Ban Công tác nông thôn, rồi Ban Quản lý hợp tác xã nông nghiệp, Ban Nông nghiệp... Những tổ chức này dù là một Ban của Đảng cũng không thể làm công việc như một đoàn thể của nông dân. Do đó, nhiều năm, giai cấp nông dân ở miền Bắc Việt Nam không có hội đoàn của mình.

Đến năm 1974, Đảng phát hiện thiếu sót đó và có chủ trương cho thành lập Hội Liên hiệp Nông dân tập thể nhưng mới ở cấp xã và hợp tác xã. Đến ngày 29/9/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 116 – CT/TW về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam. Chỉ thị nhấn mạnh: Công tác vận động, tổ chức, giáo dục nông dân có ý nghĩa rất quan trọng nhằm tăng cường liên minh công – nông dưới sự lãnh đạo của Đảng và cho ban hành Điều lệ của Hội Liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam.

Trước những khó khăn trong nền kinh tế nói chung, lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, tháng 8/1979, Hội nghị lần Thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa IV được tổ chức. Hội nghị đã nhìn thẳng và đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua. Để phù hợp với tình hình mới, Hội nghị quyết định một số chính sách mới nhằm phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, trước hết là ổn định định mức nghĩa vụ trong 5 năm, phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thỏa thuận; khuyến khích các hợp tác xã, gia đình xã viên tận dụng đất, ao, hồ còn bỏ hoang hoặc bỏ hóa, ổn định mức bán thịt, phần còn lại bán theo giá thỏa thuận cho Nhà nước hoặc lưu thông tự do; sửa lại giá lương thực, nông sản, bỏ lối phân phối theo định lượng, định suất trong các hợp tác xã, bảo đảm phân phối theo nguyên tắc lao động.

Để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, ngày 27/9/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 78 – CT/TW về việc tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam. Chỉ thị khẳng định: *Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam là tổ chức quần chúng rộng rãi của nông dân lao động trong cả nước, Hội có nhiệm vụ tập hợp, đoàn kết nông dân để giáo dục, vận động nông dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp miền Nam, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và áp dụng các kỹ thuật tiên tiến vào nông nghiệp, đưa nông thôn tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Hội Liên hiệp Nông dân tập*

*thể Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội có nhiệm vụ cùng tổ chức công đoàn xây dựng khối liên minh công – nông vững chắc làm cơ sở cho Mặt trận Tổ quốc.... Hội kết nạp tất cả nông dân trong các tổ chức sản xuất tập thể, hội viên nông hội, những nông dân và những người lao động khác ở nông thôn, hăng hái phấn đấu đi vào con đường sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa, theo nguyên tắc tự nguyện.*

Việc Đảng quyết định thành lập Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam có ý nghĩa chính trị to lớn. Sau nhiều năm không có tổ chức Hội (ở miền Bắc)<sup>39</sup>, từ nay giai cấp nông dân cả nước có tổ chức thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở, ngày càng phát huy vai trò to lớn của mình đối với sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

Triển khai Quyết định của Trung ương Đảng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, công tác xây dựng và phát triển tổ chức Hội được quan tâm. Các đơn vị trong tỉnh đã tiến hành Đại hội kì hai Hội Nông dân tập thể ở cấp cơ sở và cấp huyện. Theo đó, mỗi huyện có hai cán bộ chuyên trách làm công tác Hội Nông dân. Đại hội đã tổng kết quá trình hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển nông thôn. Các cấp hội đã tiến hành tổ chức cho hội viên nông dân thảo luận, bổ sung dự thảo Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV của Đảng và những Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương khóa IV.

Ở cấp tỉnh, Ban Trù bị Đại hội mà thường trực là Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy đã căn cứ vào hướng dẫn của Ban Trù bị Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của Hội Nông dân tập thể, đồng thời phối hợp với các ban ngành, đoàn thể giáo dục động viên xã viên nông dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, từng bước xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và sự hướng dẫn của Tỉnh Hội, việc xây dựng Hội Nông dân tập thể từ cơ sở đến huyện gắn liền với củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Có 11 huyện, thành thị và 134/250 xã xây dựng xong quy hoạch kinh tế trên cơ sở quy hoạch vùng sản xuất huyện.

---

<sup>(39)</sup> Giai đoạn 1954 – 1955, Nông hội sinh hoạt lỏng lẻo, không có bộ máy tổ chức hoàn chỉnh, đủ năng lực từ Trung ương đến cơ sở, đồng thời chưa có điều lệ phù hợp với yêu cầu tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng. Nông hội cấp Trung ương cũng chưa có Ban Chấp hành, cũng chưa tổ chức được Đại hội đại biểu toàn quốc của Nông hội, cán bộ Hội thuộc biên chế của ban Dân vận trực thuộc cấp ủy đảng. Công tác Nông hội không có cán bộ và tổ chức chăm lo chu đáo. Vì thế, Nông hội chưa đáp ứng được nhiệm vụ chính trị.

Các hợp tác xã xây dựng phương hướng sản xuất loại hình hợp tác xã; xác định phương hướng sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật, cây con, ngành nghề, định mức lao động theo hướng chuyên ngành (trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nghề thủ công) và chuyên khâu (đội thủy lợi, thủy nông làm phân bón, vận chuyển), từng bước chuyên môn hóa, hợp tác hóa, cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã ngày càng được xây dựng thêm, những tiến bộ khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi từng bước được áp dụng, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ hợp tác xã từng bước được nâng lên.

Thực hiện Chỉ số 23 – CT/BT của Tỉnh ủy ngày 14/4/1979 về tăng cường lãnh đạo công tác nông vận trong tình hình mới và tiến hành chuẩn bị Đại Hội Nông dân tập thể toàn tỉnh lần thứ nhất, Hội Nông dân tập thể huyện, cơ sở đã phối hợp với Ban thi đua và các đoàn thể giáo dục, vận động nông dân tập thể các hợp tác xã thi đua trở thành hợp tác xã lao động tiên tiến, lao động xã hội chủ nghĩa.

Trong năm 1979, thực hiện vụ mùa quyết thắng, nông dân trong toàn tỉnh đẩy mạnh thi đua với hợp tác xã Định Công (Thanh Hóa), Vũ Thắng (Thái Bình), Hùng Sơn (Đại Từ, Bắc Thái) với sự tham gia của 150/561 hợp tác xã. Lượng lương thực nhập kho năm 1979 là 117,4 tấn, đạt 62% kế hoạch. Tổng giá trị thu mua đạt 93,4% kế hoạch cả năm, so với các năm 1977, 1978 đều tăng.

Ngày 8/4/1980, Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Thông tri số 73 –TT/BT về việc triển khai tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, trong đó yêu cầu các Huyện ủy, Thành ủy chỉ đạo chặt chẽ việc chuẩn bị mở Đại hội đại biểu Nông dân tập thể cấp huyện, xã. Ban Trù bị Đại hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh, Mặt trận và các đoàn thể Thanh Niên, Phụ nữ cần phối hợp chỉ đạo xây dựng Hội từ 1 đến 2 xã làm điếm, rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

Các cấp ủy phát động phong trào thi đua trong nông dân tích cực chăm bón hoa màu đã trồng, bảo đảm diện tích các cây còn thời vụ gieo trồng, tiết kiệm tiêu dùng, bán thêm lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

## **2. Hội nghị đại biểu Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái**

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ ngày 27 đến 28/5/1980, **Hội nghị đại biểu Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái được tổ chức** tại thành phố Thái Nguyên.

Hội nghị đã thông qua Báo cáo tình hình và nhiệm vụ trước mắt của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái. Báo cáo khẳng định đây là Hội nghị đại biểu Nông dân tập thể toàn tỉnh được tổ chức lần đầu tiên, là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn của nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái.

Báo cáo đã khái quát tình hình hoạt động của Nông dân tập thể từ 1975 – 1979 đạt được những kết quả nhất định: Thi hành Chỉ thị số 209 của Trung ương về tổ chức Hội đồng Nông dân tập thể, tổ chức nông dân tập thể được thành lập từ cơ sở, gắn liền với hợp tác xã nông nghiệp và tổ đổi công, việc tuyên truyền giáo dục đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước cho nông dân được gắn liền với tổ chức Hội đồng Nông dân tập thể một cách thường xuyên. Tổ chức cho nông dân thảo luận, bổ sung điều lệ dự thảo hợp tác xã nông nghiệp bậc cao, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 4 và các Nghị quyết 2,4,6 của Ban Chấp hành Trung ương; thảo luận bổ sung Hiến pháp xã hội chủ nghĩa và các chính sách khuyến khích sản xuất như; chính sách tận dụng đất đai, phát triển chăn nuôi trâu bò, lợn, gà, phân phối trong từng hợp tác xã... đều được phổ biến rộng rãi trong nông dân tập thể và các hợp tác xã.

Phong trào hợp tác hóa đạt 80% năm 1975 tăng lên 93% năm 1979, riêng huyện Võ Nhai từ 20% năm 1977 tăng lên 48% năm 1979. Sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh năm 1978 phát triển khá. Sang năm 1979, mặc dù xảy ra thiên tai có nhiều khó khăn nhưng sản lượng nông nghiệp tỉnh vẫn giữ vững. Đóng góp lương thực, thực phẩm năm 1978 – 1979 của nông dân cũng cao hơn năm 1977. Năm 1979, nông dân đã cử hàng ngàn con em vào bộ đội, hàng vạn lao động đi đào hào chiến đấu, nhưng đời sống vẫn được giữ vững.

Tuy nhiên, trong công tác tuyên truyền, giáo dục nông dân vẫn còn nhược điểm, thiếu sót: chưa rộng khắp, chưa sâu, có chính sách đến nông dân còn chậm, có chính sách tuyên truyền chưa đầy đủ đã dẫn đến việc thi hành lệch lạc như quản lý tư liệu sản xuất theo Nghị quyết 8, có hợp tác xã chưa chấp hành nghiêm chỉnh.

Từ năm 1975 – 1979, việc xây dựng tổ chức Hội đồng Nông dân tập thể từ cơ sở đến huyện được gắn liền với củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hội Nông dân tập thể đã giáo dục, động viên nông dân tập thể các dân tộc tích cực tham gia vào thực hiện phong trào hợp tác xã được củng cố thêm một bước. Số nông dân tham gia hợp tác xã từ 87% năm 1978 tăng lên 93% năm 1979 của 570 hợp tác xã. Trong đó, 102 hợp tác xã quy mô toàn xã là một hợp tác xã. Phong trào hợp tác xã nói chung ổn định, thông qua cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, hợp tác xã mua bán, tín dụng cũng được củng cố một bước.

Đối với tỉnh Bắc Thái, quy mô cả xã là một hợp tác xã có 300ha canh tác và trên dưới 1000 lao động là vừa. Mặt khác, nhờ có mở rộng quy mô hợp tác xã có thể mạnh về lao động, về đất đai cho nên mấy tháng đầu năm 1979, vừa sản xuất, vừa chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, các hợp tác xã đã đưa hàng ngàn con em vào bộ đội, hàng vạn lao động trẻ, khỏe đi làm giao thông hào chiến đấu nhưng vẫn có lao động để giữ vững sản xuất và giúp đỡ hàng vạn đồng bào sơ tán đến có cơm ăn, việc làm, nhà ở.

Bằng những việc làm thiết thực đó, đã nói lên tính ưu việt của lối làm việc tập thể xã hội chủ nghĩa, nói lên sức mạnh của nông dân tập thể ở nông thôn, quyền làm chủ tập thể của nông dân đã được phát huy, góp phần quan trọng vào sự nghiệp chiến đấu chống quân Trung Quốc xâm lược.

Hội cũng tích cực tuyên truyền động viên nông dân tập thể, các hợp tác xã thi đua với hợp tác xã Định Công (Thanh Hóa), Vũ Thắng (Thái Bình), Hùng Sơn (Đại Từ), đẩy mạnh sản xuất, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, nâng cao đời sống. Những năm qua, Hội Nông dân tập thể huyện, cơ sở đã phối hợp với Ban thi đua các đoàn thể để giáo dục vận động nông dân tập thể, các hợp tác xã, thi đua trở thành hợp tác xã, tổ đổi công lao động tiên tiến và lao động xã hội chủ nghĩa.

Riêng năm 1979, thực hiện “vụ mùa quyết thắng”, nông dân các hợp tác xã đã đăng kí bằng văn bản thi đua với hợp tác xã Định Công (Thanh Hóa), Vũ Thắng (Thái Bình), Hùng Sơn (Đại Từ). Kết quả đã có 150/561 hợp tác xã đăng kí thi đua, nhờ đó mà phong trào hợp tác xã ổn định, sản xuất giữ vững, có mặt phát triển.

Nông dân các hợp tác xã đã động viên tiết kiệm ủng hộ mỗi khẩu hoặc lao động, tiền từ 3 - 5 hào, gạo từ 3 – 5 lạng để đưa ra tiền tuyến và để ủng hộ dân quân du kích thường trực chiến đấu.

Đi đôi với chăm lo đời sống, thông qua các cuộc vận động xây dựng Đảng, nông dân tập thể đã tích cực đấu tranh chống các mặt tiêu cực như tham ô, lợi dụng, ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng... Tuy nhiên, vẫn có nơi chưa quan tâm tổ chức đời sống cho xã viên; ăn chia, phân phối, điều hòa trong hợp tác xã chưa công bằng.

Về củng cố kiện toàn tổ chức Hội Liên hiệp nông dân tập thể: Thi hành Chỉ thị số 209 của Ban Bí thư Trung ương, tổ chức Hội đồng Nông dân tập thể tỉnh đã tiến hành Đại hội kì hai ở cơ sở và cấp huyện. Tổ chức Nông dân tập thể đã được xác lập từ cơ sở đến huyện (mỗi huyện có 2 cán bộ chuyên trách làm công tác nông dân).

Mặc dù tỉnh Bắc Thái chưa Đại hội để bầu ra Hội đồng Nông dân tập thể tỉnh, nhưng Ban Trù bị Đại hội mà thường trực là Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy đã căn cứ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Nông dân tập thể từ cơ sở trở lên, đồng thời phối hợp với các ban ngành đoàn thể, giáo dục động viên xã viên nông dân thực hiện đường lối chính sách của Đảng, thực hiện ba cuộc cách mạng, từng bước xây dựng nông thôn.

Hội đồng Nông dân tập thể cấp huyện và cơ sở đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể giáo dục, động viên nông dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, động viên phong trào thi đua thực hiện 3 cuộc cách mạng ở nông thôn<sup>(40)</sup>, củng cố hợp tác xã sản xuất, nông, lâm, ngư nghiệp, làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm nông sản với Nhà nước, tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, tổ chức đời sống, xây dựng nông thôn mới, con người xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh ưu điểm, công tác tuyên truyền, giáo dục động viên nông dân chưa sâu rộng, nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước xã viên, nông dân chưa hiểu rõ. Quan hệ sản xuất chưa hoàn thiện, sản xuất lương thực, thực phẩm, nông sản với Nhà nước, có hợp tác xã chưa hoàn thành, chế độ quản lý chung chưa được cải tiến. Những chính sách khuyến khích sản xuất nhất là chính sách tận dụng ruộng đất, phát triển chăn nuôi, ăn chia phân phối, có những hợp tác xã chấp hành chưa nghiêm chỉnh, tùy tiện, tự đặt ra theo ý nghĩa chủ quan đối với chính sách của Đảng và Nhà nước, những mặt tiêu cực trong đời sống và xã hội chưa được khắc phục.

Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong công tác của Hội đồng nông dân tập thể và hoạt động của phong trào nông dân tỉnh Bắc Thái thời gian từ năm 1975 - 1979. Ngoài nguyên nhân khách quan, còn có nguyên nhân chủ yếu do các cấp ủy Đảng chưa quan

---

<sup>(40)</sup> Ba cuộc cách mạng ở nông thôn: cách mạng quan hệ sản xuất; cách mạng khoa học kỹ thuật; cách mạng tư tưởng văn hóa.

tâm chỉ đạo đúng mức (cán bộ Hội đồng Nông dân ở các huyện thường điều động đi làm công tác chung của huyện), tổ chức của Hội chưa được kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở nên sự hoạt động của Hội bị hạn chế.

Hội nghị đã thảo luận và thông qua Báo cáo tình hình, nhiệm vụ trước mắt của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái<sup>(41)</sup>; nghe Chỉ thị 78 của Trung ương, Điều lệ tạm thời Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam. Trên cơ sở đó, Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ những năm tới của Hội, quyết tâm đẩy lên phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục trong nông thôn, tạo ra một chuyển biến mới trên mặt trận nông lâm nghiệp, đưa sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh tiến nhanh, tiến mạnh lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, góp phần vào sự nghiệp giàu đẹp và kiên cường cách mạng.

Hội nghị bầu Ban Chấp hành lâm thời Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh gồm 19 đồng chí (bao gồm 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch, 2 Ủy viên thường vụ). Đồng chí Dương Văn Thơ được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh. Các đồng chí Ma Thị Tô và Hoàng Mộc được bầu làm Phó Chủ tịch Hội.

Hội nghị đại biểu Nông dân tập thể Bắc Thái diễn ra thành công tốt đẹp. Hội nghị có ý nghĩa chính trị to lớn đối với phong trào Nông hội của toàn tỉnh, khẳng định vị trí và vai trò to lớn của giai cấp nông dân trong sự nghiệp cách mạng chung của toàn tỉnh. Từ đây, phong trào nông dân tỉnh đã có tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo góp phần thúc đẩy các hoạt động của phong trào phát triển và mang tính hiệu quả cao.

### **3. Vận động hội viên thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp (1981 – 1984)**

Để phát huy các kết quả đã đạt được và khắc phục những yếu kém tồn tại, thúc đẩy hoạt động sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất trong các hợp tác xã có những chuyển biến mới, Hội nghị đã phát động phong trào cuộc vận động “Ba xây”, “Năm chống”.

---

<sup>(41)</sup> *Thứ nhất*, tuyên truyền giáo dục, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể của nông dân. BCH Hội Liên hiệp Nông dân tập thể từ tỉnh đến cơ sở cùng với các cơ quan chức vận động hội viên thực hiện “3 xây và 5 chống” trong hợp tác xã.

*Thứ hai*, tích cực vận động hội viên ra sức cùng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất với xây dựng huyện, từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

*Thứ ba*, ra sức vận động nông dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước.

*Thứ tư*, vận động hội viên và nông dân tích cực tham gia xây dựng quốc phòng, cùng toàn dân chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ năm*, tích cực chăm lo đời sống của hội viên và nông dân, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội.

*Thứ sáu*, hoàn thành việc lập Hội Liên hiệp Nông dân tập thể từ cơ sở trở lên.

*Thứ bảy*, nắm vững nhiệm vụ trung tâm từ nay đến cuối năm 1980 để tập trung chỉ đạo và mang lại kết quả.



Đề đạt thêm những kết quả mới trong sản xuất nông nghiệp, hoạt động của hợp tác xã và đời sống nông dân cùng với “Ba xây”, “Năm chống”, các cấp hội còn vận động, hướng dẫn hội viên nông dân tham gia phong trào “Tác đất tác vàng” theo Kế hoạch số 13 - KH/BCH, ngày 15/6/1980 của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh do Trung ương Hội phát động.

Mục tiêu chung của phong trào là góp phần thúc đẩy hợp tác xã tận dụng mọi khả năng lao động, đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, đẩy nhanh sản xuất kinh doanh tập thể đến mức cao nhất, đất đai của hợp tác xã chưa sử dụng thì cho xã viên mượn trồng một vụ hoặc khai hoang phục hóa sản xuất theo đúng chính sách. Thúc đẩy các đơn vị sản xuất tập thể, các gia đình hội viên và nông dân ra sức thâm canh, luân canh, tăng vụ trên thửa ruộng, mảnh đất, ao hồ đang sử dụng, tăng năng suất, sản lượng lương thực, thực phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế cao, cải thiện đời sống, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Xây dựng và kiện toàn tổ chức Hội từ cơ sở trở lên vững mạnh, gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, đưa tổ chức Hội vào hoạt động có nề nếp và nội dung thiết thực.

Cùng với các cấp và các ngành, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh đã phân công cán bộ xuống cùng với huyện kịp thời tuyên truyền, vận động hội viên và nông dân thi đua thực hiện “tác đất, tác vàng”. Vì thế, đã khắc phục được hậu quả của thiên tai gây ra, đưa phong trào thi đua của tỉnh tiến lên một bước mới, đẩy mạnh sản xuất, thu hoạch vụ mùa thắng lợi.

Thông qua phong trào thi đua này, tỉnh Hội xác định chỉ tiêu cụ thể trong việc phát triển hội viên và tổ chức: đến hết năm 1980, kết nạp 100% nông dân, xã viên đủ tiêu chuẩn vào hội.

Sau Hội nghị đại biểu Hội liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh, thực hiện chỉ thị 78 – CT/TW ngày 27/9/1979 về việc tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể toàn quốc của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Tỉnh Hội đã tiến hành chỉ đạo thí điểm về công tác xây dựng tổ chức Hội, mỗi huyện từ 1 - 2 điểm để rút kinh nghiệm mở rộng diện tích. Nhưng đến cuối năm 1980 thì có chủ trương tạm hoãn việc mở Hội nghị triển khai công tác xây dựng, tổ chức Hội. Lúc này, tư tưởng một số cán bộ Hội có phân vân, chờ đợi, hoạt động thiếu phần khởi. Trước tình hình đó, tỉnh Hội đã họp Ban Chấp hành mở rộng đến các huyện, thành để bàn phương hướng hoạt động. Hội nghị đã nhất trí vận dụng Chỉ thị 209 – CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và

dựa vào các Ban kiểm soát hợp tác xã làm việc. Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy đã có thông tư cho các chi ủy, Đảng ủy cơ sở như Phổ Yên, Phú Bình, Phú Lương... và phân công các đồng chí cấp ủy sang phụ trách công tác Hội. Cho đến thời điểm năm 1980, ở tỉnh tồn tại hai hình thức tổ chức của nông dân là Hội Liên hiệp Nông dân tập thể và Hội đồng Nông dân tập thể.

Do yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân và nâng cao hiệu quả kinh tế, trong những năm 1978 – 1980, cũng như một số nơi khác, một số hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đã bung ra, dùng hình thức khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với nhiều loại cây trồng, đối với chăn nuôi và đối với ngành nghề.

Kịp thời nắm bắt phương thức làm ăn mới, ngay sau khi có Nghị quyết 21 (ngày 20/9/1979) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Thông báo số 22 (ngày 21/10/1980) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 5/1/1981, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái ban hành Nghị quyết số 03 - NQ/BT về “nắm vững quan điểm của Đảng, tăng cường công tác tổ chức quản lý, hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp đưa phong trào hợp tác xã tiến lên vững chắc” chỉ đạo các huyện, thành, thị triển khai khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp. Nghị quyết nêu rõ: Các huyện chọn một hợp tác xã chỉ đạo làm thử rút kinh nghiệm, từng bước mở rộng trên địa bàn.

Hình thức khoán mới này đã bước đầu phát huy được tác dụng tích cực, nhưng lại vì chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn thống nhất, nên việc thực hiện giao khoán ở một số tỉnh đã xảy ra những sai sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện. Trước thực tế đó, tại Hội nghị lần thứ 9 (tháng 12/1980), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp để kịp thời phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục nhược điểm, uốn nắn những sai sót, phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống xã viên.

Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100 - CT/TW về *Cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp*. Chỉ thị đã thể hiện sự đổi mới tư duy trong việc cải cách một phần cơ chế hoạt động của hợp tác xã.

Sau khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo các huyện tăng cường chỉ đạo, uốn nắn những lệch lạc, bảo đảm công tác khoán sản phẩm phát triển đúng hướng.

Khoán sản phẩm đến người lao động là một hình thức quản lý mới, quản lý và trả công lao động có gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Với phương thức khoán này, người nông dân bước đầu được tự chủ trên đồng ruộng.

Ngay trong vụ đông – xuân 1980 – 1981, toàn tỉnh đã có 170 hợp tác xã (chiếm 29,5%) thực hiện khoán mới. Năm 1982, tăng lên trên 400 hợp tác xã. Một số địa phương có số hợp tác xã khoán theo Chỉ thị 100 đạt tỷ lệ cao, điển hình là thành phố Thái Nguyên (100%), huyện Phổ Yên (98%), huyện Phú Bình (97%), huyện Phú Lương (63%).

Tại huyện Võ Nhai, trước khi có Chỉ thị 100, tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã thấp nhất toàn tỉnh. Nhiều năm liền, Tỉnh ủy đã cử các đoàn cán bộ, trong đó có cả ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, hoặc trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy, cùng Đảng bộ Võ Nhai củng cố phong trào, nhưng tình hình vẫn chưa thay đổi và cải thiện được bao nhiêu. Từ khi thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, phong trào có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã tăng, một số hợp tác xã sản xuất phát triển khá.

Mục đích của khoán sản phẩm là bảo đảm phát triển sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống xã viên, tăng tích lũy của hợp tác xã và tròn nghĩa vụ với Nhà nước. Để đạt được mục đích đó, hợp tác xã phải sử dụng tốt tư liệu sản xuất, biết điều hành lao động, có quy hoạch và kế hoạch sản xuất, phải nắm được sản phẩm để phân phối, kết hợp hài hòa ba lợi ích.

Phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán là khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, làm cho mọi người thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng. Phương pháp hoàn chỉnh chế độ “ba khoán” (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm và khoán sản phẩm) là chế độ thưởng phạt công minh, xác định mức khoán hợp lý, ngăn ngừa tình trạng “khoán trắng”. Đối với hợp tác xã ở miền núi và tập đoàn sản xuất ở miền Nam thì cần phải làm thử, rút kinh nghiệm trước khi mở rộng.

Hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động từ thực tiễn sáng tạo của quần chúng nông dân và cấp cấp ủy Đảng địa phương đã được ghi nhận, khuyến khích, hướng dẫn thực hiện, bổ sung và nâng lên thành chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp. Chỉ thị 100 chuyển từ khoán việc sang khoán

sản phẩm, từ khoán đội sang khoán nhóm và người lao động, đáp ứng được nguyện vọng, quyền lợi của nông dân. Người nông dân bước đầu được quyền chủ động trong sản xuất.

Chỉ thị 100 đã tạo ra bước thay đổi hình thức khoán, từ khoán việc sang khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã. Tuy chưa phải là một mô hình mới về tổ chức và quản lý nông nghiệp, nhưng Chỉ thị 100 đã tạo điều kiện cho người nông dân bước đầu có một phần chủ động trong sản xuất nông nghiệp, gắn lao động cá nhân với kết quả cuối cùng, làm cho họ quan tâm hơn đến sản xuất. Ý nghĩa lớn nhất của việc thay đổi hình thức khoán này là ở chỗ, nó đã mở ra một giai đoạn mới của nông nghiệp nước ta, là cái mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu sang hạch toán tự chủ.

Chỉ thị của Trung ương, Nghị quyết của Tỉnh ủy được nông dân và Hội Nông dân các cấp trong tỉnh phấn khởi đón nhận và thực hiện, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp có tầm quan trọng đặc biệt để giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhiệm vụ trung tâm của Hội Nông dân các cấp trong tỉnh là chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức cho hợp tác xã và xã viên tích cực thực hiện khoán mới trong nông nghiệp.

Hội nghị quán triệt Chỉ thị 100 – CT/TW của Ban Bí thư, Nghị quyết số 03-NQ/BT của Tỉnh ủy, Thông tư số 05/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp, diễn ra trong 5 ngày, từ ngày 15 đến ngày 20/12/1981 đã thống nhất chủ trương về bước đi và cách thực hiện khoán sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bắc Thái như sau: các huyện, thị phải chọn một số hợp tác xã tập trung chỉ đạo làm thí điểm thật tốt việc khoán sản phẩm cây lúa, từ đó rút kinh nghiệm và từng bước mở rộng diện tích trên địa bàn. Tùy theo khả năng của cán bộ các huyện, thị chỉ đạo chặt chẽ diện làm thử, bảo đảm không “khoán trắng”, khoán hời, khoán chi phí nhiều, làm sản phẩm thấp, gây thiệt hại đến lợi ích tập thể. Nếu huyện nào chỉ đạo được chặt chẽ thì có thể đồng thời làm thí điểm, vừa mở rộng diện tích khoán. Các hợp tác xã khoán sản phẩm trước khi có hướng dẫn của tỉnh, huyện còn làm sai sót, chưa đúng nguyên tắc của Chỉ thị 100 thì các cấp ủy đảng phải kịp thời uốn nắn sửa chữa để đảm bảo đúng 5 nguyên tắc trong khoán sản phẩm và phát huy tác dụng của khoán.

Để thực hiện chính sách khoán mới vào thực tiễn sản xuất được thuận lợi, trong năm 1981, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh và Hội đồng Nông dân tập thể các

huyện, thành đã phối hợp với ngành Nông nghiệp mở các lớp tập huấn cho 5.000 cán bộ, hội viên và nông dân nhằm quán triệt, nắm vững mục đích, nguyên tắc, phương hướng và biện pháp tiến hành. Do vậy, vụ mùa đông xuân 1980 – 1981 đã có 213/569 hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm. Vụ mùa năm 1981, số hợp tác xã thực hiện khoán sản phẩm tăng lên 395/583 hợp tác xã bằng 52,3% (so với tổng số hợp tác xã của tỉnh).

Việc tổ chức các lớp tập huấn là cần thiết để nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, hội viên và nông dân các cấp hội, chuyển các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Chính phủ thành sức mạnh vật chất cụ thể, nâng cao sức sản xuất trong nông nghiệp, kích thích động lực lao động của hội viên nông dân trong toàn tỉnh. Thực tế cho thấy, qua học tập, cán bộ, hội viên, xã viên nông dân đều phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực sản xuất, tận dụng và phát huy mọi khả năng lao động, đất đai, thời gian, áp dụng mọi biện pháp kỹ thuật mới vào sản xuất, thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Đi đôi với tuyên truyền, vận động nông dân tập thể thực hiện khoán sản phẩm, hội còn phối hợp với Ban Nông nghiệp tỉnh, Ủy Ban Nông nghiệp, Sở Nông nghiệp tỉnh đi kiểm tra một số nơi ở huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương... Ngoài ra, Hội còn chỉ đạo trực tiếp ở một vài cơ sở như xã Tích Lương (Đồng Hỷ), xã Quang Vinh (Thành phố Thái Nguyên), xã Tân Kim (Phú Bình), xã Trung Thành (Phổ Yên). Qua kiểm tra thực tế tại các cơ sở này cho thấy, nông dân đã biết tận dụng và sử dụng tốt đất đai, đã nhiều năm nay một số bà con nông dân không thực sự gắn bó với đồng ruộng, nhiều người đã bỏ ruộng lên đồi làm rẫy, chạy chợ... Nhưng từ khi thực hiện khoán mới, họ trở lại gắn bó với đồng ruộng hơn. Họ quý từng thước đất không để hoang hóa như những năm trước. Do đó, diện tích toàn tỉnh đã tăng lên 27,9% so với năm trước.

Huyện Phổ Yên tăng 639ha, Đồng Hỷ tăng 538ha. Phú Bình tăng 482ha. Đại Từ tăng 217ha. Phú Lương tăng 300ha.

Tư liệu sản xuất của nông dân là ruộng đất, trâu bò và nông cụ sản xuất được quản lý chặt, các công trình công cộng, phúc lợi công cộng như nhà trẻ, mẫu giáo được duy trì và sử dụng tốt.

Tận dụng mọi khả năng lao động và lao động có năng suất cao, người trong tuổi lao động quy định và người ngoài tuổi lao động quy định đều tham gia lao động một

cách tích cực, tự giác và có kĩ thuật. Không còn hiện tượng “chợ đông, đồng vắng”, nông dân tập thể tranh thủ từng giờ, từng phút để lao động, không còn hiện tượng ngồi chờ kèng như trước nữa mà ngày làm việc từ 8 – 12 giờ. Cán bộ gián tiếp cũng trực tiếp đi lao động nhiều hơn. Cán bộ thoát ly được nghỉ phép hay chủ nhật cũng tham gia lao động thực sự để làm ra của cải. Do đó, nhiều gia đình có mức thu nhập khá hơn trước, đời sống được ổn định.

Năng suất và sản lượng tăng do nông dân và hội viên chăm sóc đồng ruộng chu đáo, làm cỏ, bón phân 2 - 3 lượt. Phòng trừ sâu bệnh tốt, gieo cấy kịp thời vụ và hết diện tích nên giá trị ngày công tăng, mức ăn cao.

Ở huyện Phổ Yên, 17 hợp tác xã có giá trị ngày công là 2000 đồng. Ở hợp tác xã Trung Thành, tổng sản lượng tăng 249 tấn. Ở hợp tác xã Phú Thịnh (Đại Từ) có mức ăn từ 11kg (năm 1976) tăng lên 31kg (năm 1980).

Thực tiễn cũng cho thấy, nơi nào thực hiện khoán tốt, giao diện tích và bình sản phẩm đúng, có kế hoạch cụ thể, nội quy giao ước đối với đội và từng hộ ngay từ đầu thì sẽ thu sản phẩm tốt và đảm bảo đủ được 3 lợi ích (Nhà nước, tập thể và gia đình xã viên).

Khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 có tác dụng thúc đẩy thực hiện thâm canh, đưa tiến bộ khoa học – kĩ thuật vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất, sản lượng lúa tăng khá nhanh. Năm 1981, Hợp tác xã Trung Thành (Phổ Yên) tăng 146 tấn, Hợp tác xã bến Đò (Đông Hỷ) tăng 76 tấn; Hợp tác xã Yên Lãng (Đại Từ) năng suất bình quân 3 năm 1978 – 1980 đạt 20,8 tạ/ha/vụ đã tăng lên 23,7 tạ/ha/vụ, nhiều hội xã viên đạt 40 tạ/ha/vụ.

Khoán sản phẩm còn tiết kiệm được chi phí về giống. Hợp tác xã Lương Phú (Phú Bình) tiết kiệm được 6 tấn thóc giống, bằng 16%, Hợp tác xã Hùng Sơn (Đại Từ) tiết kiệm được 19 tấn thóc giống, bằng 50% số thóc giống của hợp tác xã những năm trước... Khoán sản phẩm thực sự thúc đẩy sản xuất phát triển, sản phẩm nông nghiệp tăng nhanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động của tỉnh trong những năm qua cơ bản là tốt. Song, đối chiếu Chỉ thị 100 – CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng thì công tác này của tỉnh vẫn còn những tồn tại và thiếu sót nhất định.

Có nơi giao khoán chưa hết diện tích và giao cho khẩu. Giao không hết diện tích còn để lại một ít diện tích sản xuất ngoài kế hoạch, hợp tác xã không quản lý. Như

vậy, là trái với chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều cơ sở thì chưa xây dựng được kế hoạch giao khoán cho từng đội, đội chưa có kế hoạch giao khoán cho từng lao động, từng hộ ngay từ đầu nên dẫn đến mạnh ai người ấy được, ruộng ai người ấy cày, không điều hành được sức kéo và phân bón, cuối cùng không nắm được sản phẩm.

Việc phân khoán, định sản chưa sát, nơi thì bình thấp xã viên được lợi, nơi thì bình cao xã viên không đảm bảo mức khoán. Do đó, dẫn tới thất bại trong nội bộ hợp tác xã, có hộ xin ra hợp tác xã vì thấy không công bằng.

Cùng với việc tuyên truyền vận động nông dân tập thể thực hiện khoán sản phẩm, Ban Thường trực Nông dân tập thể các huyện, thành đã phối hợp với các ngành vận động nông dân trở lại làm ăn tập thể.

Ở Phổ Yên, qua 5 tháng (cuối năm 1981) đã vận động được 56 hộ, ở hợp tác xã An Mỹ (Đại Từ) được 6 hộ vào làm ăn tập thể.

Sau hơn hai năm công tác (kể từ khi Hội nghị đại biểu lâm thời Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái 5/1980), tuy số lượng cán bộ ít, công việc của Hội lại mới mẻ nhưng các cán bộ Hội đã cố gắng và có những đóng góp một phần xứng đáng vào việc vận động nông dân thực hiện khoán sản phẩm và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn.

Tính đến cuối năm 1982, toàn tỉnh có 623 hợp tác xã, trong đó 76 hợp tác xã quy mô toàn xã chiếm 12,2%; 237 hợp tác xã quy mô liên thôn chiếm 38,7%; 310 hợp tác xã quy mô thôn xóm chiếm 49,7%<sup>(42)</sup>. Số hợp tác xã toàn tỉnh (năm 1982) đã tăng hơn so với năm trước là do điều chỉnh lại quy mô hợp tác xã và khôi phục mới 13 hợp tác xã.

Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh, huyện đã tích cực đi cơ sở để củng cố phong trào hợp tác xã. Song, số hợp tác xã vươn lên khá giỏi còn hạn chế. Số hợp tác xã yếu kém còn khá nhiều (quy mô xã chiếm 17,3% và quy mô thôn chiếm 59%).

Về khoán sản phẩm, toàn tỉnh có 505 hợp tác xã khoán sản phẩm, trong đó có 59 hợp tác xã khoán sai nghiêm trọng. Đến cuối năm 1982 mới có 15 hợp tác xã sửa sai, 17 hợp tác xã đang sửa và 27 hợp tác xã chưa sửa.

Hội đã thường xuyên đi kiểm tra việc thực hiện khoán ở các cơ sở và đã động viên nông dân tập thể thực hiện khoán đúng. Bên cạnh đó, Hội cũng động viên hội

---

(42) Báo cáo công tác năm 1982 và nhiệm vụ năm 1983 của Hội đồng nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Số 77/BC – NDTT, Bắc Thái ngày 27/12/1982, tr.3

viên giao nộp đủ sản phẩm cho hợp tác xã đúng quy định. Bởi vậy, những nơi có tổ chức cơ sở Hội thì đều khoán tốt, giao nộp sản phẩm đủ như: Lương Phú (Phú Bình), Tích Lương (Đông Hỷ), Trung Thành, Hồng Tiến (Phổ Yên), Túc Tranh (Phú Lương), Thanh Định (Định Hóa)...

Trong không khí phấn khởi trước những thắng lợi của sản xuất nông nghiệp, từ ngày 21/11/1981 đến ngày 4/1/1982, hơn 700 tổ chức cơ sở đảng, 16 Đảng bộ huyện, thành, ngành trực thuộc tỉnh đã tổ chức Đại hội, tham gia ý kiến vào các Văn kiện Đại hội của Trung ương sẽ trình bày tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, những vướng mắc, lệch lạc trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp ở Thái Nguyên được uốn nắn, sửa chữa kịp thời. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được phát triển. Năm 1982, tổng sản phẩm lương thực là 142.038 tấn, tăng 28.156 tấn so với năm 1981 vượt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra.

Thắng lợi này là kết quả của một quá trình đúc kết kinh nghiệm chỉ đạo của những năm trước. Đặc biệt vụ mùa năm 1982, hầu hết các huyện, thành đều đạt và vượt kế hoạch về năng suất và sản lượng lúa.

Huyện Đại Từ thắng lợi cả hai vụ mùa, đạt năng suất bình quân 52,9 tạ/ha trên ruộng hai vụ lúa. Trong tỉnh có 97 hợp tác xã với hơn 9.000 ha ruộng (chiếm 20% diện tích ruộng) đạt năng suất bình quân trên 30 tạ/ha/một vụ. Những điển chỉ đạo cấy lúa tăng năng suất đều đạt năng suất cao. Điển hình là hợp tác xã Đông Quảng, xã Yên Lãng (Đại Từ) năng suất bình quân trên 8 tấn/ha cả năm.

Những thành tích và những điển hình nói trên là những nhân tố tích cực, mở ra nhiều khả năng mới trong thâm canh, tăng năng suất cây trồng, đưa nhanh tiến bộ khoa học – kĩ thuật vào đồng ruộng của nhiều nông dân và hội viên trong toàn tỉnh. Cùng với việc hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm để đẩy mạnh sản xuất, từng bước giải quyết vấn đề lương thực ở Thái Nguyên.

Đi đôi với phong trào thâm canh trên những cánh đồng tăng sản lượng, Tỉnh ủy và Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tích cực lãnh đạo nông dân trong tỉnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thay giống mới có năng suất cao đối với các loại cây họ đậu (lạc, đỗ tương, đỗ xanh...), tăng diện tích các loại cây công nghiệp (chè, mía, thuốc lá...). Các huyện Định Hóa, Võ Nhai, Đông Hỷ bước đầu tổ chức có kết quả việc trồng bông, nuôi tằm, ươm tơ dệt vải, tự túc một phần vải mặc ở địa phương. Các vùng tập trung



chuyên canh sản xuất lương thực, chè, mía, lạc, đỗ tương, nghề rừng tiếp tục được hình thành.

Cùng với thắng lợi trong trồng trọt, sản xuất thực phẩm cũng đạt được những tiến bộ nhất định. Bình quân 3 năm (1980 – 1982), sản lượng rau xanh tăng 1,5%. Năm 1982 đàn lợn có 195.700 con, tăng 25.300 con so với năm 1980. Sản lượng thịt lợn xuất chuồng đạt gần 6000 tấn, tăng 900 tấn. Đàn trâu bò có 102.300 con, tăng 7000 con; trong đó đàn trâu, bò cày kéo được chăm sóc và phát triển mạnh (tỷ lệ đàn trâu bò ở khu vực tập thể là 53%, ở khu vực gia đình là 47%). Đàn lợn nái và lợn lai có xu hướng tăng nhanh.

Phong trào nuôi lợn năng suất cao đang phát triển trong khu vực phi nông nghiệp, nhất là các gia đình công nhân, viên chức. Các trại lợn quốc doanh Đắc Sơn (Phổ Yên) và Tân Kim (Phú Bình) từng bước chuyển hướng theo cơ chế quản lý mới. Tuy nhiên, chăn nuôi lợn chủ yếu phát triển ở khu vực gia đình, đàn lợn tập thể không những không tăng mà liên tục giảm từ 4,476 con (năm 1980) xuống còn 1204 con (năm 1982).

Năm 1983, đàn trâu bò, có 103.616 con đến năm 1985 tăng lên 109.771 con. Đàn lợn có 273.957 con (năm 1985) đã tăng lên 16.655 con so với năm 1984, đạt bình quân mỗi hộ nuôi từ 2 – 3 con. Đáng chú ý, đàn lợn nái và lợn lai có xu hướng tăng nhanh. Phong trào nuôi lợn năng suất cao phát triển khá mạnh trong các gia đình cán bộ, công nhân viên chức của tỉnh. Đàn gia cầm được duy trì ở mức từ 180.000 con đến 200.000 con mỗi năm. Nhờ đó, Bắc Thái đã tự giải quyết được phần lớn nhu cầu thực phẩm cho nông dân toàn tỉnh.

Sản xuất lâm nghiệp cũng đã hoàn thành những chỉ tiêu chủ yếu của nhà nước giao, nhất là chỉ tiêu trồng rừng tập trung. Năm 1985, nhân dân các dân tộc Bắc Thái đã nhận trên 150.000ha rừng và đất rừng. Đặc biệt, nông dân đã hăng hái và tự nguyện nhận giao đất, giao rừng để trồng và chăm sóc với diện tích là 45.524,6ha chiếm 62,9% so với tổng diện tích được giao (năm 1985). Nhờ đó, việc trồng rừng, chăm sóc rừng có nhiều hiệu quả và tiến bộ. Một số mô hình sản xuất và kinh doanh rừng thu được kết quả bước đầu ở Yên Trạch (Phú Lương), Phượng Tiến, Phúc Chu (Định Hóa), Văn Lăng, Lâu Thượng (Võ Nai), Văn Hán, Minh Lập (Đông Hỷ).

Toàn tỉnh tính đến cuối năm 1982 đã khai thác được 15.776m<sup>3</sup> gỗ và 7717 tạ củi. Trong đó, hợp tác xã khai thác được 72,48m<sup>3</sup> gỗ và 2632 tạ củi. Đây là sự cố gắng

của nhân dân toàn tỉnh, trong đó các hợp tác xã đã bước đầu tiến quân vào nghề rừng, nhưng khâu bảo vệ rừng còn yếu, nhiều rừng đầu nguồn còn bị chặt phá nhiều; có những rừng bạch đàn đã và đang bị phá hoại. Diện tích đất trống, đồi trọc vẫn còn nhiều. Nguyên nhân cơ bản là do sự quản lý lỏng lẻo của các hợp tác xã, chính quyền cấp xã, nông dân, xã viên rất bất bình vì không thấy có sự can thiệp của tập thể và chính quyền đối với một số gia đình nông dân, xã viên vi phạm.

#### **4. Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất**

Thực hiện Chỉ thị số 116 – CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 29/9/1981 về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, các cấp ủy Đảng và chính quyền đã quan tâm chỉ đạo nhằm xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, xứng đáng là tổ chức đại diện cho giai cấp nông dân tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Thông tri số 22, ngày 20/11/1982; Thông báo số 32 ngày 13/2/1984), tháng 4/1984, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra thông báo về việc mở Đại hội đại biểu Liên hiệp nông dân tập thể tỉnh lần thứ nhất.

Từ ngày 11 đến ngày 13/5/1984, Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất được tổ chức. Đại hội đã thông qua báo cáo tổng kết về 4 năm hoạt động của phong trào nông dân và của Hội (từ khi Đại hội lâm thời năm 1980 đến năm 1984). Các đại biểu đã thảo luận và đánh giá về những ưu, khuyết điểm của phong trào nông dân và tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh những năm qua. Đồng thời, các đại biểu cũng thảo luận và biểu quyết phương hướng, nhiệm vụ của phong trào nông dân và công tác Hội Nông dân tỉnh trong nhiệm kỳ 1984 – 1987 được nêu ra trong Đại hội là: *Phát động hội viên và nông dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, đảm bảo an ninh quốc phòng địa phương, qua đó củng cố, kiện toàn tổ chức Hội nhất là ở cơ sở Hội.*

Đại hội đã bầu 27 đồng chí vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tỉnh Hội gồm 6 đồng chí, trong đó đồng chí Huỳnh Hữu Ích được Đại hội tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội, đồng chí Ma Thị Tô và đồng chí Hoàng Mộc được bầu làm Phó Chủ tịch Hội.

Thành công của Đại hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất có ý nghĩa quan trọng, thúc đẩy phong trào nông dân và tổ chức Hội Liên hiệp nông dân tập thể các cấp lên một bước. Ở cơ sở, những xã có phong trào khá, tổ chức Hội được

củng cố, hoạt động có nền nếp. Cấp huyện, thành, thị Hội được kiện toàn, mỗi huyện có 3 – 4 cán bộ, thành phố, thị xã có 2 cán bộ; một số huyện có Chủ tịch Hội chuyên trách.

Đến trung tuần tháng 5/1984, tỉnh đã cơ bản hoàn thành Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể 3 cấp.

Việc tổ chức Đại hội 3 cấp, chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc được cấp ủy Đảng chỉ đạo chặt chẽ, tiến hành dân chủ từ dưới lên trên với tinh thần nghiêm túc, gắn với kiện toàn và củng cố tổ chức Hội cơ sở, đồng thời đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng trong toàn tỉnh, các bản báo cáo đưa ra Đại hội đều được cấp ủy thông qua và được thảo luận kĩ.

Đại hội 3 cấp diễn ra ở tỉnh ta được các ngành, các địa phương đánh giá cao, coi như một đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi trong nông thôn. Lần đầu tiên, cán bộ và hội viên được nghiên cứu toàn diện và thảo luận dân chủ nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ địa phương; được biểu dương những thành tích đóng góp, nhận rõ vinh dự và trách nhiệm của mình trong giai đoạn cách mạng mới; trên cơ sở đó, nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, nêu cao ý chí cách mạng, tự lực, tự cường, hăng hái thực hiện 3 cuộc cách mạng và hai nhiệm vụ chiến lược.

Đại hội còn tạo điều kiện thuận lợi cho hội viên phát huy quyền làm chủ tập thể, trực tiếp trình bày tâm tư, nguyện vọng với Đảng, làm cho mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng gắn bó mật thiết. Đại hội đã đóng góp ý kiến xây dựng báo cáo dự thảo, Điều lệ của Hội chuẩn bị đưa ra Đại hội toàn quốc làm cho nội dung các văn kiện phản ánh được đầy đủ hơn tình hình thực tế ở cơ sở, đáp ứng sát sao hơn đòi hỏi của phong trào.

### ***5. Vận động Hội viên nông dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, củng cố kiện toàn tổ chức Hội (1984 – 1986)***

Sau Đại hội, Ban Chấp hành Tỉnh Hội đã phát động phong trào thi đua 5 tốt của Hội nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ mục tiêu Đại hội đã đề ra. Để thực tốt phong trào thi đua, Hội đã cụ thể hóa nội dung thi đua, xây dựng tiêu chí thi đua, cách chấm điểm, tổ chức đăng kí thi đua. Phong trào thi đua do Hội phát động đã diễn ra sôi nổi và lôi cuốn được các tầng lớp nông dân trong toàn tỉnh tham gia hưởng ứng vào những nhiệm vụ trọng yếu của địa phương, kết hợp với phong trào cải tiến quản lý trong nông nghiệp.

Vấn đề củng cố tổ chức Hội được coi là then chốt để thực hiện 3 cuộc cách mạng ở nông thôn và 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng. Sau Đại hội cấp tỉnh, tổ chức Hội

cũng được củng cố và kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở. Nhiều cơ sở Hội hoạt động đều và tốt như La Bằng (Đại Từ), Tân Kim (Phú Bình).

Đến năm 1986, trong tỉnh có 232 xã thành lập tổ chức cơ sở hội, 584 chi hội, 2913 tổ nông dân. Tại những cơ sở có tổ chức Hội, công tác hội và phong trào nông dân có những chuyển biến tích cực. Nhiều huyện đã chủ động phối hợp với ngành nông nghiệp hướng dẫn, tổ chức cho hội viên và nông dân đăng kí phần đầu đạt và vượt mức khoán, giao nộp đầy đủ sản phẩm cho hợp tác xã và hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước.

Ngoài ra, Hội còn tổ chức cho hội viên học tập chỉ thị 116, thông tư 22, thông báo 32 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Điều lệ dự thảo của Hội... đã thu hút được hàng chục vạn nông dân tham gia. Qua học tập, hội viên đã hiểu được thêm về thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng, hiểu rõ về nghĩa vụ và quyền lợi của người nông dân, thấy được chức năng, nhiệm vụ của Hội Nông dân trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, giáo dục của Hội còn chưa đủ, chưa sâu, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng.

Phát huy kết quả của Đại hội 3 cấp, Hội đã đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng góp phần hoàn thành những mục tiêu kinh tế - xã hội. Bao gồm:

*Một là*, phong trào thi đua sản xuất nông, lâm nghiệp với nhiều nội dung phong phú, đã lôi cuốn được các tầng lớp nông dân toàn tỉnh tham gia hưởng ứng vào phong trào cải tiến quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 6 của Trung ương Đảng. Các huyện, thành Hội đã chủ động phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp hướng dẫn, tổ chức cho hội viên và nông dân đăng kí thi đua theo 2 cụm phía Bắc và phía Nam của tỉnh để phù hợp với điều kiện sản xuất từng vùng.

Hội vận động hội viên giúp đỡ lẫn nhau, khai thác tốt tiềm năng lao động, đất đai... Vì vậy, mặc dù trong những năm qua thời tiết khắc nghiệt nhưng hội viên và nông dân vẫn cố gắng khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, tích cực thâm canh, làm ruộng, tăng sản. Từ 100ha lúa tăng sản ở hợp tác xã Đồng Quang (Yên Lãng – Đại Từ) đã lôi cuốn hàng trăm hợp tác xã, gần 1 vạn ha lúa 2 vụ, hàng nghìn nông dân làm lúa tăng sản với năng suất bình quân 7 – 8 tấn/ha. Nhờ đó, nông dân phấn khởi, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực cả năm (1985) toàn tỉnh đạt 22 vạn tấn tăng 8,7% so với năm 1984.

*Hai là, vận động nông dân chấp hành các chính sách. Đi đôi với vận động phát triển sản xuất, Hội đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền, vận động hội viên và nông dân tiết kiệm trong tiêu dùng, gửi tiết kiệm, bình quân mỗi lao động trong nông nghiệp là 48 đồng. Vận động nông dân hoàn thành và vượt mức chỉ tiêu huy động lương thực, thực phẩm. Năm 1985, huy động được 2,6 vạn tấn tăng 11% so với mức Trung ương giao. Mua công trái xây dựng Tổ quốc đạt 105.250 kg thóc và 25.491.500 đồng<sup>(43)</sup>.*

*Ba là, chăm lo đời sống nông dân. Trong khu vực nông thôn chiếm 80% dân số trong toàn tỉnh, nông dân là lực lượng đông đảo chủ yếu sản xuất ra lương thực, thực phẩm và các mặt hàng nông sản khác cho tiêu dùng và xuất khẩu. Trong những năm 1983 – 1984 do thời tiết khắc nghiệt, sâu bệnh phá hoại nên nhiều nơi, nhiều gia đình sản xuất giảm sút, thiếu ăn ở nhiều huyện khá lớn như Phổ Yên, Phú Bình, Đông Hỷ. Chỉ tính riêng thành phố đã có 1042 hộ thiếu ăn, trong đó có 81 gia đình thương binh, liệt sĩ. Nhà nước đã cho vay 200.000 đồng, 50 tấn gạo, 50 tấn phân đạm để cứu đói và phát triển sản xuất.*

Trước tình hình đó, Hội đã kêu gọi nông dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau với tinh thần “lá lành đùm lá rách”. Các huyện cụm phía Bắc vận động nông dân bán lương thực cho nông dân các huyện thiếu lương thực. Nhờ có sự giúp đỡ của Nhà nước, sự đoàn kết tương trợ lẫn nhau của nông dân mà những khó khăn đã được đẩy lùi, đời sống của nông dân trong tỉnh dần đi vào ổn định.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, Hội đã quan tâm, khuyến khích hội viên và nông dân cất cao giọng hát “Người nông dân tập thể” ca ngợi những thành tựu trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Các cấp Hội đã phối hợp với ngành văn hóa thông tin, các cơ quan đoàn thể tổ chức hội diễn văn nghệ đạt kết quả tốt.

Vận động hội viên và nông dân đóng góp công của để xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, đời sống. Ở cơ sở Hội Trung Thành (Phổ Yên) đã xây dựng được trạm xá kiên cố 10 gian. Tân Long (Thành phố Thái Nguyên) xây dựng được một đài kỷ niệm hết 47.000 đồng.

---

<sup>(43)</sup> Báo cáo phát động phong trào thi đua trong quần chúng ở nông thôn, lập thành tích đón mừng Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI – Số 10/NDTT hội Liên hiệp NDTT Việt Nam, tỉnh Bắc Thái, ngày 30/6/1986.

*Bốn là*, xây dựng chế độ hưu trí và quỹ bảo hiểm cho nông dân. Hội cùng với Ban Nông nghiệp tỉnh chỉ đạo thí điểm hợp tác xã Gia sàng (Thành phố Thái Nguyên) xây dựng chế độ hưu trí cho hội viên. Qua việc làm này, hội viên rất phấn khởi, gắn bó với tập thể hơn, coi “hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ” và nâng cao được tinh thần, trách nhiệm xây dựng hợp tác xã của các hội viên.

Hội ở Phú Bình xây dựng được quỹ bảo hiểm cho nông dân. Ở Tân Kim đã có 738 hộ với 2700 hội viên tham gia được 32.000 đồng (tính đến tháng 4/1986) đạt 50% kế hoạch. Quỹ được gửi tại Ngân hàng Nhà nước và chỉ được chi dùng số lãi suất cho hội viên.

Qua việc làm cụ thể này, Hội mới tập hợp được quần chúng, mới đưa được hoạt động của Hội vào nông thôn, nông nghiệp, còn nếu nói chung chung hoạt động không gắn với quyền lợi thiết thực của nông dân thì họ sẽ không theo.

*Năm là*, vận động nông dân tập thể thực hiện khoán sản phẩm gắn với củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Hội đã phối hợp với ngành Nông nghiệp vận động hội viên thực hiện khoán sản phẩm lao động. Cho đến tháng 6/1986, toàn tỉnh có 726 hợp tác xã thực hiện khoán, chiếm 96,6% hợp tác xã trong khoán sản phẩm. Hội đi sâu vào vận động nông dân giao nộp đầy đủ sản phẩm cho hợp tác xã, đồng thời tham gia giải quyết những khúc mắc giữa xã viên với hợp tác xã.

*Sáu là*, chỉ đạo thu mua sản, vay chèo của nông dân. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Hội đã cùng Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy vận động hội viên bán sản cho xí nghiệp bánh kẹo tỉnh được 48 tấn sản tươi (năm 1986) theo giá phải chăng thông qua tổ chức Hội.

Quá trình thu mua sản có tác dụng củng cố và đưa số tổ chức Hội đi vào hoạt động thiết thực, có hiệu quả, khuyến khích người nông dân tích cực trồng và thâm canh cây sản.

Ngoài những công tác này, Hội còn phối hợp với các ngành, các cấp thực hiện một số nhiệm vụ như điều tra hợp tác xã, điều tra nông thôn mới, hướng dẫn nông dân thực hiện tốt luật nghĩa vụ quân sự, luật bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, chính sách hậu phương quân đội.

Trải qua 10 năm cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh và cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế và tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, hội viên nông dân Bắc Thái đã phát huy truyền thống đoàn kết, cần cù yêu lao động, vượt khó,

vượt khổ để nêu cao tinh thần yêu nước, hăng say lao động, quyết tâm tin tưởng theo Đảng, xây dựng hợp tác xã ngày càng vững mạnh, đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất nông – lâm nghiệp, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Các cấp Hội từ tỉnh đến cơ sở không ngừng được củng cố, xây dựng để hoạt động ngày càng hiệu quả, xây dựng được các chương trình hoạt động cụ thể, thiết thực đối với nông dân trong tỉnh, phát động, cổ vũ để hội viên tích cực hưởng ứng tham gia vào các phong trào của Hội.

Từ khi tổ chức Hội đồng Nông dân tập thể ra đời đã có tác dụng động viên nông dân, hội viên hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước như nghĩa vụ lương thực, thực phẩm. Ở xã Trung Thành (Phổ Yên), sau khi tổ chức Hội được hình thành đã kịp thời động viên nông dân xã viên hoàn thành nghĩa vụ lương thực và thực phẩm đối với Nhà nước trong thời gian ngắn nhất và sớm nhất so với mọi năm.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, phong trào hành động cách mạng của Hội cũng còn hạn chế, chưa đáp ứng được những yêu cầu cách mạng hiện nay. Những hạn chế này là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, sự lãnh đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng chưa thống nhất và dứt khoát, lúc tách ra, lúc nhập vào Ban Nông nghiệp; có ý kiến muốn giải thể tổ chức nông dân... Cho nên, các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng chưa thực sự quan tâm và tạo điều kiện cơ sở vật chất cho Hội hoạt động. Từ đây, làm cho đội ngũ cán bộ các cấp hội thiếu phần khởi và an tâm trong công tác.

*Thứ hai*, biên chế cán bộ ít, lại không đảm bảo, nhiều nơi bố trí, sắp xếp cán bộ không đúng với yêu cầu nhiệm vụ của công tác Hội trong giai đoạn mới. Thậm chí có nơi, cán bộ chờ về hưu hoặc không thể xếp vào vị trí nào thì được đưa sang Hội. Cách bố trí cán bộ như vậy không phải theo đúng nghĩa là tăng cường cho Hội mạnh lên mà thực tế nó đang gây ra sự khó khăn, làm suy yếu trong công tác hoạt động của Hội.

*Thứ ba*, công tác vận động nông dân trong giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải cụ thể, thiết thực và bền bỉ mới tập hợp, vận động được quần chúng. Song, cán bộ hội vẫn chưa thật sự đi sâu vào đời sống của hội viên và nông dân, để thấu hiểu và động kịp thời khi hội viên gặp khó khăn.

Nhìn chung, từ khi có tổ chức của Hội Nông dân ra đời, cùng với thắng lợi của Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất, đã góp

một phần đáng kể vào phong trào thi đua chung của tỉnh nhà, đã vận động nông dân tập thể áp dụng các tiến bộ khoa học - kĩ thuật, phát triển sản xuất nông lâm, ngư nghiệp nhằm từng bước nâng cao đời sống của nông dân, xã viên và hoàn thành nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Vận động nông dân tích cực tham gia xây dựng các công trình giao thông thủy lợi ở nông thôn; có ý thức bảo vệ rừng và những đồi cây mới trồng... để xây dựng hợp tác xã ngày càng vững mạnh.



**CHƯƠNG V**  
**HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**  
**TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC**  
**(GIAI ĐOẠN 1986 – 1996)**

**I. Vận động hội viên phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm đầu đổi mới (1986 – 1990)**

**1. Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ II**

Trải qua 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, nhân dân ta đã giành được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, cải biến được một phần cơ cấu nền kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm. Sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 đã đưa nền kinh tế của đất nước đến những khó khăn mới. Kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Tình hình đất nước đòi hỏi Đảng phải tích cực chuẩn bị tiến hành Đại hội theo yêu cầu đổi mới.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật. Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá thành tựu, những mặt yếu kém, khó khăn gay gắt và chỉ ra nguyên nhân chủ quan của tình trạng yếu kém, rút ra 4 bài học kinh nghiệm cơ bản trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, đề ra đường lối đổi mới toàn diện công cuộc xây dựng đất nước.

Đại hội quyết định đẩy mạnh phát triển nông nghiệp trên cơ sở đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp; thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn đó là: sản xuất lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân.

Đại hội VI của Đảng đã mở ra một trang mới trên con đường phát triển không ngừng của dân tộc ta. Quán triệt tinh thần đổi mới của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, nhằm đẩy mạnh hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, ngày 24/3/1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 05 – CT/TW về Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam và Đại hội toàn quốc lần thứ I của Hội. Chỉ thị nêu rõ: *Cần xây dựng Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam vững mạnh, có hệ thống từ Trung ương đến cơ sở.* Chỉ thị quy định tính chất, mục đích, nội dung và địa bàn hoạt động

của tổ chức Hội, lấy cấp xã là tổ chức cơ sở của Hội; dưới Ban Chấp hành xã có các chi hội và các tổ hội viên.

Về Đại hội toàn quốc Hội Liên hiệp Nông dân tập thể lần I, Chỉ thị nhấn mạnh: *Đại hội phải thể hiện tinh thần đổi mới cả về tư duy, phong cách và tổ chức – cán bộ; trước mắt cần tổ chức Đại hội từ cơ sở trở lên.*

Chỉ thị 05 ra đời đã khắc phục những hạn chế, nhược điểm của Chỉ thị 116-CT/TW (tháng 9/1981) và Chỉ thị 45-CT/TW (tháng 6/1985) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đánh dấu sự nhận thức ngày càng đúng đắn về vị trí vai trò và sự cần thiết của tổ chức Hội Nông dân tập thể trong giai đoạn cách mạng mới của Đảng, đồng thời đáp ứng nguyện vọng của đông đảo các cán bộ hội viên; phù hợp với phong trào cách mạng của nông dân lao động cả nước.

Thực hiện Chỉ thị 05 của Ban Bí thư dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể từ cơ sở đến cấp huyện, thị xã trong tỉnh đều đã hoàn thành Đại hội tổng kết nhiệm kì.

Đáp ứng yêu cầu vận động hội viên nông dân trong toàn tỉnh thi đua hăng hái thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, từ ngày 17 đến ngày 19/9/1987, Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ II được tổ chức với sự tham dự của 200 đại biểu chính thức.

Đại hội đã thảo luận báo cáo tóm tắt của Ban Trù bị Trung ương trình Đại hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam lần thứ I; thông qua báo cáo kiểm điểm từ năm 1984 đến năm 1987 và phương hướng nhiệm vụ 1987 – 1990 của Ban Chấp hành tỉnh Hội; thông qua báo cáo tổng kết Đại hội hai cấp (cơ sở và huyện); thảo luận dự thảo Điều lệ Hội.

Trên cơ sở phân tích về những thành tích, thiếu sót tồn tại và chỉ ra nguyên nhân của những hạn chế, trong Đại hội cũng đã thông qua bài học cụ thể được rút ra qua thực tiễn hoạt động của công tác Hội đó là:

- Phải tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng, các cấp Hội phải thường xuyên báo cáo và xin ý kiến cấp ủy Đảng về công tác Hội, để có nội dung cụ thể cần tập trung, nhằm đưa phong trào hành động cách mạng của Hội vào chiều sâu và đạt được kết quả cao.

- Bản thân Hội phải tích cực, chủ động phấn đấu đi lên làm tốt những nhiệm vụ được giao, biết vận dụng chủ trương, chính sách của Đảng vào nội dung công tác Hội.

- Phải làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, nhằm động viên đội ngũ cán bộ Hội và quần chúng nông dân. Hàng năm, phải sơ, tổng kết từ tổ nông dân trở lên và có phân loại, bình bầu, khen thưởng kịp thời.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nông dân phải kết hợp chặt chẽ với việc chăm lo, bảo vệ những quyền lợi về chính trị, kinh tế thì mới tập hợp được đông đảo hội viên.

Các đại biểu tham dự Đại hội đã thảo luận và biểu quyết về phương hướng chung giai đoạn từ 1987 – 1990 của phong trào nông dân và công tác hoạt động của Hội Nông dân là: *Tăng cường giáo dục cho hội viên và nông dân quán triệt nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội VI của Đảng; đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng của Hội nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục đích kinh tế - xã hội của Đảng đề ra; tập trung vào 3 chương trình kinh tế lớn, 3 cuộc vận động lớn, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng ở nông thôn; thi đua sản xuất, tiết kiệm, chăm lo đời sống, bảo đảm quyền lợi của nông dân, đấu tranh chống tiêu cực, các tệ nạn xã hội, xây dựng nông thôn mới và người nông dân mới xã hội chủ nghĩa; tham gia xây dựng quốc phòng, an ninh góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới.*

Để thực hiện đúng phương hướng trên, Đại hội đề ra các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể cho phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh trong nhiệm kỳ (1987 – 1992) Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Nông dân tập thể khóa II, nhiệm kỳ 1987 - 1992 gồm 31 đồng chí; Ban Thường vụ có 7 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Thanh Thủy được Đại hội bầu giữ chức Chủ tịch hội; Phó Chủ tịch hội gồm đồng chí Nguyễn Xuân Sang và đồng chí Ma Thị Tô.

Với tinh thần đổi mới, Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ Hội viên trong tỉnh phát huy truyền thống của quê hương cách mạng, quyết tâm vượt mọi khó khăn, xây dựng chương trình hành động cụ thể, đưa phong trào của Hội phát triển, xây dựng Hội thực sự trở thành tổ chức chính trị - xã hội của nông dân, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đại hội đại biểu hội Liên hiệp Nông dân tập thể lần thứ II của tỉnh diễn ra thành công đã mở ra một bước ngoặt trong quá trình vận động, tổ chức hội viên nông dân tin tưởng, tích cực thực hiện đường lối, chính sách đổi mới được đề ra tại Đại hội VI của Đảng.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và để đáp ứng yêu cầu của phong trào nông dân trong giai đoạn cách mạng mới, đồng thời theo đề nghị của Đại hội Liên hiệp Nông dân tập thể các tỉnh, thành phố và đề nghị của Ban Trù bị Đại hội Trung ương Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, ngày 1/3/1988, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 42 - QĐ/TW đổi tên Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam thành Hội Nông dân Việt Nam.

Từ ngày 27 đến ngày 29/3/1988, Đại hội đại biểu Hội Nông dân Việt Nam lần thứ I, diễn ra tại Hà Nội. Đại hội đổi tên Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam thành Hội Nông dân Việt Nam và chính thức thành lập hệ thống tổ chức Hội từ Trung ương đến cơ sở.

## ***2. Vận động Hội viên nông dân thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh (1986 – 1990)***

Đường lối đổi mới được Đảng ta đề ra tại Đại hội VI là bước ngoặt trong quá trình hoạch định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mở ra cơ hội để tỉnh Bắc Thái khai thác tiềm năng, thế mạnh về nông – lâm nghiệp, từng bước khắc phục vượt qua khó khăn, phát huy tối đa mọi khả năng của người nông dân vào quá trình phát triển nông nghiệp vững chắc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Tình hình đặt ra các yêu cầu ngày càng cao cho các cấp Hội nhằm động viên hội viên Hội Nông dân lao động sản xuất, tổ chức theo những phương thức làm ăn mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Nông dân tỉnh Bắc Thái lần thứ II, vấn đề quan trọng và trước tiên của Hội Nông dân tỉnh thời kỳ này là tập trung xây dựng và thực hiện ba chương trình kinh tế lớn.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn về thời tiết, cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp... song, hội viên nông dân với truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo, mạnh dạn áp dụng khoa học kỹ thuật nên đã đạt được những thành tựu đáng kể. Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của Bắc Thái trong 3 năm (1984 – 1986) vẫn giữ vững và phát triển. Sản xuất lương thực đạt chỉ tiêu đề ra. Hội Liên hiệp Nông dân tập thể từ tỉnh đến cơ sở đã phát huy vai trò tích cực, giáo dục động viên nông dân và hội viên, phát động phong trào hành động cách mạng thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng, kế hoạch của Nhà nước; đồng thời, Hội cũng đã bước đầu chăm lo, bảo vệ quyền lợi của cán bộ, hội viên nông dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi thì sản xuất nông nghiệp của tỉnh Bắc Thái những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng cũng gặp không ít khó khăn, thử thách. Ruộng canh tác ít, chỉ chiếm 13% diện tích tự nhiên. Nông - lâm nghiệp được xác định là ngành có vị trí trọng yếu trong nền kinh tế tỉnh nhưng cơ sở vật chất còn nghèo nàn, tập quán canh tác của đồng bào còn lạc hậu; sản xuất tự cấp, tự túc là chủ yếu, năng suất thấp, nạn phá rừng gia tăng...

Yêu cầu đặt ra đối với tỉnh Bắc Thái là phải tập trung vào mặt trận sản xuất nông nghiệp, thay đổi cơ bản về cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, tạo bước chuyển mới. Cơ chế quản lý mới hướng vào giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, ổn định và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất nông nghiệp.

Những thay đổi về cơ chế quản lý nông nghiệp, chính sách đầu tư và giá cả nông nghiệp chưa đáp ứng cho sản xuất phát triển. Mặc dù vậy, kiên định với con đường xã hội chủ nghĩa, được sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp của các ngành, đoàn thể, hội viên nông dân nêu cao tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết vượt khó khăn, đạt kết quả tích cực.

Hội đã vận động nông dân thi đua lao động sản xuất vụ mùa năm 1987 với quyết tâm đưa năng suất vụ mùa lên cao. Vì vậy, vụ mùa cấy được 46.987ha đạt năng suất 28,6 tạ/ha, cá biệt có huyện Phú Bình đạt 33,6 tạ/ha, hợp tác xã Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên đạt 46 tạ/ha lúa mùa sớm.

Trong quá trình thu hoạch vụ mùa, nông dân các huyện thành đã phối hợp với ngành Nông nghiệp tuyên truyền trồng ngô Đông và đưa ra khẩu hiệu “trồng ngô Đông là sống, không trồng ngô Đông là chết”. Do công tác tuyên truyền tốt, mặc dù năm 1987 thời tiết rét, mưa muộn, toàn tỉnh vẫn trồng được 3300ha/5000ha ngô Đông so với kế hoạch. Đây là cơ sở để phát triển cây ngô Đông của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Nông dân trong tỉnh cũng đã tích cực khắc phục khó khăn do thời tiết mang lại để tham gia trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng. Kết quả toàn tỉnh đã trồng được 257ha rừng tập trung và 5.652.000 cây phân tán, vượt 652.000 cây, đặc biệt là nông dân huyện Phú Bình đã trồng được 1.490.882 cây.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, thực hiện thắng lợi 3 chương trình kinh tế lớn ngay từ năm đầu, đồng thời phát huy thế mạnh của địa phương, các cấp Hội đã chỉ đạo, hướng dẫn nông dân tận dụng đôi tay, phát triển

cây công nghiệp. Kết quả năm 1987 trồng được 1387ha lạc với năng suất đạt 5,85 tạ/ha, thuốc lá trồng được 590ha đạt tổng sản lượng 435 tấn, diện tích cây chè của toàn tỉnh lên 5.931ha với tổng sản phẩm là 13.477 tấn chè búp tươi.

Phong trào nông dân sản xuất giỏi được hội phát động đang đi vào cuộc sống, là động lực tập hợp cuốn hút nông dân thi đua lao động sản xuất, góp phần giảm dần nghèo đói ở nông thôn.

Nguyện vọng bức bách của nông dân là tri thức làm giàu, phong trào sản xuất giỏi phù hợp với đường lối phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, khai thác được mọi tiềm năng, mở đường đưa khoa học kỹ thuật vào từng hộ nông dân, giải quyết được những vấn đề cơ bản của kinh tế xã hội đặc biệt vấn đề phân hóa giàu nghèo đang diễn ra ở nông thôn.

Dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh Hội, cấp hội cơ sở đã phát động, tuyển chọn những hộ sản xuất giỏi về dự hội nghị sản xuất giỏi cấp tỉnh. Tham dự Hội nghị sản xuất giỏi do tỉnh tổ chức năm 1991, đã có 232 đại biểu tham dự là những hội làm kinh tế nông lâm nghiệp giỏi bằng mô hình VAC - tại các hội nghị từ cơ sở đến tỉnh; các đại biểu trao đổi kinh nghiệm học tập lẫn nhau, để cùng phát triển. Để vinh danh những người nông dân đi đầu trong phong trào sản xuất, Hội Nông dân tỉnh đã kết hợp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng bộ phim “Những người làm vườn giỏi của Bắc Thái”, thông qua bộ phim phần nào giới thiệu các mô hình “người thực, việc thực” ở địa phương để hội viên cùng học tập.

Trong những năm qua nhờ có những chính sách mới, khí thế lao động sản xuất trong nông thôn được khơi dậy nên tổng sản lượng lương thực năm 1991 tăng 2,8 vạn tấn so với năm 1986, nhịp độ tăng bình quân hằng năm 1,7%. Đàn lợn lai kinh tế chiếm tới trên 60% tổng đàn. Năm 1991 đàn lợn đã tăng trên 29.000 con so với năm 1986 tăng 11%, đàn bò cũng tăng 37% so với năm 1986.

Cây công nghiệp (như chè, lạc, mía, thuốc lá), cây ăn quả, cây đặc sản bước đầu được chú ý. Phong trào trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc được nông dân tích cực hưởng ứng và đã trồng được 25.142ha rừng mới theo chương trình PAM.

Ngoài thâm canh cây lương thực và phát triển chăn nuôi, hàng vạn hộ nông dân trong tỉnh đã đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp bằng mô hình kinh tế VAC, kết hợp gắn chế biến với tiêu thụ sản phẩm (như hộ gia đình anh Hồng ở xã Tân Thái (Đại Từ)

trồng cây ăn quả, cây công nghiệp gắn với chế biến sản phẩm và chăn nuôi thu 22 triệu đồng/năm...)

Nhờ sản xuất phát triển, đã có gần 1,7% số hộ nông dân có thu nhập hàng năm từ 5 triệu đến 10 triệu đồng trở lên, 23,3% số hộ thu từ 3-5 triệu đồng/năm. 50-80% số hộ có nhà xây kiên cố, bán kiên cố, xe đạp, xe máy, điện thắp sáng và các tiện nghi sinh hoạt đất tiền trong gia đình.

Do sản xuất phát triển nên tỷ trọng trong nông nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội đã tăng từ 31,38%/năm 1986 lên 58% năm 1991 và trong thu nhập quốc dân tỷ trọng nông nghiệp cũng tăng từ 53% năm 1986 lên 65% năm 1991.

Nhiều hợp tác xã thực hiện khoán 10 tương đối tốt, hiệu quả rõ rệt, điển hình như hợp tác xã Tức Tranh (Phú Lương), Thanh Ninh (Phú Bình), Vạn Thọ (Đại Từ), Thịnh đức, Gia Sàng, Tân Long, Phúc Trìu (thành phố Thái Nguyên) và một số nơi xây dựng hợp tác xã sản xuất kinh doanh tổng hợp bước đầu thúc đẩy sản xuất và phục vụ tốt đời sống nông dân.

Sau 7 năm thực hiện khoán sản phẩm, tình hình quan hệ sản xuất có những biểu hiện phức tạp. Trước tình hình đó, các cấp Hội từ tỉnh đến cơ sở đã cùng với chính quyền, mặt trận và các đoàn thể kịp thời giải quyết, giữ vững mối quan hệ sản xuất; mặt khác, tiến hành điều tra thực trạng khoán sản phẩm trên toàn địa bàn tỉnh, tìm hiểu nguyện vọng của nông dân, kịp thời củng cố quan hệ sản xuất, giải phóng lực lượng sản xuất.

Với những chính sách, biện pháp thiết thực, đời sống nhân dân được cải thiện, ngành chăn nuôi phát triển, kinh tế hộ gia đình phát triển mạnh. Trong 5 năm (1986 – 1991), nhịp độ tăng trưởng bình quân lương thực toàn tỉnh đạt 1,7%, góp phần đưa bình quân lương thực đạt 240kg/người/năm.

Dưới sự vận động, hướng dẫn, tổ chức thực hiện của các cấp Hội, nhiều mục tiêu và nhiệm vụ đề ra về cơ bản đều hoàn thành theo đúng kế hoạch. Điều này thể hiện rõ sự phát triển của ngành Nông nghiệp Bắc Thái đầu thập niên 90 thế kỷ XX. Thông qua các hoạt động cụ thể, từng bước chuyển biến nhận thức về Hội, tổ chức Hội được củng cố thêm một bước, tập hợp nông dân hành động cách mạng thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Nhìn chung, đường lối đổi mới đã là nền tảng tư tưởng và nội dung cơ bản cho hoạt động của Hội. Việc quán triệt Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy góp phần đem lại những hiệu quả thiết thực trong sản xuất, phát triển tổ chức Hội.

Về công tác xây dựng và phát triển Hội vững mạnh. Nhằm đưa Nghị quyết, chính sách mới của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn sản xuất và đời sống nông dân trong tỉnh, ngay sau khi Đại hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh lần thứ II kết thúc, tỉnh Hội đã phối hợp tổ chức các lớp quán triệt, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ chuyên trách các huyện, thành, thị về Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh như Nghị quyết số 10 - NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 05 - NQ/BT của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Quyết định 151, 106, 109 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và lần VI.

Tổ chức Hội ở các huyện, thành thị đã tổ chức nhiều hội nghị quán triệt, phổ biến cho đội ngũ cán bộ với hơn 667 lượt người tham gia; phối hợp với các ngành chuẩn bị tài liệu, tổ chức tập huấn về kiến thức làm kinh tế VAC và nghiệp vụ công tác Hội cho cán bộ cơ sở, có 945 người dự. Các huyện Phú Lương, Đại Từ, Đồng Hỷ, Thành phố đã gắn nội dung các lớp tập huấn với việc tuyên truyền kết nạp hội viên, củng cố cơ sở Hội.

Qua đó cho thấy, việc tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng đã giúp cho đội ngũ cán bộ, hội viên trong tỉnh nắm vững chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, xây dựng và củng cố niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn cách mạng mới.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền vận động của Hội vẫn còn mang tính dập khuôn, nội dung, hình thức nghèo nàn, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở còn hạn chế.

Triển khai Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Nghị quyết Đại hội lần I của Hội Nông dân Việt Nam và Nghị quyết Đại hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh lần thứ II, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp các cấp hội thường xuyên chú trọng đến công tác tổ chức, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ vận động, hướng dẫn Hội viên nông dân tham gia sản xuất, ổn định đời sống và xây dựng nông thôn mới.



Thường trực tỉnh Hội thường xuyên trực tiếp cùng với cấp ủy Đảng các huyện, thành, thị chăm lo sắp xếp từng bước ổn định đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp huyện, thành, thị. Tuy nhiên, những năm đầu mới tiến hành đổi mới nên việc thể chế hóa nhiệm vụ công tác Hội ở nhiều nơi còn lúng túng, chất lượng của bộ máy cơ sở và hội viên chưa cao. Ban Chấp hành Hội ở xã, phường và chi tổ hội sinh hoạt không đều.

Trước tình hình đội ngũ cán bộ chuyên trách của các huyện, thành, thị có nhiều biến động, Thường trực tỉnh Hội trực tiếp cùng cấp ủy các huyện, thị, thành từng bước sắp xếp lại đội ngũ cán bộ chuyên trách của các huyện, thị, thành, vì thế hoạt động của Hội đã đi vào ổn định. Đến năm 1992, tổng số cán bộ chuyên trách hoạt động của cấp huyện Hội có 42 đồng chí, đại đa số đều có năng lực chuyên môn, nhiệt tình công tác được quần chúng tín nhiệm.

Dưới sự chỉ đạo của tỉnh Hội, từ năm 1990 tổ chức Hội ở cơ sở đã tiến hành Đại hội, bầu ra Ban Chấp hành theo hướng tinh gọn. Đại hội cấp cơ sở đã tiến hành củng cố, kiện toàn 921 chi hội với 3239 hội viên. Các cấp Hội trong tỉnh cũng tiến hành rà soát, kết nạp được 81 vạn hội viên.

Sau khi tổ chức Đại hội, nhiều Ban Chấp hành cơ sở hoạt động có hiệu quả rõ nét như: xã Hồng Tiến (Phổ Yên), xã Yên Lạc (Phú Lương). Trong toàn tỉnh số xã xây dựng được tổ chức Hội chiếm 97%. Các xã có nhiều hợp tác xã hoạt động thì mỗi hợp tác xã được tổ chức thành một chi hội, mỗi tổ sản xuất là tổ hội viên, xã viên là hội viên của hội.

Như vậy, từ năm 1987 đến 1990 hệ thống tổ chức của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái được củng cố từ tỉnh đến cơ sở. Hội đi vào ổn định về tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

## **II. Vận động hội viên tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới (1991 – 1996)**

### ***1. Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái lần III***

Ngày 24/8/1992, Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái lần thứ III nhiệm kỳ 1992 - 1997 được tổ chức vào giữa lúc toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang ra sức thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI.

Đại hội lần này có ý nghĩa rất quan trọng là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng thực trạng tình hình thực hiện nhiệm vụ của giai cấp nông dân tỉnh, tổ chức Hội

trong nhiệm kì 1987 - 1992, rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng, mục tiêu nhiệm vụ hoạt động của Hội trong những năm tới, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội tỉnh lần thứ VI đề ra, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của hội viên.

Đại hội đã nêu và đánh giá những kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Nông dân tỉnh Bắc Thái lần thứ II (1987 – 1992), chỉ ra những thành tựu đạt được và những hạn chế của phong trào nông dân và công tác hoạt động của Hội Nông dân tỉnh.

Đại hội đã xác định mục tiêu trong 5 năm (1992 - 1997) là: *Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức vận động nông dân theo tinh thần Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI, nhằm tập hợp đông đảo nông dân vào Hội, trên cơ sở đó phát động phong trào hành động cách mạng của nông dân với khẩu hiệu: “Xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới”, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, hình thành về cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, nhằm cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững và ổn định chính trị, xây dựng đảng viên có bản lĩnh về phẩm chất, trí tuệ và có sức chiến đấu cao, phát huy hiệu lực của quản lý Nhà nước. Đổi mới phương thức hoạt động của Hội đáp ứng với yêu cầu đổi mới của đất nước mà Đại hội tỉnh Đảng bộ Bắc Thái đã đề ra.*

Thực hiện phương hướng trên, nhiệm vụ của công tác Hội Nông dân tỉnh trong những năm 1992 - 1997 được Đại hội nêu ra là: *Tập trung chỉ đạo các chương trình kinh tế - xã hội trọng tâm, có ý nghĩa thiết thực với nông dân, động viên và tuyên truyền nông dân chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát động phong trào hành động cách mạng của nông dân cùng với toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI. Cùng cố các tổ chức Hội theo hướng ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước.*

Đại hội cũng đã thảo luận và thống nhất trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện một số chương trình trọng tâm và một số cuộc vận động trong công tác Hội (1992 – 1997) của Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái, các cấp Hội tùy theo điều kiện cụ thể của từng nơi mà lựa chọn chương trình nào làm trước, chương trình nào làm sau tùy thuộc vào địa phương mình.

Với tinh thần dân chủ, thẳng thắn Đại hội đã đánh giá khách quan tình hình tổ chức Hội và phong trào nông dân trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới; nhìn nhận những mặt yếu kém về tổ chức, tư tưởng, chất lượng hoạt động của các cấp

Hội. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh khóa III nhiệm kì 1992 - 1997 gồm 25 đồng chí, Ban Thường vụ Hội gồm 5 đồng chí, đồng chí Nông Văn Thụ được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Hội, đồng chí Nguyễn Xuân Sang được bầu làm Phó Chủ tịch Hội.

Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ III đánh dấu một bước phát triển mới, phản ánh sự trưởng thành trong công tác xây dựng tổ chức của Hội Nông dân tỉnh. Những nội dung thông qua tại Đại hội là cơ sở để các cấp Hội trong tỉnh vận động, hướng dẫn hội viên nông dân tiếp tục tin tưởng và thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới.

## ***2. Vận động Hội viên đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn theo đường lối đổi mới (1991 – 1996)***

Bước sang thập niên 90, tình hình thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng tới tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước. Trong khi công cuộc đổi mới tuy đã thu được những kết quả ban đầu nhưng tình hình kinh tế - xã hội vẫn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam diễn ra vào tháng 11 năm 1993 tại Ba Đình, Hà Nội, đã chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của Hội Nông dân, đây là Đại hội của trí tuệ và niềm tin - nơi hội tụ ý chí và nguyện vọng của giai cấp nông dân, quyết tâm đổi mới và xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh về mọi mặt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân Việt Nam lần thứ II và Đại hội Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái lần thứ III, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn thể hội viên nông dân, nòng cốt là Hội Nông dân tỉnh đã nỗ lực phấn đấu khắc phục những khó khăn về thiên tai, hăng hái thực hiện các phong trào cách mạng.

Hội Nông dân là một tổ chức chính trị xã hội trong điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi bức bách của hội viên nông dân, Hội đã thực hiện chương trình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất cho hội viên, xây dựng các mô hình kinh tế VAC, giúp hội viên phát triển kinh tế. Thực hiện chương trình này, Hội đã tập trung chỉ đạo nông dân tham gia phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, xóa đói, giảm nghèo và làm giàu, đã đạt được một số kết quả cụ thể sau:

Hội đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, liên tục tổ chức, hướng dẫn và tổng kết phong trào thi đua sản xuất nông lâm nghiệp giỏi. Qua năm lần tổng kết đã có hơn một nghìn hộ đạt danh hiệu “sản xuất giỏi” cấp tỉnh, có thu nhập bình quân 5 triệu đồng/khẩu/năm trở lên và hàng chục nghìn hộ đạt danh hiệu “sản xuất giỏi” cấp huyện và cơ sở, có mức thu nhập từ 2 - 3 triệu đồng/khẩu/năm trở lên.

Hội cũng đã tổ chức nhiều đợt cho hội viên đi tham quan các mô hình sản xuất giỏi trong và ngoài tỉnh, phong trào đã được hội viên hưởng ứng mạnh mẽ, đã góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi cải tạo vườn tạp, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng trong nông thôn.

Hội đã chủ động phối hợp với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để mở các lớp tập huấn kỹ thuật, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho nông dân.

Nhờ đó, mà từ cuối năm 1992, nông dân đã khắc phục khó khăn thời tiết, chuyển dịch giống cây trồng từ lúa sang trồng màu. Trong năm 1993, Hội đã phối hợp nhiều cơ sở nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ động đào tạo được 350 lượt cán bộ khuyến nông, làm 828 ô mẫu trình diễn kỹ thuật cho nông dân. Chú trọng đầu tư máy móc hiện đại có kỹ thuật cao vào sản xuất nông nghiệp.

Triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VII về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế xã hội nông thôn, hoạt động các cấp Hội và phong trào sản xuất của nông dân trong năm 1994 tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Các tổ chức Hội ở các huyện, thành, thị cùng với các ban, ngành triển khai ứng dụng khoa học – kỹ thuật, thực hiện chương trình cấp I hóa giống lúa, đưa nhanh các giống lúa có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất đại trà, tăng nhanh sản lượng nông - lâm sản theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều chính sách khuyến nông, khuyến lâm được triển khai, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế hộ nông dân phát triển đúng hướng.

Sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp phát triển góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế các vùng của tỉnh Bắc Thái theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI. Kinh tế tăng nhanh, chuyển hướng từ nền kinh tế tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở thâm canh tăng vụ và áp dụng nhiều biện pháp khác nhau, diện tích, năng suất, sản lượng lương thực năm sau cao hơn năm trước. Năm 1993, sản lượng

lượng thực quy thóc là 263.764 tấn, đạt 105,5% so với kế hoạch và 116,42% so với cùng kỳ năm trước; trong đó sản lượng thóc là 217.007 tấn, tăng 36.488 tấn so với năm 1992 <sup>(2)</sup>.

Nhờ có áp dụng khoa học mà các năm 1994 – 1996, sản lượng lương thực trên địa bàn tỉnh tăng cao.

| <b>Sản lượng</b>           | <b>Năm 1994</b> | <b>Năm 1995</b> | <b>Năm 1996</b> |
|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| <b>Lương thực quy thóc</b> | 232.619 tấn     | 243.695 tấn     | 256.085 tấn     |
| <b>Thóc</b>                | 189.672 tấn     | 199.426 tấn     | 209.375 tấn     |
| <b>Rau, đậu các loại</b>   | 42.858 tấn      | 43.674 tấn      | 47.046 tấn      |
| <b>Chè búp tươi</b>        | 17.393 tấn      | 18.001 tấn      | 19.540 tấn      |

Nhiều hộ nông dân có thu nhập khá từ mô hình VAC. Nhiều hộ gia đình nhận rừng đã thu được lợi ích kinh tế cao, góp phần phủ xanh đồi núi trọc, bảo vệ và chăm sóc làm giàu vốn rừng.

Từ năm 1992 – 1996, các huyện, thành, thị, Hội đều kết hợp với chính quyền tổ chức tổng kết, biểu dương hộ sản xuất giỏi để nhân rộng phong trào. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng có thể thấy số hộ có thu nhập cao ngày càng nhiều.

Hội đã phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội tạo điều kiện cho hội viên vay vốn phát triển sản xuất. Hội đứng ra tín chấp cho hội viên nghèo vay vốn, với số vốn lên tới trên mười tỷ đồng cho trên 1 vạn lượt hộ vay. (Trong đó, tỉnh Hội tín chấp 3,37 tỷ đồng, các huyện Hội tín chấp trên mười tỉ đồng). Đồng thời tiến hành mở hàng nghìn lớp tập huấn kỹ thuật khuyến nông, khuyến lâm cho hàng vạn nông dân. Điển hình huyện hội Phú Bình đã lập dự án trồng cây ăn quả, nuôi cá lồng, đầu tư cho dân vay 475 triệu đồng và tín chấp với ngân hàng vay 230 triệu đồng. Huyện hội Định Hóa tín chấp với ngân hàng cho nông dân vay 2,7 tỷ đồng và phối hợp với các ngành đoàn thể khác cho nông dân vay trên 6 tỷ đồng, ngoài ra còn xây dựng điểm trồng dâu, nuôi tằm đạt kết quả cao.

Hội Nông dân thành phố Thái Nguyên đã đứng cùng với Ngân hàng Đầu tư cho nông dân vay 3 tỷ 836 triệu đồng, thị xã Sông Công 1,6 tỷ đồng, Đại Từ 2 tỷ đồng, Đông Hỷ 1,3 tỷ đồng v.v.... Ngoài ra, Ban Chấp hành Hội ở một số cơ sở đứng ra tín

<sup>(2)</sup> Sở Nông nghiệp: Báo cáo tổng kết năm 1993 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 1994 ngành Nông nghiệp. Số 09-NN/BC, ngày 7/1/1994, tr. 1.

chấp vay ngân hàng để có vốn cho nông dân, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho từng gia đình, thực hiện xóa đói giảm nghèo.

*Chương trình xây dựng nông thôn mới*, xây dựng nông thôn giàu đẹp, văn minh luôn là mục tiêu chiến lược của Đảng ta, đồng thời là một nhiệm vụ quan trọng của Hội. Vì vậy, Hội đã chủ động phối hợp với các ngành, các đoàn thể để tham gia vận động nông dân thực hiện chương trình xây dựng và phát triển nông thôn. Trong những năm qua thực hiện chương trình này, Hội đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, thúc đẩy phong trào nông dân của tỉnh phát triển mạnh đáp ứng sự nghiệp đổi mới của tỉnh Bắc Thái nói riêng và của cả nước nói chung.

Hội đã thực hiện có kết quả chương trình phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em (dự án HFS), chương trình Vitamin A cho trẻ em, Hội đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chuyên môn triển khai điếm ở các huyện thành đạt kết quả tốt. Hội cũng đã hỗ trợ về VAC cho những hộ nông dân có trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng và bà mẹ có thai, để sản xuất những sản phẩm VAC giàu vitamin A. Hội đã hỗ trợ cho nông dân 800kg đậu tương, đậu xanh giống, 59.000 con gà con, 5,1 triệu con cá giống các loại, 36 vạn cây đu đủ, 36 vạn cây rau ngót giống, tổ chức 112 lớp tập huấn kỹ thuật về VAC và kiến thức phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em, có 2.040 lượt người tham gia, chuyển tải đến hội viên hàng vạn tờ quy trình kỹ thuật.

Tỉnh Hội đã chủ động xây dựng dự án, đầu tư vốn, cây con giống và liên tịch với Hội Cựu chiến binh, Sở Giáo dục đầu tư trực tiếp trồng được 564 vườn cây tình nghĩa. Ngoài ra, nhiều huyện đã chủ động nguồn vốn, lo cây con giống, đầu tư xây dựng các vườn tình nghĩa tặng cho các gia đình chính sách.

Mặt khác, tỉnh Hội và các huyện, thành, thị đã tiến hành kí kết các nghị quyết liên tịch với lực lượng vũ trang thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

Thực hiện chương trình quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình, Hội đã tích cực phối hợp với Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình để làm công tác truyền thông dân số trên địa bàn 30 xã. Hội đã tổ chức 1 lớp tập huấn về công tác truyền thông dân số cho cán bộ chuyên trách cấp huyện và văn phòng tỉnh Hội gồm 60 người. Huyện Phú Lương đã tập huấn công tác truyền thông cho 240 đồng chí chi hội trưởng và phó của các xã.

Hội cũng đã xây dựng kế hoạch và kí hợp đồng trách nhiệm với Ủy ban dân số và kế hoạch hóa gia đình của tỉnh làm công tác truyền thông và tổng kết mô hình ở 3

xã thí điểm: Tân Thái (Đại Từ), Hợp Thành (Phú Lương), Bảo Linh (Định Hóa). Kết quả cụ thể, ba điểm truyền thông cho 351 người nghe, thực hiện các biện pháp: dùng dụng cụ tránh thai là 60 người, đình sản là 29 người, dùng bao cao su là 143 người, uống thuốc tránh thai là 29 người.

Hội cũng đã xây dựng kế hoạch và phát động các cơ sở thực hiện “gia đình hội viên và nông dân” đạt 6 chuẩn mục, tham gia cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, chỉ đạo 2 huyện thí điểm (Thị trấn Chợ Mới và xã Trung Lương – Định Hóa) cai nghiện tại cộng đồng ở khu dân cư đã đạt kết quả nhất định.

Ngoài những việc trên, Hội các cấp đã tích cực tham gia vào việc phát động nông dân đóng góp công sức cho xây dựng hạ tầng như đầu tư mở rộng đường giao thông, xây dựng điện, đường, trường trạm xã... nơi nào cũng có những điển hình tốt... Năm 1995, đã xây dựng mới 717 km đường nông thôn, sửa chữa nâng cấp 1.104 km đường. Năm 1996 đã có 256 xã có đường ô tô đến trung tâm xã. 27% số xã được sử dụng điện lưới quốc gia. Xây dựng mới 446 công trình nước sạch nông thôn và 389 trường học thu hút 27,5 vạn con em nông dân đến trường, 200 trạm y tế xã chăm lo sức khỏe cho nhân dân...

Phong trào nông dân tinh trong những năm 1991 - 1996 đã có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt là phong trào thi đua sản xuất giỏi, xóa đói giảm nghèo và làm giàu, phong trào chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cải tạo vườn tạp, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phong trào đền ơn đáp nghĩa.... các phong trào này đã cuốn hút nông dân tham gia và góp phần tích cực vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế, xã hội của tỉnh.

Về củng cố, xây dựng công tác Hội. Sau khi Đại hội Hội Nông dân tỉnh lần thứ III diễn ra, Ban Thường vụ tỉnh Hội đã cụ thể hóa các biện pháp nhằm thực hiện 3 chương trình đã đề ra, mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội cho Ban Chấp hành khóa III và tất cả các cán bộ chuyên trách Hội ở các huyện, thành, thị trong tỉnh. Các cấp Hội đã mở gần 100 Hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội.

Triển khai Nghị quyết của Đại hội, nhiều huyện đã tập trung củng cố Ban Chấp hành Hội cấp xã, phường.

Bước sang năm 1993, công tác xây dựng tổ chức được các cấp Hội quan tâm. Các cấp Hội đã tiến hành bầu bổ sung, thay thế Chủ tịch, Phó Chủ tịch cho các đơn vị

còn khuyết thiếu. Kiện toàn cho hơn 100 xã; thành lập 181 chi tổ hội, kết nạp thêm 17.000 hội viên mới. Tính đến năm 1993, tổng số xã có Ban Chấp hành là 216 đơn vị; tổng số hội viên là 9,5 vạn.

Trong công tác tổ chức phát triển Hội, các cấp chủ trương thông qua chương trình phát triển sản xuất, tổ chức tập hợp nông dân theo các chi hội nghề nghiệp, chi hội nuôi cá, chi hội nuôi ong...

Nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và phong trào nông dân trong tỉnh đạt những kết quả mới, tỉnh Hội mở hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ III đến cán bộ và hội viên các cấp Hội. Tổ chức Hội ở cơ sở tích cực tuyên truyền, học tập Nghị quyết cho đông đảo hội viên nông dân.

Tỉnh Hội tiến hành khảo sát, điều tra về tình hình, thực trạng các cơ sở Hội trên phạm vi 13 huyện, thành, thị. Trên cơ sở đó, Tỉnh Hội tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 14 - CT/TW về việc tăng cường chỉ đạo các cấp ủy, kiện toàn tổ chức Hội Nông dân các cấp.

Với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, công tác xây dựng tổ chức Hội ở các huyện, thành, thị có nhiều đổi mới. Triển khai Chỉ thị số 14 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tỉnh Hội đã xây dựng Đề án về việc xây dựng tổ chức cơ sở Hội; chương trình, kế hoạch các bước củng cố tổ chức cơ sở Hội; chỉ đạo các huyện, thành, thị hội triển khai đến tận cơ sở.

Được sự quan tâm của Trung ương Hội, các cấp Hội trong tỉnh đã đẩy mạnh công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở. Tỉnh Hội mở một lớp tập huấn cho cán bộ chuyên trách từ huyện đến tỉnh gồm 65 đồng chí. Trong tháng 11 và tháng 12/1994 mở một lớp tập huấn cho cán bộ là Chủ tịch Hội Nông dân ở cơ sở, gồm 100 đồng chí.

Tổ chức Hội các cấp trong tỉnh tiến hành củng cố, kiện toàn 1.126 chi hội; các chi hội đều có Chi hội trưởng, chi hội phó và bước đầu đi vào hoạt động có nề nếp. Thông qua phong trào lao động sản xuất ở nông thôn, các cấp Hội kết nạp được thêm 16.523 hội viên mới, một số huyện đã tăng cường thêm cán bộ chuyên trách.

Tính đến tháng 12/1996, số hội viên các xã phường thuộc 9 huyện, thành, thị tỉnh Thái Nguyên có 69.030 người/156.347 hộ nông dân đạt 44% số hộ nông dân có hội viên và so với độ tuổi lao động đạt 18% (69.030 người/364.931 lao động). Trong đó, có 14.804 hội viên là nữ chiếm 21% so với tổng số hội viên.



Thị xã Sông Công, thành phố Thái Nguyên, huyện Phú Lương, huyện Đông Hỷ và huyện Phú Bình là những đơn vị có số hội viên đạt từ 50% trở lên so với tổng số nông hộ. Huyện Đông Hỷ từ đầu năm 1995 đến 1996 đã phát triển thêm được 8.024 hội viên.

Thị xã Sông Công, thành phố Thái Nguyên, huyện Võ Nhai và Phú Lương đã cấp giấy chứng nhận cho trên 50% số hội viên. Hội viên được cấp giấy chứng nhận đã khắc phục được tình trạng hội viên danh nghĩa, nhiều hội viên đã sinh hoạt và đóng hội phí đầy đủ cho Hội và cũng nhiều hội viên được Hội cử đi dự các lớp tập huấn kỹ thuật, được vay vốn, được đi dự các hội nghị sản xuất giỏi khi gia đình làm ăn khá giả.

Theo báo cáo của 9 huyện, thành, thị đến tháng 12/1996 tỉnh Thái Nguyên củng cố được 1728 chi hội theo xóm, thôn, bản đạt 80% số thôn bản có chi tổ hội, hiện còn 406 xóm thôn bản chưa có chi tổ hội. Kết quả đã bầu được 1728 đồng chí chi hội trưởng, trong đó có 863 đồng chí là trưởng xóm, 96 đồng chí là Bí thư chi bộ, tổ trưởng Đảng kiêm chi hội trưởng nông dân.

Huyện Đông Hỷ, thành phố Thái Nguyên 100% số xóm, thôn, bản, xã thành lập được chi hội. Thị xã Sông Công đạt 98% và huyện Phú Lương đạt 93% số xóm, thôn, bản đã thành lập được chi Hội Nông dân.

Nhiều chi hội đã chủ động xây dựng các nội dung hoạt động và sinh hoạt thiết thực như tổ chức sinh hoạt để phổ biến các chính sách mới, vận động nhau thực hiện đầy đủ, kịp thời thuế và các nghĩa vụ với Nhà nước, học tập kỹ thuật nuôi trồng cây, con đặc sản, vận động giúp đỡ hộ nghèo và giống, vốn, ngày công lao động, đóng góp quỹ Hội để động viên thăm hỏi lẫn nhau lúc hội viên ốm đau, xây dựng gia đình 6 chuẩn mực và thực hiện đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

Về Ban Chấp hành Hội Nông dân các xã phường thuộc 9 đơn vị huyện, thành, thị của tỉnh Thái Nguyên. Tính đến năm 1996, đã có 100% số xã, phường, thị trấn có Ban Chấp hành Hội, tổng số ủy viên Ban Chấp hành là 1586 đồng chí, trong đó có 192 đồng chí là nữ. Chủ tịch Hội Nông dân là cấp ủy có 65 đồng chí; là đại biểu Hội đồng nhân dân có 24 đồng chí; Chủ tịch và Phó chủ tịch là nữ có 15 đồng chí; Chủ tịch kiêm Chi hội trưởng có 34 đồng chí.

Đại Hội Nông dân các cơ sở ngoài việc xác định các chương trình nội dung công tác nhiệm kỳ cụ thể hơn, mặt khác đã chú trọng bố trí cấu tạo các đồng chí Chi hội trưởng, phó có năng lực, uy tín vào Ban Chấp hành Hội, giảm được số lượng ủy

viên cấu tạo các ngành trên xã, một mặt giúp cho công tác chỉ đạo của Hội một cách trực tiếp và hiệu quả hơn.

Những cán bộ, Đảng viên được các cấp ủy phân công sang phụ trách công tác Hội phần lớn có hiểu biết về khoa học kỹ thuật, có kiến thức quản lý kinh tế, biết vận động quần chúng và được quần chúng tin cậy... nên nhiều cơ sở đã xây dựng được các nội dung công tác cụ thể và hoạt động có hiệu quả, điển hình như Hội Nông dân xã Khe Mo, xã Nam Hòa (Đồng Hỷ), Xã Sơn Cẩm, Túc Tranh (Phú Lương), Xã Tiên Hội, Tân Thái (Đại Từ), xã Trung Lương (Định Hóa), xã Hồng Tiến (Phổ Yên), xã Hà Châu (Phú Bình) ... là những đơn vị hoạt động có hiệu quả.

Công tác xây dựng tổ chức Hội từ sau Đại Hội Nông dân tỉnh khóa III, công tác xây dựng và phát triển Hội giai đoạn 1992 – 1997 luôn được quan tâm thực hiện và đạt được những thành tựu nhất định.

Việc triển khai thực hiện chương trình, nội dung công tác xây dựng hội những năm qua trong điều kiện tổ chức hội ở cơ sở phải thay đổi mới hoàn toàn, trong điều kiện thay đổi, cơ chế quản lý trong nông nghiệp và các điều kiện vật chất thiếu thốn, nhưng nhờ có các Chỉ thị của Đảng, đặc biệt là Chỉ thị 14 của Ban Thường vụ tỉnh ủy, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy, sự phối hợp tạo mọi điều kiện của chính quyền các cấp ủy, sự phối hợp tạo mọi điều kiện của chính quyền, các ngành, các đoàn thể và với quyết tâm tự đổi mới của đội ngũ cán bộ chuyên trách từ tỉnh đến cơ sở nên mặc dù thời gian ngắn, bằng nhiều hình thức tập hợp rà soát phát triển gần 7 vạn hội viên, trong đó có 39% số hội viên đã được cấp giấy chứng nhận hội viên thu được hội phí.

Nhiều huyện, thành, thị đã củng cố chi hội gắn với thôn xóm bản được kiện toàn, nhiều cán bộ chủ chốt của Đảng, chính quyền đoàn thể được nông dân tin nhiệm sang làm công tác Hội. Điều đáng phấn khởi là các chi hội, Ban Chấp hành Hội cơ sở và huyện từng thời gian đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và sự hướng dẫn của hội cấp trên, vận dụng đề ra các chương trình công tác thiết thực đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của dân được cấp ủy, chính quyền thừa nhận. Đó là những điều kiện tiền đề cho việc củng cố, phát triển Hội Nông dân tỉnh trong thời gian tới.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác xây dựng, phát triển Hội thời gian qua cũng còn những tồn tại nhất định, do nhiều nguyên nhân khác nhau. Cụ thể :

Hội chưa tập hợp được đông đảo nông dân vào Hội. Hội viên còn ít. Nếu so với

mục tiêu mỗi hộ có ít nhất một hội viên thì cấp Hội cần phải cố gắng rất nhiều mới đạt được mục tiêu đã đề ra của Hội.

Chủ tịch Hội cơ sở còn kiêm nhiệm nhiều việc, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ công tác Hội. Thời gian qua tổ chức Hội có triển khai một số chương trình dự án, huyện Hội và cơ sở chưa lồng ghép một cách hài hòa với công tác củng cố tổ chức Hội. Do đó, cũng hạn chế kết quả công tác kiện toàn, củng cố tổ chức Hội...

Tổ chức cơ sở Hội (nhất là chi hội) còn yếu, hiện có 854 xóm, bản chi hội chưa được củng cố, kiện toàn. Một số chi Hội, nội dung sinh hoạt còn nghèo nàn, chưa thiết thực.

Tâm lý bao cấp còn nặng nề ở các cấp hội, công tác tuyên truyền làm còn yếu dẫn đến nhận thức của hội viên về Hội chưa rõ, hội viên cho rằng vào Hội là để được cấp vốn, vật tư cho mình. Một số cấp huyện và cơ sở Hội còn nặng tư tưởng bao cấp, trông chờ vào tỉnh Hội, nặng về xin kinh phí chương trình dự án.

Công tác chỉ đạo điểm, xây dựng mô hình về công tác xây dựng Hội còn yếu, các huyện chưa tổng kết được các điểm chỉ đạo như đã đăng kí với tỉnh Hội từ đầu năm.

Việc thực hiện các dự án của Hội còn nhiều thiết sót. Triển khai chương trình còn tràn lan, chưa có trọng điểm, trọng tâm gây khó khăn cho công tác triển khai, chỉ đạo và tổng kết về xây dựng mô hình.

Đội ngũ cán bộ Hội (nhất là cán bộ cơ sở) chưa đáp ứng được yêu cầu trước tình hình mới. Cán bộ ít được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội.

Nguyên nhân cơ bản của những tồn tại trên là do một số huyện thành và cơ sở Hội chưa có kế hoạch và các biện pháp chỉ đạo cụ thể, chưa coi trọng việc tuyên truyền Điều lệ Hội một cách sâu rộng, chưa coi trọng chỉ đạo điểm và sơ kết về công tác xây dựng củng cố tổ chức Hội, dẫn đến hiện nay nhiều hộ nông dân chưa có hội viên vào tổ chức hội. Các Ban Chấp hành, các chi hội được thành lập nhưng lúng túng trong việc đề ra các nội dung sinh hoạt và nhiều nơi chưa tập trung xây dựng quỹ hội, ảnh hưởng đến việc chăm lo quyền lợi của hội viên.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, và sự tạo điều kiện của chính quyền còn mức độ. Đi đôi với việc củng cố bộ máy, cần đồng thời bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, ở một số huyện do làm chậm hoặc bồi dưỡng chưa kỹ nên đã hạn chế đến kết quả công tác kiện toàn, tổ chức xây dựng Hội vững mạnh về mọi mặt.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hội Nông dân tỉnh, phong trào nông dân và hoạt động của các cấp Hội có nhiều chuyển biến quan trọng. Phong trào thi đua

phát triển sản xuất ở nông thôn ngày càng thu được kết quả tích cực. Đời sống của hội viên nông dân từng bước được cải thiện. Nội dung và phương thức hoạt động của các cấp theo hướng đổi mới. Ý thức chính trị và trình độ, năng lực làm chủ của nông dân và cán bộ hội viên được nâng cao một bước.

Trước những yêu cầu đổi mới, những kết quả đạt được chỉ là khởi đầu, nhưng đã minh chứng sự trưởng thành của giai cấp nông dân và năng lực tổ chức, hướng dẫn, vận động nông dân của các cấp Hội trong tỉnh; đồng thời phản ánh sự tin tưởng của hội viên nông dân đối với vai trò lãnh đạo của Hội Nông dân tỉnh để thực hiện thắng lợi của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ năm 1996, Bắc Thái cùng với các địa phương khác trong cả nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đời sống nông dân và tình hình nông thôn đã đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới đối với tổ chức Hội.

**CHƯƠNG VI**  
**HỘI NÔNG DÂN TỈNH TRONG THỜI KÌ ĐẨY MẠNH**  
**CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**  
**(GIAI ĐOẠN 1996 – 2015)**

**I. Vận động hội viên phát triển sản xuất, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ IV (1996 – 2003)**

***1. Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên được tái lập, kiện toàn hệ thống tổ chức đáp ứng yêu cầu của thời kì đổi mới (1996 – 1998)***

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa IX (ngày 6/11/1996) “về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh trong đó có tỉnh Bắc Thái”. Ngày 1 tháng 1 năm 1997, tỉnh Bắc Thái được chia tách thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Sau khi tách ra, tỉnh Thái Nguyên có diện tích tự nhiên 3.541,10 km<sup>2</sup>, dân số 1.049.000 người; có 9 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, các huyện Định Hóa, Đại Từ, Võ Nhai, Đông Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Phổ Yên.

Để tiếp tục chỉ đạo phong trào nông dân và hoạt động của Hội Nông dân, Ban Thường vụ Trung ương Hội có Nghị quyết số 56 (ngày 28/1/1997), Quyết định về việc chỉ định 20 đồng chí vào Ban Chấp hành lâm thời Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên (từ tháng 1/1997 đến tháng 3/1998). Đồng chí Nguyễn Xuân Sang giữ chức Phó Chủ tịch, phụ trách chung. Các đồng chí Nguyễn Văn Tám, Dương Đức Hạnh, Nguyễn Quang Chiêu là ủy viên Ban thường vụ.

Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên sau khi được tái thành lập đã tập trung chỉ đạo việc tiếp tục củng cố và xây dựng tổ chức Hội Nông dân vững mạnh để thực hiện tốt vai trò làm nòng cốt trong các phong trào kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Khi tách ra, số hội viên các xã, phường thuộc 9 huyện, thành thị tỉnh Thái Nguyên là 69.030 người/156.347 hộ nông dân, đạt 44% số hộ nông dân có hội viên. Có 27.284 hội viên đã được cấp giấy chứng nhận đạt 39% so với tổng số hội viên của Hội Nông dân tỉnh. Cán bộ chuyên trách của Văn phòng tỉnh Hội là 16 đồng chí, có nhiệm vụ tích cực tham mưu giúp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội xây dựng các chương trình, nội dung công tác phù hợp, hướng dẫn chỉ đạo cơ sở triển khai thực hiện từng chương trình nội dung công tác đạt kết quả tốt.

Trong chương trình xây dựng Hội năm 1997, Hội đã kết nạp được 4853 hội viên mới, nâng tổng số hội viên toàn tỉnh lên 73.665 hội viên, đồng thời cấp 3081 thẻ hội viên.

Xây dựng được 163 chi hội theo địa bàn thôn, xóm, bản, nâng số chi hội toàn tỉnh là 1891 chi hội, 87% thôn, xóm, bản đã có chi hội được củng cố. Đại hội, kiện toàn Ban Chấp hành 174 xã, phường, thị trấn đạt 100% các xã đã hết nhiệm kỳ đã Đại hội xong. 115 xã, phường và 1248 chi hội có quỹ Hội với tổng số quỹ là: 316,21 triệu đồng và 24,97 tấn thóc.

Cùng với việc tập trung hướng dẫn chỉ đạo các cấp Hội xây dựng, kiện toàn hệ thống, tổ chức, đặc biệt tổ chức cơ sở Hội; tích cực chủ động tham gia với cấp ủy sắp xếp bố trí cán bộ và các Ban Chấp hành được tinh giảm, có hiệu lực, công tác bồi dưỡng cán bộ Hội cũng được đặc biệt quan tâm. Hội đã cử cán bộ Hội đi dự các lớp tập huấn nghiệp vụ do Trung ương Hội tổ chức, đồng thời, tỉnh Hội trực tiếp mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội, Điều lệ hội và một số Chỉ thị, Nghị Quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy cho cán bộ huyện và cơ sở. Năm 1997, tỉnh Hội đã mở được 65 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác Hội cho 2136 cán bộ Hội.

Hội đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xây dựng tiêu chuẩn thi đua, hướng dẫn chỉ đạo phong trào sản xuất giỏi, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị tổ chức tổng kết phong trào sản xuất giỏi lần thứ 6 năm 1997.

Hội đã tích cực vận động và thực thi 6 dự án trong đó có 3 dự án của các tổ chức nước ngoài để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho hội viên nông dân, xây dựng các mô hình để khuyến cáo, giúp đỡ hội viên nghèo có vốn để sản xuất. Như dự án chè sạch, dự án nuôi ong mật nội, dự án sau thu hoạch, dự án khuyến viên, dự án 120 “kênh” Trung ương Hội. Thực hiện các dự án này, Hội đã xây dựng được hàng trăm ô mẫu về phát triển VAC, chè sạch, nuôi ong mật, trồng cây ăn quả... Tổ chức cho 3000 lượt hộ gia đình hội viên tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật làm VAC, nuôi ong.

Hội còn cho hội viên vay tiền để phát triển những mô hình kinh tế có hiệu quả. Tính đến năm 1997 số vốn cho vay luân chuyển của tất cả các dự án, chương trình của Hội là trên 2 tỉ đồng. Qua thực hiện các dự án này, Hội đã thành lập được hàng trăm tổ đoàn kết nuôi cá ruộng, và 4 câu lạc bộ nuôi ong mật vv.... Góp phần vào việc hình thành các hình thức hợp tác mới ở nông thôn, Do thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển sản xuất mà Hội đã có sức hút đối với nông dân, thực tế đã tập hợp được

hàng vạn hội viên vào Hội.

Sau khi có chủ trương của Đảng và Nhà nước cho phép Hội Nông dân Việt Nam xây dựng “quỹ hỗ trợ nông dân”, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam đã có những văn bản hướng dẫn cho các tỉnh thành trong cả nước. Tỉnh Thái Nguyên đã cụ thể hóa các văn bản đó, xây dựng kế hoạch triển khai số 51/KH-TU (ngày 20/5/1996) báo cáo với Ban Thường vụ tỉnh ủy, được cấp ủy đồng tình ủng hộ, chính quyền tạo điều kiện cụ thể bằng: Công văn số 14/CV-TU ngày 1/6/1996 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Công văn số 432/CV-UB ngày 20/6/1996 của Ủy ban nhân tỉnh về việc: “*Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền về triển khai quỹ hỗ trợ nông dân tại địa phương*”.

Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã tiến hành triển khai xây dựng “*Quỹ hỗ trợ nông dân*”. Được sự đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy, Hội đã tiến hành bước đầu làm thí điểm với hình thức vận động các nhà hảo tâm, các hộ phi nông nghiệp và các Hội Nông dân, hội viên nông dân đóng góp xây dựng quỹ, số tiền quyên góp được nhằm hỗ trợ vốn cho hội viên nông dân vay để phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo. Đồng thời thông qua đó, để tập hợp đông đảo nông dân vào tổ chức Hội, làm cho tổ chức Hội ngày càng vững mạnh.

“*Quỹ hỗ trợ nông dân*” đi vào hoạt động chính thức từ ngày 3/9/1996. Mở đầu là 5 đơn vị điểm: Thành phố Thái Nguyên, huyện Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Võ Nhai. Năm 1997, “*Quỹ hỗ trợ nông dân*” đã được triển khai trên tất cả các huyện, thành, thị. Nhờ có kế hoạch triển khai đúng đắn, biện pháp tổ chức thực hiện sát thực với từng giai đoạn, từng điều kiện cụ thể ở mỗi địa phương, cuộc vận động ủng hộ xây dựng “*Quỹ hỗ trợ nông dân*” đã đi vào lòng người, được mọi tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ.

Tính đến 30/12/1996, số tiền vận động được của Hội trong toàn tỉnh là: 176,759 triệu. Trong đó, Hội Nông dân Thành phố Thái Nguyên là 2,9 triệu. Hội Nông dân Đồng Hỷ: 37,5 triệu. Hội Nông dân Phú Lương: 18,024 triệu. Hội Nông dân Định Hóa: 3,5 triệu. Hội Nông dân Đại Từ: 30 triệu. Hội Nông dân Thị xã Sông Công: 4 triệu. Hội Nông dân Phổ Yên: 20,4 triệu. Hội Nông dân Phú Bình: 57,045 triệu. Hội Nông dân Võ Nhai: 3,39 triệu.

Trong 6 tháng đầu năm 1997, các đơn vị của Hội với quyết tâm tiếp tục triển khai cuộc vận động, xây dựng “*Quỹ hỗ trợ nông dân*”, tổng số tiền đạt được tính đến ngày 19/6/1997 là: 127,934 triệu.

Với cách làm này, Hội đã được các hội viên tin tưởng và hưởng ứng. Hội đã có số quỹ trên 1 tỷ đồng để cho hội viên vay vốn phát triển sản xuất với lãi suất thấp hơn ngân hàng.

Sang năm 1998, công tác xây dựng Hội được đẩy mạnh và có ý nghĩa quan trọng. Đây là năm Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên tổ chức Đại hội lần thứ IV, tiến tới Đại hội Hội Nông dân toàn quốc lần thứ III.

Ngay từ đầu năm 1998, đã có 6 huyện Hội Nông dân tổ chức Đại hội giữa nhiệm kỳ và 3 huyện tổ chức Đại hội nhiệm kỳ. 174 cơ sở xã, phường, thị trấn đã Đại hội giữa nhiệm kỳ để thảo luận Báo cáo chính trị của Đại Hội Nông dân cấp tỉnh và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên. Thông qua Đại hội, Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp trong tỉnh được củng cố và kiện toàn. Nhờ đó, hoạt động của Hội được thống nhất, nâng lên đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho hội viên. Do đó, số hội viên Hội Nông dân không ngừng tăng. Trong năm 1998, tổng số hội viên Hội Nông dân tỉnh có 78.74 người.

Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên tiếp tục chỉ đạo, lãnh đạo hội viên và nông dân trong tỉnh đẩy mạnh chương trình phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng trong nông thôn góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm nghiệp, hoàn thành thắng lợi mục tiêu của tỉnh.

Đi đôi với việc giúp đỡ cán bộ hội viên và nông dân phát triển sản xuất, Hội còn đứng ra tổ chức các nhóm sở thích, các câu lạc bộ, các Hội nghề nghiệp nhằm hướng dẫn hội viên đi vào tương trợ, hợp tác sản xuất, nhằm từng bước hình thành quan hệ sản xã hội chủ nghĩa trong nông thôn.

Hội đã phối hợp với các ngành, đoàn thể tham gia vào việc đẩy mạnh công tác xã hội ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Hội đã tham gia chiến dịch truyền thông dân số trên địa bàn nông thôn. Tỉnh Hội chỉ đạo 2 huyện, mỗi huyện chỉ đạo 2 xã điểm đạt kết quả tốt. Xây dựng được 26 câu lạc bộ nam nông dân thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Hướng dẫn hội viên đăng kí gia đình đạt “6 chuẩn mực” do Trung ương Hội phát động. Bao gồm: không đói nghèo, tiến tới khá, giàu; không sinh con thứ 3; trẻ em không bị suy dinh dưỡng, phụ nữ



không mắc bệnh khi sinh đẻ, không ăn ở mất vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường; không có người mù chữ, trẻ không bỏ học khi chưa hết phổ thông cơ sở, lớn lên không có việc làm; không mê tín dị đoan và không mắc tệ nạn xã hội; không vi phạm pháp luật, không bất hòa trong gia đình, không làm mất trật tự thôn xóm.

Hội đã tổ chức xây dựng mới 316 vườn cây tình nghĩa và tu bổ hàng trăm vườn cây tặng gia đình thương binh liệt sỹ, tổ chức gặp mặt gia đình chính sách làm kinh tế giỏi nhân dịp kỉ niệm 50 năm ngày Thương binh liệt sỹ.

Hội cũng mở lớp tập huấn phòng chống AIDS cho cán bộ chuyên trách. Tiếp tục luân chuyển vốn của dự án Vitamin A giúp chống suy dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi.

Như vậy, với chính sách kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, coi hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, được Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, đã phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường của hộ nông dân, tạo động lực thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp phát triển mạnh mẽ, đời sống nông dân ngày càng được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày một đổi mới. Trong những thành tựu đó, Hội Nông dân tỉnh đã đóng góp một phần đáng kể, thể hiện trên một số mặt sau đây:

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển nhờ thâm canh tăng vụ và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống lúa, ngô nên sản lượng lương thực quy thóc tăng năm sau cao hơn năm trước sau khi tách tỉnh, sản lượng lương thực của tỉnh Thái Nguyên tăng 14% so với năm trước. Trong chăn nuôi đàn gia súc tiếp tục phát triển mạnh, phong trào tiến quân lên đồi, rừng cũng có bước chuyển đổi mới, riêng năm 1997 đã trồng được 1.000ha cây ăn quả, 2.027ha rừng. Đến năm 1998, toàn tỉnh có gần 9.000ha chè 5.862ha cây ăn quả các loại.

Phong trào nông dân thi đua sản xuất giỏi đã và đang diễn ra sôi nổi ở khắp nông thôn. Nông dân tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, mạnh dạn áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất. Phong trào làm kinh tế gia đình bằng mô hình VAC phát triển rầm rộ trong nông thôn, nhiều hộ gia đình giàu lên từ làm kinh tế VAC.

Phong trào nông dân trong tỉnh tham gia xây dựng hạ tầng cơ sở: Điện, đường, trường, trạm diễn ra sôi nổi ở nhiều nơi, hàng năm nông dân đã góp hàng vạn ngày công để mở mang giao thông nông thôn, làm thủy lợi, xây dựng trạm xá, trường học... Bước đầu đã tạo dựng bộ mặt nông thôn Thái Nguyên ngày một đổi mới.

Phong trào nông dân thực hiện các chính sách xã hội như phong trào xây dựng

vườn cây tình nghĩa, phong trào nông dân thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, phong trào xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư... đã đạt được kết quả tốt và bước đầu đã cuốn hút nông dân trong tình hưởng ứng và tích cực tham gia.

Đời sống nông dân Thái Nguyên không ngừng được cải thiện, diện giàu và khá tăng lên, diện nghèo thu hẹp (số hộ trung bình chiếm 70%, số hộ khá và giàu chiếm 17,2%, số hộ nghèo chỉ còn khoảng 10 - 13%).

Nhìn chung, đời sống vật chất và tinh thần của nông dân tỉnh Thái Nguyên đang từng bước được cải thiện, các hộ gia đình chính sách được chăm lo tốt hơn. Nông dân phấn khởi, tình làng nghĩa xóm trong nông thôn được phát huy, bộ mặt nông thôn bắt đầu khởi sắc.

## **2. Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV**

Thực hiện Chỉ thị số 28 - CT/TW ngày 14/2/1998 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng (Khóa VIII) về “*Lãnh đạo Đại hội cấp tỉnh, thành phố và Đại hội toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam*” và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên lần thứ XV, Đại hội đại biểu Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV diễn ra vào ngày 23/4/1998.

Đại hội có nhiệm vụ tiếp tục đổi mới tổ chức nội dung và phương pháp vận động nông dân trong tỉnh nhằm xây dựng Hội Nông dân Thái Nguyên thực sự vững mạnh, góp phần quan trọng của Hội trong sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn như Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Thái Nguyên lần thứ XV đã đề ra.

Xuất phát từ yêu cầu trên, Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV có nhiệm vụ đánh giá đúng những thành tích và những mặt nhược điểm trong nhiệm kỳ III (1992 - 1997), đồng thời đề ra mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ thứ IV (1998 - 2003) của Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của hội viên nông dân tỉnh nhà.

Đại hội tập trung thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành lâm thời Hội Nông dân tỉnh, đánh giá đúng đắn những kết quả, chỉ ra những khuyết điểm tồn tại, nguyên nhân kết quả và tồn tại của nhiệm kỳ qua, đặc biệt từ khi chia tách tỉnh đến nay. Đại hội đã thông qua Nghị quyết về mục tiêu phương hướng nhiệm vụ, các mục tiêu giải pháp lớn của hoạt động công tác hội và phong trào nông dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 1998 - 2003.

Về phương hướng, Đại hội xác định: Phát huy những thành tích đã đạt được trong nhiệm kỳ III (1992 - 1997). Đồng thời, tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết

8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI đề đổi mới công tác vận động quần chúng trong cơ chế thị trường và quán triệt tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, mục tiêu tổng quát của Đại hội Nông dân tỉnh Thái nguyên lần thứ IV là: *"Tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung hoạt động, phương pháp tập hợp nông dân nhằm đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng cả về kinh tế - chính trị - xã hội của nông dân để thu hút hầu hết nông dân trong tỉnh vào tổ chức Hội, làm cho Hội Nông dân Thái Nguyên thật sự vững mạnh và trở thành vai trò nòng cốt trong các phong trào ở nông thôn. Trên cơ sở đó, phát động cán bộ hội viên và nông dân thi đua lao động sản xuất, xóa đói giảm nghèo và đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn của tỉnh nhà. Nhằm góp phần vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XV"*.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên khóa IV với 25 đồng chí. Đồng chí Chu Hồng Việt được bầu làm Chủ tịch Hội Nông dân, đồng chí Nguyễn Xuân Sang được bầu làm Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên.

Thành công của Đại hội đại biểu Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV nhiệm kì 1998 – 2003 có ý nghĩa quan trọng đối với việc thúc đẩy phong trào nông dân Thái Nguyên phát triển cũng như đối với công tác hoạt động của Hội trong giai đoạn mới. Đây cũng là nhiệm kì đầu tiên sau khi tái lập tỉnh, cho nên những nội dung phương hướng nhiệm vụ mà Hội nêu ra tại Đại hội sẽ góp phần khẳng định vị trí, vai trò nòng cốt của Hội đối với sự phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh nhà.

Ngày 6/10/1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 42-CT/TW về việc tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với tổ chức và hoạt động của hội quần chúng. Từ ngày 19 đến 20/1/1998, Đại hội toàn quốc lần thứ 3 Hội Nông dân Việt Nam được tiến hành trọng thể tại Thủ đô Hà Nội. Dự đại hội có gần 700 đại biểu đại diện cho hội viên, nông dân cả nước. Đại hội biểu quyết thông qua điều lệ Hội Nông dân Việt Nam và nghị quyết Đại hội.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII gồm 114 đồng chí. Ban Chấp hành khóa III đã họp bầu Ban thường vụ gồm 15 đồng chí, đồng chí Nguyễn Đức Chiêu, ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm chủ tịch; các đồng chí Hoàng Thị Diệu Tuyết, Lê Văn Nhẫn, Lê Văn Sang được bầu làm Phó chủ tịch Hội. Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, hội viên và giai cấp nông dân cả nước hăng hái thi

đua, phát huy nội lực, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội III của Hội, góp phần cùng toàn dân hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Thành công của Đại hội là nguồn cổ vũ to lớn đối với cán bộ hội viên và nông dân cả nước vượt qua khó khăn, vững bước tiến lên, tạo thế và lực mới bước vào thế kỷ XXI.

### ***3. Vận động hội viên thực hiện phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, từng bước xây dựng nông thôn mới (1998 – 2003)***

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết Đại hội đại biểu nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV, đặc biệt Nghị quyết Hội nghị 4, 5 của Ban Chấp hành Trung ương Hội về xây dựng hội vững mạnh, các cấp hội trong tỉnh đã tích cực xây dựng, củng cố tổ chức hội đạt kết quả tốt.

Trong quá trình tổ chức (1998 - 2003) phong trào nông dân và hoạt động của tổ chức Hội đã có bước phát triển mới cả về quy mô, hình thức thực hiện. Hội đã động viên các hội viên trong hội phối hợp với ngành Nông nghiệp để phát triển kinh tế nông nghiệp của tỉnh.

Về thực hiện chương trình vận động hội viên và phong trào nông dân phát triển sản xuất kinh doanh giỏi, xóa đói giảm nghèo và làm giàu. Trong nhiệm kỳ 1998 - 2003 các cấp Hội đã phối hợp với ngành Nông nghiệp tỉnh tổ chức các lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, phương pháp làm ăn mới, nhằm thâm canh gói vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, từng bước phát triển cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

Kết quả từ năm 1998 đến năm 2003, Hội đã tổ chức được 9.565 lớp tập huấn kỹ thuật cho 442.247 lượt người, tổ chức được 141 cuộc hội thảo đầu bờ cho 5.050 lượt người và tổ chức 487 đợt tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất giỏi trong và ngoài tỉnh cho 19.548 lượt cán bộ, hội viên, nông dân.

Hội cũng đã tích cực sử dụng nguồn vốn qua dự án giải quyết việc làm (Kênh trung ương hội) và địa phương với số vốn 2840 triệu đồng, hỗ trợ việc làm cho 2900 lao động. Các cấp hội cũng đã tích cực vận động xây dựng quỹ “Hỗ trợ nông dân” để hỗ trợ cho 16.342 hộ nông dân nghèo.

Ngoài việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho hội viên nông dân có vốn đầu tư sản xuất, các cấp Hội đã phối hợp với nhà máy Super Phốtphat và hóa chất Lâm Thao, trạm vật tư nông nghiệp và các huyện, thành, thị tín chấp cho hội viên nông dân vay phân bón theo phương thức trả chậm với số lượng trên 10.000 tấn phân bón các loại cho 40.000

lượt hộ vay. Bên cạnh việc vận động các nguồn vốn từ bên ngoài, Hội còn vận động hội viên phát huy tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ hội viên nghèo vay không lấy lãi hàng trăm triệu đồng.

Công tác vận động và thu hút các dự án cũng được cấp Hội quan tâm chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả cao với số vốn hàng tỉ đồng như: Dự án chế biến chè tại xã Phúc Thuận (huyện Phổ Yên), xã Diềm Mặc (huyện Định Hóa); Dự án vệ sinh môi trường nông thôn tại xã Bình Thuận (huyện Đại Từ); Dự án trồng cây ăn quả tại huyện Phú Bình; Dự án trồng nấm tại thành phố Thái Nguyên; Dự án trồng chè huyện Đại Từ. Các dự án trên đã góp phần tạo nên các mô hình trồng chè, trồng cây ăn quả, chế biến và bảo đảm chè sau thu hoạch đạt hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW của Bộ Chính trị khóa VIII “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn” ngày 15/12/2000, Nghị quyết 5-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX “về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn” và Đề án số 304-ĐA/TU của Tỉnh ủy Thái Nguyên. Công tác củng cố tổ chức Hội và phát triển hội viên đã đạt được kết quả vượt bậc về chất lượng và số lượng.

Hội đã kết nạp được 35.768 hội viên nâng tổng số hội viên lên 107.607 hội viên, đạt 66,1% so với tổng số hội viên của Hội; cấp giấy chứng nhận hội viên cho 43.457 hội viên, nâng số hội viên được cấp giấy chứng nhận là 79.263 hội viên đạt 73,63% so với tổng số hội viên. Hội cũng đã củng cố tổ chức được 853 chi hội, xây dựng mới được 547 chi hội, nâng số chi hội trong tỉnh là 2.502 chi hội đạt 99% thôn xóm có chi Hội Nông dân (tăng hơn nhiệm kỳ III là 547 chi hội).

Ban Chấp hành Hội Nông dân các huyện, thành, thị ngày càng vững mạnh đáp ứng với nhiệm vụ trong giai đoạn mới, chất lượng cán bộ ngày càng nâng lên. Có 175 đồng chí, trong đó 159 đồng chí là đảng viên, tham gia cấp ủy huyện, thành, thị (có 11 đồng chí, trình độ lý luận chính trị cao cấp, có 7 đồng chí, trình độ trung cấp, 70 đồng chí, trình độ sơ cấp; 28 đồng chí có trình độ văn hóa cấp 3; 130 đồng chí có trình độ văn hóa cấp 2; 45 đồng chí có trình độ chuyên môn đại học và 22 đồng chí trung cấp). Đây là cơ sở để công tác Hội được phát triển vững mạnh.

Ban Chấp hành xã, phường, thị trấn có 2653 đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, trong đó 995 đồng chí là đảng viên.

Hội Nông dân các cấp đã tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng chính quyền trong sạch vững mạnh thông qua việc giám sát, thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tại địa phương. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tham gia hòa giải các vụ mâu thuẫn trong nông dân theo tinh thần Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ góp phần hạn chế việc khiếu nại vượt cấp.

Trong nhiệm kỳ 1998 - 2003, Hội ngày càng phát triển vững mạnh, đội ngũ cán bộ ngày càng trưởng thành. Bên cạnh đó, còn có một số những khuyết điểm trong công tác Hội như công tác tuyên truyền ở một số cơ sở chưa thường xuyên liên tục, chưa kịp thời đến với hội viên nông dân, một số chỉ tiêu đại hội IV đề ra đạt tỉ lệ thấp.

Đại hội Nông dân tỉnh lần thứ IV đã chỉ đạo 4 chương trình công tác hội đạt được một số kết quả quan trọng như: Vận động nông dân phát triển sản xuất góp phần xóa đói giảm nghèo trong nông thôn, chương trình vận động nông dân xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn, chương trình xây dựng củng cố tổ chức hội, chương trình vận động nông dân tham gia xây dựng Đảng củng cố chính quyền cơ sở, giám sát việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến nông nghiệp và nông thôn.

Trong quá trình củng cố, phát triển tổ chức, Hội Nông dân các cấp chú trọng bồi dưỡng hội viên kết nạp Đảng. Riêng năm 2002, xây dựng mới 12 chi hội, củng cố và kiện toàn 575 chi hội, các cấp Hội trong tỉnh giới thiệu 21 hội viên ưu tú cho tổ chức Đảng xem xét kết nạp Đảng.

Năm 1998, Hội tổ chức 1254 lớp tập huấn kỹ thuật cho 43.260 lượt người. Năm 2000, Hội chuyển giao kỹ thuật cho 66.595 lượt hộ nông dân tham dự. Các cấp Hội trong tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực nhằm tư vấn hỗ trợ, hướng dẫn hội viên nông dân sản xuất kinh doanh, phấn đấu đạt danh hiệu: Sản xuất, kinh doanh giỏi.

Ngay từ những năm 1997 - 1998, Hội Nông dân đã đưa vào sản xuất các giống lúa mới có năng suất cao. Nhờ vậy năng suất lúa không ngừng tăng lên, từ 33,71 tạ/ha (1997), tăng lên 34,52 tạ/ha (1998), 38 tạ/ha (1999), 38,71 tạ/ha (2000), 44,25 tạ/ha (2001).

Về thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo. Hội Nông dân tỉnh đã phối hợp với Ngân hàng phát triển nông nghiệp nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo điều kiện cho hội viên vay vốn, với số vốn là 6.923 triệu đồng. Trong năm 1998 - 1999, thông qua Hội Nông dân, Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho gần 30.000 lượt

hộ nghèo vay 31 tỷ đồng để sản xuất. Ngân hàng Nông nghiệp cho 34.850 hộ nông dân vay vốn, với doanh số nợ năm 2001 là 99.228 triệu đồng.

Song song, với việc vay vốn ngân hàng, trong các năm 1997 - 1998, Hội Nông dân tỉnh đã triển khai Dự án 120, đạt 590 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 1.250 lao động. Năm 2000, tổng số vốn 880 triệu đồng, giải quyết việc làm cho 1.700 lao động... Các chương trình cho vay vốn của Hội chủ yếu tập trung vào việc xây dựng mô hình kinh tế như cây ăn quả, chăn nuôi, phát triển dâu tằm... giúp hội viên nghèo có cơ hội xóa đói giảm nghèo.

Tóm lại, trong giai đoạn 1997 - 2003, cùng với việc củng cố, phát triển về tổ chức, Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều hoạt động phong phú, đa dạng trên mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Thông qua các hoạt động do Hội tổ chức, các hội viên nông dân trong tỉnh được hưởng nhiều quyền lợi thiết thực, đời sống của nông dân từng bước được cải thiện và nâng cao.

Bằng những hoạt động cụ thể và với những kết quả đạt được, Hội Nông dân Thái Nguyên ngày càng phát huy vị trí, vai trò quan trọng của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## **II. Vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ V (2003 – 2008)**

### ***1. Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ V***

Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ V diễn ra trong thời điểm toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đang ra sức thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ V là Đại hội: *“Đoàn kết, dân chủ tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò của giai cấp nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên trong thời kỳ đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn”*.

Đại hội diễn ra từ ngày 15/6 đến 16/6/2003, Đại hội đã đánh giá những thành tựu trong nhiệm kỳ (1998 - 2003), những hạn chế yếu kém, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2003 – 2008 cho hoạt động của Hội và phong trào nông dân tỉnh.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên khóa V (2003 - 2008) gồm 27 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Sang được Đại hội tín nhiệm bầu làm Chủ tịch. Đồng chí Phan Thị Hòa được bầu là Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ V đã diễn ra thành công tốt đẹp, nó có ý nghĩa quan trọng góp phần tạo niềm tin vững chắc cho nông dân và hội viên vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên. Các hoạt động phong trào của nông dân và hội viên Hội Nông dân tỉnh giai đoạn 2003 – 2008 đã được Đại hội nêu ra đầy đủ, chi tiết, rõ ràng với mục tiêu thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Sau Đại hội, Ban Chấp hành Hội đã xây dựng quy chế hoạt động, chương trình công tác toàn khóa và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí. Chế độ sinh hoạt theo đúng quy định của Điều lệ Hội và Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành. Hội Nông dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo rà soát, kiện toàn cơ sở Hội và chi Hội, xây dựng quỹ Hội, quy chế hoạt động, chương trình công tác hàng năm, xác định nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu về quản lý hội viên, kiểm tra hoạt động công cộng xã hội.

Từ ngày 22 đến ngày 25/11/2003, tại thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IV được tiến hành. Với tinh thần “*Đoàn kết, đổi mới, dân chủ, phát triển*”, vì mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”. Đại hội xác định phương hướng, mục tiêu của nhiệm kỳ 2003 - 2008 là: xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh về mọi mặt, là trung tâm nòng cốt trong các phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới; nâng cao vai trò đại diện của giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch vững mạnh, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng tổ chức Hội vững về chính trị, mạnh về tổ chức và hành động, làm tốt chức năng đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nông dân; tổ chức nhiều hình thức liên kết, liên doanh để hỗ trợ đắc lực cho nông dân sản xuất hàng hóa. Phát động nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, Phát động nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, làm nòng cốt trong chuyên dịch cơ cấu kinh tế hợp tác, sản xuất hàng hóa lớn để xuất khẩu; Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết lý luận thực tiễn, chủ động đề xuất với đảng, Nhà nước những chủ trương, chính sách có liên quan



đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn; mở rộng quan hệ đối ngoại hữu nghị, hợp tác quốc tế.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa IV gồm 120 đồng chí, đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng được bầu làm Chủ tịch.

## ***2. Vận động Hội viên nông dân thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (2003 – 2008)***

Năm 2004, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IV Hội Nông dân Việt Nam và Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân tỉnh lần thứ V nhiệm kỳ 2003 - 2008. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã phát động phong trào thi đua thực hiện 5 Chương trình trọng tâm của Trung ương Hội đó là: *tăng cường củng cố, xây dựng Hội Nông dân vững mạnh; nâng cao đời sống cho nông dân; tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; tham gia xây dựng nông thôn mới, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; liên kết 4 nhà. Đồng thời, tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành bằng các chương trình, đề án cụ thể củng cố, kiện toàn tổ chức và phát triển các phong trào thi đua.*

Hội Nông dân tỉnh đã ban hành quy chế hoạt động của Đảng đoàn, Ban Chấp hành khóa V, quy chế làm việc của cơ quan; sắp xếp phân công cán bộ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lề lối làm việc của các phòng, ban; chỉ đạo các huyện, thành, thị Hội tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, của Hội và các chương trình phối hợp với các ngành liên quan; phối hợp triển khai xây dựng và thực hiện các dự án; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hội, dự án giảm nghèo, xuất khẩu lao động.

Trong nhiệm kỳ 2003 – 2008, quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn và các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước nhằm giải phóng sức sản xuất, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, đặc biệt là sự nỗ lực vươn lên của giai cấp nông dân, sản xuất nông nghiệp của tỉnh trong những năm qua đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, đời sống nông dân từng bước cải thiện, kết cấu hạ tầng nông thôn được tăng cường, bộ mặt nông thôn không ngừng đổi mới.

Trong phát triển kinh tế Thái Nguyên có cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, song giá trị ngành nông nghiệp hàng năm chiếm từ 24,64% đến 30% so

với tổng giá trị sản phẩm của tỉnh, với mức tăng trưởng bình quân hàng năm là 4,5%/năm (tính đến hết năm 2007). Trình độ sản xuất nông nghiệp đã được nâng lên, nhiều thành tựu khoa học - kỹ thuật và công nghệ sản xuất mới được nông dân áp dụng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, kinh tế hộ ngày càng phát triển, mức thu nhập tăng, đời sống nông dân không ngừng được cải thiện.

Cơ cấu kinh tế nông thôn phát triển theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, tăng tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ, giảm dần sản xuất thuần nông, sau 5 năm số hộ nông dân thuần nông giảm 3,87%. Kinh tế trang trại được hình thành và phát triển với quy mô đa dạng, phù hợp với đặc điểm từng vùng với 588 trang trại đang tổ chức sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các hợp tác xã cũ đã chuyển đổi, nhiều hợp tác xã mới được thành lập, các làng nghề được khôi phục và phát triển. Cùng với sự ra đời của các khu công nghiệp nhỏ và vừa đã thu hút tạo việc làm tại chỗ cho nông dân, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Kết cấu hạ tầng nông thôn được chú trọng đầu tư nâng cấp và hoàn thiện, 100% các xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Nhiều tuyến đường, trục đường giao thông nông thôn được đầu tư cải tạo và nâng cấp, số xã có đường trải nhựa và bê tông đạt 59,03%, đường liên thôn được bê tông hoá trên 50%. Đời sống nhiều vùng nông thôn trong tỉnh đã được cải thiện.

Cơ chế chính sách mới của Nhà nước đã khơi dậy và phát huy tiềm năng đất đai, lao động, vật tư, tiền vốn và sự sáng tạo của nông dân, đã hình thành những chủ trang trại, xã viên của các hợp tác xã có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường, tham gia tích cực vào công cuộc phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn theo đường lối đổi mới.

Tuy vậy, tình hình nông nghiệp, nông thôn Thái Nguyên vẫn còn những tồn tại và hạn chế ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nông dân và nông thôn trong tỉnh đó là:

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm, sự gắn bó giữa sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa chặt chẽ. Hàng nông sản có sức cạnh tranh thấp, sự ô nhiễm môi trường và mất an toàn vệ sinh thực phẩm đang là những vấn đề cần tập trung giải quyết.

Trình độ của người nông dân trong sản xuất hàng hoá chưa đáp ứng xu thế hội nhập với khu vực và thế giới. Giá vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu

dùng luôn biến động ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý và sự mạnh dạn đầu tư của người nông dân.

Do tốc độ phát triển các khu công nghiệp và đô thị nên việc chuyển đổi nghề chưa tiến kịp và chuyển dịch lao động nông nghiệp sang ngành nghề khác cũng chậm, vì vậy một bộ phận nông dân không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ngày một tăng. Xuất khẩu lao động còn ít. Tình trạng lao động không có việc làm trong nông thôn tăng đáng kể. Bên cạnh đó, việc đào tạo nghề cho nông dân chưa đáp ứng yêu cầu, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động ở nông thôn còn chậm dẫn đến thu nhập bình quân còn thấp so với mức bình quân chung của toàn xã hội.

*Kết quả chỉ đạo thực hiện phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi” của Hội Nông dân tỉnh:*

Hội đã tích cực tiến hành thực hiện công tác tuyên truyền, tổ chức phát động, đăng ký thi đua đạt danh hiệu “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi” của các cấp Hội trong tỉnh .

Thực hiện Nghị định số 56/1998/NĐ - CP của Chính phủ quy định các hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng, từ năm 1998 đến năm 2003, các cấp Hội nông dân trong tỉnh đã tổ chức triển khai, phát động phong trào xây dựng hộ gia đình nông dân kiểu mẫu gắn với phong trào nông dân thi đua sản xuất nông, lâm nghiệp giỏi và đã đạt được một số kết quả nhất định.

Tuy nhiên, để đẩy mạnh hơn nữa phong trào này và để thống nhất chương trình hành động của các cấp Hội trong toàn quốc, năm 2004 Hội Nông dân tỉnh đã phối hợp với Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh xây dựng Quy định về khen thưởng phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi*” trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định, trong đó quy định cụ thể tiêu chuẩn khen thưởng danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các hộ thuộc các xã vùng đặc biệt khó khăn, các hộ gia đình thuộc diện chính sách, các hộ thuộc các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, xây dựng hướng dẫn, kế hoạch triển khai phát động phong trào đến các cấp Hội trong tỉnh, hướng dẫn các hội viên nông dân đăng ký đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, đến nay đã có hơn 50.000 gia đình hội viên nông dân đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp.

Năm 2005 các cấp Hội tổ chức tổng kết phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi*” biểu dương, khen thưởng các tập thể, các hộ gia đình tiêu biểu trong

phong trào nhân dịp kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 - 14/10/2005)

*Kết quả tổ chức các hoạt động hỗ trợ hội viên nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi.* Các cấp Hội đã tích cực tuyên truyền, vận động hướng dẫn hội viên nông dân các dân tộc không di cư tự do, định canh định cư, bỏ tập quán phát lương làm rẫy, chuyển sang thâm canh, chuyên canh; tăng cường đoàn kết hợp tác, tương trợ giúp nhau phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo, ổn định cuộc sống; chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ, cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Bước đầu đã mang lại những kết quả đáng khích lệ, các mô hình kinh tế hộ nông dân đang hình thành và phát triển rất đa dạng ở tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề tiêu thụ công nghiệp và dịch vụ . . .

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh đã có sự chuyên dịch tích cực, kinh tế trang trại, các vùng sản xuất hàng hoá tập trung đã được hình thành và đang phát triển, nhất là trong sản xuất chè, cây ăn quả, rừng, nguyên liệu giấy và chăn nuôi. Nhiều tiến bộ kỹ thuật tiên tiến đã được đưa vào sản xuất đạt hiệu quả cao. Các loại sản phẩm chiến lược trong nông nghiệp của tỉnh bước đầu đã được khẳng định đã phát huy thế mạnh và tiềm năng của vùng dân tộc và miền núi.

Hằng năm Hội Nông dân các cấp tổ chức phát động và tiến hành sơ, tổng kết các phong trào thi đua lao động sản xuất, phổ biến cách làm hay và có kế hoạch nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, đặc biệt là phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi*” ở nông thôn được đông đảo hội viên, nông dân đồng tình hưởng ứng và phát triển rộng khắp trên địa bàn nông thôn .

Các cấp Hội phối hợp với Trung tâm khuyến nông, Chi Cục thú y, Chi Cục bảo vệ thực vật, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Trung tâm đào tạo nông dân, các công ty sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi . . . để tổ chức chuyển giao kiến thức khoa học kỹ thuật tới hội viên nông dân bằng nhiều hình thức, thông qua các tài liệu, tờ gấp, tranh vẽ, tập huấn, tổ chức các hội nghị đầu bờ, thăm quan học tập kinh nghiệm làm ăn tốt, mô hình làm ăn giỏi.

Trung bình mỗi năm các cấp hội đã phối hợp tổ chức được hơn 2.000 lớp tập huấn kỹ thuật cho hơn 100.000 lượt người tham dự, tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo đầu bờ và thăm quan, học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi ở trong tỉnh và ngoài tỉnh. Năm 2004, Hội đã tổ chức được 2.846 lớp tập huấn chuyển

giao kỹ thuật cho 124.995 người tham dự, tổ chức 195 cuộc hội thảo đầu bờ cho hơn 8,200 lượt người tham dự.

Ngoài các biện pháp trên, Hội Nông dân tỉnh còn chuyển tải đến hội viên nông dân các kiến thức khoa học kỹ thuật, phương pháp làm ăn mới, các mô hình kinh tế giỏi thông qua Bản tin nông dân được phát hành đến các chi hội nông dân trong tỉnh.

Ký kết thoả thuận liên ngành với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các cấp Hội đã thành lập 1.730 tổ tín chấp tạo điều kiện cho nông dân vay vốn với doanh số dư nợ đến nay là 117 tỷ 416 triệu đồng cho 34.308 hộ vay. Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh xây dựng và ban hành Nghị quyết liên tịch về việc tín chấp cho hội viên nông dân nghèo vay vốn đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo. Hội đã tín chấp cho nông dân nghèo vay 15 tỷ 483 triệu đồng cho hơn 8000 hộ vay.

Hội đã cho hội viên nông dân nghèo vay bằng nguồn vốn của Quỹ hỗ trợ nông dân với số vốn là 3 tỷ 056 triệu đồng cho hơn 1.500 hộ vay, bằng nguồn vốn 120 tổng số vốn là 2 tỷ 030 triệu đồng góp phần giải quyết việc làm cho trên 700 lao động .

Ngoài ra, hằng năm, trung bình Hội tín chấp với các Công ty sản xuất phân bón như Công ty Supe phốt phát và hoá chất Lâm Thao, Công ty phân lân nung chảy Văn Điển, Công ty vật tư tỉnh cho nông dân vay phân bón trả chậm với số lượng hơn 16 ngàn tấn phân bón các loại trị giá hơn 20 tỷ đồng. Phối hợp với các ngành thực hiện một số dự án trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo như dự án giúp nông dân nghèo chế biến và bảo quản chè sau thu hoạch, dự án mô hình giúp nông dân nghèo sản xuất và chế biến chè ở vùng đặc biệt khó khăn; dự án nuôi cá ruộng, nuôi ong mật . . . Với số vốn gần 1 tỷ đồng.

Phát huy truyền thống đoàn kết tương thân, tương ái của giai cấp nông dân các cấp Hội trong tỉnh đã tích cực vận động hội viên, nông dân giúp các hộ nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách về ngày công, giống, vốn, vật tư, kinh nghiệm sản xuất, đồng thời có kế hoạch phân công cụ thể mỗi hộ khá giúp đỡ từ 1 - 2 hộ nghèo, mỗi chi hội giúp từ 5 - 7 hộ nghèo.

Trong 5 năm (2003 – 2008) Hội đã vận động hội viên nông dân giúp nhau với tổng số tiền hơn 2 tỷ đồng, 20.000 ngày công lao động, 8.000kg lương thực, 15.000 cây, con giống, 1.334kg hạt giống để giúp đỡ hơn 6.000 gia đình hội viên nông dân nghèo có hoàn cảnh khó khăn.

*Kết quả đạt được qua tổ chức triển khai thực hiện phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi”.* Phong trào đã đi vào lòng dân, được đông đảo nông dân hưởng ứng mạnh mẽ, cuốn hút hàng vạn hộ tham gia, đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất kinh doanh giỏi trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ với mức thu nhập bình quân hàng chục, hàng trăm triệu đồng/năm.

Thông qua phong trào, việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của nông dân tỉnh được tích cực hơn; góp phần thúc đẩy hoàn thành các hình thức hợp tác mới ở nông thôn. Các hộ nông dân có điều kiện học tập kinh nghiệm lẫn nhau, cùng tọa đàm trao đổi cách làm ăn, hình thành các chi, tổ hội nghề nghiệp như chi hội làm vườn, chi hội sinh vật cảnh, câu lạc bộ nuôi ong, các tổ tín chấp... đã góp phần hình thành các hình thức hợp tác tự nguyện, đa dạng ở nông thôn. Từ các phong trào này đã góp phần hình thành 659 trang trại với bình quân thu nhập từ 40 đến hơn 100 triệu/năm và 580 hộ sản xuất kinh doanh giỏi, tạo ra một lớp nông dân mới năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

Thông qua phong trào đã tăng cường tình làng, nghĩa xóm, những hộ sản xuất kinh doanh giỏi không những làm giàu cho chính bản thân họ mà còn là những điển hình cho hội viên nông dân học tập làm theo, đồng thời còn giúp cho các hộ nghèo và tạo việc làm khắc phục tình trạng dư thừa lao động trong nông thôn thời gian qua.

Phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng*” trong vùng dân tộc và miền núi cũng được Hội Nông dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện đã có những kết quả đáng khích lệ, nền kinh tế nông nghiệp và bộ mặt nông thôn đã có nhiều biến đổi tích cực. Sản xuất lương thực, chè, các loại cây ăn quả, chăn nuôi tăng mạnh đã góp phần tích cực để chuyển dịch kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao thu nhập cho nông dân, giảm dần số hộ nghèo đói của tỉnh.

*Phong trào nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới:* Các cơ sở Hội tích cực vận động hội viên nông dân tham gia thực hiện tốt đợt diễn tập ZT-04 và phối hợp với lực lượng quân đội làm công tác dân vận tại địa phương để cải tạo, nâng cấp đường giao thông, kênh mương, trung tâm văn hoá . . . Với hàng vạn ngày công lao động. Hội còn tiếp tục vận động hội viên nông dân tham gia đóng góp tiền, ngày công lao động xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, tham gia quản lý, bảo vệ các công trình điện, đường, trường, trạm . . .

Công tác vận động nông dân thực hiện cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, xây dựng gia đình nông dân văn hoá, tham gia xây dựng làng, bản văn hoá được các cấp Hội quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Tiếp tục phối hợp có hiệu quả với các ban, ngành, đoàn thể về chương trình tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phòng chống HIV/AIDS, ma tuý, mại dâm, trật tự an toàn xã hội, dân số, gia đình và trẻ em . . . Hội Nông dân các cơ sở vận động con em hội viên mắc nghiện đi cai nghiện tại cộng đồng, tổ chức thăm hỏi, giúp đỡ các đối tượng sau cai tái hoà nhập cộng đồng . . .

*Phong trào nông dân tham gia đảm bảo quốc phòng an ninh:* Hội đã phối hợp với các ngành chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục hội viên và nông dân tham gia củng cố nền quốc phòng toàn dân, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, động viên con, em lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

Công tác đền ơn đáp nghĩa được các cơ sở quan tâm làm tốt, các cấp Hội đã vận động hội viên nông dân đóng góp tiền, ngày công lao động để giúp đỡ các hộ gia đình chính sách.

*Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền:* Hội Nông dân các cấp đã phối hợp với các cơ quan chức năng, giải quyết có hiệu quả những vấn đề tồn tại trong nông dân, kịp thời phản ánh với cấp uỷ và chính quyền những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, hội viên nông dân. Tham gia và thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, nhiều công việc có liên quan đến nông dân, nông nghiệp và nông thôn được đưa ra bàn bạc và được nhân dân giám sát.

Phối hợp với các cơ quan chức năng, các đoàn thể chính trị, xã hội ở cơ sở tuyên truyền hội viên nông dân thực hiện tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước ở địa phương như luật thuế, luật đất đai, luật nghĩa vụ quân sự . . . vận động hội viên nông dân chấp hành tốt quyết định thu hồi đất cho các khu công nghiệp, các hạng mục công trình của nhà nước. Bồi dưỡng và giới thiệu cho Đảng cán bộ, hội viên nông dân ưu tú để Đảng xét và kết nạp Đảng.

*Về công tác Hội:* từ năm 2003 đến năm 2008, công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và năng lực về mọi mặt cho hội viên, nông dân có những bước chuyển biến tích cực. Nội dung và hình thức tuyên truyền đã đổi mới, đa dạng và phong phú hơn.

Từ năm 2003 đến năm 2008, công tác tuyên truyền của các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã bám sát chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương nhất là những vấn đề liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn để tổ chức các đợt tuyên truyền, sinh hoạt chính trị rộng lớn trong cán bộ hội viên, nông dân nhằm khơi dậy truyền thống yêu nước và lòng tự hào về giai cấp, về dân tộc, nâng cao ý thức cách mạng, ý thức tự lực tự cường trong lao động sản xuất và xây dựng nông thôn mới.

Kết quả trong nhiệm kỳ 2003 – 2008, đã có 100% cơ sở Hội triển khai, tổ chức học tập, tuyên truyền, phổ biến kịp thời đến hội viên, nông dân với 2.750 buổi truyền thông và tập huấn kiến thức về dân số cho hơn 152.680 lượt người; phối hợp tuyên truyền về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, ma túy, HIV/AIDS được 750 lớp cho hơn 39.000 lượt người tham dự.

Bình quân hằng năm có trên 80% hội viên, nông dân tham gia đạt mục tiêu của Đại hội V đề ra. Cùng với công tác tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân trong các buổi tập huấn, truyền thông, qua các mô hình, câu lạc bộ, các hội thi nông dân, các cấp Hội đã phối hợp với Đài phát thanh, truyền hình xây dựng 756 phóng sự, 3.750 tin bài đăng trên Báo nông thôn ngày nay, Tạp chí nông thôn mới và Báo Thái Nguyên, biên soạn và phát hành 48.000 Bản tin Nông dân đến 100% các xã, phường, thị trấn, chi Hội Nông dân. Thực hiện sân khấu hoá các nội dung tuyên truyền thông qua các hội thi “Nhà nông đua tài”, “Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả trên cây rau”, “Tìm hiểu Pháp lệnh Phòng chống lụt bão”, các hoạt động này đã kịp thời phản ánh hoạt động của các cấp Hội và phong trào thi đua yêu nước của hội viên, nông dân trong tỉnh.

Các đơn vị thực hiện tốt là huyện Định Hoá, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, huyện Đông Hỷ đã có nhiều tin, bài phát trên sóng truyền hình, đài phát thanh và trên các báo. Song, chỉ tiêu 100% các xã, phường, thị trấn có Báo Nông thôn ngày nay, đến năm 2008 mới có trên 90% cơ sở Hội mua được báo Hội thường xuyên. Các đơn vị duy trì mua báo Hội là Hội Nông dân huyện Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên.

Với những kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền, giáo dục của các cấp Hội đặc biệt là cấp cơ sở đã thực sự góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chủ



trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các chương trình công tác và nghị quyết của Hội; nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch đẩy lùi các tệ nạn xã hội và giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn. Đồng thời làm thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nâng cao ý thức và niềm tin, tạo sự đồng thuận của giai cấp nông dân với Đảng, Nhà nước và tổ chức Hội đưa nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống trong mỗi gia đình hội viên, nông dân.

Công tác xây dựng Hội Nông dân các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nội dung, phương thức hoạt động của Hội được đổi mới và đạt những thành tích đáng kể. Vai trò là trung tâm nòng cốt trong các phong trào ở nông thôn của Hội từng bước khẳng định.

Từ năm 2003 đến năm 2008, các cấp Hội Nông dân thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, đa dạng hoá các hình thức tập hợp để thu hút hội viên tham gia sinh hoạt Hội. Tỷ lệ hội viên bình quân hằng năm tăng 2,5%, số hộ nông dân tham gia sinh hoạt Hội đạt 79,46% (tăng hơn nhiệm kỳ trước 12%). Tính đến 30/12 năm 2007, toàn tỉnh có 134.589 hội viên tham gia sinh hoạt Hội đạt mục tiêu Đại hội V đề ra. Cùng với việc phát triển hội viên, công tác quản lý hội viên ở cơ sở đã đi vào nề nếp, đến nay có 124.817 hội viên được cấp thẻ đạt 92,73% so với tổng số hội viên.

Công tác củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Hội được thực hiện với mục tiêu ở đâu có nông dân là ở đó có chi Hội, đã xây dựng mới được 44 chi hội, nâng tổng số chi hội trong toàn tỉnh là 2.657 chi hội, đạt 100% các thôn, xóm, bản có chi Hội Nông dân và đạt chỉ tiêu Đại hội V. Sinh hoạt Hội duy trì thường xuyên và đi vào nề nếp, nội dung sinh hoạt Hội luôn được đổi mới và mang lại lợi ích thiết thực cho hội viên.

Kết quả xếp loại bình quân hàng năm có 91,36% cơ sở Hội được xếp loại khá trở lên (vượt 6% so với mục tiêu Đại hội V), trong đó có 61,8% cơ sở hội xếp loại vững mạnh (vượt 18%), có 85,9 % chi hội xếp loại khá trở lên (vượt 7%) trong đó có 50% chi hội xếp loại vững mạnh (vượt 20% so với mục tiêu Đại hội V). Kết quả này là sự cố gắng nỗ lực của các cấp Hội và sự quan tâm chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng trong quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị 59-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá VIII) “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn” và Đề án 304; Đề án 01 của

Tỉnh uỷ Thái Nguyên về “Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác Dân vận, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân” đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các cấp Hội hoạt động.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành được đổi mới. Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp được kiện toàn và chất lượng của đội ngũ cán bộ Hội được nâng lên từng bước đáp ứng với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của Hội trong tình hình mới.

Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp luôn đổi mới, sát với thực tế ở cơ sở, có quy chế hoạt động và phân công, giao trách nhiệm cho từng uỷ viên Ban Chấp hành phụ trách cơ sở để triển khai, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội V Hội Nông dân tỉnh, Ban Chấp hành Hội Nông dân các huyện, thành phố, thị xã có 173 đồng chí, trong đó có 145 uỷ viên Ban Chấp hành là đảng viên đạt 83,8%, số uỷ viên tham gia Cấp uỷ có 11 đồng chí chiếm 6,35%. Đặc biệt, chất lượng Ban Chấp hành Hội Nông dân các xã, phường, thị trấn, nâng lên rõ rệt với 2.035 uỷ viên Ban Chấp hành có 1.024 đồng chí là Đảng viên chiếm 50,3%, trong đó có 138 đồng chí tham gia Cấp uỷ đạt tỷ lệ 6,78% so với tổng số uỷ viên Ban Chấp hành.

Riêng đội ngũ đảng viên là Chủ tịch Hội Nông dân cơ sở xã, phường, thị trấn chiếm 95%, tham gia cấp uỷ cơ sở chiếm 32,8% so với tổng số. Tỷ lệ uỷ viên Ban Chấp hành cơ sở là người dân tộc, người có đạo chiếm 28,3%. Về trình độ văn hoá cấp II tăng so với nhiệm kỳ trước 2%, văn hoá cấp I giảm so với nhiệm kỳ trước 0,9%. Trình độ Trung cấp lý luận chính trị chiếm 5,4% so với tổng số uỷ viên Ban Chấp hành cơ sở.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chấp hành các cấp, từ năm 2003 đến năm 2008, các cấp Hội đã phối hợp với cơ quan chức năng, xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội về lý luận và thực tiễn, về đổi mới phương pháp, phong cách khi thực hiện nhiệm vụ và tiếp xúc với nông dân. Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng pháp luật của Nhà nước và tham mưu, đề xuất với cấp uỷ Đảng, Chính quyền. Đặc biệt là kỹ năng tuyên truyền, vận động hướng dẫn nông dân dễ hiểu, dễ làm, dễ thực hiện.

Kết quả trong nhiệm kỳ qua các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã tổ chức được 333 lớp cho 15.072 lượt cán bộ các cấp Hội từ Chi hội phó trở lên, trong đó có 44 cán bộ tham gia các lớp tập huấn do Trung ương Hội tổ chức, 313 cán bộ tập huấn tại Trường Chính trị tỉnh. Đạt mục tiêu 100% cán bộ Hội được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ .

Công tác xây dựng quỹ Hội, quỹ Hỗ trợ nông dân được đẩy mạnh tạo thêm nguồn lực cho Hội hoạt động có hiệu quả, tạo sự gắn bó giữa hội viên với tổ chức Hội ngày càng chặt chẽ hơn. Với tư tưởng chỉ đạo xây dựng quỹ Hội, đặc biệt là Quỹ hỗ trợ nông dân là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác Hội. Từ nguồn quỹ này các cấp Hội có điều kiện hỗ trợ vốn, vật tư nông nghiệp cho nông dân phát triển sản xuất, nhất là đối với hội viên nghèo.

Đã có 100% (2.657/2.657) Chi hội xây dựng được quỹ Hội với tổng số quỹ là 4.365 triệu đồng tăng hơn nhiệm kỳ trước 2.489 triệu đồng (tăng 140%), bình quân một Chi hội có quỹ đạt 1,642 triệu đồng tăng 6,5% so với mục tiêu Đại hội V đề ra và gấp 2,4 lần so với nhiệm kỳ trước, (bình quân trên toàn tỉnh đạt 32.432 đồng/1 hội viên).

Các đơn vị thực hiện tốt công tác xây dựng quỹ Hội và Quỹ hỗ trợ nông dân là huyện Phú Lương, Đông Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, thị xã Sông Công. Từ việc phát triển Quỹ hội, Hội đã giúp đỡ hàng nghìn gia đình hội viên, đặc biệt là các hội viên nghèo có vốn để sản xuất và phục vụ hoạt động của Hội ở cơ sở.

Cùng với việc vận động hội viên tham gia xây dựng quỹ Hội, các cấp Hội đã tích cực tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức chấp hành Điều lệ Hội và nghĩa vụ hội viên trong thu nộp Hội phí nên trong nhiệm kỳ qua 100% (180/180) cơ sở Hội thu được hội phí, tăng hơn nhiệm kỳ trước 26,38%. Đã có 85% hội viên đóng hội phí, tăng 14% so với nhiệm kỳ trước, nhưng vẫn thấp hơn chỉ tiêu thu nộp hội phí mà Đại hội V đã đề ra 5%. Các hội viên chưa tham gia đóng hội phí chủ yếu là các đối tượng hội viên nghèo, hội viên cao tuổi.

Công tác kiểm tra của các cấp Hội được tăng cường, góp phần tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo và hoà giải trong nội bộ nông dân ngay từ cơ sở. Các cấp Hội đã tiến hành củng cố, kiện toàn Ban kiểm tra ở 100% Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp.

Trong nhiệm kỳ 2003 – 2008, các cấp Hội đã tổ chức 4.449 cuộc kiểm tra thực hiện Điều lệ Hội, trong đó có cấp huyện tổ chức được 1.270 cuộc, cấp xã tổ chức được

3.065 cuộc. Cùng với công tác kiểm tra, các cấp Hội còn chủ động phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức 850 buổi trợ giúp pháp lý cho trên 45 nghìn lượt người dự. Nhận và giải quyết 693 đơn thư khiếu nại của nông dân và tham gia hoà giải 887 vụ mất đoàn kết trong nội bộ nông dân, trong đó hoà giải thành công 799 vụ ngay từ cơ sở, đã góp phần làm giảm bớt các khiếu nại vượt cấp, củng cố lòng tin của hội viên, nông dân với Đảng, Nhà nước và tổ chức Hội.

Công tác thi đua khen thưởng được duy trì thường xuyên, kịp thời động viên các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào nông dân. Hội đã xét và đề nghị các tập thể, cá nhân được Nhà nước tặng 02 Huân chương lao động hạng ba, Chính phủ tặng 1 cờ thi đua xuất sắc và 11 bằng khen; Trung ương Hội tặng 330 Huy chương và 1.005 Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam”, 04 cờ thi đua và 115 bằng khen. Hội cũng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng cờ thi đua cho 04 tập thể và 254 bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của tỉnh. Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh đã tặng 19 cờ và 374 giấy khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác Hội hằng năm và trong các đợt thi đua đặc biệt.

Để có được những kết quả trên đây cho thấy, các cấp Hội đã thay đổi một bước rất quan trọng trong tư duy và hành động, đổi mới phương pháp công tác một cách cụ thể, thiết thực hơn, các phong trào đã phát triển cả bề rộng và chiều sâu. Hoạt động của các cấp Hội ngày càng sâu sát, bám dân, bám địa bàn, vận động đi đôi với hỗ trợ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu, lợi ích của nông dân. Hầu hết các chỉ tiêu công tác Hội và phong trào nông dân năm sau đều cao hơn năm trước, đặc biệt là trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội, công tác tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, các hoạt động hỗ trợ hội viên nông dân phát triển sản xuất . . . góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, xứng đáng với vai trò “*Là trung tâm, nòng cốt trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn*”; làm thay đổi nhận thức của các cấp Hội, cán bộ, hội viên nông dân và của cấp uỷ Đảng về vai trò, vị trí, chức năng của Hội được nâng lên.

### **III. Vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VI và 3 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VII (2008 – 2015)**

#### ***1. Vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI***

Từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 1 tháng 10 năm 2008, Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI, nhiệm kỳ 2008 – 2013 được tổ chức với sự có mặt của 250 đại biểu ưu tú đại diện cho hơn 134 nghìn hội viên trong tỉnh, tiêu biểu cho trí tuệ, sức mạnh đoàn kết của giai cấp nông dân trong thời kỳ mới.

Với tinh thần “*Đoàn kết – đổi mới – hội nhập – phát triển*”, Đại hội đã khẳng định những thành tựu đạt được trong phong trào công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ 2003 – 2008: Phong trào nông dân và hoạt động của Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên trong 5 năm qua đã có bước phát triển mới, Nghị quyết Đại hội Nông dân tỉnh lần thứ V đã được tổ chức thực hiện thắng lợi toàn diện, các mục tiêu Đại hội đề ra cơ bản hoàn thành, nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức kế hoạch, hoạt động của các cấp Hội đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Cấp uỷ Đảng và đi sát với đời sống của hội viên, nông dân.

Công tác tuyên truyền vận động, giáo dục chính trị tư tưởng cho hội viên, nông dân là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong tất cả các hoạt động của Hội. Nhận rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ này trong nhiệm kỳ qua các cấp Hội đã tập trung lãnh đạo và chỉ đạo đổi mới công tác tuyên truyền, lấy lợi ích chính đáng gắn với nghĩa vụ của hội viên trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước để tuyên truyền, vận động nông dân.

Các cấp Hội đã đổi mới nội dung hoạt động, lấy việc hỗ trợ hội viên, nông dân về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật, dạy nghề và chỉ đạo tốt các phong trào thi đua “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”, phong trào “xây dựng gia đình nông dân văn hoá”... làm động lực, từ đó vai trò của Hội được khẳng định, lợi ích thiết thực của hội viên được đáp ứng, hội viên tham gia sinh hoạt Hội ngày càng tăng, đội ngũ cán bộ Hội ngày một trưởng thành, tổ chức Hội vững mạnh. Vai trò nòng cốt của Hội trong nông thôn từng bước được khẳng định, Cấp uỷ tin tưởng, hội viên gắn bó với tổ chức Hội ngày càng chặt chẽ hơn.

Đại hội cũng chỉ ra những hạn chế trong công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ 2003 – 2008. Đó là công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho hội viên, nông dân ở một số cơ sở Hội, chưa thường xuyên nên kết quả đạt được còn chưa cao. Công tác nắm bắt tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, hội viên có lúc, có nơi chưa kịp thời. Một số cơ sở Hội chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động. Việc duy trì sinh hoạt Hội ở một số chi, tổ hội chưa đều, hình thức sinh hoạt chưa đa dạng, phong phú và thiếu tính hấp dẫn. Tỷ lệ thu hút hội viên chưa cao. Một bộ phận cán bộ Hội, trình độ và năng lực còn hạn chế, chưa đáp ứng với yêu cầu công tác và hoạt động của Hội trong thời kỳ mới. Việc chủ động tham gia kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển nông nghiệp, nông thôn ở nhiều cơ sở Hội còn hạn chế.

Đại hội cũng đã nhận thấy nguyên nhân của những hạn chế đó là do một bộ phận cán bộ, hội viên và nông dân còn trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của tổ chức Hội và đầu tư của Nhà nước, chưa thực sự cố gắng vươn lên, chưa tích cực tham gia các hoạt động và phong trào của Hội. Ở một số nơi cán bộ Hội năng lực còn hạn chế chưa đi sát cơ sở. Việc triển khai thực hiện một số hoạt động của Hội còn mang tính hình thức, hành chính chưa sát với thực tế và yêu cầu, nguyện vọng của hội viên. Bên cạnh đó, việc tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình điển hình trong công tác Hội và phong trào nông dân có lúc, có nơi còn chậm. Ở một số cơ sở sự quan tâm của Cấp uỷ Đảng, Chính quyền và các ngành trong việc tạo điều kiện cho tổ chức Hội hoạt động còn ở mức độ. Cơ sở vật chất, kinh phí chưa phù hợp, chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động của Hội trong tình hình mới.

Đại hội đã thảo luận và thông qua phương hướng, nhiệm vụ tổng quát trong nhiệm kỳ mới của công tác Hội và phong trào nông dân đó là: Phát huy truyền thống quê hương cách mạng, giai cấp nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên đoàn kết, đổi mới, phát triển, hội nhập. Đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng tổ chức Hội vững về chính trị tư tưởng, lớn mạnh về tổ chức, thống nhất về hành động, là trung tâm nòng cốt trong phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới góp phần cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) nhằm nâng cao một bước rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo tiền đề quan trọng để Thái Nguyên cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp trước năm 2020.

Với tinh thần tập trung, dân chủ, các đại biểu đã bầu ra Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh nhiệm kỳ 2008 - 2013 với 33 đồng chí ủy viên. Đồng chí Nguyễn Thị Nga được bầu làm Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh. Đồng chí Nguyễn Hải Khê và Ma Doãn Hùng được bầu làm Phó Chủ tịch Hội.

Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI, nhiệm kỳ 2008 – 2013 là sự kiện chính trị quan trọng của giai cấp nông dân trong tỉnh. Với tinh thần khách quan, dân chủ, trí tuệ và trách nhiệm, Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VI đã mở ra một giai đoạn mới trong công tác xây dựng Hội và phong trào nông dân thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn xây dựng nông thôn mới, đồng thời là minh chứng rõ nét cho sự nhất trí cao về quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ xây dựng Hội và phong trào nông dân đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của hàng ngàn hội viên, nông dân trong toàn tỉnh.

Từ ngày 30 tháng 6 đến 3 tháng 7 năm 2013, tại Trung tâm hội Nghị Quốc gia Hà Nội đã diễn ra đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI với chủ đề “Đoàn kết – đổi mới – chủ động – hội nhập – phát triển bền vững”. Đây là sự kiện chính trị quan trọng của giai cấp nông dân và nhân dân cả nước và cũng là dịp để tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của giai cấp nông dân, của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Đại hội đã quyết định số lượng Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VI (nhiệm kỳ 2013 - 2018) là 125 ủy viên, tại Đại hội đã bầu 122 ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VI (2013 - 2018), có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ để đảm đương nhiệm vụ do Đại hội giao phó. Đồng chí Nguyễn Quốc Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa V, tái đắc cử giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VI (2013 - 2018), các đồng chí Phó Chủ tịch: Nguyễn Duy Lượng, Lều Vũ Điều, Nguyễn Hồng Lý, Lại Xuân Môn.

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Hội Nông dân Việt Nam là nguồn cổ vũ, động viên to lớn đối với toàn thể cán bộ, hội viên và nông dân cả nước nói chung là cán bộ, hội viên, nông dân tỉnh Thái Nguyên nói riêng tiếp tục vượt qua những khó khăn, thử thách; nêu cao tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, xây dựng Hội vững mạnh về mọi mặt; sát cánh cùng với Nhà nước, các

cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng nông thôn mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; xây dựng Thái Nguyên ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VI, năm 2010 Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành tiếp tục phát động và đẩy mạnh “*Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng*” làm trọng tâm, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương đã tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các cấp Hội.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xoá đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng được các cấp Hội quan tâm chỉ đạo được đông đảo hội viên, nông dân đồng tình hưởng ứng. Phong trào được Hội phát triển rộng khắp ở các địa phương đã thu hút hàng vạn hội viên, nông dân tham gia.

Hàng năm có hơn 45.000 hộ nông dân đăng kí phấn đấu đạt danh hiệu hộ sản xuất kinh doanh giỏi các cấp, trong đó có 2.344 hộ cấp tỉnh, 6.576 hộ cấp huyện, 36.186 hộ cấp xã. Phong trào có tác dụng phát huy nhân tố con người, huy động khai thác mọi nguồn lực, tiềm năng thế mạnh của từng vùng, thúc đẩy sản xuất nông, lâm nghiệp phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trong nhiệm kỳ 2008 – 2013, các cấp Hội đã phối hợp với Ban thi đua khen thưởng cùng cấp tổ chức tổng kết phong trào và tuyên dương khen thưởng 27.320 hộ gia đình sản xuất giỏi cấp xã; 2.730 hộ gia đình sản xuất giỏi cấp huyện và 1.732 hộ gia đình sản xuất giỏi cấp tỉnh, trong đó 148 hộ gia đình tiêu biểu và 18 tập thể có thành tích xuất sắc được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen. Bình quân mỗi năm có 7,8% hộ (1.673 hộ) đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp so với số hộ đăng kí, đạt mục tiêu Đại hội V đề ra (từ 5-10%).

Cũng từ phong trào này đã có trên 150 mô hình sử dụng các giống cây, giống con mới, sản xuất đạt hiệu quả cao. Trong quá trình tổ chức thực hiện phong trào, các hộ sản xuất giỏi với tinh thần tương thân tương ái đã tự nguyện giúp hơn 10.000 hội viên nghèo có hoàn cảnh khó khăn trên 3 tỷ đồng, 40.000 ngày công lao động, 500 tấn lương thực đã góp phần tích cực trong việc tham gia giúp đỡ các hộ gia đình nông dân nghèo vươn lên thoát nghèo. Trong nhiệm kỳ 2008 -2013 các cấp Hội đã luôn đổi mới,



mở rộng các hình thức vận động, hỗ trợ nông dân, tham mưu cho Cấp uỷ, chính quyền địa phương có những giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm đẩy mạnh phong trào và đạt được một số kết quả đáng phấn khởi đó là:

Vai trò, trách nhiệm và hoạt động của các cấp Hội trong tín chấp cho hội viên, nông dân vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả. Trong nhiệm kỳ 2008 – 2013, các cấp Hội Nông dân đã duy trì và thành lập được 3.597 tổ tín chấp với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ngân hàng Chính sách xã hội với 46.714 thành viên tham gia (trong đó Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 2.056 tổ tín chấp với 19.426 thành viên; Ngân hàng Chính sách xã hội có 1.541 tổ vay vốn với 27.288 thành viên) tăng hơn 80% so với nhiệm kỳ trước.

Cùng với nguồn vốn vay của Nhà nước, các cấp Hội đã vận động xây dựng được 4.405 triệu đồng Quỹ hỗ trợ nông dân, do Hội trực tiếp chỉ đạo và thực hiện cho vay qua tổ chức Hội, giúp cho 2.830 lượt hộ nông dân nghèo vay vốn phát triển sản xuất có hiệu quả, thông qua những nguồn vốn này đã giúp các hộ nông dân có điều kiện đầu tư sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mở rộng kinh doanh dịch vụ trong nông nghiệp, qua đó nhiều hộ nông dân vươn lên thoát nghèo và xuất hiện nhiều hộ khá, giàu.

Đồng thời, các cấp Hội đã tham gia chỉ đạo và tổ chức thực hiện 18 dự án vay vốn giải quyết việc làm và Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương cho 1.350 lao động có số dư nợ 3 tỷ 217 triệu đồng. Kí hợp đồng tín chấp với các Công ty phân bón (Supe phốt phát và hoá chất Lâm Thao; phân lân nung chảy Văn Điển; phân bón Thái Nguyên....) 17.000 tấn phân bón các loại theo hình thức chậm trả với trị giá 29 tỷ đồng cho 121.000 lượt hộ nông dân vay.

Công tác tập huấn kỹ thuật, xây dựng mô hình chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần phát huy hiệu quả các nguồn vốn, giúp hội viên phát triển sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế: Trong nhiệm kỳ các cấp Hội phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp - Phát triển nông thôn, Khoa học - Công nghệ, các doanh nghiệp tổ chức trên 12.500 lớp tập huấn kỹ thuật cho trên 560 nghìn lượt người tham dự, xây dựng trên 150 mô hình trình diễn về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, tổ chức 600 cuộc hội thảo đầu bờ, tham quan học tập kinh nghiệm các mô hình sản xuất kinh doanh giỏi trong và ngoài tỉnh. Thông qua hoạt động này đã có 40 đề tài sáng kiến áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật được công nhận và trao giải trong Hội thi “Sáng tạo kỹ thuật” do Hội

Nông dân phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức, các cấp Hội đã phát huy được vai trò nòng cốt và cầu nối trong việc thực hiện “liên kết 4 nhà” đạt hiệu quả.

Để giúp nông dân nâng cao nhận thức trong nền kinh tế thị trường, khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), tổ chức 6 lớp tập huấn nâng cao nhận thức cho hội viên về quyền sở hữu trí tuệ - thực thi - bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho trên 500 lượt người tham dự. Được Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm chủ sở hữu quản lý nhãn hiệu tập thể “Chè Thái Nguyên”. Đồng thời, các cấp Hội chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức Quốc tế thực hiện các chương trình dự án: Như tổ chức ILO/Nhật Bản, tổ chức PLAN, tổ chức BORDA/Cộng hoà Liên bang Đức, tổ chức Canada đã huy động được nguồn vốn tài trợ trên 2 tỷ đồng giúp cho hơn 10.000 người hưởng lợi từ dự án có thêm cơ hội phát triển sản xuất vươn lên làm giàu.

Công tác dạy nghề cho nông dân được đẩy mạnh đã góp phần tạo cơ hội việc làm cho nhiều hội viên, nông dân. Hoạt động nổi bật của Hội trong nhiệm kỳ (2003 – 2008) đó là dạy nghề và hỗ trợ việc làm cho hội viên, nông dân được các cấp Hội tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Hội đã thành lập được Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm, tổ chức được 39 lớp dạy nghề tại chỗ cho 1.205 hội viên, nông dân giúp cho các hội viên có kiến thức về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, khôi phục nghề truyền thống và tạo thêm nghề mới như mây tre đan, thêu ren, may công nghiệp, đào tạo kỹ thuật tin học văn phòng. Tư vấn, đào tạo và giới thiệu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cho 60 hội viên, nông dân. Đồng thời, Hội cũng đã phối hợp với Trung tâm đào tạo nông dân thuộc Đại học Thái Nguyên tổ chức trên 60 lớp cho hơn 1.500 hội viên là các hội viên nghèo, vùng đồng bào dân tộc. Thông qua hoạt động dạy nghề, Hội đã góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

*Đối với phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới.* Hội tiếp tục tích cực vận động hội viên thường xuyên tham gia phong trào nông dân thi đua xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, xây dựng gia đình văn hoá, làng bản, xã văn hoá từng bước xây dựng nông thôn mới.

Các cấp Hội đã quán triệt và bám sát nội dung Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quyết định 24 của Thủ tướng Chính phủ về vận động hội viên, nông dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, kết quả trong nhiệm kỳ 2008 – 2013 các cấp Hội đã vận động nông dân đóng góp hơn 45

tỷ đồng và 612.000 ngày công lao động làm mới và sửa chữa 3.150km đường giao thông nông thôn, liên thôn, liên xã, 2.416km kênh mương góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Những kết quả đó đã thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nông dân được cải thiện và góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

Các cấp Hội cùng với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên có liên quan vận động cán bộ, hội viên, nông dân tích cực thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, làng, bản văn hoá, xây dựng “Gia đình nông dân văn hoá”, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và trong tổ chức các lễ hội. Hội cũng tích cực vận động hội viên tham gia thực hiện các chính sách về đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo ở địa phương.

Hằng năm có trên 90% gia đình hội viên, nông dân tham gia đăng kí thực hiện và đã có trên 60% số gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình nông dân văn hoá”. Cùng với công tác vận động các cấp Hội đã tổ chức hội thi “Tiếng hát đồng quê”, “Thôn nữ giỏi giang, duyên dáng” và các hoạt động thể thao, vui chơi lành mạnh. Những hoạt động này của Hội đã góp phần vào việc giữ gìn thuần phong, mỹ tục và nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc.

Thực hiện chương trình “*Dân số - kế hoạch hóa gia đình và Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em*” các cấp Hội đã tổ chức 2.750 buổi truyền thông và các lớp tập huấn nâng cao nhận thức về dân số cho hơn 75.000 lượt người tham dự, thành lập được 74 câu lạc bộ “Dân số và phát triển”, duy trì phong trào thi đua chi, tổ hội không có người sinh con thứ 3 góp phần giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm xuống dưới 4%.

Đẩy mạnh cuộc vận động hội viên, nông dân tham gia “Phong trào phòng chống tội phạm và bảo vệ Tổ quốc”, đã được các cấp Hội quan tâm chỉ đạo thực hiện, được đông đảo hội viên, nông dân nhiệt tình hưởng ứng.

Các cấp Hội đã chủ động phối hợp với lực lượng công an cùng cấp thực hiện tốt Nghị quyết 09 của Chính phủ và chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Tổ chức 750 buổi tuyên truyền cho hơn 39.000 lượt người tham dự và phát động phong trào vận động nông dân tham gia phòng chống tội phạm, nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác, ý thức trách nhiệm trong phối hợp hành động phòng chống tội phạm ma tuý, HIV/AIDS, kết quả đã vận động được 401 đối tượng đi cai nghiện.

Hội đã phối hợp làm tốt công tác Quốc phòng và hậu phương quân đội, động viên cán bộ hội viên, nông dân tích cực tham gia huấn luyện dân quân tự vệ, diễn tập phòng thủ khu vực, động viên con em tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự lên đường nhập ngũ. Tích cực vận động hội viên tham gia phong trào “Đền ơn, đáp nghĩa”, hằng năm tổ chức thăm hỏi tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng trị giá trên 3 tỷ đồng và hơn 3.500 ngày công lao động, trồng tặng 317 vườn cây ăn quả, vườn chè tình nghĩa. Xây được 92 ngôi nhà “Tình nghĩa hội viên”. Tích cực vận động hội viên tham gia xây dựng “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ vì nạn nhân nhiễm chất độc da cam”, ủng hộ đồng bào bị bão, lũ.... Điển hình có các đơn vị: thành phố Thái Nguyên, huyện Phổ Yên, Phú Lương, Đồng Hỷ, Định Hoá.

Các cấp Hội vận động hội viên, nông dân phát huy tinh thần dân chủ, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tổ chức được 320 buổi cho trên 15 nghìn lượt người tham gia ý kiến đóng góp xây dựng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy ước, hương ước ở địa phương, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của công dân.

Thông qua các hoạt động của mình trong vận động nông dân và tổ chức triển khai thực hiện chương trình, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, các cấp Hội thực sự là cầu nối giữa nông dân với Đảng, là chỗ dựa của Nhà nước ở địa phương. Tham mưu cho Cấp ủy cùng cấp tổng kết Chỉ thị 59-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Nông dân. Triển khai thực hiện Quyết định 17 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành quy định trách nhiệm của các Bộ, các cấp chính quyền trong việc tạo điều kiện để các cấp Hội Nông dân hoạt động có hiệu quả. Phối hợp với các ngành Địa chính, Thanh tra, Tư pháp thực hiện Chỉ thị 26-CT/CP của Thủ tướng Chính phủ kịp thời giải quyết những khiếu nại, tố cáo của nông dân.

Các cấp Hội trong tỉnh đã kí kết và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Nghị quyết liên tịch với các ngành, thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện với Cấp uỷ và Chính quyền, đề xuất giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của Hội Nông dân trong việc quán triệt và triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn.

Bằng sự phấn đấu, cố gắng nỗ lực vươn lên về mọi mặt của cán bộ, hội viên, trong nhiệm kỳ 2008 – 2013, các cấp Hội đã giới thiệu được 723 cán bộ, hội viên, nông dân ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp. Đến năm 2013, đã có 13% trong tổng số hội viên của Hội là Đảng viên.

Hội Nông dân tỉnh đã chủ động phối kết hợp với Ngân hàng Nông nghiệp, Công ty TNHH MTV máy kéo và máy nông nghiệp, Công ty TNHH Cường Đại, Công ty CPVT nông nghiệp tạo điều kiện hỗ trợ cho nông dân mua máy móc phục vụ nông nghiệp. Kết quả năm 2010, có 45 hộ mua được máy cày, 10 hộ mua được ô tô, 2 hộ được tặng máy cày, 2 hộ được tặng máy kéo, tổ chức tập huấn cho 200 hội viên về cách sử dụng máy cày. Hội đã nhận ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội 53 tỷ 950 triệu đồng để cho 1.490 hội viên vay.

Năm 2011, Hội nhận ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội thành lập 1.028 tổ tiết kiệm và vay vốn tín chấp với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cho 6.853 hộ vay tại 466 tổ vay vốn. Đồng thời, Hội cũng đã phát hành đợt xổ số đặc biệt, xây dựng “Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh”. Bên cạnh đó, Hội đã phối hợp với Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm Nông dân tỉnh tổ chức 4 lớp dạy nghề cho 135 học viên là lao động nông thôn, lao động nghèo, lao động chính sách xã hội.

Năm 2011, có 5 doanh nghiệp lớn, 6 hợp tác xã, 3 đơn vị công an, bộ đội và 75 hộ nông dân tham gia Đề án của Hội về sản xuất và tiêu thụ nấm ăn và nấm dược liệu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Sản lượng đạt 1.658,376 tấn nấm các loại. Hội đã phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị đánh giá hiệu quả đề án năm 2012 và tổ chức hội thi “Tìm hiểu sản xuất và chế biến nấm ăn, nấm dược liệu”, thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất tiêu thụ nấm trên địa bàn.

Bên cạnh đó, Hội cũng tổ chức các lớp hướng dẫn các hộ gia đình, các doanh nghiệp sử dụng quản lý nhãn hiệu tập thể chè Thái Nguyên năm 2012 đã cấp giấy chứng nhận cho 427 hộ gia đình đăng ký tham gia quản lý nhãn hiệu chè Thái Nguyên.

*Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành:* Với tinh thần đoàn kết, dân chủ, đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc theo điều lệ Hội quy định, Ban Chấp hành Hội đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VI, nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII từ đó cụ thể hoá từng nội dung và tổ chức thực hiện đưa Nghị quyết đến với phong trào nông dân, do vậy 5 chương trình công

tác Hội và 3 phong trào lớn của Hội đã được triển khai toàn diện, về cơ bản đã đạt được các chỉ tiêu của Đại hội đại biểu lần thứ VI của Hội Nông dân tỉnh đề ra.

Ban Chấp hành tỉnh Hội đã tích cực đổi mới các nội dung hoạt động theo hướng thiết thực, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng của hội viên, nông dân; đa dạng hoá các phương thức tuyên truyền, vận động để tập hợp đông đảo nông dân, tăng cường việc hỗ trợ hội viên, nông dân về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật, dạy nghề và chỉ đạo tốt các phong trào thi đua làm động lực để tổ chức Hội ngày càng vững mạnh, vai trò nòng cốt của Hội trong nông thôn từng bước được khẳng định, cấp uỷ tin tưởng, hội viên gắn bó với tổ chức Hội ngày càng chặt chẽ hơn.

Hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong nhiệm kỳ 2008 – 2013 đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Điều lệ Hội, duy trì đều 6 tháng họp Ban Chấp hành, 3 tháng họp Ban Thường vụ (ngoài ra còn tổ chức các kỳ họp bất thường và họp chuyên đề khác theo yêu cầu nhiệm vụ từng thời kỳ đề ra).

Ngay từ đầu nhiệm kỳ 2008 – 2013, Ban Chấp hành đã xây dựng quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng đồng chí uỷ viên. Trong quá trình hoạt động, nhìn chung các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nhất trí trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động Hội. Từng đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành trên từng cương vị công tác đã có nhiều cố gắng năng động sáng tạo, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước công việc, từ đó góp phần làm cho hoạt động công tác Hội Nông dân trong tỉnh nhiệm kỳ 2008 – 2013 ngày càng phong phú và từng bước được đổi mới, khắc phục tình trạng hành chính hoá trong hoạt động của Hội, góp phần rất quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VI.

Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh khoá VI cũng đã thực hiện tốt công tác lãnh đạo để chỉ đạo thành công Đại Hội Nông dân 2 cấp nhiệm kỳ 2007 – 2012, thực hiện tốt công tác tham mưu chuẩn bị các nội dung tổ chức Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VII đạt kết quả.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác của Hội nhiệm kỳ 2008 – 2013 vẫn còn tồn tại:

- Trong công tác chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội một số đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành trong quá trình triển khai các Nghị quyết còn chưa kịp thời, vì vậy hiệu quả ở một số mặt công tác chưa cao.

- Trong thời kì đổi mới và hội nhập kinh tế thế giới của đất nước, tình hình phát triển cũng như những biến động trong nông nghiệp, nông thôn, nông dân luôn phát sinh những vấn đề mới, do đó công tác tham mưu của Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có lúc còn chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành về tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho hội viên, nông dân ở một số cơ sở, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa còn chưa sâu rộng, nhất là công tác nắm bắt tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của hội viên, nông dân có lúc, có nơi chưa kịp thời.

- Việc tham mưu cho các cấp ủy về việc quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, điều động, sử dụng cán bộ Hội còn hạn chế. Vì thế, vẫn còn một bộ phận cán bộ Hội trình độ năng lực chưa đáp ứng được với yêu cầu công tác và hoạt động của Hội trong thời kì mới. Việc chủ động tham gia kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách pháp luật về phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các cơ sở Hội vẫn còn hạn chế. Điều này cũng đã ảnh hưởng tới việc tổ chức hoạt động của Hội Nông dân tỉnh nhiệm kì 2008 – 2013.

## ***2. Ba năm đầu vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII (2013 - 2015)***

Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII diễn ra trong bối cảnh Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đang ra sức thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVIII. Thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Thái Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

Cùng với sự phát triển chung của tỉnh, trong 5 năm (2008 – 2013), dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, việc tạo điều kiện của các cấp chính quyền, phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, đoàn thể, công tác Hội và phong trào nông dân tỉnh Thái Nguyên đã có những bước phát triển mới, đa dạng, phong phú và thiết thực; tổ chức Hội ngày càng lớn mạnh, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Với tinh thần “*Đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo và hội nhập*”, Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên khóa VI đã thông qua Đại hội báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ

VI nhiệm kì 2008 – 2013 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kì 2013 – 2018. Đó là: *Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, xây dựng Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xứng đáng là trung tâm và nòng cốt trong phong trào nông dân, góp phần thực hiện có hiệu quả công cuộc xây dựng nông thôn mới; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

Đại hội đã bầu ra 39 đồng chí tham gia vào Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên khóa VII, nhiệm kì 2013 – 2018. Đồng chí Nguyễn Văn Mậu được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch, các đồng chí Nguyễn Hải Khê và Ma Doãn Hùng được bầu làm Phó Chủ tịch.

Tháng 10 năm 2015, Tỉnh ủy Thái Nguyên luân chuyển, giới thiệu đồng chí Hà Thị Bích Hồng – Phó Bí thư Tỉnh đoàn để Hội Nông dân tỉnh bầu giữ chức Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên. Ngày 16/10/2015, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam có Quyết định công nhận số 983 - QĐ/HNDTW.

Tháng 8 năm 2016, Tỉnh ủy Thái Nguyên luân chuyển, giới thiệu đồng chí Nguyễn Ngọc Tuấn – Phó Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên để Hội Nông dân tỉnh bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên. Ngày 11/8/2016, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam có Quyết định công nhận số 2041 – QĐ/HNDTW.

Thực hiện Kết luận số 61 - KL/TU ngày 3/12/2009 của Ban Bí thư, Kết luận số 62 - KL/TU ngày 08/12/ 2009 của Bộ Chính trị và Quyết định 673/QĐ - TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Hội Nông dân tỉnh đã tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy có thông báo số 325 - TB/TU ngày 6/9 /2011 chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị triển khai Quyết định đến các sở, ban, ngành trong tỉnh; Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh chủ động làm việc và kí kết chương trình phối hợp với 8 sở, ban ngành và các công ty dịch vụ nhà nước thực hiện những hoạt động phù hợp với Hội .

Từ năm 2013 – 2015, các cấp Hội đã củng cố và kiện toàn 449 chi hội, thành lập mới 1 cơ sở Hội, nâng tổng số cơ sở Hội lên 181 cơ sở; kết nạp mới 5.577 hội viên, nâng tổng số hội viên toàn tỉnh lên 146.173 hội viên, 100% hội viên kết nạp mới đều được phát thẻ hội viên.



*Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:* Hội Nông dân tỉnh tổ chức 20 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công Hội, thời gian 5 ngày/lớp cho 1.000 cán bộ chi hội tại 5 huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ, Định Hóa, Phú Lương. Phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội cho 60 cán bộ là Chủ tịch, phó chủ tịch, uỷ viên Ban Thường vụ Hội Nông dân cơ sở trong thời gian 10 ngày, Hội Nông dân cấp huyện, thành, thị mở 25 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác Hội cho 1.737 cán bộ cấp cơ sở và chi hội. Chọn, cử 22 cán bộ Hội các cấp tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ do Trung ương tổ chức.

*Về Công tác thi đua khen thưởng:* Hằng năm, Hội Nông dân tỉnh đã ban hành hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng, hướng dẫn chấm điểm thi đua. Phát động trong các cấp Hội Nông dân thực hiện phong trào thi đua theo chủ đề của tỉnh, triển khai hướng dẫn các thủ tục xét tặng kỷ niệm chương của Hội. Định kỳ Hội tổ chức họp cụm thi đua với các huyện, thành, thị để đánh giá kết quả công tác Hội và phong trào nông dân, tổ chức bình xét thi đua theo năm.

*Về kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại tố cáo:* Trong 5 năm (2011 – 2015) Hội Nông dân các cấp tổ chức kiểm tra công tác Hội và phong trào nông dân được 265 cuộc tại 180 cơ sở Hội và 1.087 chi hội; hòa giải thành công 40 vụ mâu thuẫn trong nội bộ nông dân. Ký kết chương trình phối hợp giữa Hội Nông dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công thương giám sát việc thực hiện pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, giai đoạn 2014 - 2020.

Hội cũng tiến hành tổ chức kiểm tra hoạt động ủy thác tín dụng đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách được 6 huyện, 5 xã và 5 tổ vay vốn. Hội Nông dân các huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức kiểm tra 151 xã, 354 tổ tiết kiệm và vay vốn, 831 hộ gia đình hội viên. Hội Nông dân các xã, phường, thị trấn đã kiểm tra 858 tổ tiết kiệm và vay vốn, 5.661 hộ gia đình hội viên vay vốn.

Nhìn chung các cấp Hội đã chấp hành tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tổ chức thực hiện công tác Hội theo đúng Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam; tham gia và tổ chức nhiều chương trình hoạt động có ý nghĩa thiết thực; công tác Hội và phong trào nông dân được triển khai đầy đủ, phù hợp với hội viên nông dân.

*Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau giảm nghèo và làm giàu* tiếp tục được các cấp Hội triển khai đa dạng và được sự quan tâm của các cấp uỷ, chính quyền, sự tham gia tích cực của hội viên, nông dân.

Năm 2011 – 2015 các cấp Hội Nông dân trong tỉnh tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết hăng hái thi đua, nỗ lực phấn đấu đạt các mục tiêu chỉ tiêu thi đua do Hội và phong trào nông dân phát động. Công tác tuyên truyền được Hội chú trọng tăng cường cả về bề sâu và bề rộng. Chủ động phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền các hoạt động của Hội, các gương điển hình tiên tiến. Hội Nông dân tỉnh cũng tổ chức tốt các công tác hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, các hoạt động dịch vụ, tư vấn dạy nghề, hỗ trợ nông dân làm kinh tế mang lại hiệu quả thiết thực cho nông dân.

Năm 2012 các cấp Hội đã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thẩm định, đánh giá, bình xét, tổ chức tổng kết, biểu dương khen thưởng các hộ sản xuất kinh doanh giỏi các cấp. Hội Nông dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết và biểu dương, tôn vinh hội viên, nông dân điển hình tiên tiến trong phong trào Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi giai đoạn 2011 - 2012; toàn tỉnh đã lựa chọn 5 hộ điển hình tiên tiến tiêu biểu trong phong trào đi dự Hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi toàn quốc, trong tổng số 47.738 hộ sản xuất kinh doanh giỏi toàn tỉnh, chọn được 8 hộ sản xuất kinh doanh giỏi xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Các cấp Hội đã chủ động phối hợp với các ngành chức năng tạo điều kiện cho hội viên nông dân phát triển sản xuất, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm. Cụ thể: Hội đã phối hợp với Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp, Công ty cổ phần phân lân nung chảy Văn Điển cung ứng 5.702 tấn phân bón, 17.527kg giống cây trồng các loại, tổ chức 44 lớp tập huấn cho 6.360 hội viên, nông dân về kỹ thuật sử dụng phân bón NPK Văn Điển dùng để bón cho cây chè trên địa bàn 44 xã thuộc 4 huyện Định Hóa, Đại Từ, Phú Bình và Phú Lương; xây dựng 8 ô mẫu phân bón NPK chuyên dùng bón cho cây chè cho 16 hộ nông dân.

Hội đã phối hợp với phòng nông nghiệp, trạm khuyến nông, trạm bảo vệ thực vật tổ chức 1.585 buổi tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật cho trên 166.925 lượt hội viên nông dân. Hội cũng đã phối hợp với Sở Kế hoạch đầu tư, Trung tâm xúc tiến thương mại Sở Công thương tổ chức cho Hợp tác xã chè La Bằng, Hợp tác xã chè

Thiên Phú, Công ty cổ phần Nhật Sơn, Hợp tác xã miền Việt Cường tham gia Hội chợ Thương mại Thái Nguyên, Hội chợ Nông nghiệp thương mại khu vực Trung du miền núi phía Bắc tại Lào Cai.

Hội Nông dân tỉnh chỉ đạo các huyện, thành, thị xây dựng mô hình kinh tế tập thể có hiệu quả do Hội Nông dân hướng dẫn tổ chức, đến năm 2015 đã có 4/9 huyện đăng kí thực hiện mô hình (thành phố Thái Nguyên, huyện Đồng Hỷ, Phú Lương, Phổ Yên), thực hiện duy trì tốt các mô hình hợp tác trong sản xuất đã được thành lập.

Tính đến năm 2015 toàn tỉnh đã có 25.720 mô hình sản xuất tổng hợp; 9.820 mô hình chăn nuôi; 5.260 mô hình trồng trọt; 2.645 mô hình dịch vụ và 720 mô hình thủy sản.

Trung bình hằng năm có 55.800 hộ nông dân đăng kí đạt tiêu chuẩn sản xuất kinh doanh giỏi, qua bình xét 5 năm (2011-2015) đã có 56.892 lượt hộ đạt tiêu chuẩn sản xuất giỏi cấp xã, 26.680 lượt hộ đạt tiêu chuẩn giỏi cấp huyện; 14.322 lượt hộ đạt tiêu chuẩn sản xuất giỏi cấp tỉnh. Ngoài vận động khuyến khích các hộ sản xuất kinh doanh giỏi, các cấp Hội cũng đã liên kết giới thiệu cho hội viên nông dân đi thăm quan học tập các mô hình sản xuất kinh doanh trong và ngoài tỉnh từ đó vận động hội viên Hội Nông dân tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao.

Hội đã vận động hội viên, nông dân tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá có giá trị kinh tế cao như mô hình nuôi rắn, ba ba, lợn rừng, mô hình trồng lúa lai, chè cành, hoa, cây cảnh, rau an toàn, nấm và mô hình nông, lâm kết hợp; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, hình thành các mô hình liên kết sản xuất như mô hình trồng nấm, mô hình hợp tác xã chè an toàn. Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng, góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển.

Thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, cán bộ, hội viên, nông dân còn đóng góp xây dựng Quỹ “Hỗ trợ nông dân” của Hội Nông dân; tích cực tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau thông qua phổ biến kinh nghiệm làm ăn, cho vay để phát triển sản xuất không lấy lãi, cung cấp cây, con giống, tạo việc làm tại chỗ. Tính đến 1/10/2015 tổng số Quỹ hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân tỉnh đang quản lý cho hội viên vay là: 15.580.000.000 đồng.

Thông qua phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, tinh thần tương thân tương ái của hội viên, nông dân đã phát huy tích cực, các hộ sản xuất kinh doanh giỏi đã đóng góp hàng trăm triệu, hàng nghìn ngày công lao động, để giúp đỡ cho hội viên nghèo có hoàn cảnh có khăn, giúp đỡ hội viên vươn lên thoát nghèo, góp phần thúc đẩy kinh tế nông nghiệp nông thôn phát triển.

Hội tiếp tục thực hiện Đề án tổ chức sản xuất và tiêu thụ nắm ăn, nắm dực liệu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 – 2015, hiện có 5 doanh nghiệp lớn, 6 hợp tác xã, 3 đơn vị công an, bộ đội và 75 hộ nông dân tham gia sản xuất và tiêu thụ nắm trên địa bàn. Sản lượng đạt 1.658,376 tấn nắm các loại. Xây dựng Đề án thành lập Hiệp hội Nắm Thái Nguyên, làm thủ tục đăng kí thương hiệu và sử dụng nhãn hiệu tập thể Nguyên với Cục sở hữu trí tuệ.

Thực hiện ứng dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật trong đời sống và sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2015; Hội Nông dân tỉnh đã triển khai và tổ chức thực hiện thành công dự án khoa học công nghệ “Xây dựng mô hình tưới nước thâm canh bằng bơm thủy luân”; Dự án “Mô hình sản xuất chè an toàn, chè hữu cơ bền vững”. Thực hiện công tác quản lý nhãn hiệu tập thể chè Thái Nguyên, trong năm 2015 Hội đã tổ chức kiểm định và cấp 148 giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể chè cho các hộ gia đình hội viên.

*Phong trào Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới*, với vai trò là chủ thể trong công cuộc xây dựng nông thôn mới, Hội Nông dân tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn cán bộ, Hội Nông dân các cấp, hội viên nông dân về tiêu chí nông thôn mới, kế hoạch xây dựng nông thôn mới của tỉnh, vai trò của nông dân và các cấp Hội trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Thực hiện và phát động phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới bằng nhiều hoạt động thiết thực.

Hội cũng đã tích cực vận động hội viên, nông dân tham gia hiến đất làm đường giao thông nông thôn. Từ năm 2011 – 2015, diện tích đất được hội viên nông dân hiến là 165.498m<sup>2</sup>, đóng góp 77.282 ngày công lao động; làm mới, sửa chữa 383,9km đường giao thông liên thôn, liên xóm; kiên cố hóa, sửa chữa trên 280km kênh mương nội đồng; làm mới, sửa chữa 347 cầu, cống; tham gia xây dựng mới và sửa chữa 960 công trình khác; với tổng số tiền do nhân dân đóng góp là 55,872 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Hội cũng đã tổ chức lồng ghép việc xây dựng các mô hình, điển hình tiên tiến với việc xây dựng nông thôn mới tại các xã điểm xây dựng nông thôn

mới của tỉnh, gắn việc đào tạo cán bộ, dạy nghề theo nhu cầu với việc triển khai những nội dung có tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Hội cũng đã chỉ đạo các cấp Hội có kế hoạch cụ thể để thực hiện nhiệm vụ gắn với xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” các cấp Hội đã vận động hội viên, nông dân tham gia xây dựng gia đình văn hoá, xây dựng thôn, bản, làng văn hoá, tích cực tham gia các phong trào văn hoá, văn nghệ tại địa phương, đặc biệt trong dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, thu hút đông đảo hội viên nông dân tham gia; Hội Nông dân tỉnh kí chương trình phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao Du lịch về đẩy mạnh hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình.

Năm 2011 - 2015 đã có 528.116/621.313 lượt hộ nông dân đạt danh hiệu gia đình văn hóa. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội bảo vệ môi trường, chấp hành chính sách dân số, giữ gìn trật tự an toàn giao thông đều được hội viên nông dân hưởng ứng tích cực. Các cấp hội cũng đã tổ chức tặng 5.209 suất quà cho hộ nghèo trị giá 1.249.000 đồng, vận động cán bộ hội viên nông dân ủng hộ từ thiện được 4.558 triệu đồng.

Bên cạnh đó Hội Nông dân cũng đã xây dựng đc website nông dân Thái Nguyên để đăng tải các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, và các hoạt động của hội, đồng thời quản bá hình ảnh của các cấp Hội Nông dân trong tỉnh; trang bị báo nông nghiệp Việt Nam cho 181 cơ sở. Để mở rộng công tác tuyên truyền giáo dục vận động hội viên nông dân thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hưởng ứng các cuộc vận động ngày lễ lớn của đất nước các cấp Hội Nông dân trong tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút hàng nghìn hội viên tham gia tạo được sự chuyển biến trong nhận thức và hành động như cuộc thi nông dân làm theo lời Bác, cuộc thi tìm hiểu về Hội Nông dân Việt Nam 80 năm xây dựng và trưởng thành, hội thi nhà nông đua tài tỉnh Thái Nguyên lần thứ 2 (2009), lần thứ 3 (2012), liên hoan tiếng hát đồng quê tỉnh Thái Nguyên lần thứ 3, hội thi cây chè đẹp, cuộc thi tìm hiểu và chế biến nắm ăn nắm được liệu, cuộc thi sáng tạo kĩ thuật và giải bóng đá nông dân toàn quốc.

Thông qua công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ hội viên nông dân trong việc xác định vai trò của Hội Nông dân đối với hệ thống chính trị, thực hiện thắng lợi các chủ chương

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở nông thôn trước yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và hội nhập quốc tế.

*Phong trào “Nông dân tham gia đảm bảo quốc phòng, an ninh”*, các cấp Hội thường xuyên tuyên truyền cho hội viên nâng cao nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới; phối hợp với các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn thực hiện tốt công tác dân vận. Hội Nông dân tỉnh ký kết hợp đồng trách nhiệm với các ngành liên quan tổ chức tuyên truyền phòng chống tội phạm, ma túy, phòng chống tệ nạn xã hội. Kết quả Hội Nông dân tỉnh tổ chức 24 buổi, Hội Nông dân các huyện, thành phố tổ chức 68 buổi tuyên truyền về phòng chống ma túy, tội phạm, an toàn giao thông, cho 5.880 lượt cán bộ, hội viên tham gia.

Hội cũng tham gia chỉ đạo diễn tập phòng chống lụt bão, diễn tập khu vực phòng thủ, tham gia hội đồng nghĩa vụ quân sự cùng cấp và chỉ đạo các cấp Hội tích cực vận động con em hội viên nông dân lên đường nhập ngũ, tham gia huấn luyện dân quân tự vệ. Bên cạnh đó, Hội cũng đã tổ chức thăm hỏi, động viên, tặng quà cho tân binh lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

Các cấp Hội Nông dân tiếp tục tuyên truyền vận động cán bộ, hội viên thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020; Thực hiện Quyết định về Quy chế giám sát và phản biện xã hội, Quy định về tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Các cấp Hội đã phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tham gia tổ chức các hoạt động, những sự kiện trọng đại của đất nước như: kỷ niệm 40 năm giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước, 61 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, 125 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh được 3.537 buổi cho 241.216 lượt cán bộ, hội viên nông dân đạt 130,4% kế hoạch; Nâng cao kiến thức và kỹ năng truyền thông phổ biến giáo dục pháp luật về tài nguyên môi trường cho 193 cán bộ, hội viên. Tuyên truyền, vận động tư vấn, chia sẻ các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong cộng đồng với 4.491 lượt người tham gia, áp dụng các sáng kiến, sáng tạo. Đã có 30 mô hình sáng kiến áp dụng vào sản xuất của Hội viên đạt giải tại Hội thi “Diễn đàn nông dân sáng tạo”. Hội cũng đã triển khai các Hội thi “Tuyên truyền viên giỏi”; Hội thi “Bàn tay vàng”, tham gia Festival Trà Thái Nguyên - Việt Nam lần thứ 3, năm 2015.

Hội đã quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, hội viên nông dân Chuyên đề: “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung thực, trách nhiệm; gắn bó với nhân dân; đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*”.

Việc cung cấp thông tin, hướng dẫn nghiệp vụ tiếp tục được Hội duy trì qua hệ thống Bản tin nông dân, Webservice nông dân Thái Nguyên. Kết quả Hội đã biên tập và phát hành được 12.000 cuốn Bản tin nông dân. Tiếp tục trang bị Báo Nông nghiệp Việt Nam cho 180 cơ sở Hội; Báo Nông thôn ngày nay cho 98 cơ sở Hội không thuộc diện được cấp báo miễn phí của Chính phủ.

Hội cũng đã tổ chức thành công hội nghị tổng kết phong trào thi đua và công tác khen thưởng giai đoạn 2010 - 2015 và biểu dương nông dân điển hình tiên tiến. Tại Hội nghị, Hội đã tôn vinh 179 cá nhân và 10 tập thể, trong đó có 93 cá nhân và 10 tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái nguyên tặng Bằng khen.

Năm 2015, Hội Nông dân tỉnh cũng đã tặng giấy khen cho 86 cá nhân điển hình tiên tiến. Có 8 hộ gia đình nông dân tỉnh Thái Nguyên đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba và 15 hộ gia đình được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen “có thành tích xuất sắc trong phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, giai đoạn 2012 – 2015”.

Năm 2015, Hội đã đề nghị cho 227 cá nhân được Tặng Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam” do có nhiều cống hiến trong công tác Hội và phong trào nông dân. Có 7 tập thể và 13 cá nhân cũng được Hội đề nghị Trung ương Hội khen thưởng. Hội Nông dân tỉnh cũng đã xét khen thưởng cho 34 tập thể và 33 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào nông dân năm 2015.

Tại Festival Trà Thái Nguyên – Việt Nam lần thứ 3, năm 2015 có 14 hộ gia đình Nông dân tiêu biểu đã vinh dự được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen “có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh chè góp phần quảng bá thương hiệu chè Thái Nguyên, giai đoạn 2013 – 2015”.

*Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác Hội và phong trào nông dân cũng còn một số hạn chế.*

Việc triển khai thực hiện chỉ tiêu thi đua “đăng kí sản xuất kinh doanh giỏi các cấp” ở một số đơn vị huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, trình độ dân trí thấp, tập quán canh tác lạc hậu, khó chuyển đổi cơ cấu cây

trông. Công tác dạy nghề cho nông dân qua Trung tâm Dạy nghề của Hội còn hạn chế, chủ yếu phụ thuộc vào các đơn vị được Chính quyền giao (Sở Lao động Thương binh và xã hội), tỷ lệ hội viên thôi không tham gia sinh hoạt Hội vẫn còn cao.

Việc thực hiện chương trình công tác Hội ở một số đơn vị còn chậm, hiệu quả chưa cao. Công tác tuyên truyền ở một số nơi chưa chú trọng đến công việc đổi mới nội dung cũng như hình thức nên một bộ phận hội viên nông dân thiếu thông tin, chưa nắm được đầy đủ những chính sách, pháp luật liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, việc nắm bắt tình hình tư tưởng trong cán bộ, hội viên nông dân có lúc còn chưa kịp thời.

Mặc dù vậy, nhưng những thành tích mà Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên đạt được trong suốt quá trình lãnh đạo phong trào nông dân tỉnh kể từ khi Hội thành lập đến năm 2015 đã khẳng định vị trí, vai trò của Hội.

Tự hào với truyền thống cách mạng của giai cấp nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên dưới sự lãnh đạo của Đảng, những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước và đứng trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Giai cấp nông dân và Hội Nông dân Thái Nguyên tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, thực hiện thắng lợi phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân nhiệm kỳ 2013 - 2018, góp phần cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đưa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội VI Hội Nông dân Việt Nam vào cuộc sống, xứng đáng là trung tâm và nòng cốt trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.



## KẾT LUẬN

Lịch sử nông dân Thái Nguyên (cũng như nông dân Việt Nam) đã đổ không biết bao nhiêu mồ hôi, công sức, xương máu xây nên và bảo vệ quê hương đất nước. Mọi việc khởi thủy từ nông dân. Cánh đồng phì nhiêu, trù phú, làng xóm đầm ấm, yên vui, phố phường đông đúc tấp nập kẻ buôn, người bán cũng khởi thủy từ nông dân. Tinh thần đấu tranh bảo vệ quê hương đất nước của họ cũng rất quật cường, và chính họ làm cho Thái Nguyên giàu đẹp, trọn vẹn như ngày hôm nay.

Trên suốt chặng đường lịch sử hình thành và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân và Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên đã phát huy được vai trò trung tâm, nòng cốt trong các phong trào thi đua sản xuất và công cuộc xây dựng nông thôn mới góp phần xây dựng quê hương Thái Nguyên thêm giàu đẹp.

Qua các cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột của chế độ phong kiến, sự nô dịch của ngoại bang, giai cấp nông dân tỉnh Thái Nguyên đã tạo dựng được truyền thống tốt đẹp, ghi đậm dấu ấn trong sử sách. Những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nông dân Thái Nguyên ở thế kỉ XIX như khởi nghĩa do Cai Bát và Đội Nghiêm khởi xướng, khởi nghĩa Thái Nguyên do Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo... để chống lại sự áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân Pháp. Kể từ khi có Đảng lãnh đạo, giai cấp nông dân Thái Nguyên luôn có một tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình.

Trong cách mạng giải phóng dân tộc (1930 – 1945), giai cấp nông dân Thái Nguyên đã đoàn kết gắn bó với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945 thành công. Thái Nguyên cũng là tỉnh sớm có tổ chức Hội Nông dân cứu quốc (từ năm 1941) để chỉ đạo phong trào nông dân, bênh vực quyền lợi cho nông dân, giúp cho phong trào nông dân của tỉnh không ngừng lớn mạnh, phát triển.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nông dân Thái Nguyên cũng như các giai cấp, tầng lớp khác trong cả nước phải đương đầu với những khó khăn về nạn đói, nạn dốt, nạn ngoại xâm. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hội Nông dân cứu quốc, nông dân và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã đấu tranh để bảo vệ thành quả cách mạng và xây dựng chế độ nhân chủ nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ (ngày 19/12/1946), nông dân lại sát cánh cùng nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tiến hành xây dựng Thái Nguyên trở thành trung tâm căn cứ địa Việt Bắc – Thủ đô kháng chiến của cả nước. Nông dân Thái Nguyên cũng đã có những đóng góp to lớn cả về sức người, sức của vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp chín năm của dân tộc ta. Bên cạnh đó, nông dân và Hội Nông dân cứu quốc Thái Nguyên cũng ra sức phấn đấu nỗ lực không ngừng trong sản xuất và chiến đấu để hoàn thành tốt vai trò của mình, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trong kháng chiến chống Mĩ (1954 – 1975), Nông hội, Ban Công tác nông thôn, Ban Nông nghiệp tỉnh là trung tâm đoàn kết, tập hợp nông dân xây dựng hợp tác xã, hăng say lao động sản xuất, bảo đảm đời sống và cung cấp lương thực cho kháng chiến. Với tinh thần “tất cả vì miền Nam ruột thịt”, rất nhiều nông dân Thái Nguyên đã hăng hái lên đường giải phóng miền Nam; còn những người ở lại quê nhà không ngừng tích cực tăng gia sản xuất, lao động đảm bảo “gạo không thiếu một cân, quân không thiếu một người” chi viện cho tiền tuyến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, thống nhất nước nhà, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội đã có sự đóng góp rất lớn từ những người nông dân Thái Nguyên bình dị, nhưng rất đổi thủy chung, thông minh sáng tạo, không ngại khó, ngại khổ để vươn lên trong lao động, chiến thắng mọi kẻ thù.

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước kết thúc, nông dân Thái Nguyên cùng đồng bào cả nước tiến hành khôi phục phát triển kinh tế, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và kiện toàn tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Thái Nguyên – tổ chức chính trị xã hội của giai cấp nông dân (tổ chức này đã bị giải thể vào năm 1958 thành lập Ban Công tác nông thôn). Sau khi được thành lập, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể (Hội Nông dân) từ tỉnh đến cơ sở từng bước thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần làm cho hệ thống chính trị của tỉnh luôn ổn định, vững chắc, giữ được vai trò nòng cốt trong phong trào cách mạng của nông dân.

Bước vào thời kì đổi mới, Hội Nông dân từ tỉnh đến cơ sở đang giữ vai trò tích cực trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Thái Nguyên, công tác hội và phong trào nông dân tỉnh Thái Nguyên đã có sự chuyển biến quan trọng về nhiều mặt. Nhiều mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại được hình thành, phát triển. Các dự án chuyển giao khoa học –

kĩ thuật được triển khai, thực hiện có hiệu quả trong hoạt động sản xuất của nông dân, góp phần tích cực vào công tác xóa đói, giảm nghèo ở địa phương; bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn.

Tuy vậy, hoạt động của các cấp Hội Nông dân Thái Nguyên trong những năm qua cũng vẫn còn những thiếu sót nhất định. Từ năm 1958 đến năm 1980, tỉnh Thái Nguyên không còn tổ chức Nông hội. Mặc dù nhiệm vụ của Hội vẫn được tổ chức thực hiện nhưng chưa mạnh mẽ và đầy đủ, đúng với vị trí, vai trò của tổ chức này. Sau khi được thành lập chính thức, Hội Nông dân từ tỉnh đến cơ sở hoạt động còn chưa đồng đều, có lúc chưa chủ động, sáng tạo, chưa phát huy được hết vai trò, vị trí của mình trong phong trào cách mạng của nông dân. Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng cho hội viên nông dân ở một số cơ sở Hội chưa được đổi mới. Việc nắm bắt tâm tư nguyện vọng của hội viên nông dân còn chưa kịp thời, nhiều vấn đề nảy sinh chưa được phát hiện, phản ánh và xử lý kịp thời. Chất lượng cán bộ Hội cấp cơ sở ở một số nơi còn thấp, thiếu kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành để thu hút, tập hợp được nhiều số lượng nông dân tham gia vào các hoạt động của Hội. Phong trào nông dân thì chưa phát triển đồng đều giữa các vùng, miền, việc đổi mới nội dung hoạt động chưa sát với thực tế và nhu cầu, nguyện vọng của hội viên nông dân.

85 năm (1930 – 2015) từ thực tiễn phong trào nông dân và công tác Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên có thể rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị lí luận và thực tiễn để vận dụng vào trong công tác tổ chức, lãnh đạo hoạt động của Hội thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế:

*1. Luôn trung thành với lợi ích của dân tộc, lợi ích của giai cấp nông dân, thực hiện đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đó là những nhân tố đảm bảo cho việc xây dựng Hội vững mạnh. Chủ động đề xuất đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội.*

Đây là bài học kinh nghiệm có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối toàn bộ công tác xây dựng Hội về chính trị, tổ chức, hành động. Thực tiễn lịch sử đã thể hiện rõ lợi ích của giai cấp nông dân có trong lợi ích dân tộc. Cho nên, Hội Nông dân được thành lập để phục vụ cho lợi ích của giai cấp nông dân, đồng thời cũng là lợi ích của dân tộc, bởi nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất. Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc, đã đứng ra đảm

nhệm sứ mệnh lãnh đạo toàn dân tộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Vì thế, lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp nông dân trong khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được thống nhất là một, nhất quán trong Cương lĩnh chính trị của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên phải lấy đó làm nền tảng tư tưởng để xây dựng điều lệ hoạt động của Hội.

Thực tiễn hoạt động công tác của Hội giai đoạn 1979 – 2015 cho thấy, Hội cũng cần phải thường xuyên không ngừng đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp cho phù hợp với điều kiện, cơ chế của từng thời kì; làm cho tổ chức Hội không ngừng chuyển biến theo sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước.

Trong giai đoạn 2015 - 2020, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội chính là tạo điều kiện thuận lợi nhằm thúc đẩy phong trào nông dân có bước chuyển biến mới về chất; hướng phong trào vào việc khai thác tiềm năng, nội lực trong nông nghiệp, nông dân và nông thôn, tạo điều kiện phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác và hợp tác xã; tăng cường chuyên dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nền nông nghiệp hàng hoá, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề, dịch vụ nông thôn. Sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, thích ứng với nền kinh tế thị trường và hội nhập; nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm mới, tăng thêm thu nhập, góp phần xoá đói, giảm nghèo và cải thiện đời sống cho hội viên, nông dân, trước hết là hội viên, nông dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều khó khăn. Bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường nông thôn.

Trải qua các giai đoạn lịch sử từ khi thành lập đến năm 2015, Hội Nông dân các cấp đã thực sự trở thành nòng cốt xây dựng phong trào hành động cách mạng ở nông thôn; làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về sản xuất và đời sống nông dân.

*2. Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh phải thường xuyên chăm lo củng cố, xây dựng tổ chức Hội vững về chính trị, mạnh về tổ chức và thống nhất về hành động, coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm trong suốt quá trình hoạt động của Hội.*

Bài học trên được đưa ra dựa trên nguyên lý về xây dựng tổ chức chính trị - xã hội về tư tưởng, tổ chức và hành động. Từ thực tiễn công tác xây dựng Hội cho thấy:

- Xây dựng Hội vững mạnh phải đồng thời xây dựng cả về tư tưởng, tổ chức và hành động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Xây dựng tổ chức Hội phải làm đồng thời ba mặt công tác: công tác hội viên, công tác cán bộ, công tác chi hội, những tế bào nhỏ nhất nhưng có ý nghĩa quyết định hệ thống tổ chức của Hội.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội thực sự là trung tâm nòng cốt trong mọi hoạt động của tổ chức Hội, phong trào nông dân, bởi cán bộ mạnh thì phong trào mạnh.

Cần phải nâng cao hơn nữa vai trò của đội ngũ cán bộ Hội Nông dân từ tỉnh đến cơ sở. Cán bộ Hội Nông dân các cấp cần phải có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết với nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Trong công tác xây dựng Hội luôn chú trọng đến việc phát triển Hội vững về chính trị, mạnh về tổ chức. Luôn luôn coi trọng công tác giáo dục nâng cao nhận thức về chính trị, tư tưởng gắn với cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho bản thân, cho hội viên của Hội.

Bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, tích cực phổ biến kịp thời cho hội viên, nông dân nắm vững và thực hiện có kết quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương công tác của Hội; thông qua đó nâng cao ý thức xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng tổ chức Hội. Cần làm tốt việc động viên nhân rộng gương người tốt, việc tốt, những sáng kiến, kinh nghiệm hay, khuyến khích những tình cảm tốt đẹp giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong lao động sản xuất ở nông thôn.

Cần tích cực xây dựng, củng cố tổ chức Hội các cấp trong tỉnh, trên cơ sở những hoạt động cụ thể, sát với nhu cầu, đòi hỏi của nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn mà vận động, phát triển hội viên, đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động của chi, tổ Hội, làm cho mỗi hội viên thấy rõ được nhiệm vụ và quyền lợi của mình, tự giác tham gia các hoạt động của Hội một cách đều đặn. Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh cần quan tâm thường xuyên đến công tác quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ Hội, xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có bản lĩnh chính trị, có trách nhiệm với nông dân, có khả năng tập hợp nông dân, chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng cho hội viên. Phần đầu tiếp tục nâng tỷ lệ cơ sở Hội khá, giỏi, khắc phục tình trạng một bộ phận cơ sở Hội, chi, tổ Hội hoạt động còn hình thức, kém hiệu quả.

*3. Các cấp Hội Nông dân trong tỉnh cần tích cực, chủ động tham gia công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh đủ sức lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.*

Trước hết, cán bộ Hội cần phát huy tinh thần trách nhiệm, nâng cao chất lượng công tác, bám sát cơ sở, lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của hội viên, nông dân; phát hiện những nhân tố mới, điển hình mới và những đòi hỏi của nhiệm vụ mới xuất hiện trong phong trào nông dân; phản ánh, tham mưu cho cấp uỷ Đảng, chính quyền giải quyết và tham gia giải quyết kịp thời, có hiệu quả, đem lại niềm tin cho hội viên vào công tác của Hội.

Các cấp Hội cần thực hiện nền nếp việc góp ý kiến phê bình và tham gia giám sát việc giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, Đảng viên; đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong công việc. Thường xuyên bồi dưỡng những hội viên ưu tú để giới thiệu kết nạp vào Đảng; tích cực tham gia công tác hoà giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân, đề xuất với chính quyền giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, từ khi mới phát sinh, hạn chế tới đa tình trạng khiếu kiện vượt cấp, giữ gìn sự ổn định ở nông thôn.

*4. Cần đổi mới phong cách lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của Ban Chấp hành Hội Nông dân các cấp*

Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đến chất lượng hoạt động của tổ chức Hội. Do vậy, mỗi Ban Chấp hành Hội phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền và Điều lệ của Hội, Nghị quyết của tổ chức Hội cấp trên; nắm vững tình hình thực tế của mỗi địa phương, mỗi cơ sở để xây dựng quy chế hoạt động và kế hoạch công tác chặt chẽ, phù hợp; phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, gắn trách nhiệm công việc tới từng đồng chí uỷ viên.

Ban Chấp hành các cấp Hội làm việc đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân; mỗi thành viên Ban Chấp hành phải chủ động, sáng tạo trong công việc; tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; hướng mạnh về cơ sở, kịp thời nắm bắt tình hình thực tiễn; cùng với tổ chức Hội và hội viên tháo gỡ khó khăn, làm cho tổ chức Hội ngày càng phát huy vai trò, tác dụng thiết thực đối với hội viên và nông dân trong sản xuất, kinh doanh cũng như trong xây dựng nông thôn mới.

Mỗi đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành và cán bộ Hội phải giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên; đề cao tinh thần trách nhiệm trước công việc, tích cực học tập để nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng lực công tác, tích cực đóng góp công sức, trí tuệ bản thân xây dựng tập thể, để mỗi đồng chí uỷ viên và tập thể Ban Chấp hành xứng đáng là chỗ dựa tin cậy cho cán bộ, hội viên và nông dân trong tỉnh.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: THÀNH TÍCH CỦA HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN QUA CÁC THỜI KÌ



**HUÂN  
CHƯƠNG  
LAO ĐỘNG  
HẠNG NHẤT**







## Phụ lục 2

### BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN CÁC NHIỆM KÌ

#### 1. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Đại hội lâm thời (tháng 5/1980)

| Stt | Họ và tên          | Chức vụ               |
|-----|--------------------|-----------------------|
| 1   | Dương Văn Thơ      | Chủ tịch              |
| 2   | Ma Thị Tô          | Phó Chủ tịch          |
| 3   | Nguyễn Xuân Sang   | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4   | Nguyễn Quang Chiêu | Ủy viên Ban Thường vụ |

#### 2. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Khoá I (1984 - 1987)

| Stt | Họ và tên          | Chức vụ               |
|-----|--------------------|-----------------------|
| 1   | Huỳnh Hữu Ích      | Chủ tịch              |
| 2   | Ma Thị Tô          | Phó Chủ tịch          |
| 3   | Hoàng Mộc          | Phó Chủ tịch          |
| 4   | Nguyễn Xuân Sang   | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5   | Nguyễn Quang Chiêu | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6   | Ma Đình Tạ         | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7   | Ma Thị Bảo         | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8   | Triệu Chân Chức    | Ủy viên Ban Thường vụ |

#### 3. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Khoá II (1987 - 1992)

| Stt | Họ và tên          | Chức vụ               |
|-----|--------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thanh Thủy  | Chủ tịch              |
| 2   | Ma Thị Tô          | Phó Chủ tịch          |
| 3   | Nguyễn Xuân Sang   | Phó Chủ tịch          |
| 4   | Lý Văn Hữu         | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5   | Nguyễn Quang Chiêu | Ủy viên Ban Thường vụ |

|   |              |                       |
|---|--------------|-----------------------|
| 6 | Dương Văn Lộ | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7 | Nông Văn Thụ | Ủy viên Ban Thường vụ |

#### **4. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái – Khoá III (1992 - 1997)**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>   | <b>Chức vụ</b>        |
|------------|--------------------|-----------------------|
| 1          | Nông Văn Thụ       | Chủ tịch              |
| 2          | Nguyễn Xuân Sang   | Phó Chủ tịch          |
| 3          | Nguyễn Văn Tám     | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4          | Nguyễn Quang Chiêu | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5          | Dương Đức Hạnh     | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6          | Nguyễn Hữu Tiết    | Ủy viên Ban Thường vụ |

#### **5. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên (1997 - 1998)**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>   | <b>Chức vụ</b>               |
|------------|--------------------|------------------------------|
| 1          | Nguyễn Xuân Sang   | Phó Chủ tịch phụ trách chung |
| 2          | Nguyễn Văn Tám     | Ủy viên Ban Thường vụ        |
| 3          | Dương Đức Hạnh     | Ủy viên Ban Thường vụ        |
| 4          | Nguyễn Quang Chiêu | Ủy viên Ban Thường vụ        |

#### **6. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa IV (1998 - 2003)**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>   | <b>Chức vụ</b>  |
|------------|--------------------|---|
| 1          | Chu Hồng Việt      | Chủ tịch  |
| 2          | Nguyễn Xuân Sang   | Phó Chủ tịch  |
| 3          | Lê Trung           | Phó Chủ tịch (bầu bổ sung Quyết định số 31 – QĐ/HND, 14/3/2000) |
| 4          | Nguyễn Văn Tám     | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 5          | Dương Đức Hạnh     | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 6          | Nguyễn Quang Chiêu | Ủy viên Ban Thường vụ   |

**7. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa V (2003 - 2008)**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b> | <b>Chức vụ</b>        |
|------------|------------------|-----------------------|
| 1          | Nguyễn Xuân Sang | Chủ tịch              |
| 2          | Phan Thị Hòa     | Phó Chủ tịch          |
| 3          | Mai Thị Lan      | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 4          | Nguyễn Hải Khê   | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 5          | Vũ Đức Hòa       | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 6          | Nguyễn Minh Hưng | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 7          | Trần Văn Nguyên  | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 8          | Nguyễn Lê Sơn    | Ủy viên Ban Thường vụ |
| 9          | Nguyễn Văn Hương | Ủy viên Ban Thường vụ |

**8. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa VI (2008 - 2013)**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>    | <b>Chức vụ</b>  |
|------------|---------------------|---|
| 1          | Nguyễn Thị Ngà      | Chủ tịch  |
| 2          | Ma Doãn Hùng        | Phó Chủ tịch  |
| 3          | Nguyễn Hải Khê      | Phó Chủ tịch  |
| 4          | Nguyễn Văn Mậu      | Phó Chủ tịch (Bầu bổ sung Quyết định số 34 – QĐ/HND, ngày 24/1/2013)          |
| 5          | Nguyễn Văn Hào      | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 6          | Dương Văn Tuyên     | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 7          | Vũ Đức Hòa          | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 8          | Nguyễn Minh Hưng    | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 9          | Trần Văn Nguyên     | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 10         | Nguyễn Lê Sơn       | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 11         | Nguyễn Thị Thu Thủy | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 12         | Nguyễn Hữu Quyết    | Ủy viên Ban Thường vụ   |
| 13         | Trương Xuân Thịnh   | Ủy viên Ban Thường vụ (Bầu bổ sung Quyết định số 85 – QĐ/HND, ngày 14/2/2011) |

**9. Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa VII (2013 - 2018)**

| <b>Stt</b> | <b>Họ và tên</b>    | <b>Chức vụ</b>   |
|------------|---------------------|--|
| 1          | Nguyễn Văn Mậu      | Chủ tịch   |
| 2          | Hà Thị Bích Hồng    | Chủ tịch<br>(Bầu bổ sung Quyết định số 983 – QĐ/HNNDTW, ngày 16/10/2015)   |
| 3          | Nguyễn Ngọc Tuấn    | Chủ tịch<br>(Bầu bổ sung Quyết định số 2241 – QĐ/HNNDTW, ngày 11/8/2016)   |
| 4          | Ma Doãn Hùng        | Phó Chủ tịch   |
| 5          | Nguyễn Hải Khê      | Phó Chủ tịch   |
| 6          | Trần Văn Nguyên     | Phó Chủ tịch (Bầu bổ sung Quyết định số 1121 – QĐ/HNNDTW, ngày 17/11/2014) |
| 7          | Dương Văn Tuyên     | Phó Chủ tịch (Bầu bổ sung Quyết định số 2436 – QĐ/HNNDTW, ngày 24/11/2016) |
| 8          | Triệu Thanh Bình    | Ủy viên Ban Thường vụ  |
| 9          | Vũ Đức Hòa          | Ủy viên Ban Thường vụ  |
| 10         | Nguyễn Minh Hưng    | Ủy viên Ban Thường vụ  |
| 11         | Lê Đàm Ngọc         | Ủy viên Ban Thường vụ  |
| 12         | Nguyễn Thị Thu Thủy | Ủy viên Ban Thường vụ  |
| 13         | Hoàng Văn Dũng      | Ủy viên Ban Thường vụ  |
| 14         | Trương Xuân Thịnh   | Ủy viên Ban Thường vụ  |
| 15         | Triệu Đình Giáp     | Ủy viên Ban Thường vụ  |

### **Phụ lục 3**

## **CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN QUA CÁC THỜI KÌ**

### **1. Các đồng chí Chủ tịch**

**Đồng chí**

**Dương Văn Thơ**



Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Đại hội lâm thời (tháng 5/1980)

**Đồng chí**

**Huỳnh Hữu Ích**



Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Khóa I (1984 - 1987)

**Đồng chí**

**Nguyễn Thanh Thủy**



Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể  
tỉnh Bắc Thái – Khoá II (1987 - 1992)

**Đồng chí**

**Nông Văn Thụ**



Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái  
– Khoá III (1992 - 1997)

**Đồng chí**

**Chu Hồng Việt**



Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa IV (1998 - 2003)

**Đồng chí**

**Nguyễn Xuân Sang**



Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa V (2003 - 2008)

Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Khóa II (1987 - 1992)

Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái – Khóa III (1992 - 1997)

Phó Chủ tịch phụ trách chung Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên (1997 - 1998)

Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa IV (1998 - 2003)



**Đồng chí**

**Nguyễn Thị Ngà**



Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa VI (2008 - 2013)

**Đồng chí**

**Nguyễn Văn Mậu**



Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa VII (2013 - 2016)  
(Từ 2013 - 9/2015)  
Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa VI (2008 - 2013)

**Đồng chí**

**Hà Thị Bích Hồng**



Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa VII (2013 - 2018)  
(Từ 10/2015 – 8/2016)

**Đồng chí**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**



Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa VII (2013 - 2018)  
(Từ 9/2016 - 2018)

## 2. Các đồng chí Phó chủ tịch

### Đồng chí

#### Ma Thị Tô



Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Đại hội lâm thời (tháng 5/1980)

Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Khoá I (1984 - 1987)

Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Khoá II (1987 - 1992)

### Đồng chí

#### Hoàng Mộc



Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái – Khoá I (1984 - 1987)

**Đồng chí**

**Lê Trung**



Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa IV (1998 - 2003)

**Đồng chí**

**Phan Thị Hòa**



Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa V (2003 - 2008)

**Đồng chí**

**Ma Doãn Hùng**



Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa VI (2008 - 2013)

Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa VII (2013 - 2018)

**Đồng chí**

**Nguyễn Hải Khê**



Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa VI (2008 - 2013)

Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên – Khóa VII (2013 - 2018)



**Đồng chí**

**Trần Văn Nguyên**



Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa VII (2013 - 2018)

**Đồng chí**

**Dương Văn Tuyên**



Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thái  
Nguyên – Khóa VII (2013 - 2018)

#### Phụ lục 4

### MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN QUA CÁC THỜI KÌ



*Bác Hồ với nông dân xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ*

*(Ảnh chụp năm 1958)*



*Lễ khởi công bia tưởng niệm trụ sở Ban Nông Vận Trung ương*

*(Ảnh chụp năm 2006)*





*Đặt bia tưởng niệm trụ sở Ban Nông Vận Trung ương  
(Ảnh chụp năm 2006)*



*Khánh thành Nhà – Bia di tích lịch sử Ban Nông Vận Trung ương  
(Ảnh chụp năm 2006)*





*Hội thi cấy tại Lễ hội Lồng Tồng - Huyện Định Hóa  
(Ảnh chụp năm 2015)*



*Sản phẩm Tâm Phúc Trà của Hợp tác xã chè Tân Hương, xã Phúc Xuân, thành phố  
Thái Nguyên đạt giải sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia năm  
2017 (Ảnh chụp năm 2018)*





*Đón tết cùng nông dân nghèo xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ  
(Ảnh chụp năm 2018)*



*Hội Nông dân huyện Đồng Hỷ thăm hỏi gia đình chính sách  
(Ảnh chụp năm 2018 )*





*Hội Nông dân tỉnh trao bê giống cho hội viên nghèo xã Vạn Phái (Phổ Yên)  
(Ảnh chụp năm 2018)*



*Cán bộ, hội viên nông dân huyện Đại Từ tham gia thi công đường giao thông nông thôn  
(Ảnh chụp năm 2018)*





*Hội viên nông dân huyện Định Hóa tham gia vệ sinh môi trường  
(Ảnh chụp năm 2016)*



*Hội Nông dân huyện Võ Nhai tham gia thực hiện chương trình tết vì người nghèo  
(Ảnh chụp năm 2018)*





*Mô hình trồng đu đủ lai hiệu quả của nông dân thành phố Sông Công  
(Ảnh chụp năm 2013)*



*Mô hình trồng ổi của nông dân xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên  
(Ảnh chụp năm 2018)*





*Lãnh đạo Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên trao bằng khen cho các tập thể và cá nhân tại Hội nghị tổng kết công tác hội và phong trào nông dân tỉnh năm 2015 (Ảnh chụp năm 2016)*



**Các Đ/c đại biểu thăm quan máy SXNN tại hội nghị quảng bá giới thiệu sản phẩm tại huyện**

*Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam giới thiệu sản phẩm máy canh tác đến nông dân (Ảnh chụp năm 2014)*





*Các tập thể và cá nhân được khen thưởng tại Hội nghị tổng kết phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi giai đoạn 2012 – 2016*

*(Ảnh chụp năm 2017)*



*Các đồng chí lãnh đạo tỉnh và thị xã Phố Yên tham gia Lễ hội xuống đồng cùng bà con nông dân đầu năm mới*

*(Ảnh chụp năm 2018)*





*Hội Nông dân huyện Phú Bình và Công ty Samsung Thái Nguyên phối hợp thu hoạch  
lúa mùa giúp đỡ nông dân  
(Ảnh chụp năm năm 2017)*



*Mô hình chăn nuôi vịt trời cho thu nhập cao của hội viên nông dân huyện Phú Bình  
(Ảnh chụp năm 2017)*





*Hội Nông dân huyện Phú Lương ra mắt Tổ tư vấn Khoa học - Kỹ thuật miễn phí cho nông dân tại xã Tức Tranh  
(Ảnh chụp năm 2016)*



*Liên hoan Tiếng hát đồng quê tỉnh Thái Nguyên  
(Ảnh chụp năm 2018)*





*Quang cảnh Đại hội Đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2018 – 2023*

*(Ảnh chụp năm 2018)*



*Ban Chấp hành Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên khóa VIII (2018-2023) ra mắt Đại hội*

*(Ảnh chụp năm 2018)*

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| LỜI GIỚI THIỆU .....  | 2  |
| MỞ ĐẦU .....  | 4  |
| THÁI NGUYÊN: QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG.....  | 4  |
| I. Khái quát về tỉnh Thái Nguyên.....   | 4  |
| II. Con người và truyền thống.....  | 10 |
| CHƯƠNG I PHONG TRÀO NÔNG DÂN THÁI NGUYÊN VÀ NHỮNG TỔ CHỨC HỘI ĐẦU TIÊN (1930 -1945) .....   | 15 |
| I. Trong những năm trước khi có tổ chức Đảng trên địa bàn (1930 – 1936) .....   | 15 |
| II. Trong những năm đòi các quyền dân sinh, dân chủ (1936 – 1939) .....   | 17 |
| III. Trong những năm chuẩn bị lực lượng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi (1939 – 1945).....   | 20 |
| CHƯƠNG II HỘI NÔNG DÂN VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954) .....  | 30 |
| I. Tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng; chuẩn bị kháng chiến (1945 – 1947) .....  | 30 |
| II. Vận động hội viên tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương và ATK Trung ương (1947 – 1950).....   | 37 |
| III. Vận động hội viên tham gia xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1950 – 1954) .....  | 44 |
| CHƯƠNG III HỘI NÔNG DÂN VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975).....   | 51 |
| I. Vận động hội viên tham gia khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1954 – 1965).....  | 51 |
| II. Giữ vững sản xuất, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ; tích cực chi viện chiến trường miền Nam (1965 – 1975) ..... | 61 |

|  |            |
|--|------------|
| <b>CHƯƠNG IV HỘI NÔNG DÂN VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỈNH TRONG THỜI KÌ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (GIAI ĐOẠN 1975 – 1986) .....</b>                                 | <b>70</b>  |
| <b>I. Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, chi viện các tỉnh biên giới chiến đấu bảo vệ vẹn toàn lãnh thổ của Tổ quốc (1975 – 1980).....</b>                    | <b>70</b>  |
| <b>II. Vận động hội viên đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống (1981 – 1986) .....</b>   | <b>80</b>  |
| 1. Thành lập Ban trụ bị Đại hội đại biểu Nông dân tập thể .....  | 80         |
| 2. Hội nghị đại biểu Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái .....  | 84         |
| 3. Vận động hội viên thực hiện cơ chế khoán mới trong nông nghiệp (1981 – 1984).....   | 87         |
| 4. Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ nhất .....  | 97         |
| 5. Vận động Hội viên nông dân thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, củng cố kiện toàn tổ chức Hội (1984 – 1986)..... | 98         |
| <b>CHƯƠNG V HỘI NÔNG DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (GIAI ĐOẠN 1986 – 1996).....</b>  | <b>104</b> |
| <b>I. Vận động hội viên phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm đầu đổi mới (1986 – 1990) .....</b>  | <b>104</b> |
| 1. Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Bắc Thái lần thứ II  | 104        |
| 2. Vận động Hội viên nông dân thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh (1986 – 1990).....   | 107        |
| <b>II. Vận động hội viên tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối đổi mới (1991 – 1996) .....</b>   | <b>112</b> |
| 1. Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bắc Thái lần III .....   | 112        |
| 2. Vận động Hội viên đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn theo đường lối đổi mới (1991 – 1996).....  | 114        |

|   |            |
|---|------------|
| <b>CHƯƠNG VI HỘI NÔNG DÂN TỈNH TRONG THỜI KÌ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (GIAI ĐOẠN 1996 – 2015)</b> .....  | <b>124</b> |
| <b>I. Vận động hội viên phát triển sản xuất, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ IV (1996 – 2003)</b> .....   | <b>124</b> |
| 1. Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên được tái lập, kiện toàn hệ thống tổ chức đáp ứng yêu cầu của thời kì đổi mới (1996 – 1998) .....   | 124        |
| 2. Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV .....  | 129        |
| 3. Vận động hội viên thực hiện phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, từng bước xây dựng nông thôn mới (1998 – 2003) .....  | 131        |
| <b>II. Vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ V (2003 – 2008)</b> .....  | <b>134</b> |
| 1. Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ V .....   | 134        |
| 2. Vận động Hội viên nông dân thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (2003 – 2008) .....  | 136        |
| <b>III. Vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VI và 3 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ VII (2008 – 2015)</b> ..... | <b>148</b> |
| 1. Vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VI .....   | 148        |
| 2. Ba năm đầu vận động hội viên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thái Nguyên lần thứ VII (2013 - 2015) .....   | 158        |
| <b>PHỤ LỤC</b> .....  | <b>175</b> |
| <b>MỤC LỤC</b> .....  | <b>202</b> |